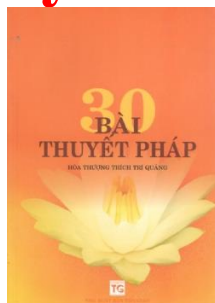


# 30 Đề Tài Thuyết Pháp



HT Trí Quảng

---o0o---

*Nguồn*

*<http://www.chuahuenghiem.net>*

*Chuyển sang ebook 12-12-2015*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn*

*Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

*[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)*

## Mục Lục

01. Lời tựa
02. Khái niệm về kinh Duy Ma
03. Quán chúng sanh theo kinh Duy Ma
04. Bất Nhị pháp môn trong kinh Duy Ma
05. Ý nghĩa phẩm Phật Hương Tích trong kinh Duy Ma
06. Quan niệm về đức Phật trong kinh Hoa Nghiêm
07. Ý nghĩa lễ Phật theo kinh Hoa Nghiêm
08. Ý nghĩa phương tiện theo kinh Pháp Hoa
09. Ý nghĩa thí dụ ba xe và nhà lửa trong kinh Pháp Hoa
10. Ý nghĩa hóa thành dụ trong kinh Pháp Hoa
11. Pháp sư của kinh Pháp Hoa

12. Ý nghĩa Long Nữ dâng châu trong kinh Pháp Hoa
13. An Lạc Hạnh theo kinh Pháp Hoa
14. Bồ Tát Tùng Địa Dũng Xuất
15. Cảm niệm về Bồ Tát Phổ Hiền
16. Niết bàn theo kinh Pháp Hoa
17. Giáo dục của Phật Giáo Đại Thừa
18. Những điều kiện tu Bồ Tát đạo
19. Ngôi chùa tâm linh
20. Hành trình về chân linh
21. Tu tâm
22. Canh tâm điền
23. Đường về Yên Tử
24. Nếp sống của một vị danh tăng
25. Ý nghĩa Phật Đản Pl.2538 (Tứ Nhiếp Pháp)
26. Ý nghĩa lễ đức Phật thành đạo
27. Phật giáo Việt Nam đang hướng về phía trước trên tinh thần vô ngã vị tha
28. Xuân hoan hỷ
29. Xuân trong cửa thiền
30. Xuân của hành giả Pháp Hoa

---o0o---

## **01. Lời tựa**

*Năm 1973, khi Hiệp định Paris vừa ký kết, nhiều người dao động cho đến có người muốn ra nước ngoài sinh sống. Riêng tôi, lúc ấy đang ở Nhật Bản, rất vui mừng với hòa bình sắp trở lại trên quê hương. Tôi muốn trở về Việt Nam, góp bàn tay xây dựng xứ sở, đạo pháp.*

*Một số bạn bè và quý thầy Việt Nam, cũng như người Nhật đều khuyên tôi không nên về Việt Nam, vì sống trong một nước ở thời hậu chiến phải đối đầu với bao phức tạp, khó khăn, nguy hiểm. Nếu ở lại Nhật Bản, một cường quốc giàu có, văn minh, những tiện nghi cao sẽ giúp cho tôi có nhiều điều kiện thuận lợi để nghiên cứu, phát triển việc tu học tốt đẹp dễ dàng.*

*Tự nhiên trong lòng tôi lại không nghĩ đến khó khăn gian khổ. Chính lý do khó khăn mọi người nêu ra đã thúc đẩy tôi quyết định sớm trở về nước hơn. Tôi tự nghĩ mình được nhiều may mắn hơn người. Tại sao lại từ chối dần thân, bỏ mặc cho những người đã từng chịu đựng nhiều thiệt thòi, gian*

*khổ trong chiến tranh. Nay họ phải tiếp tục hứng chịu nhiều nỗi nhọc nhằn trong việc kiến tạo, phát triển đất nước. Thiết nghĩ với tinh thần vô ngã vị tha của lý tưởng Bồ tát đạo mà tôi hằng ấp ủ, tôi không thể không trở về để chung sức xây dựng quê hương, phát triển đạo pháp.*

*Có một người bạn khác chân tình khuyên tôi chỉ nên xin hồi hương tái xuất. Đừng xin về luôn, để đề phòng cuộc sống ở Việt Nam quá cực khổ, nguy hiểm, không thể chịu nổi thì còn đường trở qua Nhật lại. Đối với giải pháp này, tôi dứt khoát cắt đứt con đường quay lui về Nhật Bản bằng cách trả hẳn sổ ngoại kiều.*

*Về nước gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đất nước vừa giải phóng. Mang nặng ý chí cương quyết phục vụ dân tộc, đạo pháp, tôi đã vượt qua mọi chướng ngại. Trong 20 năm sống trong chế độ Xã hội Chủ nghĩa, tôi học được bao nhiêu điều hay ở mọi lớp người, cũng như tìm thấy vô số khuôn mặt thân thương trong mọi thành phần xã hội. Họ đã trợ duyên cho tôi thật nhiệt tình trên bước đường hoằng pháp lợi sinh.*

*Thật vậy, mặc dù có vô số khó khăn trải dài trước mắt, tưởng chừng như không làm nổi việc gì. Tôi vẫn thành tựu khá nhiều Phật sự ngoài tưởng tượng. Bước chân hoằng pháp gieo rắc hạt giống Bồ đề mỗi ngày một nhiều hơn trên mọi miền đất nước.*

*Dòng tư tưởng Phật pháp nuôi dưỡng giới thân huệ mạng của chính tôi và tác động cho những người có duyên với tôi cùng được an vui giải thoát trong suốt hai thập niên 1975-1995. Tôi kết tập những tinh ba ấy thành một số bài giảng nơi tập sách này. Nó đánh dấu một phần nào những gì tôi tâm đắc trên lộ trình thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.*

*Nếu có sơ suất, mong các pháp lữ từ bi hỷ xả và xin được các bậc cao minh chỉ giáo. Nguyên hồi hương công đức trùng tuyên pháp bảo đến tất cả pháp giới chúng sanh.*

**Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát**

Phật Đản PL. 2539 – 1995

**Hòa thượng Thích Trí Quảng**

---o0o---

## 02. Khái niệm về kinh Duy Ma

*(Giảng tại Khóa Bồi dưỡng giảng sinh,*

*Thiền viện Quảng Đức ngày 3-6-1994)*

**Kinh Duy Ma** là một bộ kinh thuộc hệ Phật giáo phát triển giúp cho chúng ta có một tầm nhìn tổng quát về sự tiến triển của xã hội qua các triều đại. Kinh chuyên chở ý nghĩa của pháp chân thật theo tinh thần Đại thừa nhằm phá bỏ những quan niệm bảo thủ, cố chấp đến trở thành xơ cứng của chủ nghĩa giáo điều và đưa ra tư tưởng đổi mới bằng cách đặt ngược lại vấn đề để chúng ta thấy.

Ngày nay, muốn có nhận thức đúng đắn về bộ kinh này chúng ta cần quan sát sơ lược nguyên nhân phát sinh kinh trong bối cảnh của nền văn minh Ấn Độ và vị trí kinh trong hệ tư tưởng Phật giáo Đại thừa.

Ngược dòng thời gian nhìn về lịch sử văn minh Ấn Độ, chúng ta thấy rõ trước khi giống dân Aryan xâm nhập, nước Ấn Độ đã có một nền văn minh cổ. Trong thời cổ xưa này, đất rộng người thưa, cuộc sống còn đơn giản nên mọi người sống hài hòa với nhau dễ dàng, không có cảnh người bóc lột người. Nhưng khi xã hội Ấn Độ phát triển, vấn đề tranh chấp quyền lợi bắt đầu nảy sinh. Đất đai bị xâm chiếm, quyền lợi thiên nhiên bị thu hẹp, đưa đến tình trạng chiếm hữu nô lệ và đất đai. Những gì tốt đẹp của xã hội không giai cấp bị tan rã, để hình thành xã hội phân chia bốn giai cấp do người Aryan xâm nhập đặt ra.

Giai cấp thứ nhất thuộc thành phần giáo sĩ Bà la môn, tiêu biểu cho mẫu người trí thức. Khởi đầu họ rất tốt, vì phải thuộc lòng kinh Vệ đà và phải có đời sống phạm hạnh, chỉ có một vợ một con. Sau khi dạy cho con thuộc Thánh thư, thì thầy Bà la môn vào rừng sâu ẩn tu, trác nghiệm Thiền quán để trở về với Phạm Thiên.

Giai cấp thứ hai là vua chúa lãnh đạo. Họ nắm giữ quyền uy nhưng cũng có uy tín với quần chúng. Như dòng họ Sakya đã 7 đời nổi tiếng hiền đức.

Giai cấp thứ ba là thợ thuyền, ngày nay có thể hiểu là những người phục vụ ở ngành khoa học kỹ thuật. Giai cấp thứ tư là nô lệ không thông minh, không có khả năng chuyên môn gì. Họ chỉ có thể làm công việc lao động tay chân.

Thiết tưởng sự phân chia giai cấp hay phân chia công việc như vậy vào thời đó không đến nỗi xấu. Nó còn có phần hợp lý và cần thiết tất yếu cho việc ổn định trật tự xã hội ở giai đoạn đất nước phát triển. Thử nghĩ nếu không giao cho người tài đức lãnh đạo, làm sao có thể đưa đất nước đi lên được.

Với sự phân chia bốn giai cấp sinh hoạt theo văn minh Vệ Đà đã cân bằng được tình thế xã hội rất tốt ở giai đoạn ban đầu. Nhưng về sau, sự truyền thừa quá lâu, trải qua hàng ngàn năm mang tính cách tập ám, cha truyền con nối trở thành lệch lạc, hư xấu. Giai cấp Bà la môn, Sát đế lợi không còn đủ tư cách lãnh đạo. Nhờ truyền thừa tập ám, họ vẫn nắm quyền quyết định. Và đảo ngược lại, trong hai giai cấp thấp xuất hiện nhiều người trí thức, thông minh, giỏi khoa học kỹ thuật. Họ không tiến thân được vì bị chế độ tập ám chôn vùi.

Nói chung, hình thái sinh hoạt theo trật tự bốn giai cấp tự nó đã đến thời suy vong. Từ đó, phát sinh hiện tượng tranh chấp đặc biệt ở phía Đông Ấn Độ là xứ sở của vua Tần Bà Sa La. Nơi đó nhà vua chẳng những không kính nể, mà còn ghét thậm tệ các tu sĩ, coi họ là những người ăn hại.

Từ trong lòng xã hội băng hoại, bằng trí tuệ sáng suốt, Đức Phật đưa ra cách sống mới cao đẹp đáp ứng được nhu cầu thời đại đó. Thật vậy, Ngài kế thừa có chọn lọc những nét tinh túy của nền văn minh cổ và văn minh Vệ đà. Đồng thời Đức Phật kế thừa đối lập chế độ tập ám của Bà la môn giáo. Ngài phê phán những sai lầm và phủ nhận chủ trương giai cấp được truyền thừa theo huyết thống bất di bất dịch.

Ngài đưa ra tư tưởng bình đẳng trên chân lý và tuyên bố không có giai cấp khi máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn. Không có giai cấp nghĩa là Đức Phật phá bỏ chế độ giai cấp theo tập ám, nhưng lại đưa ra thứ bậc vị trí cao thấp căn cứ trên khả năng, trí thức, đạo đức thực sự.

Mọi người đều có thể làm vua, quan hay làm thầy Bà la môn, nếu biết phấn đấu phát triển cho thành tài đức. Nhưng không đủ khả năng, tất nhiên phải bị rớt xuống vị trí thấp hơn. Ngược lại, người ở giai cấp thấp nỗ lực rèn luyện bản thân đầy đủ tài đức, cũng tiến lên địa vị lãnh đạo được.

Như vậy, bình đẳng trên chân lý không phải là mọi người ngang hàng bằng nhau. Vì trên thực tế, tất cả đều hiện hữu sai biệt, hiểu biết, đức hạnh, tài năng mọi người không giống y nhau. Chỉ khi nào chúng ta nắm bắt được chân lý, đạt đến quả vị Phật, mới bình đẳng.

Bốn giai cấp theo tập ấm đã được Đức Phật thay bằng bốn cấp bậc của Hiền Thánh cho những ai nỗ lực tu sẽ đạt được. Kết quả Đức Phật xóa bỏ sự thiết định sai lầm về giai cấp theo tập ấm và định hình lại giai cấp hợp tình hợp lý mà mọi người chấp nhận được. Điều này đã giúp cho xã hội ổn định và hình thành giáo nghĩa có khả năng đánh bại tất cả tư tưởng triết học và giáo lý khác.

Khi Phật tại thế, giáo lý của Ngài thể hiện qua mô hình hoàng đạo siêu tuyệt như vậy. Tuy nhiên, khi Phật Niết bàn, vấn đề được đặt ra cho hàng đệ tử phải giải quyết. Vì giáo lý khi có Phật tại thế là giáo lý sống và khi không còn Phật, giáo lý trở thành chết. Nói cách khác, Phật hiện hữu giáo hóa như một bậc minh triết. Tất cả ý tưởng, lời nói, hành động của Ngài trong cuộc sống hoàng hóa độ sinh đều toàn bích và mang lại lợi ích thực tiễn cho cuộc đời. Đặc biệt hàng xuất gia theo Ngài tu học đều đăng vị Hiền Thánh.

Chân lý mà Đức Phật ứng xử thay đổi tùy thời, tùy chỗ, tùy người cho thích hợp. Ngài không hề dùng một pháp cố định. Tuy việc làm khác nhau, quốc độ và đối tượng mà Ngài hóa độ khác nhau, nhưng tất cả đều kính nể Đức Phật là bậc tối tôn.

Kinh Duy Ma bắt đầu có cách nhìn về Đức Phật và giáo lý khác trước. Kinh này quan niệm hiểu Phật dưới dạng siêu nhân và hiểu chân tinh thần của giáo lý hơn là chấp chặt vào lời nói. Với trí tuệ tuyệt luân, Đức Phật nói điều gì cũng là chân lý. Nhưng nếu chúng ta lập lại y lời Phật sẽ trở thành phi chân lý. Ý này được giáo sư Kubota ví dụ bằng hình ảnh Đức Phật chỉ cho đại chúng thấy chim đang bay trên bầu trời và nói chim đang bay. Đó là giáo lý sống vì có chim thực và mọi người nhìn thấy thực.

Ngày nay Phật Niết bàn, chúng ta cũng bắt chước nói lại như vậy, trong khi thực tế không còn chim bay và không ai nhìn thấy chim. Lời nói rập khuôn khẳng định còn chim trên trời chỉ là giáo lý chết.

Từ ý niệm cần vận dụng cốt tủy của giáo lý thay vì chấp y theo giáo lý, Tỳ kheo nào biết nương giáo lý phát huy tri thức đạo đức, tạo thành sức sống cao đẹp cho mình và người. Họ mới khả dĩ tiêu biểu được giáo lý sống của Đức Phật. Giáo lý sống tỏa sáng trong việc làm, lời nói, suy tư của Tỳ kheo. Mặc dù không trùng hợp với những gì Đức Phật nói, làm; nhưng họ giống Phật ở kết quả lợi ích cho chư Thiên và loài người.

Ý này được kinh Bảo Tích diễn tả rằng một Phật nói, Phật khác không lặp lại. Mặt khác, kinh Pháp Hoa dạy ngược lại rằng ba đời các Đức Phật

thuyết pháp giống nhau. Giống vì pháp của chư Phật đều là Nhất Phật thừa đưa người đến Nhất thiết chủng trí. Trên chân lý giống nhau, nhưng ở phương tiện thì có muôn ngàn khác biệt.

Nhận chân được công việc lập y khuôn, đi theo lối mòn cũ không được kết quả lợi lạc gì, hàng đệ tử Phật tự nỗ lực tìm thuốc uống cho lành bệnh. Nghĩa là giáo lý bắt đầu được kiến giải theo chiều hướng canh tân.

Sự kiện 10 điều phi pháp ở thành Tỳ Da Ly mở đầu cho công cuộc đổi mới trong hệ tư tưởng Đại thừa đã được lịch sử ghi lại. Chúng ta có thể coi đó là cuộc đổi mới trọng đại. Tỳ Da Ly thuộc thành phố thương mại, trù phú, văn minh. Nếp sống của Tỳ kheo ở đây phải khác ở Vương Xá hay Xá Vệ. Ví dụ tiền là phương tiện thuận lợi để dùng trao đổi trong sinh hoạt của thành phố thương mại Tỳ Da Ly. Nếu chấp pháp không nhận tiền cúng dường, chỉ nhận thức ăn, sẽ trở thành lãng phí. Các Tỳ kheo mới họp bàn, quyết định thay đổi, cho phép khi khát thực được nhận tiền cúng dường.

Từ căn bản của luật Phật chế đến 100 năm sau ở thành Tỳ Da Ly, Phật giáo bắt đầu canh tân cho thích hợp với cuộc sống mới của xã hội. Để đáp ứng yêu cầu này, kinh Duy Ma ra đời trong hệ kinh điển Đại thừa phát xuất từ ngã rẽ của bộ phái Phật giáo và 10 điều phi pháp ở thành Tỳ Da Ly. Từ đổi mới nhỏ dần đến thay đổi lớn lao qua sự hình thành kinh điển Đại thừa. Những người có tâm huyết bắt đầu có suy nghĩ về Đức Phật và giáo lý.

Giáo lý còn thích hợp sử dụng được trong cuộc sống, được ví như lá trong rừng xanh tươi phát triển theo bốn mùa. Giáo lý chết hay lời dạy không còn thích hợp, không dùng được, như lá trong tay đã héo úa. Nó rời khỏi sự sống, không còn sinh trưởng được. Từ đây, giáo lý siêu hình của đạo Phật mới ra đời và kinh điển Đại thừa bắt đầu phát triển.

Mục tiêu của giáo lý theo tinh thần Đại thừa nhằm đưa người đến Vô thượng Đăng giác. Không dùng giáo lý nô lệ hóa con người, làm cùng mẫn trí tuệ. Hiểu như vậy, những gì Phật dạy đều là phương tiện giúp hành giả đến cứu cánh Nhất thiết trí.

Trong hệ kinh điển Đại thừa, kinh Bát Nhã mở đầu phá bỏ tất cả định kiến, cho chúng ta có tầm nhìn phóng khoáng vào cuộc sống. Bát Nhã lập cước trên nền tảng phát huy trí tuệ ở đỉnh cao để nhìn được thực tiễn cuộc sống. Hành giả Bát Nhã ở đâu, lúc nào, cũng thể hiện đời sống kiêu mẫu đẹp nhất và xóa sạch phiền não. Đến mức họ xóa cả cứu cánh Niết bàn của riêng mình.

Bước qua được lần ranh Bát nhã trí, hành giả sẽ thâm nhập thể giới chân không. Tuy không, nhưng không phải là không suông, không có gì. Trái lại, tất cả hiện bày diệu hữu cho hành giả. Đó là con đường dẫn từ kinh Bát Nhã phát triển thành kinh Duy Ma. Kinh đưa ra mô hình tu hành đúng pháp, thích ứng lợi lạc cho cuộc đời của Bồ tát, Thánh Tăng.

Sau đó, bước chân Duy Ma vào đời giải quyết được mọi tồn tại khổ đau cho nhân thế. Điều này được lý tưởng hóa ở mức độ cao trở thành hình ảnh tuyệt đẹp của đồng tử Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm. Ngài lặn lội cầu học Bồ tát đạo khắp nơi với mọi thành phần xã hội, không biết chán nản, mệt mỏi.

Và cuối cùng, ở đỉnh cao của tư tưởng Phật giáo Đại thừa, tỏa sáng tinh thần kinh Pháp Hoa với hình ảnh Bồ tát dẫn thân trên khắp mọi nẻo đường sanh tử. Họ gieo trồng Bồ đề trong tâm thức chúng sanh, mà không hề bị phiền não nhiễm ô tác hại.

Ý này cũng nhằm giới thiệu Đức Phật Thích Ca thành Phật từ vô lượng kiếp xa xưa, đầy đủ phước đức, trí tuệ. Vì thương nhân gian, Ngài trở lại Ta bà mang thân ngũ ấm để dìu dắt chúng ta trở về bản tâm thanh tịnh. Giúp chúng ta ngộ nhập Phật tri kiến ở ngay nơi đây và ngay trong thân hữu hạn này.

Ngày nay, trong tác động siêu hình của Báo thân, Pháp thân Phật, mỗi hữu tình chúng sanh phát tâm Bồ đề, hành Bồ tát đạo. Họ là một phần Pháp thân Phật được thể nhập vào cuộc sống hiện thực.

Tuyệt diệu hơn cả, theo tinh thần Pháp Hoa, là lời thọ ký của đức Đạo sư cho tất cả chúng ta. Mỗi hành giả đang đi trên lộ trình Phật đạo là một vị Phật sẽ thành trong tương lai.

---o0o---

### **03. Quán chúng sanh theo kinh Duy Ma**

*(Giảng tại Khóa Bồi dưỡng giảng sinh,*

*Thiền viện Quảng Đức ngày 14-10-1994)*



Trong kinh Duy Ma, phẩm Bất tư nghi nói lên cách nhìn và cảm nghĩ của con người phàm phu đối với việc làm của Phật và Bồ tát. Họ cảm thấy không thể nào hiểu được. Sắp xếp tự nhiên của thế giới siêu hình tuy âm thầm giản dị, nhưng tác động vô cùng mãnh liệt. Nó giúp họ thành tựu mọi việc dễ dàng, không tốn công nhọc sức.

Trong khi đó con người nỗ lực làm hết sức mình, chuẩn bị thật công phu kỹ lưỡng, tưởng như có thể làm được tất cả. Nhưng thực tế cho thấy cuối cùng chúng ta đều thua cuộc. Từ việc nhỏ đến việc lớn nhất là vấn đề sanh tử, con người vẫn hoàn toàn bất lực. Vì vậy, đứng trên lập trường chúng sanh nhìn về thế giới Phật, tất cả đều trở thành không thể suy nghĩ, tính toán được.

Ở vị trí chúng sanh nhìn lên, nhận ra bất tư nghi của Hiền Thánh. Hay từ phàm phu tu đạt đến quả vị Phật, rồi từ thế giới Phật nhìn ngược lại chúng sanh, thấy chúng sanh như thế nào và giáo hóa chúng sanh ra sao. Đó là nội dung của phẩm kế tiếp mang tên Quán chúng sanh.

Quán nghĩa là nhìn bề trong của chúng sanh, không dùng mắt thấy được, nhưng thấy bằng tâm hay trí tuệ. Trên bước đường tu, khởi đầu từ vị trí của chúng sanh tiến đến quả vị Phật, lần lượt trải qua bốn chặng đường. Từng bước cái thấy của hành giả thay đổi theo sự tiến bộ của tâm linh hay trí tuệ mà có bốn cách quan sát chúng sanh khác nhau, tức là bốn hiểu biết đúng như thật về chúng sanh.

1- Chúng sanh quán chúng sanh.

2- Nhị thừa quán chúng sanh.

3- Bồ tát quán chúng sanh.

4- Như Lai quán chúng sanh.

Hành giả tự kiểm xem mình đang khởi điểm ở chặng đường nào và cái thấy có thay đổi theo chiều hướng thăng tiến như lời Phật dạy hay không. Nếu tầm nhìn suốt đời như ếch ngồi đáy giếng thì công phu tu hành kể như luống công vô ích.

Trước hết, chúng sanh trong lục đạo quán chúng sanh là cái thấy thấp nhất, hoàn toàn sai lầm. Kinh Pháp Hoa diễn tả là chúng sanh trong tam giới hiểu về tam giới, hay ở trong sanh tử mà thấy sanh tử. Họ không thể thấy

thực chất của mọi việc, chỉ thấy được phần giả tạm mà thôi. Kinh thường ví như chúng ta tu hành trong chiêm bao. Dù có giải quyết vấn đề tốt như thế nào, hoặc chứng đến quả vị gì cũng không phải là thực, khi chúng ta tỉnh mộng, thức giấc.

Đức Phật dạy sự vật trên thế gian không thực, vì không bền chắc. Chúng sanh vô minh, tham đắm, nhiễm ô mới sai lầm, nhận giả làm thực, nên sanh tâm chấp ngã, chấp pháp. Họ tranh cãi lý luận đủ điều, mà cuộc sống khổ vẫn hoàn khổ. Họ sẵn sàng hy sinh mạng sống để bảo vệ thân hư huyền, tài sản không bền chắc và lý thuyết tưởng tượng của họ.

Vì vậy, chúng sanh luôn đau khổ với thân, với quyền thuộc, với tài sản, với hiểu biết của mình. Đối với vật hay điều ưa thích thì sanh tâm nhiễm ô, không thích thì sanh tâm bực bội nhàm chán. Hết nhiễm ô đến nhàm chán luân phiên nhau trói chặt chúng sanh đau khổ triền miên trong sanh tử.

Khi Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời, bước đầu lập giáo khai tông, Ngài nhận thấy những người mang tâm niệm chán đời, muốn thoát ly sanh tử. Đức Phật mới thuyết tứ Thánh đế để cứu độ họ. Kinh Pháp Hoa xác định rằng Đức Phật vì hàng Nhị thừa nhàm chán sanh, già, bệnh, chết, Ngài nói Niết bàn an vui, giải thoát.

Riêng đối với chúng sanh còn đam mê cuộc đời, chấp chặt thân và sở hữu của thân, pháp tứ Thánh đế không có tác dụng gì. Trên tinh thần này, theo tôi, nếu chọn người xuất gia, cần phải xem họ có thực dạ tu hay không. Thực tu thì không tiếc thân mạng, không đòi hỏi bất cứ quyền lợi nào. Ngược lại, ta cho xuất gia hạng người còn đầy đủ đam mê vật chất. Họ mang cả khối trần tục sân si, tham lam, chấp trước vào chốn Thiền môn. Điều này rất nguy hiểm và tác hại cho nhiều người. Hạng này tu càng đông, chúng ta càng lo. Họ là đầu mối dẫn đến biết bao nhiêu chuyện tranh chấp, thua kiện phiền toái cho mọi người.

Thật sự đệ tử Phật xuất gia, tâm và hình hoàn toàn không giống thế gian. Họ cạo tóc, mặc áo thô, tâm muốn xa lìa sanh tử, coi cuộc đời là hư ảo, chỉ một lòng tìm cầu sinh mệnh vĩnh hằng bất tử. Từ góc độ này khởi tu, hàng Nhị thừa quán Không, thấy tất cả pháp đều là không, chúng sanh cũng không, để diệt trừ dục vọng ác hiểm. Nếu quán Hữu, lâu dần sẽ sanh vọng tâm ham muốn. Dưới kiến giải của hàng Nhị thừa tu quán pháp Không, mọi người đều giống nhau. Nếu còn thấy tướng sai biệt : đẹp xấu, giỏi dở, giàu nghèo..., sẽ rớt qua một trong hai vọng tâm, hoặc ưa thích hoặc nhàm chán.

Thấy chúng sanh đồng nhau để không khởi vọng niệm. Kế tiếp xem con người là túi da đựng đồ ô uế hay là thùng phân biết đi hoặc là một tổ hợp vật chất bất tịnh. Dù có phấn đấu làm gì đi nữa, cuối cùng cũng kết thúc giống y nhau, tan rã không còn gì, v.v...

Hành giả thấy chúng sanh là gì đó, tùy theo trình độ quán tưởng của mỗi người khác nhau. Riêng tôi, ngày nay đến tuổi đời gần 60, tôi đã tiền đưa biết bao lớp người vào lò thiêu hay xuống lòng đất. Tôi cảm nhận sâu sắc pháp tu quán Không, thường an trụ xả thọ, không bận tâm đối phó với người, với việc.

Quý thầy cô thử tập an trụ pháp Không, sẽ cảm nhận giải thoát lập tức. Chỉ một khởi niệm điên đảo vọng tưởng là vô số vấn đề ùn ùn xuất hiện bao vây, thì dù có tu lâu năm đến đâu cũng không giải thoát. Thực tế chúng ta thường thấy chú điệu mới cao tốc, tâm hồn hoàn toàn trong sáng, nét mặt hồn nhiên, dễ thương. Nhưng tu thêm 5, 10 năm, phát sinh nhiều phiền não, mặt trở thành u tối. Cổ đức thường khuyên chúng ta thúc liễm sơ tâm, cố gắng giữ gìn tâm trong sạch ban đầu. Lúc mới vào đạo như thế nào, thì nay trải qua thời gian dài, tâm chúng ta cũng phải tốt đẹp như vậy.

Trên bước đường tu, tôi luôn ghi nhớ điều này. Theo tôi lúc mới phát tâm, lòng ai cũng trong sáng. Không may gặp bạn ác, thầy tà xúi giục lâu ngày, dễ trở thành hư hỏng. Từ thuở nhỏ tôi sống chung với các ông đạo thích trèo tường trốn đi xem hát. Nếu tôi cũng phụ đỡ cho họ trèo và trèo theo, chắc chắn cuộc đời tu hành của tôi đã tiêu tan từ lâu giống như họ.

Theo kinh nghiệm tu của tôi, chúng ta may mắn được gặp minh sư, bạn tốt và cố gắng nuôi giữ tâm trong sạch ban đầu cho tiến triển. Thăng hoa trên đường đạo, từng bước nhìn đời của chúng ta sẽ đổi khác.

Hàng Nhị thừa tu, lòng không còn ham muốn, chứng được ba pháp : Không, vô tác, vô nguyện, đạt giải thoát. Dưới mắt của hành giả, dù có bao nhiêu chúng sanh cũng kể như không có.

Tuy nhiên, tiến sang kinh Duy Ma dạy Bồ tát đứng ở giữa quan sát, thấy bên này là cách nhìn đời của chúng sanh và bên kia là cách quan sát của hàng Nhị thừa, để chọn mô hình riêng của chính họ.

Tôi phát tâm hành đạo cũng thường áp dụng pháp này. Tôi quan sát kỹ lưỡng các thầy làm việc, tu hành, nhưng không bắt chước làm giống. Tôi luôn suy nghĩ cách làm theo chức năng, hoàn cảnh, tâm thức của riêng tôi.

Thiết nghĩ trên bước đường hành Bồ tát đạo, hành giả không nên rập khuôn người trước. Nếu chúng ta không thấy rõ thân phận kém tài bạc đức mà đèo bồng, đòi làm việc của Hiền Thánh, chẳng những thất bại, còn chuốc họa vào thân. Trong cuộc đời tu hành, tôi thường cân nhắc việc nào cần làm trong thời điểm hiện tại. Có những việc tôi đã chuẩn bị từ 20 năm trước, nhưng đến đúng thời điểm này mới đem ra ứng xử được. Chưa đúng lúc dù có hay mấy, cũng phải tạm gác một bên.

Mở đầu, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hỏi Duy Ma theo tâm lượng Bồ tát quán sát chúng sanh như thế nào. Tâm lượng Bồ tát được cấu tạo bằng tri thức và đạo đức, đó là Báo thân Bồ tát hay thân quan trọng chính yếu mà Bồ tát an trú và phát triển. Bồ tát không quan tâm và không sống với sắc thân.

Ngài Trí Giả dạy : "Hoa khai liên hiện". Hoa chỉ cho sanh thân hay khởi đầu của con người mang nhục thân đều có yếu tố cấu tạo giống nhau. Mọi người đều phát xuất từ kết cấu tình dục của cha mẹ.

Tuy nhiên, chúng ta tu hành khác người thường ở điểm từ bùn như tội lỗi, chúng ta xuất gia học đạo, vươn lên thành hoa sen tỏa hương thơm cho đời. Phải lập chí như vậy, luôn tâm niệm mình là hoa sen, không phải cở đại để vượt khó, thăng hoa, phát triển đạo đức trong sáng, trí tuệ tuyệt vời.

Tôi từ thuở nhỏ đến ngày nay, ngày nào tôi không lãnh hội được áo nghĩa cao quý trong giáo pháp Phật hay không cảm hóa được người. Tôi tiếc một ngày trôi qua không lợi ích và có cảm giác như thiếu hụt mất mát. Vì đối với tôi, đó là chất liệu cần thiết dùng nuôi dưỡng Báo thân. Không có tri thức, đạo đức, Báo thân chúng ta bị gầy yếu, như người không ăn thì bệnh.

Vì tầm quan trọng của Báo thân đối với con đường tiến tu đạo hạnh, người tu không ăn được cơm Thiền, không uống được nước pháp thì sẽ thoái lui, cho đến mất cả niềm tin trong sạch với Tam bảo. Lúc ấy, thân ở chốn Thiền môn, nhưng tâm hồn rách nát xấu xa, không khác người thế gian hay còn tệ hơn họ.

Un đức nuôi dưỡng Báo thân mình cho lớn mạnh bằng những việc làm đạo đức. Nêu gương tốt cho đời, bằng sự gia công tu bồi hiệu biết theo đạo Phật. Điều này không phải một ngày một bữa thành tựu. Đức Phật cũng xác định Ngài trải qua vô lượng kiếp tu Bồ tát đạo mới kết thành Báo thân. Trường hợp tôi, nếu nhìn trong hiện tại cũng phải trên 50 năm học đạo mới có Báo thân ngày nay.

Xác thân tàn tạ theo tuổi đời, trong khi thân đạo đức, trí tuệ không sút giảm. Trái lại, nó càng tăng trưởng theo thời gian tu hành của chúng ta. Mỗi ngày có thêm người biết đến và quý trọng ta, là quý trọng thân đạo đức, trí thức; không phải quý thân già nua bệnh hoạn.

Báo thân vẫn tồn tại, được Trí Giả diễn tả "Hoa lạc liên thành", tức sen thành hạt rồi rụng xuống để mọc những cây sen khác. Hình ảnh này tiêu biểu cho Báo thân Bồ tát hiện hữu dưới dạng sinh mệnh tương tục. Thí dụ ngày nay tôi nhờ nương đức độ, trí tuệ của Thầy, Tổ mà nói chí tu hành, giữ gìn những gì cao đẹp của các Ngài truyền trao. Tôi là kế thừa mạng mạch của các bậc Hòa thượng đi trước. Khi tôi mất, các anh em Tăng Ni giảng sư tương lai là mạng kế của tôi, nối tiếp dòng sinh mạng đạo pháp của tôi.

Bồ tát sử dụng thân trí tuệ, đạo đức mà quán sát chúng sanh, không dùng thân quán sát. Bồ tát an trụ trong giải thoát của Nhị thừa để hành Bồ tát đạo, nên không chán nản, không nhiễm ô như chúng sanh. Nhưng Bồ tát cũng khôngghê sợ xa rời chúng sanh như hàng Nhị thừa.

Theo Duy Ma, Bồ tát quán chúng sanh như nhà huyền thuật thấy huyền vật do mình biến hóa ra. Ý này được Long Thọ Bồ tát gọi là quán Giả. Hàng Nhị thừa quán Không, Bồ tát quán Giả, tứcgiả có. Thí dụ thân người do giả hợp mà tạo thành. Bồ tát quán sát ngũ uẩn thân không khác gì một tổ hợp vật chất thay đổi từng sát na tâm. Tuy có, nhưng nó không bền chắc, nên gọi là giả.

Hoặc theo tôi thấy, cấu trúc của con người giống như một nhà máy kỳ diệu. Mỗi ngày phải đưa vào nhiên liệu thức ăn, đồ uống, không khí, nó chạy qua bộ máy tiêu hóa, tuần hoàn... chuyển động liên tục để sản xuất ra máu, tế bào, nhiệt lượng, nước tiểu, mồ hôi, phân, tình cảm, hiểu biết, v.v... Cơ máy kỳ diệu này có hình thù khác nhau : cao thấp, mập ốm, đẹp xấu, giỏi dở, ốm yếu, khỏe mạnh, v.v...

Bồ tát quán sát thấy hình dáng bên ngoài của chúng sanh và quan trọng hơn nữa biết được nguyên nhân cấu tạo nên hình hài và tâm tướng. Bồ tát khởi lòng đại bi, hành Bồ tát đạo để điều chỉnh, cải tạo thân tâm cho chúng sanh. Cũng như nhà ảo thuật biến hóa ra vật, có khả năng thay đổi vật biến hóa như thế nào tùy ý thích.

Theo tinh thần kinh Duy Ma, quán chúng sanh trước tiên là quán thân tâm của ta, vì ta cũng là một chúng sanh. Từ đó rút kinh nghiệm, biết được cái ta của mình mà thấy được cái ta của tất cả. Bản thân tôi học kinh Duy

Ma nghĩ rằng điều chỉnh thân tâm mình với ý nghĩa thân tâm này do chính ta tạo nên. Như vậy, ta chỉ tạo những gì tốt nhất, không tạo cái xấu.

Từ căn bản này, Bồ tát quán chúng sanh không có hình cố định, có thể là nam nữ, ngoại đạo, cư sĩ, sa môn, vua, quan, hay dân thường, v.v... Tùy theo yêu cầu nào thì Bồ tát hiện thân đó, không có hình thức cứng nhắc. Bồ tát khác Nhị thừa là vậy. Cuộc đời cần gì, Bồ tát làm việc đó, nhưng đóng vai nào phải thể hiện trọn vẹn vai ấy. Vua phải ra vua, Tăng cũng đúng nghĩa Tăng, không phải lỡ đời lỡ đạo.

Hiểu rõ và tin vững vào Báo thân tiêu biểu cho sinh mệnh tương tục nhiều đời, không mất. Tôi tin chắc rằng hiểu biết, phước báo, quyền thuộc pháp lữ hôm nay là vốn liếng tôi đã tạo từ đời trước. Đời này tôi làm pháp sư, đời sau cũng sẽ làm pháp sư.

Ý thức được tất cả đều do tâm chúng ta tạo ra, từng bước ta tự tạo hình cho mình. Trước tiên là điều hòa vấn đề ăn uống ngủ nghỉ như thế nào để cơ thể phát triển theo chiều hướng tốt, không phải tu gì cao xa hơn. Tôi khỏe nhờ biết điều chỉnh cuộc sống hàng ngày và dần dần chữa được túc nghiệp đời quá khứ. Lấy thành quả này hướng dẫn người khác cũng khỏe như ta, đó là Bồ tát pháp. Hướng dẫn người khỏe thành người tàn tạ, người có khả năng tự sống trở thành người ăn hại. Chắc chắn Đức Phật không để lại mô hình cho chúng ta đào tạo con người như vậy. Tôi nhờ Thầy, Tổ un đúc giáo dục từ ăn uống, học hành mới trở thành người hữu dụng.

Qua chứng nghiệm thành tựu của bản thân, Bồ tát quán chúng sanh cũng có khả năng chuyển đổi thân tâm họ tốt đẹp. Bồ tát khởi lòng từ cứu vớt, vì biết họ không thể tự giải thoát được. Hành Bồ tát đạo dạy cho người có được thân thể khỏe mạnh, hiểu biết đúng đắn. Từ đây cho đến ngày thành Phật, hành giả có trách nhiệm mỗi đời giúp cho người thăng hoa thêm, không phải đơn giản đem cơm ăn áo mặc cho họ rồi xong. Vì cho hôm nay, ngày mai phải giải quyết cái đói ra sao ?

Tôi học Phật nhiều, nhưng đối với tôi chỉ có hai vấn đề quan trọng. Trước nhất điều chỉnh về thân, làm sao cho cơ thể khỏe mạnh, ngoại hình dễ coi và kế đến là tận diệt vô minh phiền não, đạt cho được yếu tố Bồ đề hay trí tuệ sáng suốt, thấy đúng như thật.

Hành Bồ tát đạo, hành giả phải luôn ghi nhớ thân khỏe để có sức chịu đựng, gánh vác những việc khó làm. Ngoại hình dễ coi để tiếp độ chúng

sanh. Thanh tịnh sáng suốt mới có thể dẫn dắt chúng nhân cùng vượt đường hiểm sanh tử.

Từ góc độ phải đối đầu với chông gai khó khăn, Bồ tát Văn Thù hỏi Duy Ma phải nương vào đâu để tu. Duy Ma cho biết muốn hành đạo dễ dàng cần nương Như Lai lực. Nếu không nhờ lực siêu nhiên, hành giả khó làm được gì, vì sẽ bị cuộc đời ác hiểm nhận chìm ngay.

Như Lai lực là sức mạnh vô cùng tận, phát xuất từ việc độ chúng sanh mà có. Dùng nguồn vô tận trong chúng sanh để làm việc vô cùng mới kham nổi. Tuy nhiên, độ chúng sanh, nhưng không chúng sanh nào bị độ, mới thực sự giải thoát.

Hành giả cứu chúng sanh, nhưng không động móng tay mới cứu nổi. Còn phải mang thân hữu hạn này lặn xả vào cứu, thử hỏi liệu cứu được mấy người. Thậm chí bị chúng sanh độ ngược lại, thì công phu tu hành biến thành mây khói. Đây là kinh nghiệm tôi chứng kiến. Một người bạn học chung với tôi ở Phật học đường chùa Ấn Quang nhiệt tình phát tâm Bồ đề độ một bà góa chồng để rồi kết quả anh này hoàn tục làm phu vác gạo nuôi cả đám con nheo nhóc của bà.

Duy Ma không dạy chúng ta hành Bồ tát đạo theo kiểu này. Không thể lấy phước đức ít ỏi để cứu độ nghiệp ác vô cùng của chúng sanh. Nó sẽ lôi ta cùng vào địa ngục với nó.

Ngoài ra, vấn đề quan trọng khác mở ra cho hành giả là độ tận chúng sanh bằng cách nào ? Bồ tát hành xử lấy tâm làm chính. Làm nhiều nhưng để mất tâm thanh tịnh cũng thành vô ích như người xây lâu đài trên hư không.

Bồ tát hành đạo trên căn bản tâm trong sáng thanh tịnh, không để phiền não nhiễm ô làm vấy bẩn tâm. Từ tâm thanh tịnh này tác động qua tâm mọi người khiến họ tự phát tâm cùng tu, việc khó tự giải quyết tốt đẹp. Thực tế chứng minh rõ ý này, có những vị chân tu không làm vất vả. Người nghe đến tên, nhìn thấy cuộc sống các Ngài, cảm nhận được an lành giải thoát. Còn người lặn xả vào cứu đời, chịu đói khát, nhưng chết, không người để ý. Vì người này làm bằng tính toán của vọng thức, để mất bản tâm. Các Thiên sư tu trên bản tâm, làm nhẹ nhàng tự tại mà tác động tốt đẹp lớn lao, trọn vẹn hạnh Bồ tát.

Thiết nghĩ các anh em nên tịnh hóa tâm mình, phát huy bốn vô lượng tâm : Từ bi hỷ xả. Nuôi dưỡng bốn tâm này trong lòng. Người nào đến với ta, tùy sức họ tiếp nhận được bốn tâm này đến mức độ nào, thì họ an lành đến đó.

Cần nhớ chỉ dùng chân tâm mới độ được huyễn thân. Lấy huyễn thân độ huyễn thân, thì một thầy không độ nổi một trò. Chỉ có hai người mà còn đụng chạm phát sinh phiền não, bực bội.

Kinh Duy Ma nhắc chúng ta tận diệt phiền não trong lòng. Dùng tâm vô nhiễm mới độ thoát chúng sanh, độ tận chúng sanh và sử dụng được Như Lai lực.

Kế tiếp kinh diễn tả Thiên nữ xuất hiện rải hoa cúng dường, gọi cho chúng ta biết thân Thiên nữ là do tâm Duy Ma điều động mà hiện ra thân nữ. Vì Bồ tát không có hình cố định và pháp cũng không cố định. Bồ tát muốn hiện thân gì tùy ý hay tùy tâm bên trong.

Khi hoa rớt xuống thân Bồ tát thì rơi luôn xuống đất, nhưng hoa trúng trên thân của Thanh văn thì dính luôn. Điều này nhằm nói lên ý gì ? Tôi phát hiện ra một điều muốn nhắc nhở Tăng Ni giảng sư tương lai cần suy nghĩ, khắc phục. Tiếp xúc với người đời, tôi nhận thấy họ sống rất dễ thương, trái lại người xuất gia gặp việc, nổi sân si hơn cả người thế tục. Từ đó tôi nhận ra ý sâu xa của kinh Duy Ma.

Chúng ta cần đề phòng, đừng tưởng mình tu lâu đã hết sạch phiền não, vì bất chợt ngày nào đó đụng việc, phiền não của chúng ta sẽ nổi dậy. Sống trong chùa tu hành, quen được quý trọng trong Niết bàn của Hóa thành mà Đức Phật ban cho. Đến khi bước ra cuộc đời liền có vấn đề ngay. Một thí dụ nhỏ như sau, năm 1975, các Ni sư đi họp tổ dân phố, thiên hạ gọi bằng chị là cảm thấy khó chịu liền. Chúng ta đã rớt vào tầng thượng mạn lúc nào không hay. Riêng tôi, ai gọi bằng gì cũng được. Quan trọng là biết nương theo cái mà họ gọi, hay cách đối xử của cuộc đời để tôi suy nghĩ, phát hiện ra con người thực của chính mình. Đến khi chúng ta hoàn toàn thanh thản đối với cuộc đời, không bị vướng mắc với khen chê của thế nhân. Bụi trần không bám vào chúng ta được, là hoa đã rơi xuống. Có tự tại trước mọi quấy nhiễu của trần thế, mới kham nổi việc hành Bồ tát đạo dài xa.

Bồ tát dẫn thân, hoa không dính vào người, vì các Ngài đã từng đối mặt với nó và luyện tập thuần thục đạt đến vô nhiễm thật sự. Trong khi Thanh văn trốn trong hang động, chưa từng đụng chạm với cái rắc rối của cuộc đời.



Họ vừa bước ra trần thế hay đến nhà Duy Ma là kẹt khó khăn, bị dính hoa liền.

Tóm lại, trên lộ trình Bồ tát đạo, mỗi người khởi tu ở những chặng đường khác nhau, với Báo thân khác nhau, nên việc hành đạo không thể giống nhau. Tuy nhiên, tất cả việc sai biệt đều cùng nhằm một mục tiêu phát triển tri thức, đạo đức cho đạt đến đỉnh cao, mới thành tựu Báo thân viên mãn. Lúc ấy, hành giả đầy đủ tư cách bước vào tịnh thổ bình an đời đời.

---o0o---

#### **04. Bất Nhị pháp môn trong kinh Duy Ma**

*(Giảng tại Khóa Bồi dưỡng giảng sinh,*

*Thiền viện Quảng Đức ngày 18-11-1994)*

Mở đầu phẩm này, Duy Ma Cật hỏi các Bồ tát trong pháp hội đã vào Phật đạo hay nhập bất nhị pháp môn như thế nào ? Nói cách khác, Bồ tát đã tư duy, nói năng, hành động, sống ra sao để thể nhập chân lý ?

Mỗi Bồ tát trình bày kiến giải sở đắc riêng. Trong phẩm này nêu lên 42 câu trả lời của Bồ tát là 42 cách giải thích về pháp môn tu hành mà các Ngài đã thiết thân kiểm nghiệm. Các Bồ tát này đều phát xuất tu từ phương tiện và nay nhập bất nhị pháp môn. Nghĩa là ban đầu hành giả khởi điểm từ vị trí thế tục, nghĩ cuộc đời là bùn nhơ tội lỗi xấu xa. Họ hướng tâm về thế giới thánh thiện tu, từng bước xa rời trần tục, thanh khiết hóa thân tâm.

Tuy nhiên, vấn đề này có nhiều Tăng Ni, Phật tử nhận lầm ý Phật dạy. Họ không bỏ phiền não chấp trước để thanh tịnh hóa tâm hồn, mà lại bỏ cuộc đời, thì sẽ rớt vào không tưởng, mất tất cả. Thực tế thân tứ đại mọi người giống nhau, chỉ khác nhau ở tâm hồn. Chúng ta thấy rõ có tâm hồn nhỏ, tâm hồn lớn, tâm hồn thanh cao trong sáng, tâm hồn thấp kém bản thủ... Trên căn bản Phật dạy tất cả đều do tâm tạo, hành giả cải tạo tâm, dần dần thân và hoàn cảnh bên ngoài cũng đổi theo. Tâm hướng thượng tạo thành thân dễ thương, hành động thiện. Chính yếu là tu tâm, không phải tu hình thức bên ngoài.

Cuộc đời muôn hình vạn trạng, nhưng hành giả chia làm hai : tốt xấu, phải trái để lựa chọn, bỏ ác làm thiện. Đó là con đường tu trong thế giới nhị nguyên, tiến theo chân đạo. Đức Phật đưa ra phương pháp giúp hành giả xa

lìa việc xấu, sống với tốt bằng cách thực hành 37 trợ đạo phẩm, trong đó cốt lõi là bát Chánh đạo.

Bát Chánh đạo hay 8 cách sống ngăn chặn tam độc tham sân si, không cho chúng tác động vào ba nghiệp thân khẩu ý. Sống theo mô hình bát Chánh đạo, hành giả đoạn được 10 ác nghiệp, phát triển 10 thiện nghiệp, cuối cùng tri thức, đạo đức hoàn thiện, thể hiện cuộc sống có ý nghĩa, mang an vui cho mình và người. Kiến giải này được một trong 42 Bồ tát là Bồ tát Châu Đảnh Vương kiểm nghiệm trên bước đường sơ phát tâm tu nhị nguyên đến thâm nhập bất nhị pháp môn.

Tuy có 42 cách giải thích của các Bồ tát đi vào Phật đạo khác nhau, tựu trung đều nhằm cải tạo thân tâm thành trong sáng. Tất cả Bồ tát đều trải qua quá trình phân chia chân đế và tục đế, chọn chân bỏ tục. Tu một khoảng thời gian, tục đế không còn trong tâm thức và không còn chấp cái nào là chân hay tục. Họ cũng không nghĩ đến cái tốt đã làm, vì thực sự sống với chân đạo, nhập bất nhị.

Điều này khác với người sống ở chân đế nhưng chấp chân đế, kẹt trong việc làm phải trái, khiến tâm bị u mê gọi là Bồ tát nhập ám. Đức Phật dạy Bồ tát làm tốt bỏ xấu và xong việc phải xóa luôn cả cái tốt để tâm trong sáng. Giữ lại thành quả chỉ làm chật cứng tâm hồn. Đây là điểm khác biệt giữa Nhị thừa và Bồ tát.

Nhị thừa tích lũy hiểu biết và vướng mắc với hiểu biết này, kinh thường gọi là sở tri chướng. Bồ tát làm tất cả, nhưng không việc nào tồn đọng tác hại tâm trí. Trên căn bản này, chúng ta khởi đầu nương pháp để thăng hoa cuộc sống hay để trở thành chấp pháp? Đó là vấn đề cho chúng ta suy nghĩ, ứng dụng.

Trên bước đường tu, tôi nhận thấy có những người tu rất kỹ, đời sống phạm hạnh rất tốt, nhưng tánh tính khó chịu, không ai chấp nhận được. Phải biết người này đang bị kẹt với cái đúng ở chân đế, nhìn về tục đế, lâu ngày tâm họ bị tục đế đồng hóa.

Kinh Duy Ma điều chỉnh sai lầm này, đưa ra hướng giáo dục, theo đó hành giả bỏ tục xuất gia, thâm nhập chân đạo, không tự cho mình là người ở chân đế đối nghịch với tục đế, chê trách người khác. Hành giả thể hiện tinh thần bất nhị qua đời sống cao quý thanh thản, hiện hữu như gương sáng cho đời soi bóng sửa mình. Đó là kiến giải của Bồ tát Phát Sa.

Ngoài ra, Bồ tát Sư Tử Ý đưa ra con đường thâm nhập bất nhị bằng cách phân biệt hữu lậu, vô lậu và Bồ tát Tịnh Giải phân biệt hữu vi, vô vi. Vô lậu, vô vi thường được hiểu là không làm, đối lại với hữu lậu, hữu vi.

Theo Phật giáo Nhật Bản giải thích, hành vô vi pháp không có nghĩa là không làm. Vô vi là việc làm của người vượt trên người bình thường, có thể ví như người làm bằng trí óc, hay sử dụng kỹ thuật khoa học, máy móc. Chắc chắn năng suất phải lớn hơn người lao động bằng chân tay.

Vô vi theo đạo Phật thấy bề ngoài không làm, nhưng không việc nào có thể so sánh. Tinh thần vô vi được Thiền sư Việt Nam chỉ đạo cho các vua đời Lý thực hiện bằng cách ngồi yên trong cung điện, không cần nhọc sức ra trận. Tất cả đao binh đều phải chấm dứt mới là điều quan trọng. (Vô vi cư điện các – Xứ xứ tức đao binh).

Không làm bằng tay chân, nhưng làm bằng tâm, bằng trí tuệ. Hay đúng hơn là làm mà người không thể biết, không thể hiểu được. Thực tế cho thấy những bậc chân tu không sở hữu tài sản nào, không một tác sắt trong tay. Tuy nhiên, họ đã ảnh hưởng, tác động cho người quả là không đơn giản.

Hữu vi thì làm đến đâu, người ta biết mình đến đó, thậm chí có người chưa làm được gì, mà mọi người đều thấy biết. Riêng đối với Bồ tát, Phật, phần nhiều chúng ta khó hiểu; vì chẳng thấy các Ngài làm mà việc tự thành, thể hiện tinh thần vô vi.

Trình bày của Bồ tát Sư Tử Ý và Tịnh Giải gợi cho chúng ta hai pháp tương đối. Bồ tát từ pháp hữu lậu, hữu vi bước sang vô lậu, vô vi, hay từ việc làm bình thường mọi người biết được tiến lên pháp cao hơn. Lúc ấy, thấy họ không làm, nhưng tất cả thánh thiện đã biến thành lẽ sống của họ trong sinh hoạt hàng ngày. Và việc làm cũng được an bài theo ý nghĩ của họ.

Trở lại thực tế cuộc sống của chúng ta thấy rõ có nhiều loại người xuất gia, tôi chia thành ba hạng để cùng quan sát. Hạng đầu tiên là thân xuất gia nhưng tâm không vào đạo. Họ không học, không hiểu lời Phật dạy, không đủ niềm tin ở pháp Phật. Với trình độ thấp kém và nghiệp lực tệ ác sâu dày, làm thế nào có thể với tới lời Phật dạy quá sâu xa mâu nhiệm. Giữa họ và giáo pháp có khoảng cách rất xa. Tuy khoác áo tu, tâm hồn lẫn cuộc sống hoàn toàn thế tục hay còn tệ hơn. Ngày nào đó, quả báo xấu đến, khó khăn nguy hiểm sẽ chào đón họ.

Hàng tu sĩ thứ hai khá hơn, có ý chí, quyết định dần thân hành đạo. Họ làm đủ mọi việc, từ chính trị, văn hóa, xã hội cho đến việc trong chùa, tụng kinh, bái sám, hướng dẫn Phật tử tu hành, xây chùa, đúc tượng v.v... Ai cũng thấy họ làm thật nhiều. Tuy nhiên, quan sát kỹ xem họ được gì và những người được họ quan tâm dìu dắt có lợi lạc gì ?

Thiết nghĩ tất cả việc này được làm theo pháp hữu vi, tu trên hữu lậu, nên chỉ là mộng huyễn bào ảnh. Người trí ý thức rõ như vậy, làm xong rồi bỏ, không để tâm. Người chấp vào pháp hữu vi, thấy bằng tham vọng sanh ra tâm kiêu mạn, tự coi mình có công lớn, làm được nhiều việc, muốn người phải kính nể. Không được như ý thì họ liền khởi sân si, chẳng ai chịu nổi.

Trên bước đường tu, tôi biết nhiều thầy từ sơ phát tâm đến nhắm mắt lìa đời, làm việc không nghỉ ngơi. Họ xây chùa, nuôi Tăng độ chúng, tham gia đủ các việc xã hội. Kết quả là tất cả việc này tác hại cho bản thân họ khổ và người được họ cứu mang cũng khổ. Thành tích càng lớn, nghiệp chướng càng dày. Lo cho đạo và đời càng nhiều, càng trở thành khó tính, khó thương. Cuối cùng kết thành quả báo, sống thì kẹt pháp, không ngộ đạo, chắc chắn rớt vô trần tục, dù còn khoác áo tu. Chết là lao vào trần thế để trả nợ.

Nhận rõ sai lầm này và học kinh Duy Ma quán chiếu cuộc đời, tôi luôn tâm niệm mọi thành tích đều tan thành mây khói, nếu là hữu vi. Đối với tôi, tất cả chẳng qua là phương tiện hành đạo, việc này qua đi tiếp nối việc khác, không còn lưu lại trong lòng. Kinh thường diễn tả ý này là thân thông du hý tam muội của Bồ tát. Bồ tát xem thành quả hữu vi không khác gì việc giải trí tạm, nếu so với tác động lớn lao vô cùng của pháp vô vi. Tuy nhiên, còn hiện hữu ở sanh diệt với việc làm hữu vi, người trí theo đó khám phá được lực tác động của vô vi, mới là điều cần thiết.

Tôi thường cân nhắc khi chúng ta sinh hoạt với pháp hữu lậu, thấy làm nhiều theo quan sát bề ngoài. Nếu đánh giá dưới góc độ vô vi pháp, lại thấy thực sự ta phá hại nhiều hơn. Thật vậy, chúng ta huy động tiền của nuôi một nhóm người. Theo tôi, nuôi bằng tâm niệm nào và họ lớn lên, làm được gì là vấn đề cần suy nghĩ. Nếu may mắn họ trở thành người đạo đức lợi ích cho đời, cho đạo, chúng ta được hưởng một phần công đức. Ngược lại, họ hư hỏng, nghèo khổ, chúng ta cũng gánh phần tội lỗi.

Thực tế một số chùa trước kia thường xây cô nhi viện. Tôi quan sát thấy rõ tất cả pháp hữu vi này được xây dựng trên tham vọng, người ngoại

quốc đưa tiền giúp chùa với ý đồ nào đó và sự tiếp nhận số tiền này cũng có mưu tính nào đó. Việc xây dựng, nuôi trẻ được thực hiện trên thâm ý của bao nhiêu người. Và tất cả ý đồ đen tối này đầu tư cho những đứa trẻ bạc phước, nên cuộc đời chúng đi vào bóng tối. Kết cuộc, dốt nát, tham lam, nghèo khổ, oán hận là những gì họ trao cho chúng.

Cần ý thức rằng việc làm của người tu không phải chỉ đơn thuần tốt trên hành động hay trên pháp hữu vi là đủ. Phải tốt trên tâm niệm của người bố thí, của người điều hành xây dựng hay trên vô vi pháp, mới thể hiện đúng nghĩa của đạo.

Hạng người thứ ba tu giải vô vi pháp và hành xử trên vô vi pháp. Pháp vô lậu này phát xuất từ chân tâm, từ lòng từ bi chân thật. Trên căn bản này, có làm hay không, không quan trọng. Nhiều Thiền sư không dẫn thân như bao nhiêu người khác, nhưng hiện hữu của họ là trụ cột của Phật giáo. Hay nói đúng hơn, các Ngài làm mà ta không biết, làm việc đáng làm bằng đạo lực, không làm việc vô ích. Nhờ đó, chúng ta thấy có bao nhiêu người nương theo công đức các Ngài mà tự phát triển đạo hạnh. Thiết tưởng chúng ta cần phải học cho được pháp vô vi tỏa sáng từ các bậc chân tu thực đức để phát huy đạo lực của chính mình.

Sau khi 42 Bồ tát lần lượt trình bày kiến giải về con đường dẫn đến thế giới bất nhị, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đưa ra cho đại chúng mô hình bất nhị của Ngài. Theo Văn Thù, nhập bất nhị là không nói năng, không suy nghĩ, xa lìa tất cả ngôn ngữ văn tự, rời bỏ sách vở, nhưng không phải trở thành ngu muội, gỗ đá. Trái lại, tinh ba đạo hạnh thể hiện trọn vẹn trong sự sống của hành giả. Vô vi pháp tiềm ẩn bên trong, tác động cho người nhìn thấy phát tâm bồ đề, người gần gũi được an vui, phát triển đạo đức tri thức của họ.

Thực chất của đạo chớ chuyên tất cả lợi ích làm đẹp cuộc đời là con đường giáo dục Văn Thù Sư Lợi hướng đến xây dựng cho đại chúng. Điều cần lưu ý là Bồ tát Văn Thù không thuộc nhân địa tu hành của 42 Bồ tát từ nhân môn hay từ phạm phu tiến lên Nhị thừa, tu Bồ tát đạo, thành Vô thượng Đăng giác.

Bồ tát Văn Thù là Bồ tát trên quả môn, làm Thầy ba đời các Đức Phật, hiện thân giáo hóa. Ngài không cần phải trải qua quá trình tu từ nhị nguyên và xả nhị nguyên để nhập đạo.

Trên bước đường tu, chúng ta tự xét mình đang đứng ở vị trí nào để tiến tu. Tùy tư cách khác nhau mà con đường dẫn đến thế giới bất nhị của mỗi hành giả khác nhau. Không thể bắt chước y Văn Thù Sư Lợi khi không nói, không suy nghĩ của chúng ta còn ngốc nghếch hay giống như thần lẩn, rần mối. Riêng tôi, thuở nhỏ tiến bước trên lộ trình từ cậu bé nhà quê đi lên, từng chặng đường nào tôi làm việc đó, không làm việc của người trên.

Cần nhắc phải trái, làm đúng việc, chúng ta kiểm tra tâm hồn xem cần khắc phục gì và điều chỉnh thân tâm cho đến hoàn mỹ, lợi ích cho người. Lúc ấy, không cần nói, nhưng không ai có thể phủ nhận tài năng và đạo đức của chúng ta.

Văn Thù Sư Lợi hỏi Duy Ma nhập bất nhị pháp môn như thế nào ? Duy Ma lặng thinh và Văn Thù khen ngợi tuyệt diệu. Đến đây vấn đề đặt ra cho chúng ta là yên lặng để người khen hay yên lặng để người đánh giá như củi mục than nguội hoặc nói nhiều cho người chán ghét và nói cho người mở mang trí thức.

Yên lặng để người kính trọng và nói để người phát huy trí tuệ, đạo đức, thường được kinh điển tả nói năng như chánh pháp, yên lặng như chánh pháp, tiêu biểu cho cách hành xử của Đức Phật. Hoặc hình ảnh Đạt Ma lặng thinh, 9 năm không nói và sau cùng để mở pháp phương tiện chỉ nói một lời "Ta an tâm cho người rồi đó". Nói năng hay yên lặng đơn giản như vậy mà ngọn đèn Thiền được truyền qua bao đời, mỗi ngày lại thêm rực sáng.

Riêng đối với Duy Ma đã thành tựu mọi việc lợi lạc cho đời và đến thời điểm lặng thinh không nói, Ngài vẫn ảnh hưởng tác động lớn gọi là vô tác diệu lực. Diệu lực này bắt nguồn từ những thành quả tốt đẹp trước. Trên căn bản phải làm tất cả, nghĩa là phải trải qua giai đoạn hành Bồ tát đạo không tiếc thân mạng, mới cảm thành thọ mạng Như Lai, tạo thành công đức. Từ thành quả vẹn toàn tri thức và đạo đức, để đến giai đoạn không làm, công đức tự sanh ra. Công đức này lớn hơn phước báo của giai đoạn ra sức làm.

Chỉ có Duy Ma mới được quyền lặng thinh. Ngài yên lặng cho chúng ta mở pháp phương tiện, giảng nói giúp người hiểu được pháp lặng thinh mà Ngài hành sử. Duy Ma lặng thinh tuyệt diệu vì Ngài đã lặng thinh theo ý Bồ tát Văn Thù. Nghĩa là trước đó Duy Ma đã từng hội nhập vào thành Tỳ Da Ly, giáo hóa mọi tầng lớp xã hội. Ở lãnh vực nào Ngài cũng là bậc thượng thủ, được mọi người kính nể. Hoàn tất tốt đẹp việc tiếp độ mọi người xong, Duy Ma lặng thinh. Lúc ấy, hàng Thánh đệ tử như Xá Lợi Phất, Mục Kiền

Liên, Ca Diếp, Phú Lô Na, A Nan..., Bồ tát Di Lặc, Trì Thế, Thiện Đức..., nói về trí tuệ của Duy Ma, tán dương công đức Ngài.

Duy Ma lặng thinh, không thuyết pháp mà cả trời người đều chấn động, vội vã tìm đến thăm Duy Ma, tức hướng tâm về Ngài. Trong khi chúng ta thuyết pháp, người bỏ đi. Lời nói của chúng ta so với Duy Ma lặng thinh xa nhau muôn trùng.

Có thể nói ý niệm lặng thinh của Duy Ma và ý nghĩa Niết bàn của Đức Phật mang cùng một ý nghĩa, theo đó việc đáng làm đã làm, người đáng độ đã độ, Đức Phật thanh thản đi về cõi tịch diệt. Ngài không hiện hữu ở dương trần nữa, nhưng giáo đoàn mở rộng khắp năm châu. Và giáo pháp được truyền đi gần 3.000 năm, tác động cho người an vui giải thoát, thể hiện bài pháp vô ngôn tuyệt diệu Đức Phật để lại cho đời.

Kinh Duy Ma muốn tuyên dương ý nghĩa thuyết pháp vô ngôn hay kinh bạch tự của Phật lưu lại. Bồ tát hoàn toàn tự do viết lên những cảm niệm, suy tư về Phật được hình thành bằng trái tim và khối óc của họ trên đường hành Bồ tát đạo.

Hình ảnh yên lặng tuyệt diệu khi thì thể hiện bằng nụ cười hàm tiếu của sơ Tổ Ca Diếp tiếp nhận bài pháp vô ngôn do Phật truyền tâm ấn. Hoặc có lúc là sự lặng thinh của Duy Ma hay hình ảnh Đạt Ma Thiền sư ngó lơ cuộc đời, 9 năm xay mặt vô vách. Tất cả đều tỏa sáng sức sống mãnh liệt, nuôi dưỡng dòng mạch đạo pháp tuôn chảy vĩnh hằng qua hơn 25 thế kỷ.

Trên thực tế chúng ta dễ bắt gặp ý này khi có nhân duyên căn lành, được sống gần bậc chân tu. Các Ngài không cần nói, tâm hồn toát lên sức sống đạo khiến đạo tâm của chúng ta dễ dàng phát khởi, tâm hồn chúng ta tự thấy yên ổn, trí sáng suốt thêm.

Đi vào con đường giáo dục của giáo lý Đại thừa vô ngôn, chúng ta cảm nhận sâu sắc ý này. Nhất là cách dạy dỗ ở các Thiền đường rất lạ, việc hành đạo, truyền đạo, học đạo đều bằng tâm. Tâm thầy trò ngang nhau sẽ cảm thông, truyền đạt một cách nhẹ nhàng tự nhiên. Thiền sư dạy Thiền sinh không bằng ngôn ngữ, nhưng đệ tử kính trọng quý mến thầy và Thầy thương yêu hướng dẫn học trò. Công việc diễn tiến ngoài mặt thật lạnh lùng dưới mắt người khác, chỉ riêng thầy trò hiểu nhau, sống với nhau trong thế giới lặng yên tràn đầy tình thương đạo đức tuyệt diệu. Theo tôi, đó mới chính là mạch sống của đạo mà chúng ta cần nỗ lực đạt cho được sở đắc này. Ngược

lại càng để tâm bên ngoài nhiều, tâm hồn càng trống rỗng. Đạo tâm mất, chúng ta chỉ là cái xác không hồn, có tốn công dụ dỗ cũng chẳng ai theo.

Xa hơn nữa, từ pháp vô vi nhập bất nhị pháp môn, Thiền sư không xây chùa mà chùa lớn thêm, không tiếp Tăng độ chúng nhưng người theo cầu học mỗi lúc nhiều thêm. Mặc dù không làm, với sự nghiệp ảnh hưởng lớn lao như vậy, không thể nói là Thiền sư vô tích sự hay ích kỷ.

Ngoài ra, Thiền giả cũng không khổ vì dân thân, ngày qua tháng lại ung dung tự tại sống với pháp bất nhị. Điển hình như các Thiền sư Nhật Bản, họ làm việc rất nhẹ nhàng, lấy việc chăm sóc cây kiểng làm pháp tu Thiền. Họ đầu tư chất liệu tình thương cho hoa lá, cây cỏ xanh tươi sống đến hàng trăm năm, tạo thành sức sống hài hòa giữa người và cảnh. Cảnh quan ấy tác động cho người có duyên bước chân vào thế giới đó một niềm an lạc kỳ diệu.

Chúng ta thử trải nghiệm pháp tu này sẽ thấy ngay. Thay vì đối xử bằng tình thương, chúng ta nuôi đệ tử với lòng bực bội khó chịu liên tục, liệu nó có thể sống được với ta không ? Hoặc chúng ta cắm hoa, trồng cây, đổ lên cho nó mỗi ngày mọi điều bực tức, ưu phiền, chắc nó cũng khó sống. Ngày nay người Tây phương ưa thích tìm hiểu đạo Phật cũng nhằm khám phá những gì cao quý tiềm ẩn bên trong ảnh hưởng cho sự sống bên ngoài thanh cao.

Tóm lại, tu thoát ly cuộc đời để cầu đạo giải thoát như những người yếm thế tiêu cực, hay dân thân nặng nợ với cuộc đời để rớt vô đau khổ trần tục. Cả hai đều không phải là con đường Duy Ma vạch ra.

Duy Ma minh họa cho chúng ta nếp sống thật ung dung tự tại của Thiền sư, của hành giả nhập bất nhị pháp môn. Họ hiện hữu lợi ích cho đời vẫn tỏa ngát hương vị giải thoát của bậc xuất trần thượng sĩ.

---o0o---

## **05. Ý nghĩa phẩm Phật Hương Tích trong kinh Duy Ma**

*(Giảng tại Khóa Bồi dưỡng giảng sinh, Thiền viện Quảng Đức)*

Văn Thù Sư Lợi kết thúc phẩm Bất nhị Pháp môn, tán thán sự lặng thinh của Duy Ma tuyệt diệu, tiêu biểu cho pháp chân thật của các Đức Phật. Trong không khí lặng yên với bài pháp vô ngôn ấy, bỗng dung Xá Lợi Phất khởi lên ý niệm giờ ăn sắp đến, mọi người sẽ thọ thực ở đâu.



Móng tâm này của Xá Lợi Phát được đề ra làm phần chuyển tiếp sang phẩm Phật Hương Tích, gọi cho chúng ta suy nghĩ về vấn đề ăn uống của thể xác và của tinh thần. Khi còn mang thân tứ đại, tất yếu chúng ta phải cung cấp cho cơ thể những điều kiện cần thiết để tồn tại.

Tuy nhiên, phần quan trọng là tinh thần cũng cần có thức ăn nuôi dưỡng. Đối với người chưa đắc đạo, tinh thần thường quen với nếp sống, nếp nghĩ được huấn tập từ nhiều đời dẫn đến ngày nay. Nó tạo thành vọng thức tràn ngập vui buồn vinh nhục, phải trái của cuộc đời. Để giảm bớt sự căng thẳng buồn phiền, người đời thường vui chơi giải trí. Họ lấy phần vật chất bên ngoài tác động vào, làm thức ăn cho tinh thần, gọi là tha thọ dụng thân.

Ngược lại, người tu không cho vui buồn vinh nhục bên ngoài xâm nhập để phát huy tự thọ dụng thân hay chân thân. Họ sống với tâm hỷ lạc của chính mình, không cần nương nhờ cảnh giới bên ngoài. Họ dùng Thiền thực và pháp thực làm thức ăn chính để tạo nguồn vui nội tại.

Pháp hỷ thực hay nguồn vui mà hành giả có được qua việc tụng kinh, lễ bái, nghiên cứu, suy tư kinh điển... Càng trầm mình trong giáo lý, trí tuệ và đạo đức của hành giả càng tăng trưởng, cảm nhận được niềm vui vô tận. Hiểu biết và đạo đức trở thành nguồn dinh dưỡng nuôi sống và làm lớn mạnh tinh thần người tu.

Ngoài ra, Thiền thực hay sự bình ổn của tâm hồn cũng là thức ăn tinh thần bổ dưỡng của người tu, kinh thường gọi là định. Hành giả vui với nếp sống định tĩnh, không vui theo động loạn của dục trần.

Duy Ma lặng thinh nhằm chỉ cho chúng ta pháp thực, Thiền thực của Bồ tát sử dụng. Hàng Thanh văn không hiểu, không dùng được, tiêu biểu qua khởi niệm của Xá Lợi Phát.

Trên bước đường tu, chúng ta dễ đồng cảm với Xá Lợi Phát. Có những lúc thâm nhập Thiền định sống với trí tuệ, sách vở, chúng ta quên cả cuộc đời, không nhớ gì đến ăn ngủ. Khi trở về thực tế, chúng ta cũng bị sinh hoạt ăn ngủ tác động, bức bách như thường.

Điểm này kinh Duy Ma muốn nhắc nhở hành giả đừng lạc vào một trong hai thái cực, hoặc quá lý tưởng trở thành ảo tưởng hoặc sinh hoạt như người thế gian, đều không đúng. Hành giả làm cách nào thăng hoa đời sống tâm linh mà không trái với thực tế.

Để trả lời thắc mắc của Xá Lợi Phát, Duy Ma bảo chờ giây lát sẽ có thức ăn thượng diệu. Điều này là ý Duy Ma nhắc người xuất gia học đạo phải hướng đến cái gì cao quý hơn những món ăn vật chất hàng ngày.

Duy Ma liền nhập định, hiển bày cho đại chúng thấy thế giới Chúng Hương và Phật Hương Tích cùng các Bồ tát đang chứng trai. Đến đây, kinh vẽ ra một loại hình thế giới khác với thế giới Ta bà của Phật Thích Ca.

Theo kiến giải của Phật giáo Đại thừa, thế giới Chúng Hương là thế giới của tâm chứng và thế giới Ta bà chỉ cho thế giới của thân xác. Con người tu bằng thân xác để cho tâm sáng lên, kinh thường ví dụ là cọ cây để lấy lửa. Thế giới của tâm hay ngũ phần tâm hương mà chúng ta thường đọc tụng mỗi ngày nhắc nhở người tu đúng lộ trình Phật dạy thì phải phát sinh đức hạnh, hiểu biết, bình ổn, giải thoát. Nếu chỉ tu theo hình thức, không chứng đắc phần tâm linh, thì luống công vô ích. Cũng giống như người bắt chước cọ cây không đúng cách, chẳng bao giờ có lửa.

Tâm chứng của chúng ta kết thành đời sống tâm linh có khả năng đi khắp mười phương, được kinh diễn tả bằng cuộc hành trình của Duy Ma đi lên nước Chúng Hương. Tôi hình dung đó là Phật và Thánh đệ tử cùng sống chung trong một thế giới giải thoát, an lành, kỳ diệu. Ngày nay sắc thân Phật không còn. Pháp thân Ngài vẫn hiện hữu thường hằng, tiêu biểu cho thế giới lý tưởng của người tu hướng tâm về. Thấy được cõi vĩnh hằng bất tử, chúng ta mới dốc hết mạng sống, toàn tâm toàn trí để tạo điều kiện trở về; ngược lại, không thấy thì chỉ tu miễn cưỡng. Đối với hành giả thường sống trong giáo pháp, thâm nhập Thiên định, có độ cảm về Phật Hương Tích và nước Chúng Hương tương đối dễ dàng.

Thế giới của Thánh hiền, Tiên Phật cho đến súc sanh, nạ quỷ đều có quan hệ hỗ tương. Tùy cơ cảm nghiệp lực dừng tâm ở loại hình thế giới nào, cảnh đó hiện ra. Kinh diễn tả Duy Ma nhập định, hướng chân linh về thế giới Chúng Hương thì thế giới ấy xuất hiện. Ý này cũng nhằm chỉ cho chúng ta ngồi yên, ngừng sinh hoạt vật chất để sinh hoạt tâm linh lên cao. Không phải ngồi yên như gỗ đá.

Riêng tôi, khi tĩnh tâm thường thấy thế giới Phật. Đó là thế giới của tri thức, tất cả những gì tôi nghe, đọc trong kinh sách tự hiện sáng lên. Đừng làm tưởng người tu ngồi yên không làm gì. Tuy thân xác của họ không hoạt động. Đời sống tâm linh là trí tuệ, đạo đức vẫn sinh hoạt, phát triển tạo thành thân thứ hai của Bồ tát gọi là Báo thân.

Thanh văn thân chỉ cho thân xác bên ngoài, Bồ tát thân chỉ cho chân thân bên trong hay thân phước đức, trí tuệ. Hành Bồ tát đạo là tu tâm. Hành Thanh văn đạo là tu hình thức, chú trọng đến khuôn phép cố định. Kết hợp tu cả thân lẫn tâm là Tỳ kheo Bồ tát.

Hành giả tu Thiền, thân không hoạt động để có sinh hoạt nội tâm. Họ nhập định, hoạt động tâm linh đi thẳng vào tâm người, khiến cho người có nhân duyên cảm nhận được những gì họ muốn truyền trao. Người tu thiếu phần tác động tâm linh chưa thực sự bước vào thế giới tôn giáo.

Thật vậy, thực tế cho thấy sinh hoạt của Đức Phật là sự lặng thinh dài đến hơn 25 thế kỷ mà hào quang trí tuệ, đạo đức của Ngài vẫn soi rọi miên viễn cho đệ tử khắp năm châu. Lực tác động của Phật chưa bao giờ ngừng nghỉ, khiến chúng ta phải nhớ tưởng đến Ngài, tiếp nhận được sự gia bị của Ngài.

Ở giai đoạn một, hành giả vào Phật huệ bằng con đường văn huệ do huân tập việc nghe pháp, đọc kinh điển, tạo thành thế giới tri thức, đạo đức. Tiến qua giai đoạn hai, hành giả phải rời bỏ ngữ ngôn văn tự thuộc phần vọng thức, để bước vào sinh hoạt bằng chân linh, dùng tâm trực cảm Phật và Thánh chúng.

Duy Ma nhập định, phô diễn tác động của trạng thái tâm linh cao độ, làm cho đại chúng thấy hình ảnh thế giới Chúng Hương. Sau đó, Ngài ở trước chúng hội hóa ra một Bồ tát và bảo vị hóa Bồ tát này lên nước Chúng Hương xin cho Duy Ma phần cơm thừa để làm Phật sự. Điều này cho thấy trong quá trình tu hành, chúng ta cần rèn luyện, xây dựng con người tinh thần có khả năng duyên với thế giới Phật. Định vị tu cao thấp của mỗi người cũng chính ở phần hành này.

Xưa kia Duy Ma lấy được cơm Hương Tích đem về Ta bà giúp cho Phật giáo hưng thịnh. Chúng ta ngày nay hoằng pháp cũng phải có ý thức trách nhiệm như vậy. Người truyền đạo cần có trình độ tu chứng, lãnh hội được chân thật nghĩa mà Đức Phật truyền trao và mang ra ứng xử lợi lạc cho người.

Trên tinh thần này, Nhật Liên Thánh nhân nhấn mạnh việc truyền thừa từ thời Đức Phật cho đến thời Ngài đã có khoảng cách quá dài tới 1500 năm và đến nay cách chúng ta hơn 2500 năm, không còn chánh truyền. Từ đó, Thiền tông chủ trương truyền tâm là chính. Dùng tâm trực nhận Pháp thân

thường trú mới có chánh pháp để giáo hóa chúng sanh, không thể lặp lại y theo lối mòn của lịch sử.

Tôi thường đặt ngược vấn đề rằng nếu có Đức Phật Thích Ca ở thời điểm này, Ngài sẽ dạy gì ? Chúng ta nghe được lời Phật dạy đồng nghĩa với chúng ta lên được nước Chúng Hương lấy cơm Phật Hương Tích đem về trao cho quần chúng ngay trong thời đại này.

Trong kinh điển tả Phật Hương Tích giáo hóa đại chúng bằng mùi hương. Theo tôi, đây là phương pháp giáo dục căn bản của đạo Phật, không dạy bằng lời nói, nhưng bằng hành động thánh thiện thể hiện trong cuộc sống hàng ngày của vị Thầy.

Phương pháp giáo hóa bằng mùi hương thường được Thiên đường áp dụng. Thiên sư lặng thinh, tỏa sáng đạo đức, trí tuệ, thanh tịnh cho Thiên sinh soi bóng. Đó cũng chính là kinh nghiệm trong cuộc đời tu hành của chính tôi. Hòa thượng Huệ Nghiêm, thầy bổn sư của tôi rất siêng năng tụng kinh. Sau thời công phu với đại chúng xong, Hòa thượng trì chú Chuẩn Đề thêm hai tiếng đồng hồ nữa. Kết quả Ngài nhận được lực gia trì của chư Phật, đã chữa lành bệnh cho nhiều người. Ngài không bắt ép tôi tu, tôi theo dõi công phu tu hành của Hòa thượng nhận thấy có kết quả, tự noi gương tinh tấn theo Ngài. Thiết tưởng người thực tu không bắt buộc ai tu, không đánh mắng. Ai có căn lành thực dạ muốn tu, họ sẵn lòng chỉ dạy.

Đức Phật Hương Tích giới thiệu cho chúng ta cách giáo hóa bằng mùi hương. Hay tu đúng pháp, đạt kết quả biến thành hương đạo hạnh, hương trí tuệ bay ngược gió khắp muôn phương. Người có nhân duyên căn lành theo hương thơm đó, tìm đến tu học. Bằng độ khát ngưỡng, cảm tâm, họ hết lòng nghe theo chỉ giáo của Ngài. Nếu bắt ép, chỉ sanh phiền não, họ vừa tụng kinh vừa ngủ gật, chẳng lợi ích gì.

Cuộc đời giáo hóa của Đức Phật Thích Ca cũng vậy. Ngài sử dụng năm phần tâm hương, giáo hóa bằng Pháp thân. Ngài đã vắng bóng trên cuộc đời, nhưng qua kinh điển, chúng ta vẫn nhận được hương giới đức, hương trí tuệ, hương giải thoát tri kiến của Ngài. Nhờ đó, lòng chúng ta thanh tịnh, an vui, phát tâm Bồ đề.

Ở thế giới Chúng Hương hay trên chân lý chỉ có một cách giáo hóa bằng mùi hương. Trái lại, ở Ta bà, cần khai phương tiện, vì không phải ai cũng có khả năng nhận được mùi hương. Chỉ hàng thượng căn, thượng trí mới có thể trực nhận. Hàng trung hạ phải đi qua cửa phương tiện, Phật Thích

Ca triển khai tam thừa giáo. Ngài dùng vô số phương tiện giáo hóa chúng sanh ở Ta bà, trong đó có cả hình phạt, tội lỗi dùng để răn đe, khiến cho Bồ tát nước Chúng Hương phải kinh ngạc.

Đối với người quyết tâm tu, trí sáng, thuần thiện, không cần nói, họ tự hiểu. Đối với người ngang bướng, phải dùng hình phạt đe dọa, họ mới nghe. Từ ý này, cổ đức có dạy “Phương tiện môn trung bất xả nhất pháp”, nghĩa là tất cả mọi việc tùy lúc, tùy nơi khác nhau. Nhưng đều chỉ là phương tiện hành đạo nhằm giúp người phát tâm tu, dẫn đến cứu cánh giải thoát sanh tử.

Duy Ma đem cơm của Phật Hương Tích về trần gian, ai ăn được đều tỏa mùi hương. Ý này gọi cho chúng ta hình ảnh người tu đúng chánh pháp phải có cuộc sống phạm hạnh, hiểu biết và tác động cho người an vui, giải thoát. Nếu hướng dẫn người tu sanh ra phiền muộn, sân si, chắc chắn là pháp của ma.

Bồ tát ở nước Chúng Hương nghe Duy Ma nói về cách giáo hóa răn đe địa ngục đủ loại đối với chúng sanh Ta bà. Họ chưa hết ngạc nhiên thì Duy Ma lại cho biết thêm ở Ta bà dễ tạo công đức hơn. Ở Ta bà tu một ngày bằng tu một kiếp, tu một kiếp bằng trăm ngàn kiếp ở nước Chúng Hương. Vì ở Ta bà có 10 điều lành mà các Tịnh độ khác không có.

Điểm này chúng ta cần lưu ý rằng Duy Ma khuyên Bồ tát ở nước Chúng Hương đã hết khổ, đầy đủ phước đức trí tuệ nên trở lại Ta bà giáo hóa chúng sanh. Duy Ma không khuyên chúng ta là những người còn tràn đầy nghiệp chướng, tham sân, phiền não, tất nhiên còn bị vô số khó khăn bao vây. Chúng ta phải lo tịnh hóa thân tâm, tìm đường giải thoát. Riêng tôi cũng vậy, đến nơi nào khó khăn, phiền não quá, tự lượng không đủ sức đương đầu, cũng phải tránh xa.

Theo Duy Ma, ở Ta bà có 10 điều lành giúp cho Bồ tát mau thành Vô thượng Đăng giác, hay muốn hành lục độ, Bồ tát cần sống với 6 loại hình đối tượng. Từ căn bản này, kinh Hoa Nghiêm dạy rằng không có chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não, Bồ tát không thể thành Vô thượng Đăng giác. Vì ở đó, hột giống Phật của họ bị khô, sinh hoạt trí tuệ không phát triển khi muốn gì được nấy.

Tôi chứng nghiệm điều này, ở Ta bà tu được nhiều lợi lạc vô cùng. Nhất là ở Việt Nam, trải qua 20 năm nay, tôi chứng kiến biết bao nhiêu việc, nhận ra được thật nhiều ý nghĩa Phật dạy. Nếu ở Nhật Bản không thể có nhiều vấn đề phức tạp như vậy, thì tôi không được từng trải những thử thách

và không có cơ hội thí nghiệm lời Phật dạy. Thử nghĩ lấy gì làm đối tượng cho tôi rèn luyện sức chịu đựng, nảy sinh phương pháp ứng xử khéo léo.

Mười điều mà ở thế giới Chúng Hương không thực hiện được. Ví dụ muốn hành bố thí, không có người cần giúp đỡ, Bồ tát làm cách nào thì ơn. Trong khi ở Ta bà, nhờ tiếp xúc với người nghèo khổ, tham lam, hành giả luyện được tánh không tham, mới trở thành mẫu người đạo đức. Có nỗ lực cứu vớt, giúp người, mới được họ quý mến. Như vậy, hành giả có điều kiện bố thí để độ xan tham, tự tiêu diệt tánh xấu của chính mình và phát huy tánh tốt giúp đỡ người, đầy đủ hạnh tự hành hóa tha.

Ngoài pháp bố thí, hành giả giữ tịnh giới dễ dàng, vì đầy đủ tư cách của hàng xuất trần, không chút nhiễm ô. Trì giới của Bồ tát tu lục độ bằng cách thể hiện tam tự tịnh giới, tức không làm điều ác, làm điều lành, giữ tâm ý thanh tịnh. Sống trên cuộc đời, người thường bị hoàn cảnh, lòng tham lôi cuốn. Bồ tát thì như hoa sen không nhiễm trần.

Ở thế giới Chúng Hương, mọi người đều là hoa sen thì không có gì lạ. Ở Ta bà bùn nhơ tội lỗi, một mình Bồ tát là hoa sen tỏa hương đạo đức. Bao nhiêu điều bực tức căm dỗ bao vây, Bồ tát vẫn nhẫn chịu, vượt qua được, thân tâm thanh tịnh, hoàn cảnh yên vui. Người phạm giới nhìn thấy gương sáng của Bồ tát thì tự thức tỉnh, sửa đổi, phát tâm tu hành trở lại. Bồ tát không giữ một số giới điều trở thành chấp giới. Giữ giới theo Bồ tát là đồng nghĩa với thể hiện mẫu người đức hạnh, làm gương cho người noi theo.

Pháp thứ ba của Bồ tát hành xử là có nhiều người gây sự, tạo khó khăn, ở hoàn cảnh nào, Bồ tát cũng thanh thản, không khởi buồn phiền, sân hận. Vì là người của thế giới Phật Hương Tích tái sanh, phải có bản lĩnh hơn người, Bồ tát nhẫn chịu mà chúng sanh không hại được.

Chẳng những tâm hồn Bồ tát yên tĩnh đối trước âm mưu chống phá, sự hành đạo của Bồ tát mỗi ngày một thăng tiến, uy tín đạo đức tăng cao. Trong khi người ám hại Bồ tát lại rơi vào đường cùng, khổ sở làm cho họ phải hối cải. Bồ tát đã thành tựu pháp nhẫn nhục để độ người sân si.

Ngoài ra, Bồ tát tinh tấn tu học trở thành Hiền Thánh, nổi danh thơm để độ người biếng nhác. Bồ tát đã qua quá trình huân tu, thành tựu trí lực tập trung, tâm bình ổn, sáng suốt, nay thể hiện Thiên định để độ người có tâm tán loạn. Bồ tát sống với Phật Hương Tích, hiểu biết tăng trưởng, nhưng so với các Bồ tát và Phật ở cõi đó, thì còn kém xa. Tuy nhiên, trở về Ta bà hay

nước lạc hậu, sử dụng trí tuệ để độ người ngu si, Bồ tát dẹp bỏ dễ dàng tà kiến của họ.

Ngoài pháp lục độ, ở Ta bà, Bồ tát cũng độ người thoát khỏi tám nạn. Sanh trước Phật hay sau Phật được kể là một trong tám nạn đối với chúng sanh. Trước khi Phật ra đời, Bồ tát đến giáo hóa chúng sanh để gợi ý cho họ hướng tâm về Phật. Khi Phật Niết bàn, biết bao người hoài vọng về Ngài, thì Bồ tát xuất hiện để tuyên dương chánh pháp, ca ngợi Phật, giúp họ phát tâm đi theo con đường giải thoát.

Hạng người thế trí biện thông cũng bị coi như vương một trong tám nạn, ngăn cản họ đến với đạo. Hạng này hiểu biết nhiều, đỗ đạt bằng cấp cao, được xã hội kính trọng, rất ngả mạn. Đối với hàng trí thức, chỉ có Bồ tát đủ sức giáo hóa, hàng phục. Vì Bồ tát cũng thông minh, có hiểu biết, bằng cấp cao như họ. Nhưng Bồ tát vượt hơn họ ở phần nội chứng tu hành, tác dụng thẳng vào lòng người, đem an vui thanh tịnh cho người. Điều này hàng trí thức xã hội không có khả năng làm nổi, phải kính phục, quy ngưỡng Bồ tát.

Thực tế lịch sử của Thánh đệ tử đã chứng minh điều này. Mã Thắng đắc A la hán, hàng phục dễ dàng người thế trí biện thông bậc nhất thời bấy giờ là Xá Lợi Phất. Chỉ đơn giản bằng sự lặng thinh của Ngài.

Tóm lại, thế giới Chúng Hương của Phật Hương Tích, một thế giới lý tưởng của tất cả đệ tử Phật đang hướng đến. Trên con đường trở về cõi an bình vĩnh cửu, từng bước chân hành Bồ tát đạo, từng làn hương đạo hạnh và trí tuệ của hành giả mang an vui giải thoát cho người. Hương lan rộng lần theo công đức tu tạo của hành giả.

Đến ngày nào mãn duyên Ta bà, hương đạo hạnh, giải thoát của hành giả đồng cảm, hòa nhập vào rừng hương Thiên của thế giới Chúng Hương.

Khi thời tiết nhân duyên hội ngộ, tùy cảm tâm của chúng sinh, làn hương Bồ tát lại trở về Ta bà tỏa ngát hương cho đời trong sáng. Người người an vui, hiểu biết, hòa hợp, thương yêu nhau mãi mãi.

---o0o---

## **06. Quan niệm về đức Phật trong kinh Hoa Nghiêm**

*(Giảng tại Trường Cao cấp Phật học TP. Hồ Chí Minh)*

Kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm là hai bộ kinh nòng cốt của hệ Phật giáo Đại thừa. Kinh Pháp Hoa nặng về pháp, nên có tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Đức Phật là người đủ tư cách diễn nói diệu pháp, được triển khai trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Kết hợp hai bộ kinh này, chúng ta có đủ Phật pháp để xây dựng đời sống lý tưởng của người tu theo Đại thừa.

Mặc dù tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày, hiểu được diệu pháp không đơn giản. Có thể nói trên bước đường hành đạo, gặp hoàn cảnh tương ứng với một pháp nào đó của Phật dạy, chúng ta hiểu được pháp ấy. Những gì còn lại nằm ngoài nhận thức của chúng ta, thường được coi là pháp mâu nhiệm. Riêng Đức Phật với trí toàn giác, Ngài hiểu rõ tất cả pháp và vận dụng các pháp dễ dàng.

Kinh Hoa Nghiêm mô tả trạng thái đặc đạo của Phật hay giới thiệu một Đức Phật thông cả vũ trụ, lấy vũ trụ hoặc pháp giới làm thân. Khi nhận thức về Đức Phật trên nền tảng thâm nhập pháp giới theo tinh thần Hoa Nghiêm, chúng ta sẽ thấy Đức Phật khác với Phật ở thời kỳ nguyên thủy. Điều này không có gì lạ vì nhận thức của con người tiến triển, thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

Đức Phật ở thời kỳ nguyên thủy là Phật Thích Ca, một người có thực được lịch sử ghi nhận. Ngài là Thái tử sống trong cung điện, nhưng thường băn khoăn, suy tư về kiếp sống trầm luân vô hạn của con người. Ngài từ bỏ cuộc sống cao sang, dấn thân tìm chân lý. Sau 5 năm tìm đạo, 6 năm khổ hạnh và 49 ngày tư duy dưới cội bồ đề, Ngài chứng quả Vô thượng Đăng giác.

Sau đó, Đức Phật đi truyền bá chánh pháp, trước tiên Ngài độ 5 anh em Kiều Trần Như. 6 Tỷ kheo, 1 Thầy và 5 trò trở thành biểu tượng Tam bảo đầu tiên của Phật giáo.

Trên bước đường vân du hóa độ, giáo đoàn do Ngài hướng dẫn đã phát triển dần lên đến 12.000 Tỷ kheo, 6.000 Tỷ kheo Ni và nhiều cư sĩ thuộc mọi thành phần xã hội. Từ vua chúa đến thường dân đều phát tâm hộ đạo. Đến năm 80 tuổi, sắc thân Phật cũng hoại diệt như bao nhiêu thân người khác, chấm dứt một đời du hóa độ sanh.

Tuy nhiên, cách đánh giá Đức Phật bình thường như bao người trên cuộc đời, không còn giá trị ở thời Phật giáo phát triển. Vấn đề đặt ra cho người tu học Phật là nếu Đức Phật cũng là con người như chúng ta, thì tại



sao trong loài người từ khi Phật Niết bàn đến nay, chỉ duy nhất có Ngài tu thành Phật. Từ nghi vấn này của những hành giả theo tư tưởng Phật giáo phát triển, mở đầu cho cách nhìn đối khác. Nhìn về chiều sâu của con người để định giá trị.

Bên trong của Phật, Bồ tát, La hán tiềm ẩn công đức tu hành tích lũy nhiều đời, khác với chúng sanh chất chứa nghiệp ác. Trước kia quan niệm tu một đời thành Phật. Nay quan niệm đời mới, thấy được quá trình Phật, Bồ tát, La hán đã tu nhiều đời, không phải một đời. Điển hình như Xá Lợi Phất đã tu 60 tiểu kiếp, hiện đời mới có trí tuệ bậc nhất.

Từ căn bản này, kinh Bốn Sanh, Bốn Sự ra đời, nói về tiền kiếp của Phật và Bồ tát. Dưới lăng kính của Phật giáo phát triển, Đức Phật có hai thân : Sanh thân và Báo thân.

Với đức hạnh cao quý và trí tuệ quán sát đúng nhân duyên đặc độ, Đức Phật đã cảm hóa người một cách nhẹ nhàng. Chúng ta có nói rất cổ, họ cũng không nghe. Có thể khẳng định rằng tri thức và đạo đức của Phật mới có công năng khuyến hóa được người. Nghĩa là Báo thân Phật đã giáo hóa chúng sanh. Nhận chân như vậy, Phật giáo Đại thừa chủ trương triển khai Báo thân Phật, để nuôi lớn Báo thân của chính mình.

Trên nền tảng của Phật giáo Đại thừa nhận thức về Báo thân Phật hay thân phước đức trí tuệ, kinh Hoa Nghiêm mở rộng hơn nữa. Theo Hoa Nghiêm kiến giải, ta là một phần Pháp thân của Phật vì ta sống trong pháp Phật, hành trì pháp Phật, tự nhận là đệ tử Phật. Và ta nhận được trí tuệ, đức hạnh của Phật tác động qua tri thức và đạo đức của ta.

Nhận chân rõ lực tác động sâu sắc này của Đức Phật đối với loài hữu tình, kinh Hoa Nghiêm nhắm đến phát huy Phật thực tên là Tỳ Lô Giá Na. Tỳ Lô Giá Na Phật hoàn toàn khác với Phật ở thời nguyên thủy.

Như trên đã nói, Đức Phật ở thời Phật giáo nguyên thủy là một người thực ở trần thế có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Nhưng đến kinh Bát Nhã chỉ rõ nếu coi 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp là Như Lai, người đó hành tà đạo.

Tiến đến kinh Hoa Nghiêm, chúng ta không thể hình dung Đức Phật là tượng Phật bằng xi măng, gỗ đá được thờ ở chùa và cũng không phải là đức Thích Ca sống thuyết pháp. Tuy nhiên, phủ nhận hoàn toàn Phật lịch sử và Phật tượng đều không đúng.

Tinh thần Hoa Nghiêm mở ra cho chúng ta ý niệm hoàn toàn mới về Phật, khác hẳn quan niệm của các kinh khác, kể cả các kinh Đại thừa. Quan niệm về Đức Phật theo Hoa Nghiêm là Phật toàn diện, tức không có một cái gì không phải là Phật mới là Phật. Từ loài người cho đến loài thú, kể cả cây cỏ đều là Phật.

Tu theo Hoa Nghiêm, phải thể hiện được tinh thần toàn diện. Nếu còn nhìn phiến diện, chấp vào một cái nào đó, chúng ta rớt qua biên kiến, không thể đến với Phật của Hoa Nghiêm.

***Với lý giải Phật không có một hình nào cố định trên thế gian gọi là Phật thì đó mới là Phật, Đức Phật đã hiện diện trong tất cả loại hình. Phật đó là Tỳ Lô Giá Na, tiêu biểu cho ánh sáng trí tuệ.*** Tuy không thấy bằng mắt, nhưng trí tuệ Phật có tính phổ biến toàn diện, có khả năng đi đến bất cứ nơi nào cũng không chướng ngại. Trí tuệ Phật hiện vô thân đồng nữ thì đồng nữ đó là Phật, hiện vô thân trường lão thì trường lão thành Phật.

Ý niệm đặc biệt về Phật theo tinh thần Hoa Nghiêm không có hình cố định, mở rộng cho hành giả có tầm nhìn thoáng, khác hơn các bộ kinh khác. Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi hành giả phải đạt đến trình độ tu chứng nhất định nào đó để hiểu, để sống và hành đạo theo Hoa Nghiêm.

Đứng ở lập trường không có gì không phải là Phật mới thực là Phật, để quan sát sinh hoạt mọi loài, kinh Hoa Nghiêm đưa ra hình ảnh Đức Phật có 10 loại thân. Con số 10 chỉ cho bội số, là số tiêu biểu cho tất cả. 10 thân này tổng hợp thành Tỳ Lô Giá Na thân của Thích Ca Mâu Ni.

Trước nhất, Tỳ Lô Giá Na Pháp thân tác động vào loài hữu tình trong 6 đường sanh tử hay thế giới của phàm qua 3 thân : chúng sanh thân, quốc độ thân và nghiệp thân.

***Chúng sanh thân hay ngũ ấm thân*** là căn bản. Tất cả muôn sự muôn vật đều phát xuất từ thân ngũ ấm. Khởi đầu, Đức Phật cũng mang thân ngũ uẩn. Nhưng Ngài khác chúng sanh ở điểm Ngài điều động được ngũ uẩn. Trong khi chúng ta bị ngũ uẩn thân chi phối, làm nô lệ cho nó.

Điều này dễ nhận ra trong cuộc sống. Khi còn phải sống với thân vật chất, kẹt với sắc uẩn, chúng ta luôn bị bốn tướng nóng lạnh, đói khát ràng buộc chặt chẽ. Chỉ cần tách linh hồn khỏi sắc thân, sống với thức uẩn, dù chưa phải là chân tâm, chúng ta cũng không bị bốn tướng này chi phối. Thí dụ khi nằm mơ thấy rớt xuống biển hay đi vào lửa. Chúng ta không hề bị

chìm hay có cảm giác nóng. Nghĩa là linh hồn không thể bị chìm, không thể bị cháy. Linh hồn không có nóng lạnh.

Đức Phật cũng sử dụng ngũ uẩn thân để tu hành đắc đạo và giáo hóa độ sanh. Khi mãn duyên hành đạo, Ngài từ bỏ thân ngũ uẩn dễ dàng. Ngài mang thân ngũ uẩn để làm Phật sự, nên ngũ uẩn thân được coi là Phật thân theo tinh thần kinh Hoa Nghiêm.

Tuy nhiên, cần nhận định rằng Đức Phật Thích Ca có thân ngũ uẩn, nhưng chúng ta chấp vào ngũ uẩn này là Phật, sẽ phạm tội phá pháp. Hoặc ngược lại, cho đó không phải là Phật cũng sai. Ở khía cạnh nào đó, ngũ uẩn là Phật, nhưng ở khía cạnh khác, ngũ uẩn không phải là Phật. Cần nhận thức đúng điều này để tu đúng chánh pháp.

Từ ngũ uẩn làm gốc, hiện **loại thân thứ hai là quốc độ thân, chỉ cho sơn hà đại địa**. Tất cả những gì hiện hữu trong vũ trụ này đều là thân của Đức Phật. Theo tinh thần Hoa Nghiêm, dòng suối chảy, nụ hoa, cá bơi, chim liệng đều có thể gọi cho chúng ta phát tâm bồ đề.

Đứng ở góc độ này để định giá trị, đối với hành giả Pháp Hoa không có gì không phải là Phật, không có gì không đẹp. Khi chưa tu, mọi sự vật trên cuộc đời đều chướng tai gai mắt, gây phiền hà cho chúng ta, làm ta đau khổ. Đến khi bước vào con đường hành đạo của thế giới Hoa Nghiêm, từ con ong cái kiến cho đến cọng cỏ hạt sương, tất cả đều trở thành dễ thương. Quán sát như vậy, người thực dạ tu hành ở núi rừng bên dòng suối, nơi phiến đá. Họ vẫn cảm nghĩ đó là đạo tràng của ba đời mười phương Phật. Có độ cảm tâm như vậy mới tu được. Trái lại, đòi hỏi phải ở chỗ này mới sống được, ở chỗ khác thì buồn khổ. Chúng ta rơi vào vọng tâm, tham đắm, khó tiến tu.

Riêng tôi, trong thời niên thiếu đã từng hành đạo dưới gốc cây, ăn uống thật đơn sơ, nhưng cảm thấy hạnh phúc. Một số thầy tu theo pháp này cũng đồng cảm nhận như tôi. Đến khi họ bắt đầu xây dựng tịnh xá, thu nhận đồ chúng, cuộc đời khổ ơ là khổ. Điều này thể hiện rõ nét khi tâm hồn chúng ta phóng khoáng, không chấp vật. Cái gì đối với chúng ta cũng tốt. Còn chấp, dù chỉ một việc thôi, tức thì trùng trùng duyên khởi.

Dưới lăng kính Hoa Nghiêm, Đức Phật trái thân làm đất nuôi lớn cỏ cây, làm núi sông cho người nhờ cậy, dung nhiếp được mọi loài. Theo tinh thần Hoa Nghiêm, người nào mang tinh thần rộng lớn, phóng khoáng như vậy, tu hành sẽ thành Phật trong tương lai.

**Chúng sanh thân, quốc độ thân hình thành được do phát xuất từ nghiệp thân.** Tiền nghiệp của chúng ta thế nào sẽ dẫn đến thân đời sau tương ứng. Túc nghiệp không giống nhau, nên hiện thân ngũ uẩn và hoàn cảnh mỗi người đều khác nhau. Đức Phật trang nghiêm thân bằng 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Và hoàn cảnh nào, Ngài cũng khắc phục, nhiếp hóa được. Vì Ngài đã trải qua quá trình vô số kiếp hành Bồ tát đạo, phát huy trọn vẹn trí tuệ và đức hạnh.

Ngoài thế giới phàm phu, Tỳ Lô Giá Na thân cũng chiếu xuống cõi Thánh để kết hợp, hình thành một thế giới duy nhất là pháp giới.

7 thân kế tiếp của Phật là thế giới quan của bậc giác ngộ, đứng đầu là **Thanh văn thân**. Thanh văn là người mang hình thức giống Phật, tu hành tuyên dương Phật pháp. Họ được coi như một phần thân trong tổng thân của Phật Thích Ca. Kinh Pháp Hoa quan niệm rằng hình ảnh Thanh văn là thế gian tướng thường trụ. Trên tinh thần này, người Tây Tạng rất quý người tu, tôn là Phật sống.

Hàng **Duyên giác** tiêu biểu cho tầng lớp trí thức có tinh thần bén nhạy, quán nhân duyên để thấy mối quan hệ của chúng sanh trong sáu đường sanh tử. Thấy được nhân duyên thì thấy được pháp chân thật và thấy pháp chân thật, mới thành Phật.

Điều này gợi chúng ta hai pháp, pháp phương tiện và pháp chân thật. Khi chưa thấy được nhân duyên, chúng ta chỉ mới thấy được phương tiện của pháp phương tiện mà Đức Phật đưa ra. Trong Thiền định, Duyên giác thấy nhân duyên sanh ra các pháp và hành xử đúng với lý nhân duyên để truyền bá chánh pháp. Vì vậy, hàng Duyên giác cần tu, vẫn là một loại hình thân của Đức Phật.

Kết hợp mẫu người đạo đức của Thanh văn và mẫu người trí thức của Duyên giác để đi vào cuộc đời, độ chúng sanh gọi là **Bồ tát**. Họ mang ánh sáng giác ngộ cho các loài hữu tình. Bồ tát khởi từ tâm và đến cứu vớt chúng sanh cũng do lực Phật truyền đến. Bồ tát thân cũng là một thân của Đức Phật.

Hành giả đầy đủ tâm đại bi, tròn hạnh Bồ tát, kết thành **Như Lai thân**. Lúc ấy, hành giả không dấn thân vào đời như Bồ tát, không phải ẩn cư như hàng Duyên giác, cũng không cần sống trong tập thể như Thanh văn để trao đổi sách tấn tu hành.

**Như Lai thân không từ đâu tới và cũng không đi về đâu.** Chính thân đó tác động qua các loài chúng sanh, giáo hóa mọi người mà không cần cử thân động niệm.

Từ chúng sanh thân hay ngũ uẩn thân tiến đến thân thứ bảy là Như Lai thân, hành giả đã qua quá trình tu chúng. Từ đó, không cần làm tất cả các việc như trước, nhưng các loài hữu tình tự động phát tâm, tự tu hành, giải thoát.

Ở vị trí Như Lai thân giáo hóa, Như Lai cứu độ chúng sanh, nhưng chúng sanh không thấy. Hay đúng hơn, Ngài không cần cứu độ mà họ được độ thoát. Hoạt động chính của Như Lai thân không phải bằng thân. Ngài hoạt động bằng trí tuệ, bằng công đức. Như Lai như như bất động mà hóa độ chúng sanh bằng trí tuệ của Ngài, nên gọi là **Trí thân**. Phật sử dụng trí tuệ hay trí thân tác động cho chúng sanh phát tâm bồ đề. Tất cả pháp không có pháp nào mà trí tuệ Như Lai không chiếu tới được.

Trí tuệ Như Lai chiếu đến pháp nào, thì biến pháp đó thành thân của Phật, nên gọi là **Pháp thân**. Thí dụ trí tuệ Như Lai tác động vào Tăng Ni ở Trường Cao cấp và cũng tác động cho cả các pháp, biến gạch ngói thành chùa, thành trường, lớp học, tức là nơi Phật pháp tồn tại. Vì vậy người và vật đều nằm trong phạm vi phát triển Phật pháp, được coi là Pháp thân Phật.

Như vậy, Pháp thân Phật theo tinh thần Hoa Nghiêm rộng lớn hơn ý niệm Pháp thân ở nguyên thủy, vì bao gồm luôn cả sơn hà đại địa. Trong khi theo nguyên thủy, Pháp thân Phật chỉ giới hạn ở lời dạy của Phật còn lưu lại.

Trên căn bản Pháp thân Phật bao gồm cả loài hữu tình và vô tình, vật nào có huệ Như Lai đưa vô, sẽ biến hóa thành pháp. Thí dụ một hòn đất, một miếng gỗ nhưng được huệ Như Lai đưa vô, có ý niệm về Đức Phật thì hòn đất, miếng gỗ ấy biến thành Phật.

Nói chung, mọi sự vật trên cuộc đời đều biến thành Phật pháp, nếu có Như Lai huệ rọi vào. Từ căn bản nhận thức này, tinh thần làm đạo theo Hoa Nghiêm là chúng ta nỗ lực phát triển Như Lai huệ của chính mình, để chiếu vào lòng xã hội, vào vũ trụ, biến vũ trụ thành Phật pháp.

Sau cùng, pháp kết hợp trở lại với trí thành một, hay trí và lý bất nhị, tạo thành **Hư không thân, tức thể giới Thường Tịch Quang**. Nghĩa là từ trạng thái chân như bừng sáng trí tuệ, thấu suốt tất cả sự vật.

**Mười thân nói trên là tổng thể của Tỳ Lô Giá Na Phật, được dịch là Phổ Quang Minh Chiếu;** vì ở vị trí này, Tỳ Lô Giá Na chi phối tất cả. Nhìn chung, chúng ta có một tổng thể đứng đầu là kết hợp giữa chân lý và trí tuệ chi phối ngược xuống tất cả, từ hàng thánh giả Như Lai, Bồ tát, Thanh văn, cho đến chúng sanh, người thường trên cuộc đời. Tất cả đều hiện hữu trong vô hình. Khi Tỳ Lô Giá Na chi phối đến đâu biến cái đó thành Phật thân. Đó là điều quan trọng của tinh thần Hoa Nghiêm, chúng ta cần suy nghĩ, nhận chân.

Từ căn bản về lực chi phối của Tỳ Lô Giá Na đối với tất cả loài hữu tình chúng sanh, tác động cho họ phát tâm bồ đề, tự hành đạo, kinh Hoa Nghiêm quan niệm giáo hóa chúng sanh không cần giáo hóa, tức không giáo hóa trên ngôn ngữ, trên hành động bình thường. Tuy nhiên, lực tác động kết hợp giữa trí tuệ và chân lý là một. Dùng đó để chi phối các loài hữu tình, khiến họ phát tâm tu và biến vô tình khí thế giới trở thành pháp giới. Đó là thế giới huyền môn của đạo Phật.

Tóm lại, theo tinh thần kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật thành tựu lực toàn diện vô cùng. Ngài chi phối muôn loài mọi giới, đưa tất cả tiến đến Vô thượng giác. Đức Phật cảm hóa dễ dàng đủ loại người có căn tánh hành nghiệp khác nhau, giúp đại chúng đặng địa Hiền thánh, nên Ngài chứng viên mãn Báo thân, thành tựu Tỳ Lô Giá Na Pháp thân.

Riêng mỗi người trong chúng ta đang trên bước đường tiến dần đến quả vị Vô thượng Đăng giác. Chúng ta chỉ làm được một số việc nhất định. Mỗi người có mức độ cảm hóa khác nhau, tùy thuộc ở quả vị tu chứng, tùy ở lực chi phối của chúng ta đối với người.

Kỷ niệm ngày Phật thành đạo, chúng ta nỗ lực phát huy Báo thân, Pháp thân của chính mình, để từ đó tiếp nhận được lực gia bị của Tỳ Lô Giá Na Pháp thân, biến thành lực của chúng ta làm lợi ích chúng hữu tình.

---o0o---

## **07. Ý nghĩa lễ Phật theo kinh Hoa Nghiêm**

*(Giảng tại chùa Xá Lợi)*

Một trong các pháp tu chính yếu của Tăng Ni Phật tử là lễ Phật. Vì là pháp tu nên chúng ta phải lễ như thế nào cho đúng pháp để thành tựu công đức. Chúng ta không thể hành lễ một cách máy móc, cứ lạy Phật mà không

hiểu ý nghĩa và cũng không được lợi ích gì trong cuộc sống tu hành. Thực tế có một số người mê tín dị đoan, tôn thờ quỷ thần. Họ lễ Phật cầu xin đủ thứ, nhưng kết quả không được bao nhiêu.

**Lễ Phật theo Phật giáo không phải để cầu xin, nhưng để biểu lộ lòng tôn kính của chúng ta đối với Đức Phật, vị Đạo sư sáng suốt nhất và đức hạnh nhất. Chẳng những kính trọng đánh lễ, mà còn nguyện làm theo công hạnh của các Ngài.**

Thật vậy, bước theo lộ trình Phật dạy, chúng ta luôn ý thức sâu sắc luật nhân quả chi phối tất cả hành động của mọi người từ đời trước cho đến đời này và dẫn đến đời sau. Không ai có thể thoát ra ngoài luật nhân quả. Người làm việc lành tất nhiên được hưởng kết quả tốt. Người làm việc xấu ác, ắt hẳn phải lãnh quả xấu. Không ai có thể ban phước giáng họa hay làm giúp ta được.

Riêng tôi, khi lễ Phật thường tụng bài kệ tán thán hạnh nguyện của các Ngài. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ nêu ra ba bài kệ mở đầu cho khóa lễ và ý nghĩa lễ Phật, Bỏ tất trong các bài kệ này.

Bài kệ thứ nhất trích từ kinh Hoa Nghiêm :

**"SỞ HỮU THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI TRUNG**

**TAM THẾ NHỨT THIẾT NHƠN SƯ TỬ**

**NGÃ ĐẰNG THANH TỊNH THÂN NGŨ Ý**

**NHỨT THIẾT BIẾN LỄ TẬN VÔ DU"**

Bài kệ nêu lên mười phương thế giới, trong đó chúng ta ở vị trí trung tâm, chung quanh đều có Phật và tất cả đều sẽ thành Phật.

Chúng ta lễ Phật với ý niệm như vậy, không phải lễ riêng Phật Thích Ca. Theo lời Phật dạy trong quá khứ có vô số Phật, hiện tại cũng có vô lượng Phật và trong tương lai, tất cả mọi người đều lần lượt tiến đến Vô thượng Đẳng giác.

Bằng cách quán tưởng ấy, chúng ta lễ một lạy nhưng đã lạy đủ ba đời mười phương Phật. Chúng ta bắt đầu nhìn ngược lại chính mình, theo Phật, cần phải giữ ba nghiệp thân khẩu ý cho thanh tịnh. Điểm này quan trọng

nhất, chúng ta cần lưu ý trên bước đường tu. Nếu không tiếp nhận được yếu nghĩa ấy, tu suốt đời cùng kiếp mà cứ tham cầu, thì chỉ có nghiệp ác sanh ra. Lễ lạy đúng pháp, chỉ một niệm thanh tịnh, thông được ba đời mười phương Phật và nhận được lực Phật phóng quang gia hộ.

Tuy nhiên, một mình ta thanh tịnh chưa đủ, cả chúng hội đạo tràng phải thanh tịnh. Lý này được Phật dạy là đức chúng như hải. Làm cách nào để ta và tất cả mọi người trong đạo tràng đều thanh tịnh. Đạo tràng đông hay ít người không thành vấn đề. Hòa hợp thanh tịnh mới là yếu tố cần thiết nhất để đến với Phật.

Trên tinh thần ấy, thiết đặt đạo tràng càng lớn chừng nào càng khó, càng ít người càng dễ giữ vững tiến tu. Đạo tràng cần thu nhỏ cho đến con kiến cũng không vô được. Nói đơn giản là hình thành đạo tràng vô tướng. Làm sao tâm chúng ta lắng yên đến độ người xấu không thể chọc thủng. Còn để người dữ vô tâm mình được, coi như công đức tu hành mất hết. Thí dụ đơn giản như khi chúng ta sắp tụng kinh lễ Phật. Người ngoài la lên một tiếng, chúng ta giật mình, nghĩa là đã động niệm, đã bị họ dữ trúng tâm. Vì nếu thật sự chúng ta giữ được ý căn thanh tịnh, thì tiếng động bên ngoài không thể chui vào tâm. Cho đến niệm ác của họ cũng không xâm nhập lòng ta được.

Ai có trải nghiệm pháp nhiếp tâm, dễ nhận rõ điều này. Bước ban đầu, chúng ta không cho sắc, thanh, trần tác động tâm. Khi lễ Phật, chúng ta tập trung lòng thành kính cao độ nên không thấy, không nghe việc xung quanh, sẽ đạt đến tánh Không. Chư Phật mười phương mới xuất hiện, chúng ta mới đối diện đánh lễ các Ngài được. Đứng trước Phật đài, chúng ta còn nghe tiếng động bên ngoài, ai đi ngang qua chúng ta còn biết. Điều đó chứng tỏ ba nghiệp của chúng ta chưa thanh tịnh, không thể liên hệ với Phật và Phật cũng khó chứng minh gia bị cho ta.

Trên bước đường tu, ở chỗ thanh vắng, tâm chúng ta dễ yên tĩnh theo. Thử về chốn đông người, xem tâm hồn ta ra sao. Tôi từng trải qua pháp này. Khi ở Nhật, tôi sống trong chùa Thiên, từng bước đi, từng lời nói, cử động đều phải nhẹ nhàng, giữ cho thân khẩu ý thanh tịnh. Với cảnh vật và sinh hoạt của Thiên môn hoàn toàn thanh tịnh, giúp tôi dễ dàng thâm nhập Thiên định. Hoặc lạy Phật để có độ cảm tâm, hay đọc kinh, sách dễ nắm bắt được yếu nghĩa. Từ môi trường sinh hoạt thanh tịnh của Thiên môn như vậy, trở về Việt Nam, sống ở chùa Ấn Quang, tôi thấy mệt mỏi với sinh hoạt quá ồn ào.



Để giữ cho tâm hồn thanh tịnh, tôi phải tìm pháp tu khác. Tìm sự thanh tịnh trong hoàn cảnh không thanh tịnh, hay trang bị cho mình tâm tịnh độ ngay trong thế giới Ta bà.

Tôi bắt đầu luyện tập, không nghe, không thấy. Mặc dù có sắc tướng, âm thanh, tôi coi như không có. Nhìn thấy người mà không để ý, nên không biết là ai. Nghe âm thanh, nhưng vì không muốn nghe, nên chỉ nghe tiếng vang. Ngăn chặn nhãn thức, nhĩ thức lại, không đưa vào trong ý thức là ta đã giữ được ý căn thanh tịnh. Vì chúng ta không cho ý căn tiếp xúc, không hoạt động với thấy biết bên ngoài; nó phải sinh hoạt ngược lại, hướng về tâm linh, gọi là phản văn tự kỷ trong pháp tu Thiền định.

Hoặc khi lễ Phật, tụng kinh, ý căn chúng ta đặt vào kinh, vào danh hiệu và hảo tướng của Phật, giúp cho pháp tu quán thành tựu.

Khi ý căn tiếp xúc với phần tâm linh bên trong, tạo thành tác dụng thiên biến vạn hóa. Tất cả pháp lành tự động sanh ra, ba đời mười phương Phật xuất hiện, nên đánh lễ không sót một Đức Phật nào. Trái lại, chúng ta lễ Phật bằng thân xác, chỉ có tác dụng rất giới hạn. Thậm chí lạy toát mồ hôi mà tâm nghĩ tưởng đâu đâu. Chắc chắn chẳng có Phật nào chứng minh, không thể sanh công đức.

Ở giai đoạn một, **chúng ta lễ lạy hình tượng Phật nhằm thực hiện pháp tu quán.** Tùy mức độ tu chứng, sử dụng được phương tiện hình tượng cao hay thấp trong pháp quán tưởng mà chúng ta hình dung ra Phật thực. Kinh nghiệm tôi thấy rõ pháp này. Khi niềm tin chúng ta vững mạnh và tập trung cao, cảm được Phật giẫy, thì Phật ứng hiện.

Tiến sang giai đoạn hai, chúng ta **cảm đức từ bi của Phật, tức hình dung được Báo thân Phật kết tinh bằng đức hạnh, trí tuệ, việc làm siêu phàm mà kính trọng lễ lạy Ngài.**

Giai đoạn ba, **kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta đánh lễ Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật mới lễ được toàn diện.** Ba đời mười phương Phật đều nhập vào Tỳ Lô Giá Na Pháp thân và từ Pháp thân Phật tác động đến tất cả chúng sanh, khiến họ phát tâm. Vì vậy, trong tâm của chúng sanh có một phần thân của Phật.

Tóm lại, **muôn lễ Phật, điều quan trọng phải dùng tâm thanh tịnh của chúng ta đánh lễ thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật, mới tiếp nhận được công đức vô lượng.**

Lễ Phật bằng tâm thanh tịnh, có lúc chúng ta đứng yên hay ngồi yên, không lễ mà vẫn đánh lễ đầy đủ tất cả Đức Phật. Lúc ấy mới có thể xướng lên câu: **Nam mô Thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật.**

Kế đến, lễ lạy Bồ tát. Nương theo trí lực và tình thương của các Ngài, tâm chúng ta thanh tịnh sáng suốt, mới đủ sức hành đạo lâu dài ở chốn Ta bà. Có rất nhiều Bồ tát, hạnh nguyện mỗi vị khác nhau. Chúng tôi xin đề cập đến hai vị Bồ tát thượng thủ : Đại trí Văn Thù Sư Lợi và Đại hạnh Phổ Hiền.

Đề tán thán hạnh nguyện của Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Hòa thượng Trí Thủ đã cảm tác bài kệ như sau :

**"TAM THẾ NHƯ LAI CHI ĐẠO SƯ,  
TRÍ NGUYỆN QUẢNG ĐẠI THẠM NAN TỬ.  
VÔ BIÊN SÁT HẢI VI TRẦN QUỐC,  
NHỨT NIỆM THU LAI HIỆN CHƠN NHƯ"**

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát được tôn kính là Thầy của ba đời mười phương các Đức Phật. Căn cứ theo phẩm Tựa, kinh Pháp Hoa, từ vô lượng kiếp xa xưa, Ngài đã là Bồ tát thượng thủ của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh với tên Diệu Quang. Lúc ấy, Diệu Quang Bồ tát đã giáo hóa 800 đệ tử đều thành Phật, người thành sau cùng là Phật Nhiên Đăng. Chính Phật Nhiên Đăng thọ ký cho đức Thích Ca thành Phật trong hiện tại ở cõi Ta bà. Chẳng những Bồ tát Văn Thù đã từng dạy mọi người thành Phật trong quá khứ, trong hiện tại mà tương lai cũng vậy. Tất cả chúng sanh muốn thành Phật phải nhờ Ngài giáo dưỡng.

**Ngài Văn Thù mở đầu kinh Pháp Hoa với tư cách tối quan trọng của một Bồ tát tiêu biểu cho trí tuệ bậc nhất, hành giả Pháp Hoa tôn kính lễ lạy Ngài trước nhất.**

Trên tinh thần này, người tu hành chân chính đều lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Đó là sự nghiệp vững chắc nhất. Chúng ta không sở hữu vật gì, nhưng có trí tuệ, sẽ có tất cả. Nếu không trí tuệ mà nắm giữ tài sản lớn, chỉ chuốc họa vào thân.

Nói đến trí nguyện của Bồ tát Văn Thù, chúng ta không thể nào suy nghĩ cho cùng tận. Hằng hà sa số thế giới đều thuộc về Bồ tát Văn Thù, mặc

dù Ngài không giữ riêng một Phật quốc nào. Đánh lễ Ngài, chúng ta phải ý thức việc làm cao cả đó. Bồ tát Văn Thù trải tâm giáo hóa chúng sanh trong vô lượng vô biên thế giới. Chúng sanh đồng một lúc khởi niệm phát tâm thì chỉ bằng một niệm tâm, Ngài đều chi phối, đáp ứng được tất cả. Tâm hoạt động mở rộng vô cùng tận của Bồ tát Văn Thù như vậy. Nhưng thu lại, không có chúng sanh nào hay việc nào có thể làm vướng bận, tác hại tâm chơn như của Ngài.

Nhận chân sâu sắc hạnh nguyện lớn lao không thể nghĩ bàn của Bồ tát Văn Thù, chúng ta thành tâm xưng lễ : **Nam mô Ngũ trí nghiêm thân đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát**

Nghĩa là chúng ta cung kính đánh lễ, quy mạng với vị Bồ tát đầy đủ năm trí, từ thế gian trí cho đến Phật trí. Ngài là bậc Thầy mà chúng ta hết lòng cầu học. Được Ngài dạy dỗ, trí tuệ chúng ta phát sanh, hiểu được lý kinh, thấy rõ mọi việc để ứng xử đúng như pháp, không phạm lỗi lầm. Đó là con đường dẫn đến Phật quả.

Tuy nhiên, nếu chưa gặp được Bồ tát Văn Thù, thiết nghĩ trở lại thực tế, chúng ta cần phải cầu học với các bậc đại trí ở thế gian. Họ là những bậc chân tu thật học, cũng giúp ích rất nhiều cho ta trên bước đường tu.

Lễ lạy kế tiếp, chúng ta hướng tâm **đến Bồ tát Phổ Hiền**. Đối với hạnh nguyện của Ngài, tôi thường dùng bài kệ của Hòa thượng Trí Thủ đã tặng tôi, do Ngài cảm tác sau khi tụng xong bộ kinh Hoa Nghiêm :

**"PHẦN HƯƠNG NHẤT NIỆM PHÁP KHÔNG VƯƠNG,**

**ĐẠI HẠNH ĐỒNG THAM BIẾN KIẾT TƯỜNG.**

**SÁT HẢI TRẦN THÂN THI DIỆU LỰC**

**TRÀM KHA CHƯỞNG NGHIỆP TỔNG AN KHƯƠNG"**

Mở đầu bài kệ, chúng ta nói lên lòng thành, kính lễ để kết duyên với Đức Phật là vị vua của tất cả pháp. Sau đó, chúng ta đi sâu vào tham cứu 10 hạnh nguyện của Ngài Phổ Hiền.

***Hạnh nguyện thứ nhất : Lễ kính chư Phật***

Cách lễ Phật của Bồ tát Phổ Hiền được kinh Hoa Nghiêm diễn tả như sau : "Nhứt thân phục hiện sát trần thân. Nhứt nhứt biến lễ sát trần Phật". Nghĩa là trong pháp giới mười phương, tất cả chư Phật nhiều như bụi trần đã ra đời, thành Vô thượng Chánh đẳng giác hay chưa ra đời, còn ở trong tâm niệm chúng sanh. Cùng một lúc Ngài biết rõ tất cả và hiện đủ thân đến trước tất cả, đánh lễ không sót.

Chắc chắn Phổ Hiền không dùng thân để lễ như chúng ta. Ngài sử dụng lực phát xuất từ tâm chơn như đi vào pháp giới để lễ ba đời các Đức Phật, trong đó có Pháp thân của chúng ta.

### ***Hạnh nguyện thứ hai : Xưng tán Như Lai***

Về pháp tu này, nếu chúng ta hiểu lầm, chỉ ca ngợi suông, trong khi cuộc sống không có phần nào tốt đẹp giống Phổ Hiền Bồ tát. Chắc chắn ca ngợi đó sẽ trở thành phản tác dụng. Thể hiện xưng tán Như Lai trong cuộc sống mới cần thiết.

Chúng ta không khen Phật, khen Thầy. Nhưng sống thế nào cho mọi người quý trọng, thương mến ta, khiến họ phải nghĩ đến Phật, đến Thầy của chúng ta cao cả. Trên tinh thần này, hàng hàng lớp lớp người thừa kế tu hành mỗi ngày phát huy trí tuệ, đạo đức cao đẹp hơn. Phổ Hiền mới dạy rằng có dùng lưỡi biện tài của Thiên nữ cũng không ca ngợi hết công đức Như Lai.

### ***Hạnh nguyện thứ ba : Quảng tu cúng dường***

Đối tượng chính của chúng ta cúng dường là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Thanh văn không màng phú quý lợi danh, lo học lo tu. Chúng ta nên thân cận, cúng dường để trợ duyên họ hiện hữu lợi ích cho đời.

Kế đến, chúng ta cúng dường hàng Duyên giác, những người có nhận thức sâu rộng, chỉ đạo, giúp ích cho đời tốt đẹp hơn. Ngoài ra, nên thân cận cúng dường các vị hành Bồ tát đạo, những người mang chí lớn, truyền thông tri thức, an lạc cho tất cả.

Ngoài cách cúng dường trên, Phổ Hiền nhắc nhở chúng ta chỉ có **pháp cúng dường là tối thượng, tức bản thân chúng ta tu hành đúng như pháp để chứng minh lời Phật dạy không hư vọng.**

Theo Phật tu đúng pháp, phiền não nhiễm ô phải tự mất, tâm hoan hỷ sanh, cuộc sống an lành, trí tuệ sáng suốt, bạn bè thương mến.

Thể hiện pháp cúng dường tối thượng, chúng ta cần luyện tư cách giống Phật. Nếu chỉ cúng dường phẩm vật thật nhiều, tâm vẫn tràn đầy hơn thua, tranh chấp, sân hận. Chúng ta đã phạm tội phá pháp.

### ***Pháp thứ tư : Sám hối nghiệp chướng***

Nghiệp của chúng ta nhiều đời tích lũy không thể kể hết. Nếu nghiệp có hình tướng thì hư không cũng không còn chỗ chứa. Tuy nhiên, chính vì nghiệp vô hình tướng, chúng ta cũng có thể dễ dàng cắt bỏ nó. Nghĩ nó có thì có, quán không thì tất cả đều không. Có nhiều cách sám hối.

**Bồ tát Phổ Hiền dạy Thiện Tài đồng tử pháp xứng tánh sám hối.** Mọi việc thiện ác, tốt xấu xảy ra trên cuộc đời đều phát sanh từ tâm điên đảo vọng tưởng của chúng ta. Ý thức như vậy, chúng ta trở về tự tánh thanh tịnh, không cho khởi niệm, dù là niệm thiện.

Muốn thực hiện pháp tự tánh sám hối đòi hỏi chúng ta phải qua quá trình tu không đơn giản và chỉ dành cho hàng thượng căn thượng trí.

Theo tôi, chúng ta có thể ứng dụng hai pháp sám hối dễ mang đến kết quả lợi lạc. **Cách thứ nhất gọi là Hồng danh sám hối, chúng ta lạy danh hiệu các vị Phật, Bồ tát. Thường xuyên nghĩ đến các Ngài, giúp chúng ta tiêu tội nhanh nhất. Vì liên hệ, thân cận với Phật, Bồ tát, những vị hoàn toàn đức độ, thánh thiện, chúng ta dễ dàng sanh tâm hoan hỷ, giải thoát.**

**Pháp sám hối thứ hai, sau một thời gian lạy Phật, chỉ nhớ nghĩ đến Phật, hình ảnh trần lao nghiệp chướng của chúng sanh hoàn toàn xóa mất trong lòng ta. Tâm trở thành trống không, lúc ấy, ta tập quán pháp Không, sống với pháp Không, để tâm thanh tịnh giải thoát.**

Tiếp theo, Phổ Hiền hướng dẫn chúng ta về các pháp tu : Tùy hỷ công đức, thỉnh Phật thuyết pháp, thỉnh Phật trụ thế, thường tùy Phật học, hằng thuận chúng sanh và hồi hướng cho khắp tất cả.

Mười hạnh nguyện Phổ Hiền không thể được tụng suông, phải thể hiện Phổ Hiền hạnh trong đời sống thường ngày của chúng ta. Trắc nghiệm hiểu được 10 việc làm này của Phổ Hiền, chúng ta nhận ra diệu lực vô cùng tận mà Ngài sử dụng trong việc giáo hóa chúng sanh. Ngài tác động cho người an lành, mọi việc thành tựu tốt đẹp. Chúng ta thành kính đảnh lễ :

**Nam mô Thập quảng đại nguyện vương đại hạnh Phổ Hiền Bồ tát.**

Và nguyện xin cố gắng trang nghiêm thân tâm chúng ta bằng 10 hạnh nguyện Phổ Hiền.

Thiết nghĩ trên bước đường tiến đến Vô thượng Đăng giác, khi chúng ta đã lựa chọn pháp lễ Phật làm thời khóa tu tập, cần phải hết lòng, bằng tất cả tâm thành và niềm cung kính đánh lễ, quán tưởng đến chư Phật, Bồ tát. Đừng để lạc vào tình trạng xướng lễ trên đầu môi chót lưỡi.

Chúng ta lạy Phật mà đánh mất độ cảm tâm và không quán tưởng được hạnh nguyện các Ngài để ứng xử lợi lạc trong cuộc sống tu hành của chính mình. Điều đó chẳng khác gì người nấu cát muốn thành cơm như Tổ thường quở trách.

Mong rằng Tăng Ni Phật tử hiểu rõ ý nghĩa lễ lạy hồng danh chư Phật, Bồ tát và hành trì đúng chánh pháp. Quý vị sẽ nương nhờ công đức lực của các Ngài gia bị, được sáng suốt, vững niềm tin trên lộ trình vượt 500 do tuần đường hiểm đến Bảo sở.

---o0o---

## **08. Ý nghĩa phương tiện theo kinh Pháp Hoa**

*(Giảng tại chùa Ân Quang)*

Con đường Phật đạo mở ra cho Tăng Ni Phật tử chúng ta đi vào bằng hai cửa : Phương tiện môn và chân thật môn.

Chân thật môn hay Không môn là cửa ngõ dẫn hành giả đi theo con đường thẳng, ngắn, trực tiếp gắn với điểm đến. Tuy nhiên, chỉ những hành giả có đời sống nội tâm mãnh liệt, trực nhận được thật tướng các pháp, mới có thể thâm nhập Phật đạo qua cửa chân thật. Nói rõ hơn, con đường đi vào chân thật môn chỉ dành riêng cho Bồ tát bất thoái chuyển hay Bồ tát từ đệ bát địa trở lên mà thôi.

Riêng hàng phàm phu hay Nhị thừa không có khả năng thâm nhập thế giới bản thể để thấy pháp chân thật, hoặc chỉ thấy được pháp một cách lơ mờ. Họ không thể nào tu hành theo lộ trình của chân thật môn.

Đức Phật khởi lòng đại bi, thể hiện trọn vẹn hạnh nguyện độ tận chúng sanh bằng cách dẫn mọi người đi theo con đường vòng. Ngài giúp cho họ có cơ hội thoát ra khỏi đường hiểm sanh tử. Con đường vòng đưa chúng nhân vượt 500 do tuần đường hiểm sanh tử chính là cánh cửa phương tiện mà Đức Phật mở ra cho thích hợp với trình độ của hàng trung và hạ căn.

Danh từ phương tiện được Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ chữ Phạn là Upaya, nghĩa là phương pháp tốt đẹp mà Đức Phật dùng để hướng dẫn người, giúp họ thực hiện một công việc có lợi lạc cho bản thân họ.

Ngài Trúc Pháp Hộ không dùng từ phương tiện, nhưng dịch là thiện quyền. Quyền nghĩa là không phải thật, thiện là khéo léo. Thiện quyền là mượn tạm một cái gì đó và sử dụng nó một cách khéo léo, nhằm đạt được mục đích an vui giải thoát.

Để thuyết kinh Pháp Hoa, giảng nói pháp chân thật, Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ Tam muội. Sau đó, Ngài xuất định trở lại cuộc đời bằng An tường Tam muội, nói pháp phương tiện.

Đi vào cuộc đời bằng An tường Tam muội có nghĩa là bước chân hoằng hóa độ sanh của Đức Phật đến nơi nào, nơi đó tốt đẹp hơn. Ngài đến với người nào thì người đó an lành hơn. Muốn thực hiện điều này, Ngài phải dùng vô số phương tiện thích hợp với hoàn cảnh, trình độ của nhiều tầng lớp người khác nhau, họ mới an lành được. Nếu chỉ sử dụng một pháp cố định hợp với người này, tất nhiên sẽ không hợp với người kia, đúng lúc này nhưng không đúng lúc khác, chấp nhận được nơi này nhưng không dùng được ở chỗ khác.

Vì thế, phương tiện của Đức Phật được thay đổi tùy phương, là tùy theo không gian và tùy tiện, là tùy theo thời gian. Nhưng thời gian diễn biến liên tục không dừng và không gian cũng không có hai chỗ giống nhau. Không gian và thời gian thay đổi cộng lại sanh ra vô số sự kiện khác nhau. Phương tiện của Phật ứng dụng cho cuộc đời cũng phải nhiều vô số.

Từ nghĩa này của phương tiện, trên bước đường tu, nếu cứ chấp y một pháp phương tiện cố định, lấy đó làm cứu cánh, chúng ta đã rơi vào bệnh giáo điều. Vướng mắc sai lầm này, nhiều người tu lâu, nhưng cuộc sống đạo đức trí tuệ không hề thay đổi, thặng hoa. Người nương được pháp phương tiện sẽ vận dụng nó để phát triển tri thức và đạo hạnh cho họ và cho người. Họ sẽ tiến tu từ phương tiện này sang phương tiện khác, cho đến khi chứng được pháp chân thật.

Trong kinh Pháp Hoa phẩm Phương tiện, Đức Phật khẳng định mục tiêu của Ngài hiện hữu trên cuộc đời chỉ nhằm khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Trong bốn phần khai, thị, ngộ, nhập, công việc của Đức Phật là khai, thị. Ngộ, nhập là nhiệm vụ hành sử của chúng ta.

Đức Phật khai tri kiến hay dạy chúng ta cách nhìn khác với cách nhìn của lối mòn cũ có tự bao đời, do xã hội áp đặt nhồi nhét vào tim óc mọi người. Thật vậy, xã hội Ấn Độ thời Phật tại thế chịu sự chi phối của truyền thống Veda, theo đó hiện hữu một Thượng đế toàn năng hay Brahma sáng tạo và sắp xếp số phận cho con người. Kế tiếp là thời hậu Upanishad đưa ra quan niệm Tự Ngã gọi là Atman, một linh hồn bất tử.

Với tuệ giác của bậc Chánh biến tri, Ngài thấy rõ nhận thức trên bắt nguồn từ trình độ thấp kém của con người, làm cho họ sợ sệt trước mọi hoàn cảnh thiên nhiên. Họ cần nương tựa vào Thượng đế toàn năng để che chở. Mặt khác, với lòng ham muốn được sống mãi, họ đặt ra thuyết linh hồn hay Atman bất tử.

Theo tri kiến Phật, chỉ vì si mê, sợ hãi, tham vọng mà cuộc sống mọi người bám trụ vào hai tư tưởng này. Với uy đức của bậc Điều Ngự Trượng Phu, Ngài thẳng thắn phủ nhận sự hiện hữu của Thượng đế hay đấng Tạo hóa toàn năng. Ngài phê phán nếp nghĩ sai lầm của Bà la môn giáo cho rằng trí tuệ của con người có được là nhờ Thượng đế mặc khải qua Atman. Nhận thức như vậy chỉ đẩy mọi người đi vào con đường buông xuôi, giao phó mọi việc cho Thượng đế, làm cho con người trở thành yếu đuối, không phát triển được tri thức.

Bác bỏ những lý luận siêu hình viển vông, Đức Phật trở về với con người. Ngài tin tưởng nơi trí tuệ vô tận của con người có thể sử dụng những quy luật khắc phục nội giới và thiên nhiên. Đức Phật khẳng định : "Trong chính cái xác thân dài một trượng này, cùng với tri thức và tư tưởng, Như Lai tuyên bố thế gian, nguồn gốc của thế gian và sự sống chết của thế gian, và con đường dẫn đến sự chấm dứt thế gian" (Kinh Rohitaffa Samssamyuttanikaya). Nghĩa là con người là chủ nhân ông của chính mình và giá trị con người hơn tất cả muôn loài. Vì chỉ có con người mới có đủ điều kiện hiểu biết chân lý, thể nhập chân lý và tự giải thoát cho mình.

Sau khi Đức Phật khai tri kiến cho thấy giá trị tuyệt vời của con người, Ngài chứng minh điều này bằng cả cuộc đời thiết thân kiểm nghiệm hành đạo. Đó là giai đoạn thị tri kiến Phật, hoàn toàn khác với ngoại đạo chỉ nói



suông, không làm. Chính vì vậy, Đức Phật được tôn danh là bậc Minh hạnh túc, một vị Đạo sư mà lời nói và việc làm luôn song hành với nhau.

Đức Phật "Thị tri kiến" hay chúng ta nhìn vào tấm gương 80 năm giáo hóa độ sanh của Ngài là chúng ta sáng mắt liền. Từ bước khởi đầu vừa rời Bồ đề đạo tràng, Đức Phật quán sát, hiểu rõ nỗi lòng của năm anh em Kiều Trần Như. Họ muốn mau ra khỏi sanh tử, nên đã sống ẩn dật, tu khổ hạnh. Ngài đã đến đúng lúc, nói đúng pháp, khai đạo cho năm người bạn tri thức trở thành năm đệ tử đầu tiên trên bước đường lập giáo khai tông.

Sau đó, Đức Phật từng bước hòa mình sống với mọi người, xử thế cao thượng đến độ ai cũng phải thương mến kính trọng. Ngài khéo léo cảm hóa, dìu dắt từ nhà hiền triết cho đến những người thất học, hung dữ cực ác, từ hàng vương tôn công tử cho đến những người bị xếp vào hạng thấp kém trong xã hội. Tất cả đều phát huy đạo đức trí tuệ, đấng Thánh địa.

Trên bước đường vân du hóa độ, với tuệ nhãn, Đức Phật nhận chân được sự thật và ứng xử đúng với sự thật, không phạm lỗi lầm nào, dù là lỗi nhỏ nhất. Ngài thản nhiên tự tại trước mọi hoàn cảnh chống đối. Không ai có thể nào hại Ngài.

Đức Phật không từ bỏ một việc thiện nào có thể mang an vui lợi lạc cho đời. Thành quả của việc làm sáng suốt và đức hạnh siêu tuyệt của Thế Tôn đã thể hiện bài học "Khả năng làm chủ thực sự chính mình" mà Đức Phật đề ra. Kinh gọi là "Thị tri kiến" cho những ai biết phát huy sức mạnh trí tuệ, đạo đức như Phật. Họ sẽ chỉ đạo được xã hội, hài hòa được với thiên nhiên.

Khi biết nhận thức theo tri kiến của Phật và nhìn thấy việc làm của Ngài, chúng ta tự thay đổi cách nhìn, cách sống. Ví dụ, trước kia chúng ta có tâm vọng ngoại, mãi chạy theo bên ngoài, nên vọng ngã, cuồng si, tham lam. Nay thấy Phật từ bỏ danh lợi, địa vị, tiền bạc mà không hề nghèo khổ. Chúng ta lần từng bước cũng từ bỏ tâm tham lam ích kỷ và hành động tham ác.

Từ bỏ hoàn toàn tâm xấu ác và việc tội lỗi, tâm chúng ta trở thành lắng yên, bừng sáng, bắt gặp được bản tâm thanh tịnh, đạt đến giai đoạn "Ngộ tri kiến Phật". Lúc ấy, thế giới đẹp, màu nhiệm mở ra cho chúng ta bước vào sống, phát triển được nhận thức sáng suốt của mình là "Nhập tri kiến Phật".

Vấn đề chính yếu của phẩm Phương tiện chỉ có bốn chữ khai, thị, ngộ, nhập. Nhưng khai triển bốn chữ này thì thật vô cùng. Tổ sư dạy rằng

"Phương tiện môn trung khai thị ngộ nhập, cơ duyên nan tận tán dương". Bốn chữ này là bản đồ sống của Đức Phật trao cho chúng ta. Ngài mở đạo cho chúng ta nhận chân và thâm nhập thật tướng các pháp, điều động được mọi vật tự tại giống như Phật.

Ngài khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Điều quan trọng là phải biết Phật tri kiến này nằm trong tri kiến của chúng sanh. Tìm tri kiến Phật trong tri kiến của chúng sanh, hay tìm trong phương tiện mới có chân thật. Đức Phật sợ chúng ta hiểu lầm, từ bỏ cuộc đời để tìm tri kiến Phật. Ngài không bao giờ chấp nhận điều này.

Dù nói cuộc đời là khổ, bỏ nó chúng ta lại khổ hơn. Đó là ý niệm mà Đạo Nguyên Thiên sư nhắc nhở chúng ta trong Chánh Pháp Nhân Tạng.

Thuở nhỏ tôi mang tâm niệm yếm thế, khi nghe như vậy cảm thấy choáng váng như tiếng sét nổ ngang tai. Theo giáo sư Motai, nếu chúng ta tu, mà từ bỏ cuộc đời, thì cũng giống như cá bị bắt ra khỏi nước, nó sẽ chết khô.

Trong kinh Viên Giác, Đức Phật dạy người tu từ bỏ cuộc đời để tìm đạo, thì không khác tìm lông rùa, sừng thỏ. Chính Đức Phật tìm đạo, đắc đạo ngay trong lòng sanh tử của cuộc đời. Ở trong phương tiện là tương đối pháp. Có chúng sanh đau khổ, mới có khát ngưỡng Niết bàn. Có người tham lam chấp trước, chúng ta mới theo người thanh tịnh giải thoát. Có dị kiến ngoại đạo, mới nổi bật giá trị Phật huệ sáng suốt.

Từ góc độ này, cuộc đời trở thành đối tượng cho chúng ta quan sát và quan sát cả vô số phương tiện của Phật. Phương tiện thu hẹp thành con số trọng trung là 84.000. Ngài Trí Giả thu hẹp một lần nữa, đưa ra tư tưởng Nhất niệm tam thiên, trong một niệm tâm có đầy đủ 3.000 thế giới. Như vậy, từ vô số quy trở về một niệm tâm và từ một niệm tâm mở ra vô số pháp là phương tiện. Chúng ta phải học, thấy và chứng pháp phương tiện để thâm nhập pháp chân thật.

Ngoài ra, Ngài Trí Giả dùng tâm quán bốn chữ khai, thị, ngộ, nhập, triển khai thành tư tưởng "Thập giới hõ cụ". Theo Ngài, từ địa ngục giới cho đến Phật giới có 10 loại hình thế giới (địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A tu la, người, trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật).

Mười thế giới này không tách biệt nhau, nhưng có tánh hõ cụ, nghĩa là trong mỗi loại hình thế giới đều có đầy đủ các tánh của 9 loại hình thế giới

kia. Qua lăng kính của tánh hõ cụ, Trí Giả nhận thấy Phật quả có ở bên trong chúng sanh và địa ngục tánh cũng có ở bên trong Phật.

Như vậy, tánh ác xấu hay địa ngục tánh vẫn có trong con người Phật. Nhưng Đức Phật hơn chúng ta ở điểm Ngài biết trói buộc những tánh ác xấu này, không cho nó phát triển. Ngài chỉ phát huy tánh tốt. Trong khi chúng ta không kiểm soát được tánh ác xấu, không khống chế được nó. Nó hoành hành, sai sử, chi phối chúng ta một cách tự do.

Chính vì trong thân Phật có đầy đủ tánh của chúng sanh thuộc chín loại hình thể giới kia, Ngài mới có thể hiểu họ và liên hệ tiếp độ họ được.

Đối với tư tưởng "Nhất niệm tam thiên, Thập giới hõ cụ" của Trí Giả Đại sư, chúng ta chỉ nhận biết trên lý thuyết qua sách vở. Phần chứng đắc chưa đạt tới. Điều này không đơn giản, đòi hỏi hành giả phải có tâm nhìn thật chính xác, có khả năng cột cứng sự vật hoàn toàn đứng yên lại để quan sát như thấy trái xoài trong lòng bàn tay.

Tóm lại, để khai thị tri kiến Phật cho loài người, đức Thế Tôn phải mang thân tứ đại ngũ uẩn như chúng ta. Trải qua quá trình tu hành, trí giác của Ngài bừng sáng, đạt quả vị Vô thượng Đẳng giác. Ngài thấy được chân lý tồn tại khách quan, thường hằng phổ biến trong không gian, thời gian.

Từ vị trí của bậc Toàn giác thấy biết, điều động muôn sự muôn vật dưới dạng chân như tánh, Đức Phật khởi tâm đại bi trở về thế giới hiện tượng của loài người. Ngài dùng tuệ nhãn soi rọi cuộc đời, tận lực suy tư về những phương tiện đù dắt chúng sanh.

Ngài phải khai ra vô số phương tiện ứng hợp với khả năng, căn tánh của mọi người để họ hiểu được, chấp nhận được, sử dụng được quy luật thường hằng bất biến. Nhờ đó, họ đạt đến mục đích cuối cùng là quả vị Toàn giác bằng với đức Như Lai không khác.

---o0o---

## **09. Ý nghĩa thí dụ ba xe và nhà lửa trong kinh Pháp Hoa**

(Giảng tại Trường hạ chùa Long Bửu, Q. 4, ngày 29-5-1994)

Khi đã mang thân ngũ ấm thì mọi người đều có bệnh, nhưng bệnh không giống nhau nên cách chữa phải khác nhau. Vì vậy, tuy cùng là đệ tử Phật, mỗi người cần chọn đúng pháp tu thích hợp với khả năng của riêng mình để hành trì. Chúng ta mới tìm thấy niềm vui trong tâm trí. Nếu tu một pháp không thích hợp, chúng ta sẽ dễ chán nản và bỏ cuộc.

Trong việc lựa chọn pháp môn tu và bộ kinh để thọ trì, mặc dù các vị Tổ cùng chọn bộ kinh giống nhau như kinh Pháp Hoa, nhưng mỗi vị lại chọn riêng một phẩm để tu chuyên sâu. Ngài Trí Giả chuyên tu theo phẩm Phương tiện, Nhật Liên Thánh nhân tu phẩm Như Lai thọ lượng, Đạo Nguyên Thiền sư tu phẩm Như Lai thần lực, Tổ Huệ Đẳng tu phẩm Đà la ni và Ngài Khương Tăng Hội chuyên phẩm Thí dụ. Ngài Khương Tăng Hội viết tác phẩm nhỏ mang tựa đề Tam xa Hỏa trạch dụ kinh.

Theo tôi, thí dụ này hàm chứa ý nghĩa rất quan trọng, cần để tâm suy nghĩ trên bước đường tu. Tôi xin triển khai về ý nghĩa của thí dụ ba xe và Nhà lửa trong kinh Pháp Hoa mà Ngài Khương Tăng Hội đã dùng làm chất liệu trang nghiêm cho cuộc đời. Ngài được kính trọng như bậc thánh Tăng.

Chúng ta đều biết phẩm Thí dụ đặt kế tiếp sau phẩm Phương tiện. Trong phẩm Phương tiện, Đức Phật xác định rằng chỉ có chư Phật mười phương đồng đẳng với Ngài mới hiểu được pháp chân thật mà Ngài chứng đắc. Đối với hàng Bồ tát trở xuống, Đức Phật phải khai ra vô số phương tiện để dìu dắt tất cả tiến đến Vô thượng Đẳng giác.

Trong các phương tiện, Đức Phật thường sử dụng nhiều thí dụ, nhân duyên khi thuyết pháp. Điều này nhằm gợi ý cho đại chúng dễ hình dung và nhận ra pháp chân thật. Thí dụ ba xe và Nhà lửa là một trong những thí dụ được Đức Phật nêu lên trong kinh Pháp Hoa.

Mục tiêu Đức Phật dùng thí dụ này nhằm muốn phủ nhận tất cả pháp phương tiện của tam thừa giáo Ngài nói trước. Đó không phải là pháp chân thật, Ngài chỉ tạm sử dụng nó một cách khéo léo để dẫn dắt đại chúng đến cứu cánh nhất Phật thừa.

Trên bước đường giáo hóa, Đức Phật nhận thấy trình độ tu chứng của đệ tử đã đạt đến thanh tịnh giải thoát, lên bờ Niết bàn. Ngài mới phá bỏ phương tiện.

Đối với người tâm chưa trong sạch, trí chưa sáng suốt, muốn tiến tu vẫn phải nương pháp phương tiện. Tổ thường ví như muốn qua sông phải dùng thuyền.

Đức Phật khẳng định "Tam giới vô an du như hỏa trạch", nghĩa là cuộc sống trong ba cõi không yên lành. Ngài cụ thể hóa bằng thí dụ Nhà lửa cho chúng ta quan sát.

Tam giới hay ba loại hình thế giới gồm Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Dục giới là thế giới sinh hoạt chính yếu của phần vật chất và các thú vui vật chất. Thí dụ loài người chúng ta có cấu tạo thân vật chất và các thú vui tham đắm của con người.

Sắc giới tuy là thế giới của vật chất, người sống trong cảnh giới này không bị thú vui vật chất chi phối. Họ chỉ say mê với diễn biến của tâm hồn hay vui với Thiền định.

Vô Sắc giới là thế giới của tâm thức, trong đó phần vật chất thô đã bị gạt bỏ. Họ chỉ còn sống với dạng hình vi tế là thức uẩn được tích lũy nhiều đời. Nay họ nhập định, tất cả những gì chất chứa trong tầng thức đều hiện lên.

Dưới kiến giải của Đức Phật, cuộc sống trong ba loại hình thế giới đó không thể nào bình yên. Chẳng những ở cõi dục, con người sẵn sàng tranh dành giết hại nhau, không thể nào có an lành. Ngay cả trong thế giới tâm thức, mấy ai tìm được sự thanh thản. Những biến động của tâm đốt cháy, tác hại tinh thần chúng ta khổ não trong từng phút giây, nên gọi là Nhà lửa.

Nhà lửa tam giới này hợp chung lại ngầm chỉ cho thế giới ngũ uẩn. Trong năm phần của ngũ uẩn, từ sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, cho đến cao nhất là thức uẩn, đều không an. Và mọi loại hình thế giới đều được hình thành ở dạng ngũ uẩn, nên cũng không thể an được.

Nhà lửa tam giới hay ngũ uẩn thân này do đâu mà có ? Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật cho biết ngôi nhà tam giới thuộc về ông chủ là trưởng giả. Vì ông chủ trưởng giả bỏ đi, nên nhà biến thành Nhà lửa.

Theo Thiên tông, ông chủ hay Đức Phật tiêu biểu cho chân tâm. Khi chân tâm ngự trị, chăm sóc, quản lý ngôi nhà, thì mọi việc an lành. Ông chủ bỏ đi, nghĩa là rời bỏ chân tâm, thì ngũ uẩn sanh ra. Và tất cả tội lỗi, nghiệp ác trùng trùng điệp điệp theo đây mà phát lên. Ý này thường được kinh điển

tả là từ bản tâm thanh tịnh, một niệm vọng động bất giác, vô minh nổi dậy liền hiện hữu con người và thế giới con người.

Trong kinh ghi chẳng bao lâu sau khi Đức Phật rời bỏ thế giới mà Ngài xây dựng, thì kèo cột mới hư mục, lửa mới bốc cháy. Các loại thú dữ độc trùng theo ngôi nhà cũ mục mà phát sinh ra. Điều này ngầm chỉ Phật Niết bàn, từ bỏ thế giới của ngũ uẩn thân. Trong ngôi nhà giáo pháp của Phật nảy sinh những hiện tượng xung đột. Con của ông trưởng giả hay đệ tử của Phật chạy theo ngũ dục, tranh dành hơn thua, không biết sợ và cũng không hiểu lửa là gì, nhà là gì.

Đức Phật Thích Ca từ quả vị Vô thượng Đẳng giác mà Ngài đã thành tựu ở vô lượng kiếp xa xưa, khởi lên niệm đại bi. Ngài rời bỏ thế giới chân như thanh tịnh, hiện thân lại trong tam giới, khoác lên mình chiếc áo ngũ ấm thân của con người, đi vào cuộc đời.

Ngài sử dụng tất cả phương tiện mà con người có thể hiểu được, tu được để hướng dẫn những đệ tử có nhân duyên căn lành. Ngài giúp họ thoát ra khỏi Nhà lửa tam giới, hay ra khỏi sự trói buộc của ngũ uẩn thân, trở về chân tánh thường hằng.

Trong các phương tiện mà Đức Phật sử dụng, nổi bật pháp tu của tam thừa giáo dành cho ba hạng đệ tử thượng, trung, hạ : Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Chỉ những người con của trưởng giả hay đệ tử Phật có căn lành mới là đối tượng mà Đức Phật nhắm đến tiếp độ. Và chỉ có họ mới lên được ba xe hay nương được tam thừa giáo để chạy ra khỏi Nhà lửa. Còn lại những loài độc trùng, quỷ dữ không phải là con của trưởng giả, chúng không bao giờ muốn thoát ra ngoài Nhà lửa. Chúng cũng không thể sử dụng ba xe và Phật cũng không tiếp độ được chúng.

Hàng đệ tử tu theo giáo pháp tam thừa, thoát ly ảo giác của thức uẩn, chạy ra khỏi Nhà lửa, đến bãi đất trống ở ngã tư đường. Nghĩa là họ ra khỏi sanh tử, đạt được trí tuệ Bát nhã, thấy tất cả đều là không. Họ không còn bị hiện tượng vật lý, tâm lý chi phối và tâm hồn hoàn toàn trong sạch, giải thoát. Lúc ấy, dưới nhãn quan của người đắc đạo quan sát trở lại cuộc đời, họ nhận chân được rằng mọi diễn biến trong tam giới chỉ là giả tạo, do thức biến ra mà thôi. Nó như giấc chiêm bao, như bọt nước nổi trôi vô nghĩa, so với sự sống vĩnh hằng của chân tâm. Chẳng những hơn thua, tranh chấp không có nghĩa lý gì. Ngay cả công phu tu tập, gánh vác Phật sự theo suy

tính của thức uẩn cũng trở thành vô ích, so với tác động hành xử đúng như thật ở bản thể chân như.

Con đường dẫn tới trí Bát nhã có ba hướng đi khác nhau. Tuy nhiên, khi đã sử dụng phương tiện tam thừa giáo, đi hết ba con đường này, qua sông mê bể khổ. Đại chúng sẽ bỏ phương tiện lên đại bạch ngưu xa, mới có pháp chân thật. Lúc ấy chỉ còn một đường duy nhất là nhất Phật thừa để tiến đến Phật quả. Ngài Trí Giả gọi là tam thừa đồng quy nhất Phật thừa.

Từ vị trí nhất Phật thừa, hành giả ra vào tam giới hoàn toàn tự tại thanh thản, tùy ý tùy duyên giáo hóa. Từ chân tánh hiện lên cuộc đời, hoặc từ cuộc đời trở về chân tánh, không có gì chướng ngại.

Hàng Thánh đệ tử đã vượt ra khỏi sanh tử, chứng Niết bàn giải thoát, nghe Đức Phật nói thí dụ ba xe và Nhà Lửa đúng với hoàn cảnh, tâm trạng. Họ dễ dàng tỏ ngộ, nhận được yếu chỉ Phật dạy, phát tâm Bồ đề và được Đức Phật thọ ký. Đó là bốn vị trưởng lão Ma ha Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên.

Tóm lại, để thu ngắn đoạn đường thoát ly khỏi Nhà lửa tam giới, tôi cầu mong tất cả Tăng Ni Phật tử nỗ lực tu học, vận dụng đúng đắn các phương tiện của tam thừa giáo mà đức Đạo sư đã truyền trao. Được như vậy, chúng ta sớm cùng nhau vẫy tay chào vĩnh biệt luân hồi, sau bao nhiêu kiếp lang thang mệt mỏi trong Nhà lửa tam giới.

Và từ thế giới Tịch quang chân cảnh, chúng ta khởi niệm đại bi trở lại Ta bà như người khách quý cho chúng sanh nương nhờ.

***Lòng Tăng trong sạch tựa dòng xanh,***

***Phật huệ soi vào trí tình anh***

***Hồng trần nhẹ gót chơi ba cõi,***

***Mỗi niệm tùy duyên độ chúng sanh.***

---o0o---

## **10. Ý nghĩa hóa thành dụ trong kinh Pháp Hoa**

*(Giảng tại Trường hạ chùa Từ Nghiêm)*

Phẩm Hóa Thành Dụ trong kinh Pháp Hoa là phẩm dài nhất. Nhiều người đọc tụng đến phẩm này thường cảm thấy ngán sợ và cho rằng văn kinh lập đi lập lại, không hay. Theo tôi, nếu đọc suông văn tự, sẽ không bao giờ bắt gặp những điều thâm thúy.

Đối với hành giả thọ trì Pháp Hoa, kinh là chất liệu quý báu, nuôi dưỡng, tươi nhuận cuộc sống tu hành. Mỗi lần đọc tụng, hành giả lại nhận thêm được yếu nghĩa hàm chứa trong kinh. Đọc kinh bằng nhân duyên căn lành, nên không biết mệt mỏi. Càng đọc tụng càng phát huy trí tuệ, đạo đức.

Trong phẩm này, các vị Đại Phạm Thiên vương từ tám phương đến rải hoa cúng dường, thỉnh Phật thuyết pháp. Ý này được người xưa diễn tả rất dài là các Đại Phạm vương ở phương Đông tự thấy cung điện các Ngài chói sáng chưa từng có, vui mừng cùng nhau bàn việc đó. Có một vị Phạm Thiên vương lớn đoán rằng Đức Phật ra đời. Họ cùng nhau đem hoa trời đến cúng dường thỉnh Phật thuyết pháp. Phật yên lặng mặc nhiên nhận lời và tất cả tám phương đều làm giống như vậy. Ý này được văn kinh lặp lại tám lần giống y hệt. Nếu đọc kinh qua văn tự, đến đây dễ chán.

Tuy nhiên, đối với người thọ trì kinh, thì một câu, một chữ, một ý đều toát lên sự sống của Bồ tát đạo. Không phải đọc kinh như xem một câu truyện cổ. Hành giả đọc bằng cả trái tim và khối óc, căn lành theo đó phát triển, cảm nhận thích thú, nên kinh có dài đến đâu vẫn thấy ngắn. Ngắn dài này tùy thuộc vào thời gian tâm lý của hành giả.

Trong kinh ghi các Đại Phạm Thiên tám phương thỉnh Phật nói pháp gọi cho hành giả suy nghĩ mỗi phương mang một ý nghĩa gì. Cùng một việc, nhưng xảy ra ở hai nơi Đông Tây khác nhau, thì có hai ý nghĩa khác nhau. Tùy chỗ, tùy lúc, tùy người mà pháp diễn biến khác nhau. Nếu thấy giống hệt không phải là người hiểu kinh, trì kinh.

Hành giả trì kinh bằng chân tâm thấy được Đức Phật Đại Thông Trí Thắng ở Bồ đề đạo tràng thành Vô thượng Đẳng giác và ánh quang của Ngài chiếu suốt mười phương. Hành giả theo ánh quang này xem tác động thế nào, không phải chỉ thấy chữ để đọc.

Ánh quang Phật chiếu đến Đại Phạm Thiên tiêu biểu cho người tu Thiền định cao. Ánh quang chiếu thẳng tận đáy lòng con người, chiếu từ ngoại vật cho đến thân mình, đến phước báu và đến chân tâm.



Ngày nay hành giả học Phật cũng tương tự như vậy. Khởi đầu tu, lễ Phật, hành giả thấy Phật đơn sơ. Đến khi sanh được niềm tin, thì thấy Phật bằng tâm thức, hình dung được Báo thân Phật là phước đức trí tuệ của Ngài, nên thấy Phật rất cao cả. Theo ý tôi, nếu tu mà không cảm nhận được thể giới siêu hình chỉ luống công vô ích. Và sau hết thấy tận cùng nguồn tâm được diễn tả bằng ánh sáng chiếu đến Đại Phạm Thiên. Như vậy, lộ trình hành đạo của hành giả thường trải qua ba giai đoạn : từ thấy thông thường, tiến lên thấy bằng niềm tin và sau cùng thấy bằng chân tâm.

Ánh quang Phật quá sáng làm mờ ánh quang của Đại Phạm. Điều này chúng ta dễ nhận ra trên bước đường tu. Mới tu, chúng ta thường mắc bệnh chủ quan, thấy ngã với pháp đối đãi. Dần dần, hiểu biết không đúng của chúng ta theo thế gian bị tiêu hủy và được thay bằng hiểu biết theo Phật. Ánh quang Đại Phạm bị mờ, có thể hiểu trên thực tế khi chúng ta đối diện với người có trình độ tri thức sâu rộng, tự nhiên chúng ta khó phát biểu được.

Đại Phạm vương tiêu biểu cho hiểu biết và phước báo bậc nhất thời bấy giờ. Khi gặp Phật, các vị này cũng phải cúi đầu đánh lễ Phật. Họ mang hoa cúng dường hay mang công đức hồi hướng Phật đạo, vì thấy được trí tuệ Phật quá siêu tuyệt.

Đức Phật chờ tám phương Đại Phạm tập hợp đủ mới chuyển pháp, nhằm nói lên pháp Phật không chỉ dành riêng cho một người hay một nhóm người. Khi tất cả mọi người tỏ lòng thành tuyệt đối mong mỏi nghe pháp, tập trung tinh thần ở mức độ cao nhất, mới hội đủ điều kiện thâm nhập pháp hay giảng pháp.

Kế tiếp, Đức Phật nói về nhân duyên giáo hóa của Ngài đối với Thánh chúng từ vô lượng kiếp xa xưa đến nay. Ý này gợi cho hành giả thấy trên bước đường tu của mọi người đều có nhân duyên. Hành giả phải tìm đúng nhân duyên của mình với pháp nào, ở nơi nào, với người nào, mới có thể tu và đắc đạo. Không tìm đúng Thầy, đúng chùa, đúng pháp, việc tu hành gặp nhiều khó khăn. Trở lại thực tế thấy rõ, nếu hành giả cầu đạo, đến nơi mà nhân duyên căn lành đã gieo trồng từ trước. Căn lành sẽ tự động bộc phát ngay, giúp hành giả thăng hoa nếp sống đạo hạnh nhanh chóng. Ngược lại, đã tạo nghiệp ác, thì gặp lại cũng hợp mặt với oan trái ngay.

Kinh Pháp Hoa nhấn mạnh đến tầm quan trọng của nhân duyên thầy trò, theo đó kết duyên ở trạng thái tâm, không phải ở hình thức, nên tuy xa

mà gần. Điển hình như Đức Phật A Di Đà ở Tây phương Tịnh độ cách thế giới Ta bà 10 muôn ức Phật độ. Đối với hành giả hướng tâm về Ngài, vẫn cảm thấy như có Ngài bên cạnh.

Nhận được ý này, trên đường hành đạo từ chùa này sang chùa khác, nếu tôi không cảm được cảnh chùa, không cảm được vị Hòa thượng. Tôi sẵn sàng rời bỏ nơi đó. Tìm đúng thầy, đúng chỗ, đúng pháp tu, dễ sanh công đức. Thật vậy, trong dòng sinh mệnh tương tục, công đức tu hành của hành giả tích lũy từ bao đời là cảnh cũ người xưa. Nay gặp lại nhất định phải thăng tiến nhanh. Nếu lập nghiệp chỗ mới, tất nhiên phải làm lại từ đầu.

Phật dạy từng người, từng chỗ, những việc khác nhau, không thể y hệt. Vấn đề quan trọng là cần nhận ra mối quan hệ giữa hành giả và người, để điều chỉnh, tạo thắng phước nhân duyên. Nếu đời trước hay nhiều đời, hành giả từng giúp đỡ, gặp lại nhất định sanh cảm tình tốt. Nếu hoàn toàn xa lạ, hành giả không có cách gì khác hơn là phải bắt đầu tạo duyên để tiếp độ. Đức Phật Thích Ca cho biết kiếp này Ngài giáo hóa dễ dàng, vì hàng đệ tử đã từng được Ngài giáo dưỡng tu hành trong quá khứ. Hành giả cần ghi nhớ bài học này để hành đạo, chắc chắn thành công. Người tốt của chúng ta là người đã từng theo ta trong quá khứ và người chống phá cũng vậy.

Ý thức sâu sắc lý nhân duyên, hành giả chuẩn bị tư thế đối phó theo kiểu gì đó tùy ý mỗi người. Có đề phòng thì không còn gì để sợ, vì thiên ma ngoại đạo hành động sẽ lọt vào đúng quỹ đạo của ta. Chỉ ngại ta không biết, chủ quan, ý lại mà rơi vào lưới ma, khó thoát.

Ngoài vấn đề nhân duyên, Đức Phật đưa ra thí dụ Hóa thành. Ví như có kho tàng châu báu cách xa 500 do tuần, đi đến đó rất khó. Có một người sẵn sàng dẫn đường, ai chịu cực đi theo sẽ lấy được của quý, trở thành giàu có. Mọi người nghe ham, liền theo Đạo sư. Đi một lúc thấy đường khó, nguy hiểm, họ sợ và muốn trở về. Đạo sư liền dùng thần thông biến hóa, tạo ra một cái thành và khuyên họ nên vào đó nghỉ chân. Đi về sẽ uổng công, vì đã đi được nửa đường. Sau khi đoàn người hết mệt, Đạo sư diệt hóa thành và cho biết nhà này do ông tạm biến hóa ra để nghỉ dưỡng sức, nên tiếp tục đi đến kho báu.

Câu truyện này chỉ đơn giản dưới mắt người thường. Đối với người có nhân duyên căn lành tu theo kinh Pháp Hoa, không phải chỉ chừng ấy. Mỗi lần đọc tụng kinh, hành giả lại nhận ra ý sâu xa theo bước chân trưởng thành của mình trên đường đạo.

Đối với tôi, ý nghĩa thí dụ Hóa thành cũng thay đổi tùy đối tượng, tùy nơi hành đạo, vì độ cảm tâm của người nghe pháp không bao giờ giống nhau. Đường đến Bảo sở qua 500 do tuần hay từ Ta bà đến Cực lạc Tây phương cách nhau 10 muôn ức Phật độ. Hai con số này tiêu biểu ý nghĩa gì là điều chúng ta cần suy nghĩ.

Đi được 200 do tuần dừng lại, ngâm chỉ cho quá trình hành giả tu từ khi theo Phật đến đắc quả A la hán. Ví như đã đi được một đoạn đường gay go nhất từ con người tiến lên vị trí Hiền Thánh.

Thiết nghĩ tự mình tu để đắc đạo rất khó. Ai thực tu dễ nhận ra ý này. Thật vậy, chúng ta đầy nghiệp chướng trần lao, tự mình nỗ lực không thể nào vươn lên nổi. Quanh năm suốt tháng, cuối đời cùng kiếp, chỉ lo gỡ rối cho cuộc sống bình ổn đối với xã hội, với thiên nhiên, mà vẫn hoàn toàn bất lực.

Tôi tự nghĩ từ nhỏ đến lớn, cố gắng học hành, đỗ đạt, xây được một ngôi chùa cũng không dễ. Làm chuyện bên ngoài thấy được bằng mắt như vậy đã khó. Tiên lên, gỡ bỏ phiền não, đi sâu vào thế giới tâm linh hành đạo, lại càng khó gấp bội. Bằng chứng cụ thể như Xá Lợi Phất tự tìm đạo, tự tu để giải thoát. Ngài phải than rằng phiền não không hết, nghiệp chướng lại tăng.

Đức Phật dạy rằng tất cả những điều chúng ta hiểu biết, suy nghĩ, đối phó bằng mọi cách chỉ là phiền não trí, càng biết nhiều càng khổ. Xá Lợi Phất gặp Mã Thắng chưa dạy lời nào mà tâm đã dừng lại và nhìn thấy Phật liền đắc La hán. Điều này nói lên hình ảnh sâu sắc về Hóa thành. Hành giả tu suốt đời không được gì, chỉ cảm đức hạnh của Đạo sư, phiền não tự tiêu tan. Nghĩa là hành giả đã bước vào Hóa thành, đã nương nhờ Đạo sư, một sự nương tựa vô hình, không nhờ mà nhờ.

Thực tế có nhiều người nói với tôi rằng họ không nhờ được thầy, vì thầy dở. Họ bỏ đi để tự lập, tưởng làm một mình dễ hơn. Không ngờ việc càng khó thêm. Họ không giải quyết nổi và cũng không có mảnh đất dung thân.

Đứng trên Phật đạo nhìn xuống, chùa chiền, tín đồ, phương tiện hành đạo, uy tín của một người... tất cả đều phát xuất từ Pháp thân của người đó. Nói cách khác, y báo tùy thuộc chánh báo. Người có học thức, có bằng cấp, nhưng không dùng vô đâu được. Phải tự biết chánh báo hay Pháp thân mình chưa xuất hiện.

Hóa thành hay Niết bàn là của Phật cho, từ đó nhận được niềm an lạc, ma không có khả năng quyến rũ. Vì vậy, khi học trò bỏ cuộc, không tu được, là lỗi ở Đạo sư. Thầy không làm họ kính phục, tin tưởng, nên thấy thiên ma ngoại đạo cao hơn, họ mới đi theo.

Hành giả theo Phật vì đối với họ, không ai có thể sánh bằng. Ở ngoài cuộc đời tràn đầy đau khổ, bước vào đạo nhận được tình thương Phật bao dung che chở. Đó là Hóa thành, là 200 do tuần đường hiểm mà các vị A la hán vượt qua được. Họ không còn bị sắc uẩn, thọ uẩn chi phối, không nghe và không tin ai ngoài Phật. Các vị La hán chứng Niết bàn hay an trụ được pháp Phật, niềm tin vững vàng, hoàn toàn bình ổn tự tại trong pháp Như Lai.

Riêng tôi, bước đường tu thật nhiều gian nan, nhưng vượt qua được tất cả, nhờ niềm tin kiên cố tuyệt đối hướng về Phật. Tin có Phật hộ niệm, tôi cảm thấy bình tĩnh, không sợ bất cứ thế lực nào. Theo tôi điều này quan trọng. Người tu không đủ đức tin nơi Phật gia bị, gặp hoàn cảnh khó, khổ, đa số đã bỏ cuộc, hoàn tục.

Đối với tôi, Hóa thành của Đức Phật chính là sự an vui mà Ngài ban cho. Thiếu an vui hay không trụ được Hóa thành, chắc chắn không thể nào tự vươn lên trong đồng hoang sanh tử. Trên tinh thần này, hàng Thánh chúng đến với Phật, điều trước tiên là nhận được an lành.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong Ta bà đầy phiền não nhiễm ô, mà cuộc sống tu hành vẫn được an ổn, chính là nhờ đang trụ Hóa thành. Kinh nghiệm tôi trải qua nhiều nguy hiểm trong các biến cố năm 1963, 1975, tôi vẫn bình an, tiến tu được. Tôi cũng nhận thấy các vị Hòa thượng trụ được Hóa thành, đều có ý niệm ở nơi nào, hoàn cảnh nào cũng tu. Không có gì phải sợ.

Tâm chúng ta an trụ trong tâm Phật, nên nhận được bình yên. Cũng có người gặp hoàn cảnh thân không được an ổn, tâm vẫn an đến mức độ thân bị giết hại mà không hay biết. Vì họ đang sống trong Niết bàn tâm của hàng Nhị thừa do Phật ban cho, không phải tự có được.

Phật dựng lên Niết bàn, thì hành giả an lành. Phật thu Niết bàn lại, hành giả rớt vào sanh tử. Quan sát thực tế cuộc sống của người tu hàng ngày thấy rõ có lúc an lạc, có lúc không yên, khởi vọng tâm điên đảo. Điều này chứng minh rằng Hóa thành không phải của chính mình tạo được. Vì nếu thực của ta, thì lúc nào ta cũng phải sống được với nó.

Khi hành giả mỗi gói chồn chân cần dừng lại Hóa thành. Đến lúc phải đi tiếp, Phật diệt Hóa thành. Tôi thấy cuộc đời tu hành của các bậc chân tu đầy hoạn nạn. Các Ngài lướt qua nhẹ nhàng mới nổi tiếng, danh thơm lan truyền, vì vượt khó. Nếu lúc nào cũng được áp ủ, hành giả khó lớn mạnh, nên Phật phải diệt Hóa thành. Hóa thành chỉ cần thiết trong lúc nghỉ ngơi mà thôi.

Ở Hóa thành mà chuẩn bị sức lực đi tiếp thì diệt Hóa thành không có vấn đề. Đối với người chỉ lo hưởng thụ, khi mất Hóa thành, họ cảm thấy bơ vơ, khiếp sợ, không dám tiến tu. Điển hình từ năm 1963 đến 1975, tôi nghĩ các Thầy được Phật sắp xếp cho cuộc sống tu hành quá đầy đủ trong Hóa thành. Một số người sanh tâm ý lại, buông lung. Đến 30-4-1975, Phật diệt Hóa thành, họ gặp khó khăn, chùn bước thoái lui.

Tuy nhiên, không có gì ngăn cản bước tiến của những hành giả đã tu tạo công đức trong lúc tạm dừng chân ở Hóa thành. Nay đầy đủ nghị lực, họ thanh thản tiếp tục hạnh nguyện.

Riêng tôi, thường tâm niệm Hóa thành hay hoàn cảnh tốt không phải do mình tự tạo, nên thường từ chối thụ hưởng. Tôi cố gắng phát huy hiểu biết, rèn luyện ý chí cho đủ sức chịu đựng. Lúc gian nan đến, mới có khả năng vượt qua.

Chúng ta hãy nhìn lại Hóa thành trong kinh Pháp Hoa và Hóa thành của Thánh chúng an trụ khi Phật tại thế, đến lúc Ngài Niết bàn thì lạc lõng. Và trở về hoàn cảnh chúng ta trong thời kỳ vàng son của Phật giáo sống như thế nào và Phật giáo suy đồi chúng ta ra sao.

Quán sát như vậy, tôi thấy rõ Hóa thành nghĩa là vị thầy hiện thân một khoảng thời gian nào đó để làm trụ cột cho người nương theo tu. Ở chùa núp bóng thầy, nhờ uy đức của thầy mà cuộc sống mọi người trong chùa thật đầy đủ. Nếu biết ý thức điều đó, tự phấn đấu phát triển khả năng, mai kia có thể gánh vác Phật sự thay Thầy. Ngược lại, hành giả được may mắn sống trong tổ đình nào có điều kiện học, tu nhưng cứ ăn bám Thầy. Họ để thời gian trôi qua, tuổi đời chồng chất thêm mà không hưởng được pháp lạc, không nuôi lớn được Pháp thân. Khi hoàn cảnh đổi khác, họ không còn điều kiện tốt để phát huy tri thức đạo đức. Khi thầy qua đời hay diệt Hóa thành, chắc chắn phải sa đọa, khổ sở.

Tóm lại, trên lộ trình 500 do tuần đến Bảo sở, với trí tuệ tuyệt vời và tình thương bao la, Đức Phật đã sắp xếp rất nhiều Hóa thành ở những vị trí khác nhau cho những người phát nguyện lập chí tiến tu Bồ tát đạo.

Vững niềm tin nơi sự gia hộ của đấng Đạo sư toàn giác toàn trí và y theo bản đồ tu học mà Ngài đã truyền trao, chúng ta cứ một lòng thẳng đường mà đi. Hết Hóa thành này đến Hóa thành khác, tuổi đời càng lớn, tuổi đạo càng cao, con đường hiểm sanh tử càng được thu ngắn. Chúng ta bỏ lại phía sau mọi phiền não, si mê của trần thế. Từ giã Ta bà, chúng ta đi đến Hóa thành Cực lạc Tây phương, hay cung trời Đâu Suất, hoặc cảnh giới Tịnh độ nào, đều tùy tâm mãn nguyện.

---o0o---

## **11. Pháp sư của kinh Pháp Hoa**

*(Giảng tại Trường hạ chùa Vĩnh Phước)*

Qua phẩm Tựa, chúng ta thấy Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định để nói kinh Pháp Hoa. Sau đó Ngài xả định, nói pháp phương tiện với Xá Lợi Phất. Quá trình sanh thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng pháp phương tiện cho những con người hiện hữu bằng thân tứ đại, được kinh ghi lại từ phẩm 2 đến phẩm 9. Đó là cách nhìn theo Tích môn Pháp Hoa.

Dưới kiến giải của Bốn môn Pháp Hoa, Đức Phật vẫn trụ định, sử dụng Báo thân tiếp tục nói pháp với Dược Vương và chư Bồ tát ở phẩm Pháp sư. Vì tinh thần của phẩm 2 đến phẩm 9 đã có đầy đủ trong phẩm Pháp sư của Bốn môn.

Mở đầu, Đức Phật nói với Dược Vương Bồ tát : "Tất cả Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, Thiên, long, bát bộ, người cầu Thanh văn, người cầu Bồ tát hay cầu Phật đạo mà ở trước Phật nghe kinh Pháp Hoa, một câu, một kệ, một niệm tùy hỷ, ta đều thọ ký Vô thượng Bồ đề".

Mới nghe qua câu này, chúng ta thấy quá đơn giản. Không cần xuất gia, không thọ giới và tất cả các loài chỉ nghe kinh Pháp Hoa, dù một câu hay một kệ cho đến một niệm tùy hỷ, đều được thọ ký.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy cả trăm vạn người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa. Tìm được một người đắc đạo theo nghĩa của kinh không hề có. Chẳng lẽ Đức Phật hư vọng sao ?

Từ góc độ này, chúng ta cần hiểu rõ rằng nghe kinh Pháp Hoa bằng cách nào và nghe ai nói kinh này ? Chúng ta tìm câu nào, bài kệ nào hay niệm tâm nào để tu mới nhận được thọ ký ?

Tu sai, tụng cả ngàn bộ kinh cũng không được thọ ký. Chọn làm vọng tâm, tụng Pháp Hoa lâu ngày trở thành kẻ sân si kỳ lạ.

Tôi thấy các vị danh Tăng thường dùng một câu, một kệ trong kinh Pháp Hoa làm thoại đầu tu quán. Hòa thượng Trí Thủ chọn bài kệ mà tôi cũng tâm đắc và sử dụng làm đối tượng suy cứu : "Chư Phật lưỡng túc tôn. Tri pháp thường không tánh. Phật chủng tòng duyên khởi. Thị cố thuyết nhất thừa". Nhật Liên Thánh nhân dùng năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa kinh làm thoại đầu tu.

Đức Phật cho biết có ba hạng người. Người mới phát tâm cầu Thanh văn (Thanh văn chỉ chung cho hàng Nhị thừa gồm cả Thanh văn, Duyên giác) là người cầu học, nương theo Phật phát triển tri thức.

Người đã đắc quả vị A la hán cầu làm Bồ tát, xin được làm việc với Phật để phát huy đạo đức, được an lành hơn là tự rong ruổi.

Hạng thứ ba là nhất sanh bỏ xứ Bồ tát đã thành tựu đầy đủ hạnh Bồ tát, muốn cầu làm Phật hay cầu pháp xây dựng Tịnh độ. Ba hạng người này cầu kinh Pháp Hoa với viên mãn Báo thân Phật ở thế giới Thật báo trang nghiêm, một thế giới siêu hình. Nhưng với lực tác động của Phật, cảnh giới của tứ sanh lục đạo hiện ra đầy đủ.

Trên lộ trình tu, chắc chắn các vị này không cầu kinh Pháp Hoa 28 phẩm bằng giấy trắng mực đen của chúng ta tụng hàng ngày. Kinh Pháp Hoa mà các Ngài khát ngưỡng trải qua nhiều kiếp gian khổ tìm cầu, chính là tạng bí yếu của chư Phật, là mẹ sanh ra các công đức. Đức Phật nào cũng phải nương theo tạng Pháp Hoa bí yếu này mới thành tựu Vô thượng Bồ đề.

Từ góc độ nghe được kinh Pháp Hoa là nhận được tạng bí yếu của Như Lai, hành giả thể hiện sự sống trên cuộc đời. Tất cả trần lao nghiệp phải hoàn toàn rũ sạch, buồn phiền tích tụ từ bao đời phải xóa tan.

Phẩm Tựa của kinh Pháp Hoa đã xác định điều này bằng hình ảnh hoa Mạn đà là và Mạn thù sa. Tâm thanh tịnh, thân hiện hảo tướng, tiêu biểu cho hành giả đã có một niệm tùy hỷ đối với kinh. Từ đó, Pháp thân hành giả lớn dần. Dù Đức Phật có thọ ký hay không.

Hành giả phát tâm Bồ đề từ chơn tâm, không dùng tai nghe kinh ngữ ngôn văn tự, nhưng nghe pháp ngữ bằng tâm, mới được thọ ký. Giống như Thường Bất Khinh Bồ tát nghe được 20 ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa

khi sắp mạng chung. Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức của Ngài chuyển thành ngũ phần Pháp thân và Ngài ở vị trí Pháp thân nghe kinh Pháp Hoa, nên được Phật thọ ký.

Ngày nay, chúng ta cũng giống như Thường Bất Khinh, không còn Phật bên cạnh. Thiết nghĩ trên bước đường tu chúng ta lắng lòng, vượt được ngũ ấm thân, cũng nhận được pháp âm Phật. Nghe bằng tâm thanh tịnh và nhận sự thọ ký trên bản tâm thanh tịnh nên thọ ký luôn cả ba đời. Thọ nhận được vậy, hành giả sanh ra đời nào cũng tự nhớ đã tu Pháp Hoa, không sợ bị đọa.

Ba hạng người, người cầu Thanh văn, cầu Bồ tát, cầu Phật đạo, có một niềm tùy hỷ, hay thọ trì một câu, một kệ Pháp Hoa đều được thọ ký. Họ đứng ở ba chặng đường tu dưới dạng liễu nghĩa. Đó là sự thấy biết có thay đổi theo thứ bậc, chưa rốt ráo. Đến khi nào hành giả đạt được tâm gương trong sáng hoàn toàn thì Phật thọ ký, hay xác định hành giả là Phật.

Kế tiếp Đức Phật dạy : "Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép Diệu Pháp Liên Hoa, phải biết người này đã thành Vô thượng Chánh đẳng chánh giác vì thương nhân gian mà sanh lại đời".

Khi Phật tại thế, chúng ta trực tiếp nương theo trí tuệ và đạo đức của Ngài, thâm nhập Phật huệ dễ dàng. Điều này không khó hiểu. Như tôi may mắn gặp nhiều vị danh Tăng, học được với thầy hiền bạn tốt, biết được nhiều điều hay và hiểu kinh dễ dàng. Nhân cách của người dạy rất quan trọng, nhìn họ, nghe họ dạy, tâm chúng ta biến chuyển ngay. Chúng ta tu theo thầy giỏi, không nhọc sức mà đắc đạo.

Tuy nhiên, Phật diệt độ, chúng ta phải tự phát triển thì không đơn giản. Vì chúng ta không có đối tượng để quan sát nên không được gì. Có người nói pháp giải thoát mà cuộc sống không giải thoát là lời nói suông. Có người thọ trì, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa cả vạn lần, nhưng không ai đắc đạo.

Vì vậy, Đức Phật khẳng định người nào tu được kinh Pháp Hoa, phải biết họ đã thành Vô thượng Đẳng giác, vì thương nhân gian mà sanh lại đời. Thân họ ở cuộc đời, tâm ở Tịnh độ, mới diễn tả được Tịnh độ và đưa chúng nhân trở về Tịnh độ được. Đức Phật ngầm chỉ cho chúng ta rằng Ngài là người đã thành Phật, vì thương nhân gian sanh lại Ta bà nói kinh Pháp Hoa.



Trong phẩm Tựa, Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ Tam muội và nhờ Di Lạc hỏi Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Văn Thù giới thiệu Đức Phật Thích Ca nói kinh Pháp Hoa, nghĩa là Ngài xác nhận Thích Ca thành Phật rồi sanh lại. Riêng chúng ta còn phải nương theo kinh Pháp Hoa văn tự để hiểu giáo nghĩa và thâm nhập chân lý, nhưng chúng ta vẫn được xếp vô hàng tham dự pháp hội của đức Thích Ca Mâu Ni.

Kinh nói : "Sau Phật diệt độ, nếu ai thọ trì thì được chư Phật hộ niệm, có đức tin lớn, chí niệm bền vững và được gần Phật, được Phật thọ ký".

Điều này khẳng định sau Phật Niết bàn, chúng ta còn tu được nhờ Phật lực gia bị, hộ niệm. Phẩm Như Lai thọ lượng cũng ghi nhận ý này, theo đó trời, người, A tu la thấy sắc thân Ngài hoại diệt. Trong khi Pháp thân và Báo thân Phật vĩnh hằng bất tử, vẫn luôn tiếp tục che chở, giúp chúng ta tu hành. Phật không hộ niệm, chắc chắn chúng ta khó tiến tu. Quan sát sẽ thấy rõ điều này, có người cầm đến sách kinh thì ngủ gục, nghe pháp thì mỗi mệ, mở mắt không nổi. Nhưng vừa hết thời kinh, dứt thời pháp họ sáng mắt, tỉnh táo lại liền, hoặc ngồi tán gẫu, nói chuyện thiên hạ, không bao giờ họ biết mệ.

Theo tôi, từ khi phát tâm Bồ đề đến thành Phật quả, bước đường tu thật lắm gian nan. Nếu không có đức tin lớn, không thể nào vượt đường hiểm sanh tử. Nhất là kinh Pháp Hoa khó ở điểm dạy chúng ta không làm, mà phải có tác dụng tốt hơn bất cứ việc làm nào của thế gian.

Người có đức tin lớn mới hiểu được lời Phật dạy và dùng niềm tin để tiến tu. Sử dụng trí bình thường không thể nào hiểu Phật, làm theo Phật nổi. Hành giả muốn tu được, phải có Phật hộ niệm, mới phát sanh niềm tin, thấy sự vật theo tuệ giác Phật. Ý này được phẩm Tựa diễn tả rằng chúng hội nương theo tia sáng ở giữa chạng mành của Đức Phật, thấy được tứ sanh lục đạo.

Tu hành theo Pháp Hoa không đơn giản, được kinh ví như người đào giếng ở trên cao nguyên. Tuy nhiên, Phật dạy Bồ tát không sợ khó, không sợ khổ. Vì nhờ đó mới sanh công đức, dễ nhận ra người tốt.

Nhận sự thọ ký của Phật, hành giả không sợ, nhưng không phải liều. Tâm hồn hoàn toàn bình ổn, vì hành giả được Phật bảo vệ, chỉ còn ghi nhớ Vô thượng Bồ đề. Họ không vì bất cứ gì khác, nên người chọc không giận, dù không theo. Tâm hành giả vững chắc như vậy là biết Phật đã lấy y trùm cho, Pháp thân hành giả đã được thọ ký.

Tuy nhiên, trên bước đường tiến tu theo Pháp Hoa, còn muôn ngàn khó khăn. Hành giả luôn luôn gặp ba thứ cường địch. Điều này không có gì lạ. Ngay Như Lai tại thế còn gặp oán thù. Mặc dù bị ám hại, hành giả vẫn bình an nhờ có Phật che chở. Hoặc có thể hành giả không giữ được thân mạng, nhưng nhiếp tâm niệm Phật cũng bảo vệ được Pháp thân.

Loại cường địch trước tiên hành giả phải cảnh giác, vì biết mọi người ở Ta bà đều sống vì quyền lợi nên ganh tỵ với phước báo của hành giả. Họ sẵn sàng nói xấu, ám hại.

Vượt qua được hạng ác thế gian này, hành giả lại gặp hạng người ác trong tôn giáo cũng tranh dành quyền lợi đến mức không từ bỏ thủ đoạn nào. Như Phật bị người Bà la môn vu khống giết con.

Giải quyết xong lớp người đồng tu, hành giả bị hàng Tiếm thánh tăng thượng mạn, phước nhiều, có quyền thế sẵn sàng hại hành giả. Làm thế nào bình ôn trước sức chống phá của ba hạng tăng thượng mạn, tức đào giếng trên cao nguyên.

Ở chặng đường một, trên cao nguyên ví như trên đồng hoang sanh tử, ai cũng bị thiêu đốt giống nhau. Hành giả tu để vượt hạng này. Sự thật từ ngũ uẩn thân khởi tu để thấy được chơn tâm không dễ. Mỗi ngày thấy phiền muộn, chắc chắn dễ hơn. Kinh điển tả là phải ra sức đào đất, tức hành giả phải nỗ lực tu.

Chặng đường hai cố gắng đào cho đến đất ướt, đất bùn, nghĩa là phải hàng phục ngoại đạo, ma oán. Làm sao để người chống đối trở về hàng thuận. Người còn chỉ trích được là biết mình còn dở xấu, còn là bùn. Thực dạ tu hành, hay tìm cho ra điểm họ chê để xóa được mới là tu, là gạt lớp bùn cho nước hiện ra.

Chịu cực đào sẽ tới nước, tức thấy đạo, thấy tâm, thì trước kia người khinh chê nay phải khen ngợi, kính trọng. Trên bước đường tu đúng pháp, bị đặt điều nói xấu, hành giả không cần đính chính, người nói sai phải đính chính.

Đào cho nước bung lên, tức đắc đạo, hành giả và người tự mát, việc tự thành. Vượt qua được ba hạng người ác này, hành giả gần đến Vô thượng Đăng giác. Không sợ khó, vì có khó mới khôn. Mỗi lần đụng chạm cuộc đời, nảy sanh vấn đề, hành giả phát hiện được dở xấu của bản thân còn tồn đọng, cần khắc phục.

Theo kinh nghiệm, tôi thấy những người lớn lên trong môi trường thuận tiện, dễ dãi, thường hay sanh tệ. Trong cuộc đời tu, tôi luôn nghĩ đến những khó khăn hơn chờ đón chúng ta. Không phải qua được một việc khó là xong, việc sau luôn luôn khó hơn trước. Chúng ta còn phải hàng phục tứ ma mới thành Phật. Cần sẵn sàng đi tới, sẵn sàng chấp nhận những gì xảy ra với tâm bình ổn để giải quyết đúng như pháp, không làm tổn hao tâm lực, phước đức của mình.

Để kết luận phần bí yếu mà Đức Phật muốn truyền trao cho hành giả Pháp Hoa đời sau, Ngài nhắc nhở các Bồ tát vì thương nhân gian, trở lại cuộc đời độ sanh cũng giống như người được Phật giao cho máy liên lạc với Phật. Nếu để lạc mất làn sóng, thì Phật không thể truyền tin cho hành giả.

Ba làn sóng hay ba điều kiện căn bản : nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai, giúp hành giả liên hệ với Phật, nhận sự hộ niệm. Nhờ vậy, được bình an truyền bá kinh Pháp Hoa trong cõi Ta bà tràn đầy việc ác đáng kinh sợ.

Điều kiện trước nhất, Bồ tát hiện hữu trên cuộc đời, muốn được Phật hộ niệm, phải vào sống trong nhà Như Lai. Nghĩa là phải có tâm từ bi đối với chúng sanh như mẹ thương con, sẵn sàng chịu đựng xấu xa, bướng bỉnh của chúng sanh. Thiếu tâm từ không thể thọ trì Pháp Hoa, không giảng được Pháp Hoa. Ngài Di Lạc Bồ tát tiền kiếp là Cầu Danh, nhờ phát sanh được từ tâm tam muội, mang tên là Từ Thị. Lấy chữ Từ làm họ, làm mạng sống, làm huyết thống của Ngài, nên được thọ ký thành Phật. Riêng chúng ta vì thiếu niệm từ liên tục, từ tâm lúc có lúc không. Ai tốt chúng ta tốt lại, ai không tốt chúng ta trả đũa. Tụng cả ngàn bộ kinh mà vẫn không được thọ ký là vậy.

Điều kiện thứ hai để nhận được lực Phật gia bị, hành giả phải mặc áo Như Lai hay trang nghiêm thân tâm bằng hạnh nhu hòa nhân nhục. Nhu nghĩa là mềm, lấy mềm để thắng cứng. Hành giả có lời nói, cử chỉ, hành động như thế nào khiến cho người cảm thấy mềm lòng. Nếu hành giả còn chỏi với người, sẽ mất liên lạc với Phật.

Chẳng những không được xung đột với bất cứ người nào, còn phải hòa với họ, đưa ta vào tâm họ để họ nghĩ tốt về ta. Muốn hòa với người, Phật dạy Bồ tát đến với chúng sanh, đừng áp đặt lập trường của mình. Cần đứng ở lập trường chúng sanh mà cảm thông giáo hóa. Dù người có đối xử thế nào, hành giả cũng phải trụ tâm bình thản, không giận, không khổ. Việc nhờ nhờ đổ lên không để dính vào tâm, tâm hồn hành giả vẫn trong sáng. Hành

giả vô hiệu hóa sức chống phá của ma bằng cách nương theo lực đẩy để cất cánh bay lên, không phải gồng mình chịu chết.

Thành tựu pháp nhu hòa nhẫn nhục đối với chúng sanh, đối với pháp giới, thì chúng sanh và hoàn cảnh không quấy rầy hành giả, hiện tượng giới không còn tác động. Hành giả mới thâm nhập pháp giới. Còn kẹt hơn thua với chúng sanh, chắc chắn phải ở lại thế giới nhiễm ô.

Hành giả dùng hạnh nhu hòa nhẫn nhục để ngăn chặn phiền não nhiễm ô, giữ được tâm thanh tịnh, nhờ đó phát sinh trí tuệ sáng suốt. Kinh gọi là tòa Như Lai, là trí Bát nhã hay nhứt thiết pháp không. Hành giả phát huệ và sử dụng huệ quan sát ngũ uẩn giai không, không còn gì vướng mắc, ngăn cản sự hành đạo.

Trên tinh thần này, muôn hướng dẫn người, hành giả phải đạt trí Bát nhã hay phải biết và giải quyết được tất cả khó khăn. Vì đưa chúng nhân cùng vượt 500 do tuần đường hiểm không đơn giản. Nếu thiếu trí tuệ, hành xử theo tham vọng bực tức buồn phiền sẽ dẫn quyền thuộc vào con đường tội lỗi. Hành giả đã phạm tội phá pháp.

Cần diệt tham sân phiền não của chính mình, trang bị đầy đủ tri thức mới có thể dìu dắt người tiến trên con đường phước lạc, giải thoát. Không đủ tư cách, làm không đúng pháp, giúp đỡ sẽ trở thành tác hại. Trước kia, Hòa thượng Trí Tịnh thường nhắc nhở tôi rằng nhiệt tình là điều tốt; nhưng phải đi đúng đường Phật dạy. Vì không lẽ tôi thương chúng sanh hơn Phật, hơn Bồ tát hay sao. Nhưng tại sao các Ngài lại không giúp. Đó là điều chúng ta cần suy nghĩ.

Về trí Bát nhã, chúng ta có thể kiểm nghiệm nhiều lần để xem cái thấy của chúng ta có chính xác không. Nếu chính xác trong hiện tại và cả tương lai, chứng tỏ chúng ta đã đạt trí Bát nhã, thấy biết qua lăng kính Phật huệ. Giống như Trí Giả nhập định thấy được vùng núi rừng sinh lầy ở Ngọc Tuyền sẽ là khu đại già lam. Đó là cái thấy của người tu Pháp Hoa do nhãn căn thanh tịnh hay nhờ Phật huệ rọi, chùa chưa xây nhưng đã thấy có. Và thực tế xảy ra đúng như vậy. Không bao lâu, Tùy Dạng Đế lên ngôi phát tâm xây chùa.

Hành giả thành tựu ba việc bí yếu của Như Lai mới có kinh Pháp Hoa để thọ trì, thuyết giảng. Phật sẽ bảo trì, người cùng với phi nhân ra mắt pháp sư nghe pháp, cúng dường.

"Trời" có thể hiểu là hạng người nhiều phước báo, đầy đủ mười thiện nghiệp. "Người" là những thành phần tốt trong xã hội, gìn giữ đầy đủ năm giới cấm. Phật sẽ khiến hai loại người có tư cách như vậy mang của báu đến cúng dường, nghe pháp.

Cuộc đời hành đạo của Trí Giả nhận được đầy đủ sự màu nhiệm này, thể hiện rõ nét lời Phật dạy. Khi Ngài bỏ đế đô lên Ngọc Tuyền, ở hang đá tu, để tránh sự sát phạt giữa hai triều đình Trần, Tùy. Phật cũng khiến hàng phi nhân đến nghe pháp. Đó là Quan Công chết từ đời Hán không siêu thoát, đến nghe Trí Giả giảng pháp trong Thiên định. Sau đó Ngài nhập định thấy Quan Công hiện lại cho biết nhờ nghe pháp mà hóa giải được tất cả buồn phiền. Ông nguyện suốt đời làm thần Già lam hộ trì chánh pháp. Khi Trí Giả trở về chốn đô hội đông người là đất Kim Lăng (Nam Kinh ngày nay), Phật cũng khiến người đến nghe pháp rất đông và vua cũng bãi triều đến nghe.

Nếu người đến hại pháp sư, Phật khiến Kim Cang bát bộ thiện thần che chở. Điển hình như Ngài Huệ Tư giảng kinh Pháp Hoa bị bỏ thuốc độc ba lần, nhưng không chết. Hoặc Nhật Liên Thánh nhân bị đem ra pháp trường xử chém nhưng gươm tự gãy, không giết được Ngài. Bị đày ra đảo Sado nơi quanh năm chỉ toàn băng tuyết, không loài cỏ cây nào sống được mà Ngài vẫn khỏe mạnh, hồng hào.

"Nếu người trụ chánh định thì thấy thân ta, nghe ta thuyết pháp, tăng trưởng Phật huệ. Ai gần người này, tâm cũng an và thấy hăng sa vô số chư Phật, mau đến Vô thượng Bồ đề".

Nghĩa là hành giả làm đạo ở cuộc đời, vì không tham muốn, tâm hồn luôn bình ổn thanh tịnh, tạo điều kiện cho hành giả và Phật luôn luôn có liên hệ với nhau. Nếu để liên hệ này mất, hành giả sẽ đọa. Cần ghi nhớ rằng hành giả là nhịp cầu giữa Phật và chúng sanh, nên đưa tay cứu vớt họ. Nhưng không cứu được thì rút tay lại để bảo toàn huệ mạng. Nói cách khác, không gặp thuận duyên làm đạo, hãy ẩn nhẫn tu hành, để giữ tâm cho thanh tịnh mới có thể liên hệ với Phật, tăng trưởng Phật huệ của mình.

Hành giả trụ định thấy Phật, tác động cho tâm người khác được bình yên, không cần phải dùng lời giảng dạy. Ngài Nhật Liên thể hiện rõ nét ý này. Khi Ngài ở đảo trở về đất liền, ẩn tu Thiên định nơi núi rừng, người cảm hạnh đức tìm đến chiêm bái đánh lễ. Dù Ngài không thuyết pháp, người chỉ nhìn thấy cũng nhận được an lạc.

Tóm lại, trên lộ trình 500 do tuần đường hiểm đến Bảo sở, thiết nghĩ với sức lực yếu ớt và hiểu biết cạn kiệt của tâm thân hữu hạn trong vũ trụ bao la này, chúng ta chẳng khác kẻ mù không có chút khả năng tự vệ, nói chi đến giúp người khác.

Đức Phật thừa biết điều này, Ngài đã chỉ rõ những cạm bẫy hiểm hóc trên đường sanh tử, sắp xếp hành trang cẩn thận cho người phát tâm quyết chí muốn đến Vô thượng Bồ đề. Ngài bố trí kỹ lưỡng phương tiện từng chặng đường để giúp hành giả bảo toàn giới thân huệ mạng.

Cảm nhận sâu sắc rằng mọi việc đã được đức Đạo sư lo toan, chuẩn bị đầy đủ. Phần còn lại dành cho chúng ta là phải thực hiện đúng lời Đức Phật chỉ dạy, nhất định chúng ta cũng đạt đến quả Vô thượng Đẳng giác như lời Phật đã thọ ký.

---o0o---

## **12. Ý nghĩa Long Nữ dâng châu trong kinh Pháp Hoa**

*(Giảng tại Linh Sơn Long Châu tự)*

Các Phật tử tụng kinh Pháp Hoa đều nhận thấy hai hiện tượng rất kỳ lạ trong phẩm Đề Bà Đạt Đa. Hiện tượng thứ nhất mà người xưa thường gọi là ác nhân thành Phật. Điều này khiến cho chúng ta thắc mắc suy nghĩ. Chẳng những chúng ta mà cả các vị thánh Tăng từ xưa đến nay cũng thường lưu tâm và đưa ra nhiều cách giải thích khác nhau. Có thể nói đó là vấn đề sâu sắc của kinh Pháp Hoa.

Ai cũng biết Đề Bà Đạt Đa là em họ của Đức Phật mà suốt đời theo phá Phật. Tuy nhiên, trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật khen ngợi công đức của Đề Bà Đạt Đa, nhờ ông mà Đức Phật mau thành Vô thượng Đẳng giác. Trong thời quá khứ, Đề Bà Đạt Đa đã từng dạy kinh Pháp Hoa cho Ngài và Đức Phật thọ ký cho ông trong tương lai sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương.

Ngoài ra, một hiện tượng kỳ đặc khác gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ. Long Nữ, con của Ta Kiệt La Long vương mới 8 tuổi. Khi dâng hạt châu cúng Phật, cô liền chuyển thân nữ thành thân nam, sang thế giới Vô Cấu, thành Phật ngay tức khắc. Cô không cần tu vô lượng kiếp như các Bồ tát và thánh Tăng khác.

Hôm nay dự lễ khánh thành Linh Sơn Long Châu tự, tôi hình dung Tổ Huệ Mạng, vị sáng lập chùa ẩn tu nơi đây. Chắc hẳn Ngài đã thâm nhập ý nghĩa sâu xa của kinh Pháp Hoa, mới đặt tên chùa là Linh Sơn Long Châu.

Tên Linh Sơn phát nguồn từ Linh Thứu Sơn, nơi mà Đức Phật Thích Ca thuyết nhiều bộ kinh Đại thừa, đặc biệt nhất là kinh Pháp Hoa.

Khi triển khai về ý nghĩa chữ Linh Sơn, hiểu dưới dạng tâm chứng, Ngài Trí Giả đại sư giảng rằng "Linh" chỉ cho tâm, "Sơn" chỉ cho thân. Theo tinh thần này, vua Trần Nhân Tông cũng như trong Thiền học thường ví thân tứ đại với bốn ngọn núi.

Theo tôi, Linh Sơn mang ý nghĩa quan trọng, tiêu biểu cho sự kết hợp hài hòa giữa thân và tâm, hình thành nên kinh Pháp Hoa hay Đức Phật trên nhân gian. Toàn bộ kinh Pháp Hoa thể hiện tinh thần dung hợp hài hòa thân và tâm, nhằm mục tiêu khơi dậy phương hướng tu hành Bồ tát pháp. Đặc biệt nhất nổi rõ vấn đề Long Nữ dâng châu, được Tổ sư Huệ Mạng rút ngắn thành hai chữ Long Châu.

Trong kinh Pháp Hoa, thí dụ hạt châu được Đức Phật đề cập đến nhiều lần. Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký nói về người bạn cột hạt châu trong ché áo. Kể đến Đức Phật đưa ra ví dụ hạt châu trong búi tóc của vua Chuyển luân Thánh vương trong phẩm An lạc hạnh. Và sau cùng là hạt châu của Long Nữ dâng Phật trong phẩm Đề Bà Đạt Đa. Ví dụ hạt châu được nhắc đến ba lần, gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ.

Đối với tôi, ý nghĩa hạt châu thay đổi theo từng bước tiến trên mỗi chặng đường tu của chúng ta.

Trong phẩm 8 kinh Pháp Hoa, 500 vị A la hán thừa với Phật câu chuyện một người tặng hạt châu cho người bạn say rượu. Vì quá say, anh ta không biết mình có hạt châu quý giá ở ché áo, vẫn lê thân nghèo khổ đi làm thuê mướn. Tâm trạng của các vị Thánh đệ tử cũng giống như vậy, nay mới biết mình có trí tuệ, có khả năng thành Phật, ví như hạt châu. Nhưng họ không biết khai thác trí tuệ để đạt đến hiểu biết bao la như Phật, cứ mãi sống cam phận nghèo hèn, bằng lòng với quả vị A la hán, coi đó là cứu cánh Niết bàn.

Đến phẩm An lạc hạnh, nói đến vị Chuyển luân Thánh vương được mọi người kính nể, điều khiển được thiên hạ bốn phương, nhờ hạt châu trong búi tóc. Ở đây chúng ta hình dung được hạt châu tiêu biểu cho trí tuệ con người.

Sở dĩ vua hàng phục được tất cả khó khăn, thống nhiếp được binh tướng, trị nước an dân dễ dàng, vì Ngài có trí tuệ. Khi dẹp loạn xong, vua ban viên minh châu trong búi tóc cho người có công lớn nhất.

Đức Phật cũng vậy, Ngài đem hạt châu cho người thừa kế. Có thể hiểu rằng Đức Phật tu hành thành Phật, có trí tuệ tuyệt vời. Ngài điều động khắp pháp giới và truyền trao hiểu biết vô cùng tận cho hành giả nào có đầy đủ công đức, có tư cách thay thế Phật.

Sau cùng là hạt châu của Long Nữ dâng Phật. Long Nữ thuộc về loài rồng. Rồng được coi như thú quý vì có hạt châu. Hạt châu của rồng tiêu biểu cho chơn tâm, tâm sáng suốt hay trí tuệ vô lậu thường được Đức Phật đề cao trong kinh Pháp Hoa. Phạm phu đại khờ chạy theo vật chất, vứt bỏ trí tuệ quý báu, mới trôi lăn mãi trong dòng trầm luân sanh tử.

Đức Phật nắm bắt được hạt châu, sử dụng được trí tuệ tuyệt đỉnh. Ngài trở thành vị Đạo sư của thế giới Ta bà. Hạt châu ẩn bên trong, hay tư cách Phật toàn bích ở bên trong được bao bọc bên ngoài bằng thân nữ.

Xá Lợi Phất hay Bồ tát Trí Tích quan sát thân tướng bên ngoài chỉ thấy Long Nữ là cô bé 8 tuổi ở trong loài rồng, làm thế nào thành Phật được. Chỉ có trí tuệ của Văn Thù Sư Lợi Bồ tát và Đức Phật mới thấy được Long Nữ đã là Phật.

Hành động của Long Nữ đến trước Đức Phật Thích Ca dâng châu và được Ngài nhận lãnh, nói lên ý nghĩa Long Nữ cầu Phật ẩn chứng quá trình tu Bồ tát đạo mà Ngài đã thành tựu trong vô số kiếp quá khứ.

Đức Phật cũng xác minh rằng Long Nữ đã đầy đủ đạo hạnh Bồ tát hay có đủ tư cách của đẳng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác mới có khả năng tức thân thành Phật, là thành Phật ngay lập tức trong thân này. Lúc ấy, lia được tướng nam nữ và tâm hoàn toàn trong sạch không nhiễm ô, tạo thành thế giới Vô Cấu mà kinh diễn tả là Long Nữ bay sang thế giới Vô Cấu.

Từ Ân đại sư nhận xét vấn đề Long Nữ thành Phật tiêu biểu cho điểm cao nhất của kinh Pháp Hoa, nói lên tinh thần nam nữ bình đẳng bất nhị. Đó là một trong ngũ trùng bất nhị, được Ngài nêu ra như sau : thiện ác bình đẳng bất nhị, tướng ấu bình đẳng bất nhị, nam nữ bình đẳng bất nhị, cổ kim bình đẳng bất nhị, trí ngu bình đẳng bất nhị.



Theo Ngài Từ Ân, mọi người sống trên cuộc đời mang thân nghiệp khác nhau, hình tướng bên ngoài khác nhau, phân chia thành nam nữ, già trẻ, trí ngu, thiện ác... Nhưng trên chân lý, tất cả mọi người hoàn toàn bình đẳng. Trong trạng thái giải thoát của tâm, không hề tồn tại ý thức phân biệt già trẻ, thiện ác, nam nữ...

Thật vậy, cái giỏi cái tốt của con người hiển nhiên không nhất định dành riêng cho một giới nào hay độ tuổi nào hoặc giai cấp nào. Bất cứ ai đạo đức, thông minh, mang an vui lợi ích cho mọi người, họ đều là mẫu người tiêu biểu cho sự cao quý thánh thiện.

Hơn 100 năm trước, Tổ Huệ Mạng đã tìm ra chỗ ẩn mình tu tập và xây dựng được chùa Hang (Linh Sơn Long Châu tự) ở non Linh. Ngài quả là con người phi thường. Ngày nay đường đi được sửa sang đàng hoàng, chúng ta lên còn cảm thấy khó khăn mệt nhọc. Huống chi thời Ngài, toàn rừng rậm bạt ngàn. Nếu không có ý chí lớn, không thể làm nổi việc khai sơn tạo tự như Ngài. Tổ có pháp danh đặc biệt là Huệ Mạng, nghĩa là lấy trí tuệ làm mạng sống. Ngài nhìn xa hiểu rộng, nhận được ý nghĩa sâu xa của hình ảnh Long Nữ dâng châu mà đặt tên chùa Linh Sơn Long Châu.

Từ nhìn thấy sâu xa trong kinh cho đến nhìn sâu xa trong thực tế cách 4 đời sau, Ngài biết có Ni Sư Diệu Nghĩa đến Linh Sơn xây chùa Long Châu tráng lệ ngày nay. Ni sư hoàn thành ngôi chùa nguy nga chỉ trong một thời gian ngắn 6 tháng. Một việc mà ngay cả bậc tu mi nam tử cũng chưa làm nổi. Trong thời gian ngắn hoàn tất ngôi chùa Long Châu cũng đồng nghĩa với Long Nữ tức thân thành Phật, trong khoảnh khắc chớp mắt dâng châu thành Phật.

Kỷ niệm ngày khánh thành Linh Sơn Long Châu tự, tôi cầu mong cho các Phật tử, đặc biệt là hàng nữ lưu sớm phát hiện ra viên minh châu của chính mình. Nhờ đó quý vị chuyển được thân phận hèn mọn của người nữ, phát huy khả năng thành Phật và thành tựu những việc phi thường giống như Long Nữ hay Ni Sư Diệu Nghĩa.

---o0o---

### **13. An Lạc Hạnh theo kinh Pháp Hoa**

*(Giảng tại chùa Thanh Trước, Gò Công)*

Hôm nay (mùng 6 tháng 3) là ngày húy kỵ lần thứ 83 của Tổ khai sơn tạo tự chùa Thanh Trước là Ngài Vô Tri. Tên của Tổ thật đặc biệt, Vô Tri nghĩa là không biết.

Theo tôi, Ngài không biết những điều vụn vặt của con người, không biết việc hơn thua vinh nhục của thế gian, nói chung, không biết những điều không cần biết. Ngài biết những gì sâu xa có thể cảm hóa, hướng thiện cho người.

Khi Ngài đến chùa Thanh Trước cách đây hơn 100 năm còn là vùng hoang dã, Ngài đã độ cho các chú bé chăn trâu phát khởi niềm tin với Tam bảo. Chính các chú này là những người đầu tiên phát tâm xây dựng chùa. Tổ Vô Tri ẩn tu ở vùng đầm lầy sông Tiền và dùng đức hạnh giáo hóa, không khoa trương nói nhiều. Hình ảnh Ngài khiến tôi liên tưởng đến pháp tu An lạc hạnh mà Đức Phật dạy trong kinh Pháp Hoa.

Trước khi kết thúc phần lưu thông của Tích môn Pháp Hoa, theo phẩm Trì thứ 13, nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha Bồ tát ở trước Đức Phật phát lời thệ nguyện sau khi Như Lai diệt độ, các Ngài sẽ thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh Pháp Hoa không tiếc thân mạng.

Đối trước quyết tâm kiên cố dũng mãnh của Bồ tát mười phương, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát với trách nhiệm của bậc đại trí. Ngài xin Đức Phật chỉ dạy cách tu, cách hành đạo thế nào để các Bồ tát có thể sống an lành ngay trong thế giới Ta bà nhiều tệ ác hiểm nguy.

Đáp lại lời thỉnh cầu, Đức Phật giảng về An lạc hạnh, được ghi lại trong phẩm 14. Hành giả Pháp Hoa cần trụ bốn pháp an lạc, để vượt qua công gai, khó khăn của đời ngũ trược ác thế.

Trước nhất, Đức Phật dạy chúng ta về pháp tu cho thân an lạc, trong kinh gọi là hành xứ và thân cận xứ. Đối với người mới phát tâm còn kém dở, muốn thân được an lành phải tìm chỗ sống cho yên. Không bị quấy rầy, dao động mới có thể tu học, hành đạo. Chúng ta thường nói có an thân mới lập mạng được.

Nâng lên một bước, ý chính Đức Phật dạy về hành xứ hay việc làm giúp cho thân an lạc, chúng ta cần quán thật tướng các pháp để thấy rõ tương quan tương duyên giữa ta và người theo liên hệ ba đời nhân quả.

Muốn quán các pháp đúng như thật, chúng ta phải nỗ lực suy tư, tu học yếu nghĩa của kinh, xem cách Đức Phật ứng xử với cuộc đời như thế nào. Nương theo đó, tìm ra đáp số cho tình huống của chúng ta.

Từ nhận thức theo Phật, nhìn cuộc đời qua lăng kính của kinh điển, chúng ta gia công tu tập Thiền quán phát sinh trí tuệ, mới thấy đúng, giải quyết đúng việc của chính mình.

Thật vậy, mặc dù học theo Phật nhưng tư cách, việc làm cũng như hoàn cảnh, thời gian của Đức Phật và của chúng ta hoàn toàn khác nhau. Cách giải quyết tất nhiên phải khác nhau. Đi sâu vào Thiền quán, chúng ta nhận chân được liên hệ giữa mình và người cùng muôn pháp. Trở lại thực tế cuộc đời, trên căn bản trí tuệ vô lậu, chúng ta không còn gì thắc mắc, hành xử mọi việc tốt đẹp, tự nhiên thân sẽ an vui.

Ngoài việc quán các pháp đúng như thật, muốn yên thân, Đức Phật dạy đừng nên gận gũi quốc vương, vương tử, đại thần, Bà la môn..., nói chung là những người có quyền thế. Họ thường tranh dành quyền lợi, sẵn sàng giết hại nhau. Khi các phe phái sát phạt, nếu chúng ta thân cận một nhóm nào cũng khó mà yên thân.

Thâm nhập tinh thần Phật dạy về an lạc hạnh, Trí Giả đại sư đã rời bỏ Kim Lăng về Ngọc Tuyền còn là vùng đầm lầy hẻo lánh, để tu hành giảng pháp. Ngài không thân cận nhà vua, không nhận chức Quốc sư, dù được vua nhà Trần hết sức kính trọng. Khi nhà Trần sụp đổ, nhà Tùy lên thay, Ngài vẫn bình ổn. Tùy Dạng Đế chiếm được Nam Kinh, nghe tiếng Trí Giả là bậc chân tu, đức hạnh, đã lên đến Ngọc Tuyền thỉnh Ngài về. Ngài không nhận lời. Vua liền xin thọ giới Bồ tát tại gia và tôn Ngài làm Thầy để rước về kinh đô. Ngài cũng một mực từ chối. Vua ra lệnh xây chùa Ngọc Tuyền cho Ngài ở. Nhưng chùa được xây xong, Ngài bỏ nơi đó, lên tu ở núi Thiên Thai.

Ngoài những người có quyền thế, chúng ta không nên gận gũi những người làm nghề sát sanh hại mạng, nghề mãi dâm, nghề làm ảo thuật... Thân cận họ, dễ bị ảnh hưởng xấu, nếu đạo đức chúng ta chưa cao.

Hành đạo theo kinh Pháp Hoa, không phải chỉ tránh những hạng người xấu kể trên. Để được bình an thực sự, chúng ta cần luôn an trụ pháp Không.

Dưới kiến giải của hành giả Pháp Hoa, cuộc đời là giấc chiêm bao dài. Hơi thở chấm dứt, nghĩa là tỉnh giấc chiêm bao, thì mọi việc bươn chải suốt

cả đời liền hoàn không. Chỉ còn có nghiệp hay những gì dính trong tâm sẽ đeo theo ta qua đời sống kế tiếp.

Chúng sanh mê muội xem cuộc đời 60 năm là cuộc sống thực. Đối với người thâm nhập đạo, quán sát thấy rõ sự hiện hữu của con người trong 60 năm chỉ là tạm bợ, là giấc mộng giả huyền so với sự sống vĩnh hằng ở chân tánh. Một niệm ở chân tánh khởi lên mà kinh thường diễn tả là một niệm bất giác, vô minh nổi dậy, liền đẩy ta trôi lăn vào cuộc đời.

Vì quán cuộc đời là giấc mộng, các pháp đều Không, chúng ta chẳng để tâm ưa thích, không tranh dành hơn thua, không bực tức buồn phiền trước việc đáng bực tức buồn phiền, không ham muốn cái đáng ham muốn. Chúng ta ở ngay trong cuộc đời, vẫn sống chung với mọi người, nhưng không phải đối phó chống họ và cũng không bị họ chi phối. Tiền bạc, danh lợi, quyền uy không thể quyến rũ, lôi kéo chúng ta sống sai lệch chánh pháp. Người giàu sang, quyền thế là việc riêng của họ, không đáng quan tâm. Chúng ta chỉ một lòng lo tu học để thoát ly sanh tử.

Cách sống an thân lập mạng cao nhất mà chúng ta cần thể hiện trong cuộc sống giữa chốn bụi trần ở Ta bà là tâm thường an nhiên tự tại, an trú kinh điển, sống với pháp Không. Và chuyên quán thật tướng các pháp, thân cận chân tâm mình.

Ngoài các pháp nói trên tạo cho thân an lạc, hành giả cần giữ gìn khẩu an lạc, vì lời nói sẽ mang đến hậu quả tốt hay xấu cho thân. Đức Phật dạy trên bước đường tu, chúng ta tuyệt đối đừng nói điều hay dở của người khác, của kinh khác, dù là của ngoại đạo. Khi chúng ta chưa có khả năng chuyển đổi hoàn cảnh mà nói lỗi người, đụng chạm tự ái họ, sẽ tự chuốc họa vào thân.

Tôi nhận thấy nhiều người tốt, đầy nhiệt tình xây dựng, không chấp nhận việc xấu. Họ hay phê bình sai trái của người, kết quả thường bị nhiều người ghét. Theo tôi, trên cuộc đời này, người xấu nhiều hơn người tốt, người lỗi lầm nhiều hơn người đúng đắn. Chúng ta nêu ra tất cả lỗi lầm này, họ sẽ họp lại chống ta. Một mình đương đầu với cả nhóm người ác, tất nhiên không đơn giản, ta khó lòng mà an được.

Về vấn đề tội lỗi của người, tôi biết rất rõ nhưng không bao giờ nói ra. Chỉ quan sát lấy đó làm kinh nghiệm trên bước đường tu để đừng phạm lỗi và bị chướng ngại, phiền não như họ. Ngay từ thuở nhỏ, còn là học Tăng, tôi theo hầu các pháp sư, biết được những sai phạm của các Ngài. Tuyệt đối tôi

không kể lại, nhờ vậy quý vị này vẫn thương tôi. Cần nhớ rằng chê người là mang họa. Nhất là chúng ta nhỏ lại chê người lớn, tai họa đổ xuống cho ta không ít.

Học đến vấn đề thân khẩu an lạc, tôi nhận thấy ý kiến của giáo sư Kubota rất hay, đáng lưu tâm suy nghĩ. Theo ông, trên bước đường tu, chúng ta luôn luôn phải đối đầu với ba hạng người gọi là tăng thượng mạn, đụng chạm với họ rất nguy. Cách tốt nhất đừng quan tâm, đừng phát biểu về họ. Vì những người có lỗi, từ thấp đến cao, rất dễ trở thành tăng thượng mạn.

Trước hết, chúng ta gặp hàng tục chúng tăng thượng mạn. Họ là người thể tục, sống vì danh lợi. Nếu nói ra cái dở của họ, làm họ bị xem thường, bị mất quyền lợi, họ sẵn sàng hại ta. Và đặc biệt càng khó khăn cho ta hơn nữa, vì người thể tục, có quyền dùng tất cả thủ đoạn ác xấu. Trong khi cách chống đỡ duy nhất dành cho chúng ta là phải nhịn họ hoàn toàn.

Kế đến, đối với hàng đạo môn tăng thượng mạn cùng tu với chúng ta. Họ là người phá giới, không biết xấu hổ, không sám hối lỗi lầm. Nếu ra tội lỗi họ, cũng dễ mang họa vào thân. Tốt nhất chúng ta nên tránh, đừng nói việc sai trái của bạn đồng tu lỗi lầm ngang bướng.

Sau cùng, hạng tiềm thánh tăng thượng mạn có phước báo đời trước, nên hiện đời có quyền thế và tín đồ. Nhìn bề ngoài đạo phong, nhưng thực bên trong chất chứa đầy đủ tham sân phiền não. Họ thường cấu kết với người thể tục có quyền lực để được tôn là thánh. Và đáp lại, họ hỗ trợ cho những quyền lực này. Nếu đại khờ đụng chạm đến hạng giả thánh này, tánh mạng ta cũng khó an toàn.

Kinh nghiệm tôi từ lúc trẻ thấy rõ nguy hiểm này, không bao giờ đề cập đến họ, nghe bàn luận việc của họ, thì liền tránh ra chỗ khác. Nếu chúng ta chẳng may phải sống chung với hạng người này, nên thận trọng, không để mắt tới, huống là nói về họ.

Tuy nhiên, Đức Phật dạy chúng ta đối với những người đến cầu học, không phải lúc nào chúng ta cũng lắc đầu ngậm miệng, không nói, để giữ cho khẩu an lạc. Cần quán sát xem có nên nói hay không, đến lúc nói hay chưa và nói đến mức độ nào. Nếu chưa đúng lúc nói, hoặc đức của chúng ta chưa bao phủ được nghiệp của người, thì không nói. Chỉ thẳng cho người chịu nhận sai trái không phải việc dễ.

Chẳng những biết rõ hiệu quả của lời nói chúng ta khiến cho người chấp nhận được, chúng ta còn xét xem họ có thể làm theo lời khuyên hay không. Nếu nghe rồi để đó, không có khả năng thực hiện, chúng ta cũng không nhọc sức nói. Đức Phật thường ví ý này bằng hình ảnh người bị mũi tên độc bắn trúng. Phải lo chữa lành vết thương cho họ hay nói khác lo cứu linh hồn ra khỏi sanh tử là chính. Còn đòi biết việc xa vời viễn vông vô ích.

Ngoài thân, khẩu được an lạc, ý nghiệp cũng thanh tịnh, vì chúng ta luôn trụ trong pháp Phật, thường vui thích suy tư Thiên định, sống với sách vở kinh điển. Những hạng người tăng thượng mạn cho rằng chúng ta là một sách, khờ dại không biết gì. Nhờ đó mà chúng ta được yên thân, khỏi phải lo nghĩ đến họ, không bị buồn phiền quấy rầy.

Sống trầm mình trong giáo pháp Như Lai một khoảng thời gian, tâm chúng ta trở nên trong sáng, biết ứng xử với cuộc đời đúng như pháp. Không những bản thân chúng ta được an lạc, còn tác động an vui cho người. Từ đỉnh cao của ý an lạc dễ dàng trợ giúp ngược lại cho thân và khẩu được an.

Sau cùng, chúng ta lập thệ nguyện an lạc. Đi theo lộ trình hành Bồ tát đạo, luôn mang chí nguyện độ tận chúng sanh không biết mệt mỏi. Tuy nhiên, ý thức được trong hoàn cảnh hiện tại, chúng ta chưa đủ khả năng khắc phục những khó khăn, chưa đủ tư cách giáo hóa chúng sanh. Chúng ta ghi nhớ lời Phật dạy, nuôi dưỡng trong lòng thệ nguyện cứu độ chúng sanh. Đến lúc đầy đủ nhân duyên sẽ dạy bảo, dìu dắt người về với chánh đạo. Nếu chúng ta ham độ người sớm, không thành công. Đôi khi còn bị phiền phức, giống như hái quả non, không dùng được.

Kinh nghiệm này tôi từng áp dụng có kết quả trong việc giáo hóa chúng sanh. Đối với người đang có thế lực giàu sang không bao giờ họ nghe ta. Phải đợi cho họ sa cơ thất thế, đau khổ tuyệt vọng mới độ được. Lúc ấy, ở thời điểm "Xin thầy cứu con", thì tôi khuyên họ lạy Phật, sám hối, tụng kinh một ngày mấy thời đi nữa, họ cũng đều răm rắp làm theo.

Sự thật, đối với chúng sanh không có căn lành, trôi lăn trong sanh tử nhiều đời, họ mãi mê chạy theo mọi thứ, không bao giờ biết chán. Chỉ khi nào không còn hơi sức phấn đấu với cuộc đời, họ mới chịu dừng lại.

Tóm lại, Đức Phật dạy Bồ tát ở đời sau dù có sống ở Ta bà đầy khó khăn tệ ác, nhưng trang nghiêm thân tâm bằng bốn pháp an lạc. Chẳng những không thế lực ác nào có thể nhiều hại, còn tỏa bóng mát cho chúng sinh nương nhờ.

Riêng tôi, trong suốt hơn 45 năm hành đạo, luôn suy nghĩ hành trì bốn pháp an lạc. Thân, khẩu nghiệp không phạm sai lầm, không làm mất lòng người. Điều này giúp tôi an ổn, thăng hoa trên con đường hoằng truyền chánh pháp.

Tăng Ni Phật tử lập chí đi theo lộ trình của Đức Phật, nên sống với khuôn mẫu của bốn pháp an lạc. Chắc chắn quý vị sẽ được giải thoát an vui trong việc tiến tu đạo hạnh tự hành, lợi tha.

---o0o---

## **14. Bồ Tát Tùng Địa Dũng Xuất**

*(Giảng tại Trường hạ chùa Từ Nghiêm)*

Trong các kinh điển Đại thừa Phật giáo, chúng ta thấy xuất hiện vô số Bồ tát đóng vai trò chủ yếu trong việc trợ hóa Đức Phật Thích Ca ở Ta bà. Tuy nhiên, tự trung có thể tạm chia thành ba nhóm.

Nhóm thứ nhất gồm có nhân gian Bồ tát mang thân người hiện hữu ở thế gian, theo đuổi chí nguyện cứu nhân độ thế, làm lợi ích cuộc đời.

Kế đến là các Bồ tát xuất thế không mang thân ngũ uẩn, có thể chỉ cho Bồ tát hạnh. Kinh thường gọi là Bồ tát mười phương như Phổ Hiền, Văn Thù, Quan Âm... Dù các Ngài hiện hữu hay không, người có căn lành vẫn tin tưởng, cầu nguyện.

Ngoài Bồ tát mười phương, kinh Pháp Hoa còn đưa ra hình ảnh Bồ tát Tùng địa dũng xuất tiêu biểu cho Bồ tát phát xuất từ tâm, không ai thấy được. Kinh Pháp Hoa muốn diễn tả pháp chân thật là tâm đóng vai trò quan trọng chính yếu trên lộ trình đưa mọi người tiến đến bờ giác, không thể nhờ thế lực quý thân bên ngoài giúp đỡ được.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Bồ tát tâm chỉ cho chân tâm, không phải vọng tâm. Đức Phật dạy trên bước đường tu, hồi quang phản chiếu hay soi rọi ngược lại chân tâm, sử dụng được chân tâm, chúng ta sẽ có sức lực vạn năng, điều động thành công mọi việc dễ dàng. Rời bỏ chân tâm, sống với vọng thức, làm bằng ngũ uẩn, nay trúng mai trật, thường chuốc lấy thất bại.

Mở đầu, Bồ tát mười phương tập hợp trước Đức Phật, phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở Ta bà sau Phật diệt độ. Trái lại, Bồ tát mới

phát tâm ở Ta bà lại xin Phật cho các Ngài về thế giới khác truyền bá kinh Pháp Hoa.

Đôi trước hai lời thỉnh cầu tương phản, người ở thế giới Ta bà muốn đi nơi khác hành đạo và người nơi khác muốn về Ta bà làm việc, Đức Phật từ chối. Vì cả hai đều không hợp lý.

Thật vậy, chúng ta tưởng rằng đi nơi khác làm đạo được. Nhưng trên thực tế, việc hội nhập xã hội mới là cả vấn đề không đơn giản. Chúng ta phải điều chỉnh cơ thể, ngôn ngữ, nếp sống tu hành cho thích hợp với thủy thổ, phong tục, tập quán, sinh hoạt hoàn toàn khác hẳn. Điều này tốn nhiều thì giờ, công sức, nhưng kết quả không bao nhiêu.

Theo tôi, đạo Phật chỉ có thể lớn mạnh trên căn bản bàn tay và khối óc của chính dân tộc nơi đó. Chúng ta không thể nào làm thay cho họ được. Thực tế lịch sử cho thấy rõ khi Phật giáo truyền sang Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản v.v..., đạo Phật đã phát triển nhờ người dân bản xứ tiếp thu, phát triển đạo. Các nhà sư ngoại quốc chỉ có khả năng khơi dậy ý tưởng để dân địa phương nhận thức. Tự bản thân họ phải lo xây dựng, làm lợi lạc cho chính họ.

Trên tinh thần người ở nơi nào lo xây dựng nơi đó, người ở Ta bà mới có khả năng thích hợp, đối phó được với mọi hoàn cảnh của Ta bà. Đức Phật muốn gọi cho chúng ta nhận ra tâm trạng gấn bó nhiệt tình của Bồ tát địa phương cho việc truyền đạo nơi bản địa của họ. Điều này dễ hiểu qua thí dụ chúng ta lên Tây Nguyên ở vài tháng, liền cảm thấy buồn chán, muốn quay về thành phố. Tuy nhiên, người dân Tây nguyên học đạo ở thành phố xong, trở về quê cha đất tổ truyền đạo dễ dàng. Vì giữa họ và mảnh đất đìu hiu đã có sức gấn bó vô hình mãnh liệt.

Từ góc độ này, Phật dạy rằng Bồ tát bản địa đóng vai trò quan trọng trong việc đọc tụng, thọ trì, diễn nói kinh Pháp Hoa hay duy trì chánh pháp. Bồ tát của thế giới khác không đủ sức làm việc này. Đức Phật cho biết các Bồ tát Tùng địa dũng xuất thân màu hoàng kim, tức Bồ tát được tôi luyện ở Ta bà, tâm bền chắc ví như vàng ròng. Buồn vui, vinh nhục lợi danh trần thế không thể tác hại giới thân huệ mạng của họ. Lúc nào, cũng an nhiên tự tại trên đường hành đạo mới đủ sức truyền bá diệu pháp ở Ta bà. Ở Ta bà hay trong chôn bùn như tội lỗi, một ngày xảy ra không biết bao việc khó khăn khác nhau. Nhưng đồng một lúc, hành giả phải giữ tâm thanh thản, trí sáng suốt để giải quyết. Trong khi ở Cực lạc, cả một kiếp không có việc ác nào để



chúng ta phải động tâm suy nghĩ. Một ngày ở Ta bà phải nghe bao điều phiền muộn, nghe cho hết đã khó. Và phân biệt được điều phải trái càng khó hơn, cho đến giải quyết đúng đắn mà vừa lòng mọi người lại càng khó hơn nữa.

Riêng tôi, lúc mới du học ở Nhật Bản về Việt Nam, tôi có cảm giác như người ở phương khác đến Ta bà. Đối với tôi, thái độ, cử chỉ, nói năng của người Việt Nam sao mà kỳ quá. Bất cứ việc gì đập vào mắt tôi cũng đều phiền lụy, không thể nào hiểu, chấp nhận được, đến độ tôi cảm thấy mệt mỏi quá và thật sự ngán sợ. Tuy nhiên, nhờ tụng phẩm Tụng địa dũng xuất, nhận ra yếu nghĩa Phật dạy, từng bước tôi mới lấy lại sức bình ổn cho tâm hồn.

Đầu tiên, tôi bỏ ngoài tai mọi tác động của người. Lóng nghe bên ngoài nhiều làm chúng ta bị dao động, không khéo cuộc đời sẽ làm băng hoại sơ tâm thánh thiện của chúng ta. Tôi luyện tánh không để ý đến người khác, ai nói gì làm gì, mặc họ. Tôi chỉ lo sống với chính mình.

Khi hành trì pháp này thuần thục, trụ được tâm rồi, tôi mới bắt đầu quan sát chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não.

Điều quan trọng cần lưu ý, chúng ta đừng lấy nghiệp chúng sanh, phiền não chúng sanh biến thành nghiệp và phiền não của chính mình. Trước kia, ta không khổ. Nay vì muốn cứu chúng sanh, nên cảm lấy nghiệp khổ của chúng sanh tròng vô mình. Ta sẽ đọa, lúc ấy ai cứu ta ? Khi tư cách của chúng ta chưa bằng với Phổ Hiền Bồ tát thì hạnh nguyện chịu khổ thế chúng sanh mà chúng ta bắt chước theo Ngài cần phải được xét lại.

Quan sát chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não, nhưng đừng để những thứ này bám vô thân tâm chúng ta. Đó là con đường luyện tập tư cách Bồ tát bản địa hay luyện tập Bồ tát tâm của chúng ta.

Hành giả nhìn đối tượng chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não như khán giả ngồi xem màn trình diễn trên sân khấu cuộc đời. Tất cả chúng sanh với những nghiệp quả khác nhau, trôi lăn từ phiền não này sang phiền não khác. Họ thọ lãnh vô vàn nghiệp báo khổ đau. Dưới mắt hành giả, những thứ đó không khác gì hình ảnh diễn viên. Khi thì họ khoác áo vua chúa giàu sang, lúc thì mặc áo ăn mày rách rưới. Tất cả cũng chỉ là đóng kịch. Hạ màn xuống, cởi bỏ lớp áo sân khấu, ai trở về cuộc sống của người ấy.

Hành giả quán sát chúng sanh phiền não, chúng sanh nghiệp như là huyễn hóa ở cõi dương trần. Cuộc sống thực thường hằng miên viễn của chân thân không hề có bóng dáng phiền não và chúng sanh lai vãng đến.

Từ căn bản thực chứng, nhận chân được trong giấc mộng trăm năm của đời người, phiền não do điên đảo vọng tưởng sanh ra, không có thực. Tâm hành giả được yên ổn giữa thế giới không yên ổn, thản nhiên ngồi xem diễn biến trên sân khấu cuộc đời. Ta vẫn là ta, giữ gìn được mảnh đất tâm trong sạch lắng yên. Nhờ đó đạt được tâm KHÔNG và trí tuệ phát sanh từ tâm này. Bồ tát bốn địa hay Bồ tát tâm ở thế giới bùn như Ta bà do thực chứng pháp KHÔNG, trần lao không thể làm ô nhiễm.

Đạo đức thuần tịnh trong sáng, trí tuệ siêu tuyệt, không chút tỳ vết lỗi lầm, kết thành thân kim sắc, đầy đủ Bồ tát hạnh, có khả năng tùy cơ ứng biến. Hoàn cảnh nào, Bồ tát cũng xử trí thông minh nhất. Trong khi Bồ tát mới phát tâm biết việc này, không biết việc khác, mà Ta bà lại quá đa dạng thì truyền bá theo bài bản cố định, không có kết quả.

Bồ tát Tùng địa dũng xuất từ tâm KHÔNG khai ra phương tiện, tùy hoàn cảnh mà ứng xử tương ứng lợi lạc. Trái lại, nếu Bồ tát hạnh chúng ta chưa đầy đủ, lại thêm nhiều yếu kém, thành công được 9 việc, chỉ hư một việc, cũng coi như xóa sạch công đức.

Bồ tát bốn địa tròn đầy hạnh Bồ tát, không còn khuyết điểm, ứng phó đúng đắn với mọi tình huống. Họ mới truyền bá diệu pháp ở Ta bà được, vì Ta bà thay đổi nhanh chóng như trở bàn tay. Nếu không có khả năng linh động đối phó, khó bề vượt qua vô số chướng ngại trên đường hành đạo.

Trong phẩm Pháp sư, Đức Phật dạy rằng Bồ tát đầy đủ tướng tốt, thân sắc vàng, tròn hạnh Bồ tát là người đã thành Vô thượng Đẳng giác vì thương nhân gian mà sanh lại cuộc đời. Hoặc đúng hơn, ý này nhằm chỉ cho Đức Phật đã viên mãn Bồ tát hạnh. Ngài thị hiện sanh thân Thích Ca Mâu Ni ở cõi Ta bà, mới có khả năng khai ra vô số phương tiện tương ứng với hoàn cảnh, nghiệp lực của chúng sanh. Ngài mang lại giải thoát an lạc cho mọi người.

Ngoài ra, Đức Phật xác định chỉ ở Ta bà mới có Bồ tát bốn địa hay Bồ tát tâm, nghĩa là trong hoàn cảnh khổ mới có Bồ tát. Ví như sen chỉ nở trong bùn, không thể nở trên nền đất đá phẳng phiu. Điều này Phật cũng từng dạy ở nơi an lành sung sướng như cõi trời được xếp vô một trong tám nạn, vì không có Phật ra đời. Ngày nay, chúng ta thấy rõ điều này trong nếp sống

của những người ở nước văn minh. Họ không đến với Phật pháp được, vì còn mãi lo hưởng thụ cuộc sống vật chất quá sung mãn. Tất nhiên họ không bao giờ nghĩ đến việc tu hành. Mảnh đất tâm của họ không thể nào phát khởi lên ý niệm muốn chia sẻ, cứu giúp người. Gặp hoàn cảnh càng khổ đau bao nhiêu, tâm từ bi chúng ta càng bộc phát cao tột bấy nhiêu.

Tâm Bồ đề cao độ phát xuất từ chân tâm được Phật đánh giá cao quý nhất và Ngài thọ ký tâm Bồ đề ấy. Hành giả đạt được Bồ tát tâm như vậy mới được Đức Phật ấn chứng, truyền trao trách nhiệm giữ gìn, truyền bá chân thật pháp ở Ta bà.

Chỉ có Đức Phật biết rõ Bồ tát Tùng địa dũng xuất và giới thiệu cho đại chúng về tư cách siêu tuyệt của Bồ tát này. Nghĩa là Đức Phật nhắc nhở chúng ta ở đời sau muốn nối gót theo con đường truyền bá chánh pháp, cần phải trang bị tinh thần tự chủ cho chính bản thân mình. Không bao giờ khởi ý trông cậy, làm nô lệ cho người khác, dù là nô lệ Phật. Người Nhật ý thức sâu sắc bài học quan trọng về tính tự chủ của Bồ tát Tùng địa dũng xuất. Vì vậy, họ lấy phẩm 15 làm gỏi đầu cho cuộc sống tu hành. Họ theo đó xây dựng đời sống tự lập không thích nhờ vả. Người nhờ vả bị xếp vào loại người hèn mọn.

Đức Phật vừa mới nhắc đến Bồ tát Tùng địa dũng xuất, thì vô số Bồ tát này từ đất vọt ra. Hình ảnh này gợi cho chúng ta nhớ đến lời Phật khẳng định về giá trị tuyệt đối của loài người : Mỗi người là một vị Phật sẽ thành. Chỉ vì mắc bệnh hướng ngoại quá nặng, chúng ta không thể thấy khả năng thành Phật của chính mình. Duy có Đức Phật nhận ra chân lý này và Ngài là người đầy đủ tư cách làm cho chúng ta chấp nhận điều ấy. Kinh thường diễn tả là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Phật chỉ cho thấy đức tướng Như Lai hay khả năng thành Phật của những người tiến theo lộ trình tu tập Ngài đề ra. Biết chấp nhận quay ngược lại nơi chính tâm mình, ngay thế giới Ta bà, sẽ thấy đầy đủ những điều kiện để thành Phật.

Trên tinh thần này, kinh Duy Ma dạy rằng ở nước Chúng Hương tu một kiếp, công đức không bằng Bồ tát tu ở Ta bà một ngày. Sống ở Ta bà đầy phiền não nhiễm ô để tôi luyện tri thức, đạo đức vượt trội, làm mô phạm cho người noi theo. Đó chính là môi trường tốt của Bồ tát lớn đã trưởng thành, đặt chân đến trải nghiệm lần cuối cùng trước khi bước vào quả vị toàn giác.

Phiền não tức Bồ đề, hay chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não đầy dẫy ở Ta bà. Nó không khác gì những báu vật mà Bồ tát Phổ

Hiền, Quan Âm, Văn Thù biết cách khai thác. Các Ngài sử dụng nó để tăng trưởng phước đức trí tuệ, góp phần mở rộng kho thánh tài vô tận của chư Phật trong mười phương pháp giới.

Chúng ta, những hành giả chưa đầy đủ Bồ tát hạnh, đang khai phá mảnh đất tâm của chính mình, loại bỏ cỏ dại phiền não, vun trồng hạt giống Bồ đề. Mỗi lần một đóa hoa Bồ đề nở ra theo một Bồ tát hạnh mà chúng ta thể hiện trên bước đường tự hành hóa tha, chúng ta đã diện kiến, đánh lễ được một Bồ tát Tùng địa dũng xuất. Hay cũng có nghĩa là chúng ta thanh tịnh hóa một phần tâm mình, biến mình giống một phần với Bồ tát Tùng địa dũng xuất. Và cứ như vậy, chúng ta hạ thủ công phu, tiến bước trên lộ trình trở về chân tâm, đời đời kiếp kiếp không thoái chuyển, hăng vang lên mãi tận đáy lòng lời cầu nguyện :

***Đốt nén tâm hương ở Ta bà***

***Nhớ lời di huấn đức Thích Ca***

***Cầu xin Bồ tát Tùng địa xuất***

***Thần giúp cho người tụng Pháp Hoa.***

---o0o---

## **15. Cảm niệm về Bồ Tát Phổ Hiền**

*(Giảng tại chùa Linh Phước – Đà Lạt)*

Trên lộ trình thuyết pháp đầu Xuân năm nay, sau thời pháp tại tịnh xá Ngọc Ninh, Phan Rang, tôi đến thuyết giảng ở chùa Linh Phước, Đà Lạt, đồng thời dự lễ khánh thành chùa và lễ húy kỵ Hòa thượng Minh Đức.

Hòa thượng tuy không phải là vị khai sơn, nhưng Ngài là vị trụ trì lâu nhất, đóng góp nhiều công sức nhất cho chùa Linh Phước. Ngày nay, nhờ nương vào công đức của Hòa thượng, Đại đức Tâm Vị, đương kim trụ trì, đã sửa đổi ngôi niệm Phật đường thành ngôi chùa tráng lệ, thật đáng khen ngợi.

Trong buổi lễ khánh thành, Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng cho chùa bức tượng Bồ tát Phổ Hiền. Ủy ban Mặt trận tỉnh tặng tượng Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.

Điều này tự nhiên trùng hợp với việc tôi vừa giảng kinh Hoa Nghiêm. Bộ kinh này mở đầu bằng hình ảnh Bồ tát Văn Thù và kết thúc bằng hạnh đức của Bồ tát Phổ Hiền, để hình thành Tỳ Lô Giá Na tạng tâm hay Đức Phật gồm đủ cả trí và hạnh.

Sự trùng hợp ấy khiến tôi liên tưởng đến Ngài Phổ Hiền. Vị Bồ tát này xuất hiện trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập bất tư nghi giải thoát cảnh giới và cũng xuất hiện trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát. Sở dĩ Ngài hiện diện trong hai bộ kinh Đại thừa quan trọng với tư cách một đại Bồ tát thân lực vô song, vì nơi Ngài nổi bật hai tư chất : hoàn toàn trong sạch và vô nhiễm.

Thật vậy, Đức Phật dạy rằng Phổ Hiền Bồ tát là trưởng tử của ba đời mười phương Phật. Ngài gánh vác các Phật sự quan trọng cho Phật pháp tồn tại mãi ở cõi Ta bà. Để thành tựu trọng trách ấy, Ngài đã cỡi voi trắng sáu ngà đến thế giới chúng ta. Voi là loài thú mạnh nhất có khả năng kéo nặng khi đi ngược dốc. Không loài thú nào có thể cản ngăn bước chân voi.

Trong kinh, Đức Phật thường ví Bồ tát hành đạo phải có sức mạnh, sức chịu đựng giống như voi. Tiêu biểu nhất là hình ảnh Bồ tát Phổ Hiền cỡi voi. Điểm đặc biệt voi của Ngài Phổ Hiền cỡi không phải là voi thường, nhưng là voi trắng. Nó tượng trưng cho bạch nghiệp hay sức mạnh của sự trong sạch hoàn toàn. Sức mạnh không do chèn ép, không dùng quyền uy, thủ đoạn áp đảo người.

Phổ Hiền Bồ tát ngồi trên voi trắng cũng đồng nghĩa với trang nghiêm thân tâm bằng sức mạnh trong sạch tuyệt vời. Ngài chi phối cả toàn bộ pháp giới một cách an nhiên tự tại.

Trở lại thực tế cuộc đời, chúng ta nhận thấy rõ bước chân hoàng pháp độ sanh của Đức Phật dễ dàng hàng phục được tất cả khó khăn, chống đối, ngoại đạo. Vì Ngài có sức mạnh trong sạch vô song của bậc thánh thiện hoàn toàn, không còn chút làm lỗi tỳ vết.

Trên bước đường tu, khi chúng ta có được sức mạnh trong sạch thì bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, chúng ta cũng yên lòng, không lo sợ gì. Nếu chúng ta còn nhiều sai trái, nhiều yếu điểm, tất nhiên không thể nào mạnh dạn trong lời nói, tự tại trong việc làm, chứ đừng nói đến thành công.

Để đạt được sức mạnh trong sạch hoàn toàn như Phổ Hiền Bồ tát, nghĩa là muốn làm được việc của Bồ tát thượng thủ, đối với chúng ta đang ở địa vị

phàm phu, thì điều này không đơn giản. Đức Phật dạy chúng ta phải trải qua tam thừa giáo tu hành. Ai có thân phận này, tùy vị trí của mình thế nào để từ đó khởi tu.

Trước hết, hành giả tu ba nghiệp của thân cho trong sạch, tu bốn nghiệp của miệng để lời nói luôn chân thật đúng đắn và ba nghiệp của ý được thanh tịnh. Nếu đoạn được tâm tham thì ai làm gì, ta cũng không bức bối khó chịu. Ghi nhớ điều này, có lúc nhiều người vây quanh làm tôi quá mệt, mà cũng không dám giận, vì biết khởi niệm giận sẽ đọa.

Hành giả không cần gì mới trụ tâm yên tĩnh được. Sân tâm không khởi, tâm hôn lẳng yên, vô minh sẽ mất, trí sáng suốt sẽ hiện. Đức Phật dạy đối với việc đáng ham, không ham, tâm sáng suốt. Người đó mới là Sa môn hơn người thường.

Từ ưu thế của người đã tròn hạnh theo pháp tu thuộc nhân thừa, thiên thừa, hành giả tiến tu tam thừa giáo : Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát.

Ở giai đoạn Thanh văn thừa, lúc nhỏ tôi biết sử dụng trí thông minh và sức nhớ vào việc nghe pháp, đọc tụng kinh điển, siêng năng tìm hiểu nghĩa sâu xa của kinh, sống theo kinh. Nhờ tích lũy 30 năm tu học Phật pháp, tôi mới đảm nhận được công việc hoằng pháp như ngày nay.

Từ Thanh văn thừa tiến lên giai đoạn tu Duyên giác thừa. Sau khi học giáo lý, hàng Duyên giác không hiểu kinh rập khuôn theo văn tự, không bị cố chấp vướng mắc kinh. Họ nhận được ý chân thật của Đức Phật muốn dạy hàm chứa bên trong ngôn ngữ văn tự và sử dụng hiểu biết đúng đắn như pháp trong cuộc sống tu hành.

Ví dụ nghe Đức Phật nói về lương y và cùng tử, hàng Duyên giác không nghĩ đơn giản có lương y và cùng tử thật. Họ tìm hiểu xem Đức Phật nói như vậy nhằm mục đích gì. Cuối cùng, họ tìm được giải đáp rằng cùng tử chính là ta và lương y chỉ cho Đức Phật.

Bằng tâm sáng suốt trên lộ trình tu Duyên giác thừa, hành giả nhận được Phật lực gia bị, nhìn sự vật chính xác. Họ thấy được Phật thường trú hay Phật vô hình hiện hữu bên cạnh chúng ta. Ý này được Đức Phật thí dụ qua hình ảnh lương y trở về sau khi cùng tử uống thuốc lành bệnh.

Trải qua giai đoạn tu Thanh văn, Duyên giác, hành giả không tiếp tục tu Bồ tát thừa, thì quả là uổng phí. Vì đó là con đường nhanh nhất để dẫn đến

Phật quả. Tu pháp của Thanh văn, Duyên giác để phát triển đạo đức, tri thức và nhập cuộc giáo hóa chúng sanh hay đi vào con đường hành Bồ tát đạo.

Hành giả không làm gì khác hơn công việc nuôi dưỡng dạy dỗ người. Có quá trình nuôi dưỡng giáo hóa được nhiều người, hành giả mới có nhiều quyền thuộc tốt. Số quyền thuộc của hành giả càng đông tốt, giỏi thì tầm hoạt động của hành giả càng mở rộng, thành công. Đến khi quyền thuộc do hành giả giúp đỡ, xây dựng, giáo dưỡng đều trở thành Bồ tát, hành giả đương nhiên ngồi Bồ đề đạo tràng, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phổ Hiền Bồ tát đã thành tựu tam thừa giáo, mới nhập pháp giới, đi vào tánh tu. Ngài giáo hóa thẳng qua tâm người, không qua ngôn ngữ. Dưới dạng vô hình, Phổ Hiền đưa tâm Ngài vào tâm chúng sanh, biến tâm chúng sanh thành tâm Ngài. Trong tương quan vô hình ở pháp giới được thắt chặt bằng liên hệ tâm, mọi việc làm của Phổ Hiền đều thành tựu không nhọc sức. Phật gọi là nhập bất tư nghì giải thoát cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm.

Chúng ta không thể dùng vọng thức để phân biệt suy nghĩ, biết được việc làm bất tư nghì của Ngài, trừ khi hành giả có tâm chứng, đồng hạnh với Phổ Hiền Bồ tát. Cách điều động, chuyển hóa chúng sanh từ nội tâm của Bồ tát Phổ Hiền trong khắp pháp giới có thể xem như đỉnh cao nhất của sức mạnh trí tuệ. Và trí tuệ tuyệt vời đó mới có khả năng tạo thành sức mạnh trong sạch, không lấm bụi trần của Bồ tát Phổ Hiền.

Điểm đặc biệt khác nữa, voi trắng của Bồ tát Phổ Hiền sử dụng có đến 6 ngà. Hình ảnh này tiêu biểu cho sự hiện hữu trong sạch của Ngài mang lại lợi ích cho chúng sanh qua sự thực hiện viên mãn 6 pháp ba la mật.

Ngài dùng 6 pháp khai ngộ cho chúng sanh phát tâm Bồ đề cùng đi đúng lộ trình như Ngài, không giúp để cho chúng ta làm kẻ ăn bám mãi. Bồ tát hành sử pháp Lục độ trên nền tảng của sự trong sạch nên khi hành bố thí, Ngài đến theo yêu cầu của người.

Bồ tát làm việc cứu nhân độ thế, không ức hiếp giai tầng này để nâng đỡ giai tầng khác, không lấy của người này cho người kia. Ngài quan sát theo luật nhân quả, nhận thấy rõ mọi người hiện hữu trên cuộc đời đều do nghiệp quả khác nhau. Việc làm chính của Bồ tát nhằm chuyển nghiệp cho người, sửa đổi tội lỗi từ gốc bên trong là tâm của người.

Ngoài ra, tư cách thứ nhì không kém phần quan trọng là sự vô nhiễm của Bồ tát Phổ Hiền được tiêu biểu bằng hình ảnh Ngài cầm hoa sen. Hoa

sen trong sạch, không dính nước. Sự vô nhiễm của Bồ tát Phổ Hiền cũng vậy. Ngài tiếp cận, chịu khổ thế cho chúng sanh, thành tựu vô số công hạnh. Nhưng tất cả thành quả tạo được đều lần lượt bỏ lại phía sau, không lưu lại dấu vết gì trong tâm Ngài.

Hoa sen trong sạch, không dính nước, vươn lên từ bùn như tỏa hương thơm ngát cho đời. Nó tượng trưng cho cách hành đạo giáo hóa của Bồ tát Phổ Hiền ở Ta bà. Ngài dạy chúng ta hành Bồ tát đạo phải biết chuyển thế giới Ta bà tội lỗi thành Tịnh độ trong sạch tốt lành, giáo dưỡng người khổ đau thành người an vui giải thoát. Biến tất cả những gì ô uế trở thành hữu ích ngát hương.

Tóm lại, kỷ niệm ngày vía đức Phổ Hiền Bồ tát (21-2), chúng ta lần bước theo dấu chân Ngài, trầm mình trong tam tạng giáo điển để trong sạch hóa thân tâm, vô nhiễm hóa trước mọi tốt xấu của cuộc đời, lập hạnh theo đức Phổ Hiền.

Có đồng hạnh đồng nguyện với Ngài, chúng ta mới tiếp nhận được sức mạnh trong sạch, sức mạnh trí tuệ, sức mạnh vô nhiễm của Bồ tát Phổ Hiền gia bị. Trên bước đường tu học, nương được lực Phổ Hiền trong giây phút thanh tịnh nào đó, chúng ta cũng nhất thời bỏ được ngũ uẩn thân, bước vào an trú trong Tỳ Lô Giá Na lâu các, nhận được cảnh giới bất khả tư nghì giải thoát. Giống như Thiện Tài đồng tử khởi một niệm nhập Phổ Hiền hạnh môn, liền được công đức gấp vạn lần công lao tu hành khổ cực trèo non, lội suối ở 50 chặng đường cầu đạo trước.

---o0o---

## **16. Niết bàn theo kinh Pháp Hoa**

*(Trích báo Giác Ngộ số 7, 1-4-1991)*

Ôn lại cuộc đời Đức Phật, chúng ta thường nhắc đến những thời điểm : xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, Niết bàn. Như vậy có phải sự hiện hữu của Đức Phật trên cuộc đời này chấm dứt bằng hai chữ Niết bàn chăng ?

Chắc chắn không thể như vậy. Nhìn lại lịch sử Phật giáo, trải qua hơn 2000 năm, ngày nay giáo lý Phật đề ra vẫn còn chỉ đạo cho sinh hoạt của đệ tử Ngài khắp năm châu. Hình ảnh thánh thiện của Ngài vẫn được mọi người tôn thờ kính trọng. Điều này nói lên ý nghĩa trọng đại của Niết bàn trong đạo



Phật. Chúng ta hãy tìm hiểu Niết bàn qua kinh điển theo thứ bậc từ thấp đến cao.

Niết bàn phát xuất từ chữ Nirvana, nghĩa là tắt như ngọn lửa hết dầu. Vì thế, Niết bàn theo nghĩa thứ nhất diễn tả trạng thái tu chứng của hành giả sống giữa sóng gió cuộc đời. Nhưng nhờ quá trình từng bước tu 37 trợ đạo phẩm, hết khô, chứng được Niết bàn, tìm thấy nguồn vui trong sự an tịnh. Đó là nguồn vui thường hằng, không còn lệ thuộc sự còn mất của đối tượng ngoại cảnh hay tha nhân. Kinh gọi là cảnh giới Hữu dư y Niết bàn, thể hiện qua cuộc sống trầm mặc, thanh thản, an vui của chính Đức Phật và hàng đệ tử Thánh chúng khi Ngài tại thế.

Từ trạng thái tắt lửa lòng, tâm hồn hoàn toàn lắng yên, không vướng bận trần thế của hành giả lúc còn sống, đương nhiên dẫn đến kết quả sau khi chết, không tái sinh lại cuộc đời. Nói cách khác, từ Như Lai tạng tâm ở dạng Vô sanh duyên với pháp Vô sanh, tạo thành Niết bàn không sanh tử hay Vô dư y Niết bàn của A la hán. Đó là quá trình của hàng Nhị thừa tu từ nhân hưởng quả, dùng pháp Phật xóa tan vọng tình, thân tâm an lạc, thành tựu được Niết bàn mang tính di giáo theo tinh thần kinh Niết bàn.

Từ Niết bàn di giáo, Đức Phật khuyên ta nên tự thấp đuốc mà đi, tự lo làm chủ lấy mình, khi Ngài không còn trên cuộc đời. Ý này trong kinh Pháp Hoa diễn tả là phương tiện thị hiện Niết bàn.

Dưới kiến giải của kinh Pháp Hoa, Phật Niếtbàn hay vắng bóng trên cuộc đời chỉ là phương tiện của Đức Phật không phải là chấm dứt sự sống thực. Ý nghĩa Niết bàn theo Pháp Hoa cô đọng trong phẩm 16 Như Lai thọ lượng, theo đó Đức Phật xác định cho chúng hội thấy rõ tư cách của Ngài ở thế gian. Ngài giới thiệu Đức Phật thường trú mà trước hội Pháp Hoa chưa hề nói.

Đức Phật khẳng định Ngài thành Phật từ vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp trước. Trừ người, A tu la thấy Phật mới rời bỏ cung điện, xuất gia, ngồi cội Bồ đề thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Nghĩa là dưới mắt họ, Đức Phật cũng như bao nhiêu người khác.

Để giảng dạy cho hạng người tầm nhìn còn quá hạn hẹp, Đức Phật phải thị hiện thân người vừa mới tu hành thành Phật. Ngoài ra, đối với Bồ tát bất thoái chuyển như Bồ tát Di Lặc cũng khởi tâm nghi ngờ. Tại sao Đức Phật vừa mới thành Phật hơn 40 năm, lại có thể giáo hóa các Bồ tát Tùng địa dũng xuất, thân sắc vàng, đã hành đạo nhiều đời với các Đức Phật quá khứ.

Để trả lời, Đức Phật xác định Ngài đã thành Phật từ ngũ bách ức trần diễn, nghĩa là cách nay rất lâu xa. Từ thời quá khứ lâu xa đó cho đến ngày nay, Phật vẫn luôn hiện hữu ở Ta bà, liên tục giáo hóa không ngừng nghỉ. Tuy nhiên, chúng sanh mang cặp kính nghiệp quá nặng, không thể nào thấy được Đức Phật thành Phật từ lâu xa. Họ sanh tâm buông lung kiêu mạn, Ngài phải dùng phương tiện nói có Phật ra đời và Phật Niết bàn.

Đức Phật lấy ví dụ ông lương y tài giỏi có nhiều con. Khi ông bận việc đi xa, các con ở nhà uống lầm thuốc độc, có người không sao, nhưng cũng có người mất bản tâm.

Những người con không mất bản tâm, chịu uống thuốc, liền hết bệnh. Ý này nhằm nói đến 1200 La hán theo Phật tu hành, tâm dứt sạch phiền não nhiễm ô, đạt đến Niết bàn.

Riêng những người bị thấm thuốc độc, nghĩa là người mất bản tâm, không thể tin Phật, không chịu uống thuốc, vẫn mê say bám theo cái khổ của sanh tử. Những người này tay cầm thuốc chơi. Ý nói người tụng kinh đều đều, nhưng cuộc sống của họ chẳng thể hiện chút gì kinh dạy. Thấy vậy, người cha phải dùng kế bỏ đi, rồi loan tin ông đã chết. Các con mồ côi chợt cảm thấy lo sợ, không còn ai nương tựa, vội lấy thuốc uống, hết bệnh.

Đức Phật cũng giống như ông lương y, phải dùng phương tiện Niết bàn để giáo hóa người không lo tu. Họ cứ mãi hưởng thụ dưới tàng lọng Phật, rồi sanh lười biếng, ngạo mạn.

Đức Phật xác định Ngài luôn luôn hiện hữu bên cạnh chúng ta. Người nào uống thuốc, tâm trở thành ngay thẳng ý dục dằn hòa nhã, quyết lòng muốn thấy Phật không tiếc thân mạng, mới có đủ điều kiện thấy được Đức Phật thường trú miên viễn.

Theo Ngài Từ Ân, chúng sanh không thấy Phật, giống như người mù không thấy được ánh sáng mặt trời, dù lúc nào ánh sáng cũng tỏa chiếu.

Để khai tri kiến cho chúng sanh mê mờ, Phật hiện thân con người trên cuộc đời. Khi họ hết bệnh, sáng mắt mới thấy được Đức Phật vĩnh hằng bất tử ở ngay Ta bà. Ngoài ra, Đức Phật cho biết những người nghiệp nặng hơn nữa lại thấy thế giới này đang hùng cháy. Trong khi thực sự Tịnh độ của Phật vẫn ở Ta bà hoàn toàn an vui, có chư Thiên trời nhạc rải hoa cúng dường.

Chẳng những Phật thường trú giáo hóa ở Ta bà, Ngài còn độ sanh trong khắp mười phương, chưa bao giờ ngừng nghỉ. Ngài giáo hóa liên tục như vậy dưới dạng con người vô hình hay Pháp thân.

Thật vậy, nếu thấy Đức Phật Thích Ca chỉ là một con người như bao nhiêu người khác, Ngài ra đời, thành đạo, thuyết pháp và chấm dứt cuộc đời bằng cái chết để đi vào hư vô quên lãng theo tháng năm. Chúng ta sẽ lạc vào con đường đoạn kiến, phí công vô ích, vì đi theo con đường của một người sanh diệt bày ra.

Trong phẩm Như Lai thọ lượng, Đức Phật chỉ rõ bên cạnh sanh thân Thích Ca Mâu Ni giáo hóa 49 năm ở Ta bà, còn có Báo thân và Pháp thân. Ngày nay tâm gương trong sáng về trí tuệ và đạo đức của Ngài vẫn còn là mô hình chỉ đạo cho cuộc sống khắp năm châu. Điều này thể hiện rõ nét sự hiện hữu của viên mãn Báo thân và Pháp thân thường trú.

Chúng ta càng sống cách xa Phật, càng cảm nhận sâu sắc Pháp thân thường trú vĩnh hằng bất tử đúng như lời Tô dạy : "Cận nhi bất kiến, viễn nhi tự thông". Quả thật ngày nay, cách Phật hơn 2000 năm, mấy ai nghĩ rằng Phật pháp có thể tồn tại. Thế mà chúng ta vẫn an nhiên tu tập trong pháp hội của Đức Phật một cách thanh thản kỳ diệu. Sự kiện thực tế này tiêu biểu cho sợi chỉ vàng tình thương xuyên suốt truyền thông giữa Pháp thân Phật và Pháp thân chúng ta.

Sanh thân Thích Ca có sanh diệt, nhưng Pháp thân Ngài bất tử vẫn thường hằng mới giáo hóa được chúng Bồ tát Tùng địa dũng xuất. Hay nói cách khác, dù Phật Niết bàn, tư tưởng và việc làm của Ngài vẫn được từng thế hệ nối tiếp triển khai, nuôi dưỡng đạo mạch.

Chúng ta có thể kết luận Niết bàn theo kinh Pháp Hoa không phải là tiêu hủy sự sống. Niết bàn mang ý nghĩa hoàn toàn hết sạch tham dục nghiệp cấu trần lao, nhưng còn sống động tánh hằng hữu trong suốt.

Chính trạng thái tịnh tĩnh hằng hữu miên viễn hay Pháp thân vĩnh hằng bất tử của đức Như Lai hoàn toàn thuần tịnh đã tác động cho Bồ tát Tùng địa dũng xuất. Và từ lực siêu nhiên ấy, thể hiện thành những việc làm vô ngã vị tha của các đệ tử đồng hạnh nguyện với Phật ở khắp mọi nơi. Lực tác động vô hình và việc làm thực tế tốt đẹp đã tạo thành mạng mạch Phật giáo sống động qua suốt hai mươi thế kỷ.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa kế thừa sau khi Phật Niết bàn, chúng ta nỗ lực phát huy đạo đức và trí tuệ, để duy trì di sản quý báu của các bậc tiền bối, duy trì Pháp thân Phật tồn tại mãi trên thế gian, làm lợi ích chúng hữu tình.

---o0o---

## **17. Giáo dục của Phật Giáo Đại Thừa**

*(Tham luận tại Hội nghị về "Phật giáo trong thời hiện đại" do Viện Nghiên cứu Phật học VN tổ chức ngày 26-5-95)*

Cách đây gần 3000 năm, Đức Phật đã hiện hữu trên cuộc đời. Sống trong nhung lụa quyền quý, nhưng dưới mắt Ngài còn biết bao khổ đau của kiếp người. Khổ đau vì chế độ giai cấp bất công của truyền thống xã hội bấy giờ. Cho đến khổ đau lớn nhất là phải lập đi lập lại mãi kiếp sống không thú vị gì trong sáu nẻo luân hồi.

Tất cả nỗi niềm băn khoăn ấy đã thúc đẩy Ngài từ bỏ cuộc đời vương giả dần thân đi tìm lẽ sống vĩnh hằng bất tử. Ngài đã trở thành bậc toàn giác, toàn trí, thấu suốt mọi quy luật chi phối con người và vũ trụ.

Từ khi thành đạo đến lúc Niết bàn, trên bước đường truyền bá chánh pháp, Ngài chỉ dạy mọi người phương cách đạt đến hiểu biết chính xác, thấy rõ thực chất của mọi việc để ứng xử đúng đắn, được an vui giải thoát cho bản thân mình và những người liên hệ.

Trong suốt 49 năm tận tụy, Đức Phật thể hiện chức năng của vị thầy giáo hóa liên tục không ngừng nghỉ. Nơi Ngài, nổi bật trí tuệ hoàn toàn sáng suốt, việc làm thánh thiện và phương pháp giảng dạy sâu sắc, hiệu nghiệm. Đức Phật Thích Ca quả là nhà giáo dục tuyệt vời.

Ngày nay, Đức Phật vắng bóng trên cuộc đời, nhưng nhân cách siêu việt của Ngài đã trở thành bất tử. Những lời giáo huấn, những tư tưởng trong sáng mà Ngài truyền trao vẫn còn là mô hình quý báu chỉ đạo cho sự sống có ý nghĩa của loài người trên khắp năm châu. Tích cực hơn nữa, giáo pháp của Ngài thấm thấu vào mọi lãnh vực, biến thành sức mạnh văn hóa của nhân loại dưới mọi dạng hình muôn màu muôn vẻ trong suốt thời gian dài hơn 25 thế kỷ. Điều này thể hiện rõ nét rằng Phật giáo tiêu biểu cho một hệ thống giáo dục toàn mỹ, toàn bích.

Có thể nói mục tiêu của một nền giáo dục tốt là luôn hướng đến đào tạo con người tự thân và con người xã hội. Con người tự thân thì có đời sống vật chất lương thiện, ổn định và tinh thần an vui. Con người xã hội thì đóng góp được cho việc xây dựng, phát triển cộng đồng mà họ chung sống, từ đoàn thể nhỏ nơi làm việc cho đến toàn thể xã hội hay cả cộng đồng nhân loại. Không có gì là quá đáng khi chúng ta khẳng định rằng hệ thống giáo lý của Đức Phật đáp ứng thành công hai mục tiêu nói trên của giáo dục.

Thật vậy, Đức Phật là vị thầy hoàn toàn sáng suốt thấy được khả năng vô tận của con người có thể vươn đến chân thiện mỹ. Ngài thường nhắc nhở đệ tử phải tin ở tiềm năng ấy mà nỗ lực rèn luyện tri thức, đạo đức, làm chủ bản thân mình, tạo dựng một nếp sống hạnh phúc, an lạc.

Chính vì tin vào năng lực cải tạo thân tâm của mỗi người trở thành tốt đẹp, Đức Phật đã phủ nhận sự hiện hữu của đấng sáng thế có toàn quyền sắp xếp vận mạng cho con người. Mỗi người tự quyết định cuộc sống bản thân. Hạnh phúc hay khổ đau hoàn toàn tùy thuộc nơi trình độ hiểu biết và ứng xử của mỗi người. Từ nền tảng giáo dục trên tinh thần tự tin tự chủ, Đức Phật đã vạch ra con đường đi đến cuộc sống đạo đức, an lạc, giải thoát.

Về phương pháp giảng dạy, Đức Phật tùy theo trình độ của đối tượng, tùy nơi, tùy lúc, hướng dẫn khác nhau. Qua kinh Tăng Chi, Tương Ưng, Trung Bộ, Đức Phật dạy hàng cư sĩ tại gia cách sống thường nhật hạnh phúc. Họ cần phải giỏi nghiệp vụ, siêng năng, biết sắp xếp công việc, biết giữ cho mức thu trong gia đình được quân bình, biết tạo ra của cải chân chính bằng khả năng của mình, biết giữ gìn sức khỏe, biết làm bạn với Hiền Thánh... Kinh gọi đó là thí, giới, tuệ. Nhờ đó, họ tạo vốn liếng phước báu cho đời sau. Phải biết sống với hiện tại, không tiếc nuôi quá khứ, không tưởng tượng tương lai. (Kinh Tăng Chi IV tr 220, Tương Ưng I tr 4, Trung bộ III : Kinh Nhất Dạ Hiền Giả).

Xa hơn, Đức Phật chỉ dạy thuyết nhân duyên sinh, theo đó con người hiện hữu do nhân duyên kết hợp của ngũ uẩn gồm đủ yếu tố vật chất và tinh thần. Ngài phân tích cho chúng ta thấy tuy cũng mang thân ngũ uẩn, nhưng Ngài đạt được quả vị toàn giác. Vì Ngài biết điều chỉnh thân tâm, kết hợp được sức mạnh tâm linh và vật chất của thân ngũ uẩn để tạo thành ngoại hình đầy đủ tướng hảo và tinh thần hoàn toàn sáng suốt. Trái lại, chúng sanh mãi mãi khổ đau trong sanh tử luân hồi, vì tự trói chặt thân ngũ uẩn của họ bằng sợi dây tham dục và vô minh tà kiến. Vô minh sanh ra tham dục, tham dục nuôi dưỡng vô minh. Vì vậy, thế giới của chúng sanh là thế giới được

xây dựng bằng vật liệu tham dục và mê lầm. Đó là đầu mối phát sinh mọi hành động tội lỗi, xung đột, hận thù, dẫn đến con người bị tha hóa, mất phẩm chất, sống trong khổ đau.

Muốn diệt sạch khổ đau, Đức Phật đưa ra mô hình bát Chánh đạo, thể hiện việc làm đạo đức. Tùy sự dập tắt tham dục và mê lầm đến mức độ nào, thì trạng thái giải thoát Niết bàn thể hiện chừng đó. Trong kinh Niết bàn, Phật dạy : "Này Radha, ái diệt là Niết bàn, tham sân si diệt là Niết bàn" (Samyutta Nikaya). Như vậy Niết bàn hiểu theo nghĩa tiêu cực là tiêu hủy thế giới dục vọng.

Theo nghĩa tích cực, Niết bàn là thế giới an vui của tâm hồn giải thoát khi đã trong sạch hóa thân tâm bằng bát Chánh đạo.

Đức Phật giảng xong pháp tứ Thánh đế, Ngài Kiều Trần Như phân định rõ thế giới sanh tử và thế giới Niết bàn, liền đắc quả A la hán. Tiếp theo, các vị Thanh văn khác chú tâm đến việc cầu học pháp này, cũng đều lần lượt an trú giải thoát Niết bàn.

Từ nếp sống đạo đức an lạc ở Niết bàn của Thanh văn, Đức Phật nâng sức tu học của đệ tử lên, luyện tập cho họ sống xa Phật xem có thanh tịnh giải thoát không. Ngài dạy họ động não để quan sát các pháp từ nguyên nhân phát sinh cho đến vận hành biến chuyển của pháp và ảnh hưởng tác động của nó như thế nào đối với tâm sinh lý của con người. Đó là chương trình tu học quán thập nhị Nhân duyên của hàng Duyên giác.

Đến giai đoạn ba, hành giả bước vào lộ trình Bồ tát đạo, thể nghiệm những gì đã học được bằng hạnh Bồ tát làm lợi ích chúng sanh. Đây là giai đoạn tu học sau cùng của Bồ tát, mới thực sự thể hiện bản hoài của Đức Phật trong sự nghiệp giáo dục mà Ngài xây dựng. Công việc của Đức Phật giáo dưỡng Bồ tát được ghi lại trong các kinh điển Đại thừa, tiêu biểu qua kinh Duy Ma, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa.

Trong kinh Duy Ma, Đức Phật đưa ra hai mẫu người lý tưởng đã lãnh hội và thực hiện cốt lõi tinh thần Bồ tát đạo mà Đức Phật giảng dạy. Một mẫu người đại diện cho lớp tu sĩ là Văn Thù Sư Lợi Bồ tát và mẫu người cư sĩ là Duy Ma Cật. Tuy hai sắc thái xuất gia, tại gia sinh hoạt tu học khác. Nhưng đi đúng lộ trình Phật dạy, họ đều xây dựng thế giới hiểu biết, thương yêu, hạnh phúc ngay trong lòng thế gian.

Khởi đầu để xây dựng thế giới lý tưởng của Bồ tát mà kinh thường gọi là Tịnh độ, Đức Phật dạy Bồ tát phải sử dụng chính bàn tay và khối óc của họ. Điển hình là Bồ tát Duy Ma đã kiến tạo Tịnh độ ngay trong thành Tỳ Da Ly, không phải ở thế giới xa xăm, không tương nào.

Tuy nhiên, muốn hình thành Tịnh độ hay thế giới tốt đẹp, trước tiên cần phải xây dựng con người. Con người thế nào thì thế giới tùy theo đó mà hiện ra. Nếu con người tội lỗi ngu dốt, mà muốn có thế giới văn minh chỉ luống công vô ích; giống như người muốn nấu cát thành cơm.

Trên nền tảng con người đạo đức tri thức mới xây dựng được thế giới phát triển hạnh phúc, Đức Phật đưa ra mẫu Tịnh độ thứ nhất tên là Trục tâm. Nghĩa là hành giả tu tâm ngay thật, không dối trá và biết sống thành thật với chính mình và người xung quanh. Họ không có gì phải lo âu, tính toán, sợ sệt, thì sẽ có ngay Tịnh độ của Bồ tát. Sở dĩ thế giới Ta bà đau khổ chỉ vì lòng chúng sanh không ngay thẳng và thích sống lừa dối nhau đến mức phá sản tinh thần. Mọi người luôn nhìn nhau bằng nghi kỵ.

Vì vậy, muốn giáo dục người, ta phải xây dựng chính bản thân mình. Lòng hành giả luôn ngay thẳng, thể hiện ra hành động, việc làm đúng đắn, không gian dối, sẽ tạo được niềm tin tưởng cho người. Họ sẽ tìm đến kết bạn, hợp tác với hành giả trong niềm hoan hỷ. Từ đó thế giới tin yêu, an lành đã mở ra cho chính mình và người.

Khi đã sống yên ổn trong thế giới chân thật, hành giả nhìn ra bên ngoài, thấy người đau khổ, thiếu thốn, hoạn nạn. Hành giả liền nghĩ đến cứu mang, giúp đỡ, đưa họ về cùng sống trong thế giới an lành.

Nghĩa là từ Tịnh độ thứ nhất tiến sang Tịnh độ thứ nhì, Phật dạy Thâm tâm là Tịnh độ của Bồ tát. Đó là thế giới tình thương được xây dựng bên cạnh thế giới thành thật. Đức Phật được loài người kính trọng quý mến như đấng cha lành cũng vì Ngài đã mở rộng tội cùng thế giới cảm thông, che chở, thương yêu.

Dấn thân trên đường hành Bồ tát đạo, hành giả trải rộng tình thương theo từng bước chân phục vụ mọi người. Vì nhận chân được tình thương là chất keo gắn bó hành giả với chúng sanh, tạo thành chí nguyện kiên cố, thể hiện thành việc làm cụ thể giúp cho tha nhân có hiểu biết và phước lạc giống như hành giả. Tình thương chân thật của hành giả ảnh hưởng đến tâm người và được họ đáp lại bằng thiện cảm. Lúc ấy, Tịnh độ tình thương của Bồ tát được mở ra.

Xây dựng xong thế giới tình thương, hành giả bước vào sống trong Tịnh độ thứ ba là Bồ đề tâm. Bồ đề tâm là trí giác, hiểu biết sáng suốt để hành động đúng, lợi ích cho mình và người.

Bồ đề tâm hay yêu cầu tri thức rất quan trọng. Vì dù hành giả có thương người và ngay thẳng thế nào chẳng nữa, nhưng không đủ sáng suốt, thì không thể giúp đỡ người, mà còn tác hại ngược lại cho bản thân.

Khi Bồ tát thực hành Bồ đề tâm, những người cầu chí hướng thượng sẽ tìm đến học hỏi phát triển tri thức. Nhờ Bồ đề tâm tăng trưởng hay tri thức phát triển, hành giả sáng suốt, thấy rõ được từng gút mắc của vấn đề. Hành giả tháo gỡ khó khăn cho người và sáng tạo phương pháp giúp người thăng hoa cuộc sống, giúp xã hội phát triển tốt đẹp.

Như vậy, muốn có thế giới thánh thiện, giải thoát, an bình như Tịnh độ của Phật Thích Ca, hành giả phải xây dựng ba Tịnh độ căn bản của Bồ tát ngay trên cuộc đời này. Nghĩa là xây dựng xã hội của lòng ngay thật, của tình thương, của hiểu biết.

Thiết nghĩ nơi nào con người sống với nhau bằng lòng chân thật, bằng tình thương và bằng hiểu biết, nơi đó nhất định hài hòa, an vui, phát triển. Mô hình thế giới tuyệt đẹp này của Bồ tát chắc hẳn vẫn là môi trường sống kiểu mẫu có giá trị cho loài người trong thời hiện đại.

Thành tựu ba tâm này, Đức Phật dạy Bồ tát phát triển Tịnh độ bằng cách kết hợp ba tâm này với sáu pháp ba la mật, với bốn pháp nhiếp, với mười nghiệp lành hoặc bốn tâm vô lượng, 37 trợ đạo phẩm v.v..., đều là Tịnh độ của Bồ tát (Bản dịch kinh Duy Ma của HT. Huệ Hưng).

Ngoài kinh Duy Ma, kinh Hoa Nghiêm, được xem là trung tâm điểm tích cực của lý tưởng Bồ tát đạo trong hệ thống giáo dục đặc trưng của tư tưởng Đại thừa Phật giáo.

Kinh Hoa Nghiêm vạch ra quá trình tu thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, hoàn thành công hạnh Bồ tát. Ở đây chúng tôi xin đề cập đến phần cuối là giai đoạn thập địa của Bồ tát. Và trong phần thập địa cũng chỉ đơn cử tinh thần giáo dục rõ nét lợi ích cho con người thể hiện trong phần sơ địa Bồ tát hay Hoan hỷ địa.

Phật dạy Bồ tát ở cấp bậc này tu lục độ ba la mật và tứ nhiếp pháp, nhưng lấy pháp bố thí làm công việc chính yếu.



Bồ tát phát tâm đại bi dẫn thân vào đời cứu khổ chúng sanh, việc đầu tiên là hành bố thí; vì muốn giáo hóa chúng sanh cần phải ban ơn trước. Đức Phật dạy tùy tâm lượng của người hành bố thí tạo nên ảnh hưởng tác động cho người nhận như thế nào, mới có thể phân định được giá trị của bố thí. Pháp bố thí thông thường theo nhân gian là khi nhìn thấy người khổ chúng ta giúp đỡ. Nhưng cho một lần rồi chúng ta không quan tâm đến họ nữa. Hoặc chúng ta giúp họ nhiều lần rồi chán, hay thấy họ không biết ơn, ta khó chịu. Tất cả tâm lượng của người cho theo cách bố thí thế gian hợp lại thành nghiệp chướng phiền não trần lao; vì người cho thì cạn túi, người nhận thì nghèo thêm. Thực tế cho thấy ít ai nhận của bố thí mà sau này khá. Đó không phải là pháp Phật dạy.

Bố thí theo Phật dạy nằm trong tứ nhiếp pháp là phương tiện trí lực của Bồ tát. Và bố thí của lực độ ba la mật là quả cứu cánh tu chứng của Bồ tát nên gọi là ba la mật. Cả hai cách bố thí này đều xuất phát từ tâm đại bi, từ tình thương đối với chúng sanh khởi lên tự đáy lòng. Vì vậy, nhận được quà của người có tâm lượng đại bi, người nhận cảm thấy nhẹ nhàng, vui sướng. Điều này hoàn toàn khác với tâm của người cho vì lợi dụng hay cho mà khi dễ, cả khối chua xót nặng nề đè lên tâm người nhận.

Người hành bố thí theo tinh thần tứ nhiếp pháp nhằm mục tiêu giáo hóa chúng sanh, không phải thấy đói mà bố thí rồi không biết ngày mai họ ra sao. Bồ tát hành xử bố thí như một phương tiện để nâng cấp, giúp người phát triển trong đời này và những đời sau cho đến ngày họ thành Phật. Bồ tát không giúp cho người thành kẻ hèn mọn, ăn hại mãi mãi. Bồ tát đến với người bằng trí tuệ và tình thương chân thật, giúp đỡ vật chất và hướng dẫn tinh thần. Bồ tát tạo điều kiện cho người phấn đấu đi lên để trở thành người tốt, không hề có ý muốn nhờ vả mãi.

Bồ tát đã gieo vào lòng người tâm niệm tốt, nhờ đó giữa Bồ tát và họ gắn bó sâu sắc hơn, mỗi đời họ tự thăng hoa phát triển tốt đẹp thêm. Đó là cách bố thí của Bồ tát sơ địa gởi theo món quà cả tấm lòng vị tha tác động cho tha nhân thay đổi tâm niệm và việc làm được tốt đẹp như Bồ tát. Đạt được trình độ giáo hóa người như vậy, Bồ tát bước vào Hoan hỷ địa, nghĩa là lúc nào Bồ tát cũng có nguồn vui sướng trong việc nuôi dưỡng, che chở, dạy dỗ người. Và người nhận cũng theo đó được hưởng niềm hoan hỷ của hiểu biết, của việc làm đạo đức, họ sẽ phục vụ lại người khác.

Tóm lại, có rất nhiều cách giáo dục thiết thực và lợi ích khác nữa mà Phật giáo Đại thừa đã triển khai từ mô hình Đức Phật hướng dẫn cho Bồ tát.

Tất cả đều là những bài học giáo dục rất mẫu mực đã được Tăng Ni, Phật tử thể nghiệm trong cuộc sống thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh trên mọi nẻo đường đời.

Nổi gót theo dấu chân Phật và các vị Tổ đức, hàng hàng lớp lớp người tự nguyện tiến bước trên con đường lý tưởng Bồ tát. Họ tiếp tục tỏa sáng tình thương cao cả, việc làm chân tình, vô tư, lợi ích cho cuộc sống con người được sung mãn vật chất và thăng hoa trí tuệ. Tất cả kết tinh thành những đóa hoa đạo đức, trí tuệ nở hương thơm ngát trên lộ trình giáo dục của Bồ tát.

---oOo---

## **18. Những điều kiện tu Bồ Tát đạo**

*(Giảng tại chùa Huệ Nghiêm, Thủ Đức,*

*ngày 11-9-94)*

Trên bước đường tu đúng chánh pháp, hành giả rèn luyện chuyển đổi thân bệnh hoạn thành thân tốt đẹp, tâm phiền não thành tâm trong sáng, thánh thiện. Bước ban đầu, hành giả xem thân chúng ta diễn biến như thế nào và rèn luyện tâm chúng ta ra sao.

Trước tiên, khởi xuất từ thân con người, nếu hành giả thông minh, khỏe mạnh, tâm hồn vui tươi, đời sống vượt hơn người, được nhiều bạn bè tốt giúp đỡ. Nghĩa là hành giả có đầy đủ năm điều phước báo và từ vốn liếng quý giá này mà tiến tu sẽ phát triển công đức rất dễ dàng.

Thực tế cho thấy Đức Phật, các vị Thánh, các bậc Tổ đều trang nghiêm trọn vẹn thân tâm bằng năm phước báo. Nhờ có đủ năm phước, các Ngài hành đạo Bồ tát trải qua vô lượng kiếp không mệt mỏi, không phiền não, không bệnh hoạn, mới tạo được vô lượng công đức.

Ngày nay, bước theo dấu chân các Ngài, hành giả tự kiểm xem mình đã tạo được năm phước chưa hay có được một trong năm phước, cho đến có chút nhân duyên căn lành mới tiến tu được. Trái lại, hành giả hoàn toàn không có một điều phước nào, thiết nghĩ khó mà tiến bước trên con đường đạo.

Phước báo thứ nhất hành giả cần tu tạo là tâm hoan hỷ. Tuy nhiên, muốn sanh tâm hoan hỷ, hành giả phải có nhân duyên, căn lành. Dù là người xuất gia hay tại gia, nhân duyên căn lành đều đóng vai trò chính yếu. Căn lành có thì gặp duyên mới phát được, giúp cho hành giả tìm thấy niềm hoan hỷ trong lòng.

Thí dụ điển hình như tôi có nhân duyên với chùa Huệ Nghiêm. Mặc dù xuất thân ở Củ Chi, đi khắp nơi học đạo, với tuổi nhỏ chưa quyết định được cuộc đời mình. Nhưng nhờ căn lành, tôi gặp Hòa thượng Pháp Võ dẫn lối đưa đường. Ngài bảo tôi về chùa Huệ Nghiêm tu mới phát được. Quả thực, lúc ấy ở chùa Huệ Nghiêm, tôi không được chỉ dạy. Hòa thượng Huệ Nghiêm chưa về tu ở đây. Thầy trụ trì luôn luôn vắng mặt và tôi phải làm công việc thật năng nhọc. Tuy nhiên, tôi cảm nhận được niềm vui kỳ diệu. Sống trong niềm vui đó, tôi tự xếp đặt thời khóa tu học, âm thầm thọ trì kinh Đại thừa và công quả, phát triển tri thức, đạo đức. Nhờ nương được Tổ đức mà tôi thăng hoa, làm nên đạo nghiệp. Nếu ban đầu không sanh tâm hoan hỷ đối với cảnh chùa mình sống, nghĩa là căn lành không gặp duyên, không phát hoặc cảnh không thích hợp. Ta ở đó thì bệnh hoạn hay tệ hơn nữa, ở chùa chỉ thấy phiền lụy, tranh chấp. Chắc chắn ta không thể sống bình thường, đừng nói đến phát triển.

Từ khởi điểm tìm được cảnh tu thích hợp, căn lành sẽ theo đây tăng trưởng. Căn lành là hạt giống Phật có, mới lên cây Bồ đề. Đức Phật ví như hạt giống gặp mưa xuống tự lớn mạnh. Riêng tôi, sống ở nơi u tịch, xưa kia chung quanh chùa Huệ Nghiêm là khu rừng và gò mả, tôi vẫn vui trong việc lễ Phật, tụng kinh, ngồi Thiền. Vui sống với Phật pháp chứng tỏ căn lành của hành giả đã phát được.

Ngoài việc đối cảnh sanh tâm hoan hỷ, căn lành gặp được duyên thầy bạn hỗ trợ cũng sẽ phát rất nhanh. Trên bước đường tu, thầy hiền bạn tốt rất cần cho sự thăng hoa đạo hạnh. Gặp được minh sư khai ngộ, là gặp được vị thầy dạy chúng ta từ kiếp trước. Nhìn thấy thầy, chúng ta cảm nhận an lành, kính phục, phát tâm Bồ đề ngay, dù thầy chưa nói lời nào. Ngoài ra, sống với bạn đồng tu, hành giả nhận được nhiều lợi ích hoan hỷ.

Thầy, bạn và cảnh chùa là ba thắng duyên để hành giả phát triển căn lành, sanh tâm hoan hỷ. Tâm hoan hỷ hay phước báo đầu tiên phải có mới tu được. Nếu hành giả ở chùa bực bội, không thể thương thầy, mến bạn, khó mà an thân lập mạng trong đạo, hoặc có tu cũng không thể đắc đạo.

Về vấn đề này, tôi nhìn lại quá khứ, từ thuở bé, tôi lang thang học đạo khắp nơi không biết buồn giận. Tôi là chú đệ được nhiều người thương mến, kể cả những bà cô già khó tính ở nhà trù. Nhờ tâm hoan hỷ, tôi ở chùa nào cũng vui, thầy nào tôi cũng phục vụ, đặc biệt là các thầy giảng sư và tôi cũng thích phục vụ đại chúng. Vì vậy tôi có điều kiện tiếp xúc với đại chúng và học được nhiều kinh nghiệm sống của bạn, được hầu hạ các vị tôn đức. Các Ngài thường chỉ dạy những điều hay lẽ phải mà không bao giờ chúng ta có thể tìm thấy trong lớp học. Từ đó tôi mở rộng tâm hoan hỷ, thu hẹp buồn phiền.

Theo tôi, dù có gặp việc đáng buồn cũng không nên buồn lâu để không làm thúi hạt giống Bồ đề của mình, làm héo úa tâm hồn. Thực tế chẳng ai muốn gần người ủ rũ. Không được người chấp nhận, ta không thể tạo công đức.

Nói đến tâm hoan hỷ, tôi nhớ lại lời chúc của Hòa thượng Tep Vong khi tôi được phước duyên diện kiến Ngài ở Campuchia. Hòa thượng chúc cho tôi được vui cho tới ngày chết. Đối với người tu, phước báu này rất cần, từ phát tâm bồ đề đến xuất gia học đạo, giữ được niềm vui nghe pháp, tu hành làm Phật sự, sống mãi trong lòng chúng ta cho đến ngày nhắm mắt lìa đời. Hòa thượng theo Phật giáo Nam tông nên chúc tôi ráng giữ nguồn vui trọn kiếp này và lên Niết bàn vui vĩnh viễn, không tái sanh.

Tuy nhiên, theo tinh thần Phật giáo Đại thừa, chúng ta phải trải qua vô lượng kiếp tu đầy đủ hạnh Bồ tát mới viên mãn Phật đạo. Ý thức như vậy tôi cố gắng giữ tâm hoan hỷ, hành đạo Bồ tát không biết mệt mỏi, buồn chán cho đến ngày đạt quả vị Phật. Hòa thượng chúc ít nhưng tôi ước muốn nhiều và lấy đó làm điểm tựa phấn đấu.

Thông thường, người đời hết vui đến buồn, cứ bị vui buồn tiếp nối cuốn hút, nghiền nát thân tâm trong bánh xe sanh tử luân hồi. Tuy nhiên, đối với hành giả thâm nhập đạo, cố gắng cắt bớt buồn phiền và kéo dài nguồn vui. Đó là cách thức ban đầu phải thực hiện cho được, nếu không, công phu tu tập khó có kết quả. Tôi lập chí tu hành, nghĩ đến điều này trước, làm được việc hay không, đối với tôi không quan trọng; nhưng phải giữ được nguồn vui, lấy nguồn vui làm sự sống.

Theo tinh thần Đại thừa, hành giả không thành tựu pháp này, không hưởng được an lạc; có làm gì chẳng nữa cũng chỉ là xây lâu đài trên cát. Tôi thấy nhiều thầy cô bỏ công của đầu tư cho sự nghiệp thế gian, nhưng đánh

mất nguồn vui tu hành ban đầu, thì càng tu, càng làm nhiều, càng buồn phiền.

E ngại tôi vấp phải sai lầm này, Hòa thượng Trí Tịnh đã nhắc nhở tôi rằng muốn được an lạc nên cắt bớt việc đời, vì việc đời mãi mãi bước chân kề cận với phiền muộn. Hòa thượng kéo dài nguồn vui bằng cách tụng niệm, lễ bái, phiên dịch kinh điển. Ngài tìm được nguồn vui trong pháp Phật, kinh Duy Ma diễn tả là vui sống trong chánh pháp, tạo cho hành giả biết bao công đức lành. Trên đường hành đạo, giữ được nguồn vui trong chính lòng mình, hành giả mới có thể đi xa. Ngược lại, làm trong buồn phiền bực tức, vừa làm vừa la, không ai chấp nhận, trở thành người cô độc.

Bồ tát Di Lặc thể hiện mẫu người diệt sạch ưu phiền, giữ được niệm niệm tương tục hoan hỷ, nên có khả năng tác động cho người an vui theo :

*Vào tâm hoan hỷ địa*

*Thể hiện nụ cười thơ.*

Vì vậy, Ngài có tên là Từ Thị và được Đức Phật Thích Ca thọ ký thành Phật.

Khi căn lành hành giả phát được, ở chùa ăn uống đơn sơ, thức khuya dậy sớm, làm việc cực nhọc nhưng lại khỏe mạnh.

Phước thứ hai sanh ra, túc nghiệp của hành giả tự tiêu, bệnh trầm kha nan y cũng chữa khỏi, làm Phật sự không mệt, không bệnh. Tôi để ý nhận thấy những người tu không tiêu nghiệp, dù ăn uống kiêng cử kỹ lưỡng, nhưng nay đau mai bệnh, không sanh phước, không thể tu lâu được. Kinh nghiệm bản thân tôi, lúc nhỏ, mỗi sáng phải gánh 20 đôi nước tưới trà để tạo phương tiện sống cho chùa. Nhờ phước sanh, làm việc cho Tam bảo vất vả, lòng vẫn an vui, sức khỏe tốt. Tôi chỉ mong sao khỏe mạnh để tạo công đức. Càng phục vụ Tam bảo, hành giả càng vui. Càng vui với đạo, công đức càng tăng trưởng và càng khỏe mạnh.

Có được tâm hoan hỷ với tất cả người, với tất cả hoàn cảnh, sẽ giúp cho hành giả sanh ra phước thứ ba, có bạn bè đồng tu. Bạn hay pháp lữ chân tình rất cần trong cuộc sống tu hành của chúng ta. Người xưa thường nói ăn cơm có canh, tu hành có bạn.

Nhờ lòng hoan hỷ, người tìm đến kết bạn. Chúng ta lại sử dụng lòng hoan hỷ này mà đối xử với bạn. Trước kia không có bạn vì chúng ta ăn ở như thế nào khiến người sợ, không dám gần gũi. Chúng ta phải đổi cách sống, cách nhìn đời.

Thông thường, chúng ta cô đơn, cần có bạn an ủi. Nhưng ta nhờ vả họ thì tình bạn không thể lâu dài. Đối với tôi, dứt khoát thà sống cô đơn còn hơn để cho người phải đến vì mình. Tôi luôn tâm niệm phát tâm Bồ đề vì người, nghĩ cách giúp đỡ họ. Nếu chỉ nghĩ nương tựa người, không phải hạnh Bồ tát, không thể trồng hoa, chúng ta trở thành ăn xin suốt đời.

Muốn người sống gần mình, hành giả phải chuyên đổi tâm cậy nhờ thành tâm dung chứa, đổi hành động nhờ vả thành hạnh Bồ tát, mang an vui cho người, làm điểm tựa cần thiết cho người. Được như vậy, họ mới là người bạn vĩnh viễn của ta, mãi mãi đến với ta.

Mọi việc nặng nhọc khó dễ, chúng ta đều vui vẻ gánh vác, nhất định người phải thương. Tôi thấy huynh đệ khác được nhờ, lại khởi ý niệm người lợi dụng. Họ làm trong bức tức, vừa làm vừa gây, chẳng những không sanh công đức còn tạo thêm nghiệp hung dữ, hơn thua, chắc chắn chẳng ai thương. Đến lúc phước hết, nghiệp sanh, muốn làm dùm cũng không ai cho. Về phần tôi, rất sung sướng được nhờ cậy, được người tín nhiệm giao công việc thật nhiều, mới có cơ hội tạo công đức. Siêng năng làm cho chúng và để tánh, không gây gỗ, được việc cho người, ai mà không quý trọng.

Thiết nghĩ nếu đời này chưa có bạn, chúng ta cởi mở lòng, dìu dắt người để tạo nhân cho đời sau. Thực tế trên bước đường tu cho thấy rõ nếu chúng ta đã làm pháp lữ tu chung đời trước, nay gặp lại liền có cảm tình tốt và thích giúp đỡ ngay. Thật vậy, tôi sang Nhật gặp Hòa thượng K.Itô, tự nhiên Ngài thương tôi, giúp tôi học một cách nhiệt tình, vô điều kiện; vì Ngài cảm thấy không phải mới gặp tôi lần đầu. Tôi và Ngài đã là pháp lữ đồng tu ở hội Linh Sơn, nên gặp nhau chưa nói mà trong lòng đã hiểu nhau, mến nhau.

Nếu thấy người có quyền thuộc theo đông hỗ trợ họ tu hành, ta cần nhớ lời Phật dạy trong kinh Pháp Hoa về các Bồ tát và đệ tử thường phát nguyện sanh chung một chỗ. Còn chúng ta lui thủ một mình một bóng là tự biết đời trước chưa từng tu tạo phước báo này, nên nỗ lực vươn lên. Trái lại, không biết hoàn cảnh mình thiếu phước, lại khởi tâm ác, ganh tỵ với người, sẽ đọa.

Trên bước đường hoằng hóa độ sanh, muốn độ người phải thi ơn trước. Chờ đúng lúc, đủ duyên, người gặp khó khăn, hành giả xuất hiện làm vị cứu tinh, họ mang thâm ơn, nhiều đời cũng không quên. Đó là việc làm của Bồ tát Quan Âm và Địa Tạng. Đức Quan Âm luôn lắng nghe tiếng chúng sanh kêu cứu để tìm đến giúp. Ngài Địa Tạng luôn đích thân đưa người ra khỏi chốn ngục tù. Noi theo việc làm của hai mẫu Bồ tát tiêu biểu Quan Âm và Địa Tạng, chúng ta sẽ có nhiều bạn, những người bạn dẫn chúng ta đến qua vị Phật.

Tu sanh phước, hành giả có nhiều bạn chân tình đến mong trả ơn cứu độ. Nhưng Đức Phật dạy hành giả làm phước không mong người trả ơn và không cho họ trả ơn. Tôi giữ được tình bạn lâu dài nhờ áp dụng điều này. Nhiều người bạn tốt sẵn lòng giúp đỡ, tôi không nhận, tiền bạc, tình cảm gửi lại cho họ giữ, để họ nợ mình. Vì biết rõ nhân lành đời trước đã gieo, đời này hưởng hết, sẽ không tìm lại được và đời sau càng khổ hơn. Bao nhiêu công đức tu tạo được, tôi không hề có ý niệm gom về cho mình, tất cả tôi đều hồi hướng pháp giới chúng sanh tạo thành pháp lữ quyến thuộc.

Trên đường hành đạo Bồ tát, hành giả giữ nếp sống khắc khổ, ít tốn kém, dùng tiền giới hạn đôi lấy thánh tài vô tận của chư Phật. Hành giả nên làm nhiều hương ít, không cần thọ dụng, sử dụng phước báo tạo được theo cấp số nhân và lấy thành quả này làm nhân cho đời sau tu hành. Người không hiểu đạo, được bạn giúp đỡ lại khởi lòng tham, đòi hỏi quá đáng, bạn sẽ không tốt nữa.

Đức Phật dạy rằng xưa kia Ngài tu hành đạo Bồ tát, cảm thành thọ mạng đến nay vẫn chưa hết. Thọ mạng là công đức. Công đức của Phật vô cùng tận, mỗi ngày cứ lớn thêm không bao giờ dùng hết. Chúng ta có làm gì cũng không trả được ơn Phật. Đối với tôi, cảm nhận sâu sắc nhờ sống trong Phật pháp mới có được đời sống tâm linh, trí tuệ. Mỗi ngày tu hành thăng tiến trên đường đạo, tôi cảm ơn tế độ của Đức Phật nhiều hơn.

Để xác định công đức chúng ta tạo được nhiều hay ít, có thể căn cứ trên sự quan hệ giữa ta và người trong xã hội. Nếu được 50% người thương, nghĩa là nghiệp và phước bằng nhau, hành giả nỗ lực tu lên. Nếu được 80% người thương là điều đáng mừng. Tuy nhiên, còn phải xem người thương chúng ta giỏi hay dở, giàu hay nghèo, có quyền thế hay không. Phân rõ như vậy để định vị trí của hành giả. Người có quyền thuộc giỏi, giàu sang, quyền thế chúng tỏ họ đã tu phước nhiều đời, sẽ gánh vác được nhiều việc lớn. Nhưng người thương chúng ta nghèo dở, không có thế lực, chắc chắn chúng

ta đang ở vị trí thấp, không thể làm được việc lớn. Muốn thành tựu việc quan trọng phải có những điều kiện tất yếu như tiền của, khả năng, bạn bè, quyền uy. Đức Phật hành đạo dễ dàng cũng nhờ tứ chúng đồng sự, xa hơn nữa có sự trợ lực của bát bộ chúng và Bồ tát mười phương.

Chưa có những yếu tố cần thiết này, hành giả phải rèn luyện, phát triển khả năng đến đỉnh cao. Vì dốt không thể làm thầy người giỏi, giàu mới chỉ huy được người nhiều của. Thuở nhỏ, tôi mới hơn 20 tuổi đã làm được nhiều Phật sự, nhờ sự hợp tác đắc lực của những người bạn đồng hành tài giỏi, tốt, có uy tín và hết lòng hy sinh cho đạo.

Tạo được phước báo có bạn bè hỗ trợ, việc của chúng ta tự thành công, làm ít, không nhọc sức mà công đức nhiều. Vì công đức sanh ra công đức, làm bằng công đức, không phải làm bằng tài trí của bản thân. Trên thực tế, chúng ta nhận thấy những người lãnh đạo dựng được nghiệp lớn nhờ bạn trung thành, tài giỏi đồng lao cộng tác. Và khi việc thành công thì vị trí của người lãnh đạo càng được nâng cao.

Được phước báo có bạn bè như vậy rất quý, chúng ta cố gắng giữ gìn đừng cho mất. Kinh nghiệm tu học của tôi, sống chung với các pháp lữ ở Phật học đường Nam Việt. Các thầy xuất thân ở nhiều tỉnh khác nhau, nhờ đó tôi biết được tánh tình, công việc của người dân tỉnh đó. Sau này khi có Phật sự cần đến địa phương này, tôi không ngỡ, không phạm sai trái. Ngoài ra, nhờ dạy ở trường Cao cấp Phật học, khi đi hành đạo các nơi, tôi gặp lại học trò cũ, nên họ hiểu tôi và công việc cũng thành tựu dễ dàng.

Được ba tướng phước : tâm hoan hỷ, thân khỏe mạnh, bạn bè tốt, nghiệp hành giả tự hết, lòng tham không còn. Hành giả không cần tiền của, địa vị nhưng tốt lành, may mắn tự tìm đến. Người tại gia có phước, công việc làm ăn tự phát đạt. Người xuất gia có phước khiến đại thí chủ phát tâm cúng dường, xây chùa, không cần bận tâm làm.

Điển hình như Đức Phật Thích Ca đến thuyết pháp ở thành Xá Vệ, có trưởng giả Cấp Cô Độc phát tâm xây dựng Kỳ Hoàn tịnh xá. Ngài ở thành Tỳ Da Ly, tín nữ xin dâng cúng vườn xoài. Ngài đến Ma Kiệt Đà thì vua Tần Bà Sa La hiến cúng Trúc Lâm tịnh xá. Có thể nói Đức Phật đặt chân đến nơi nào, người sẵn sàng đem dâng cúng những gì tốt đẹp nhất.

Trường hợp Trí Giả Đại sư với tôn danh là tiểu Thích Ca cũng được phước báo đặc biệt này. Ngài ẩn tu, tham Thiền trên phiến đá trong vùng



sinh lầy ở Ngọc Tuyền. Vua cho người đến xây dựng chùa thật trang nghiêm rộng lớn. Ngài lên ẩn tu ở núi Thiên Thai, người cũng tìm đến xây chùa.

Về vấn đề hưởng thọ phước báo tiền của, chúng ta thường nghe người đời nói : giàu đổi bạn, sang đổi vợ. Nghĩa là hàng phàm phu tạo được phước thì sẽ tận hưởng bằng cách thay đổi hoàn toàn cuộc sống và tình cảm. Khi hết phước, họ lại rơi vô cảnh khổ cũ. Điều này Đức Phật đã từng chỉ cho chúng ta thấy chư Thiên hưởng hết phước báo ở thiên đường lại đọa xuống cảnh khổ trần gian, khổ luôn nối tiếp khổ.

Đức Phật dạy chúng ta khi đạt đến vị trí cao hơn, phước báo hơn, phải nhớ nổi khổ cũ để tiến tu, tạo thêm công đức, dùng hưởng hết, đọa rồi khó tạo lại. Hành giả có tiền nên sử dụng vào việc lợi ích cho đời. Nếu để lỡ mất cơ hội hành Bồ tát đạo, có thêm bạn tốt, mai kia thân tàn, muốn làm cũng không được.

Khi tâm hành giả luôn hoan hỷ, có bạn bè giỏi thương mến phụ giúp và cơ thể khỏe mạnh, nhiệt tình dẫn thân hành đạo, dạy dỗ, cứu giúp người, đầy đủ đạo hạnh, tất nhiên dẫn đến phát sanh tướng phước thứ năm là trí tuệ sáng suốt. Từ đây, hiểu biết của hành giả chính xác, lời nói trở thành đúng như chánh pháp và việc làm thành tựu dễ dàng.

Người tiêu biểu có tướng phước này là Đức Phật nói ra lời gì đều được mọi người tuân thủ, tin tưởng hết lòng và xả thân làm theo lời Ngài dạy. Mọi việc của Đức Phật đều thành tựu viên mãn.

Tóm lại, trên bước đường tu, hành giả tự xét thực chất, căn bản phước báo của mình. Cố gắng phát huy tối đa ưu điểm để bù đắp, tái tạo những phần khiếm khuyết. Chẳng hạn như chúng ta thông minh nhờ đời trước tu huệ nhiều. Chúng ta nên khai thác điểm này, giúp người thăng tiến, ngõ hầu tu tạo bốn phước chưa có. Được bao nhiêu phước đức, hành giả dùng tiếp độ chúng sanh, hồi hướng cho đời sau.

Mong rằng chư Tăng Ni Phật tử sống trong chánh pháp, từng bước nỗ lực tạo năm phước báo trang nghiêm thân tâm. Đó là thêm thang đưa hành giả thăng hoa, tiến đến quả vị Phật.

## 19. Ngôi chùa tâm linh

*(Giảng tại Tịnh xá Ngọc Phương, ngày 9-6-94)*

Khi Đức Phật tại thế, chúng Thanh văn tu học kề cận với Ngài, nương theo tâm Phật hoàn toàn thanh tịnh, tâm các Ngài cũng được trong sạch theo. Riêng đối với Bồ tát du hóa mười phương, tuy không sống gần Phật nhưng tâm các Ngài và Phật luôn luôn thông nhau, không hề rời xa.

Vì vậy Đức Phật Niết bàn, không có vấn đề nan giải đặt ra cho chúng Bồ tát. Đức Phật hiện hữu ở Ta bà hay ở bất cứ thế giới nào, các Bồ tát vẫn liên hệ được với Ngài qua tâm. Bồ tát thừa kế được sự nghiệp tinh thần của Đức Phật, suy tư và việc làm của các Ngài giống với Phật.

Trái lại, Thanh văn chưa đạt được trình độ cảm tâm, nên Phật Niết bàn các Ngài cảm thấy mất sự che chở, bơ vơ, khó tiến tu. Nói đúng hơn, Thanh văn không đủ trí tuệ, phước đức để giữ vững được sự nghiệp tinh thần của Đức Phật.

Hai cách sống hay hai cách hành đạo khác nhau của Thanh văn và Bồ tát, chúng ta dễ kiểm nghiệm trên thực tế ngày nay. Thí dụ như có người sống gần Hòa thượng Trí Tịnh, mà không hề biết việc làm, suy nghĩ tu hành của Ngài. Thật đáng tiếc cho những người gần mặt, nhưng không gần tâm.

Riêng tôi, dù sống cách Ngài nhưng nhờ cảm tâm, nên lời dạy cao quý của Ngài vẫn luôn sống trong lòng tôi, giúp tôi thành công rất nhiều trên bước đường hành đạo. Từ góc độ nghe được tâm tư Hòa thượng, việc làm của tôi không trái ý Ngài. Tôi luôn gặp Hòa thượng trong việc làm, trong sinh hoạt Phật giáo, trong việc đào tạo giảng sư.

Ngoài ra, đối với một bậc cao Tăng khác như Hòa thượng Thiện Hoa, tôi cũng thừa kế được sự nghiệp tinh thần. Thiết nghĩ, Hòa thượng không bao giờ muốn chúng ta chỉ lo chùa cao Phật lớn hoặc cố giữ cơ sở vật chất của Ngài để lại. Thừa kế sự nghiệp Hòa thượng Thiện Hoa, tôi hết lòng đào tạo giảng sư. Đó là con đường tâm huyết mà Ngài đã xây dựng.

Trên bước đường tu, giữa ta và Phật, giữa ta và thầy có gần gũi, giống nhau trong suy tư, trong việc làm, mới thật sự thừa kế được sự nghiệp của Phật, của thầy. Ý thức điều này, chúng ta thấy rõ trên thực tế, những ngôi chùa rộng lớn nhưng thầy viên tịch, không có người thừa kế sự nghiệp tinh thần. Chùa trở thành có xác không hồn, thật buồn tẻ, không còn sức sống.

Trên lộ trình hành đạo, phần hồn hay linh giác của hành giả lớn nhỏ khác nhau, tạo thành hoàn cảnh sống khác nhau, nghĩa là y báo tốt đẹp hay không tùy thuộc ở chánh báo. Tuy nhiên, có người không thấu hiểu lý này, phạm phải sai lầm nghiêm trọng khi khởi ý niệm tham đắm muốn chiếm chùa.

Người tu hiểu đạo rất sợ điều này, tôi cũng vậy, rất sợ làm trụ trì. Tôi cố gắng giữ cho được ngôi chùa vô tướng, không để tâm đến ngôi chùa vật chất; vì ý thức phần hồn của chúng ta là chính, phần xác càng giữ nhiều càng khó thăng hoa. Người tu cởi bỏ vật chất đến tận cùng để tâm hồn nhẹ nhàng thanh thản. Tôi được mời thuyết pháp vì người quý trọng đạo đức, tri thức của tôi, còn phần thân tứ đại, ai cũng giống nhau. Nếu không biết phát huy đạo đức, trí tuệ, công việc tu hành coi như uổng công vô ích.

Ý thức như vậy, người tu sử dụng thân vật chất để xây dựng đời sống tâm linh rộng lớn. Cuộc sống tâm linh càng lớn thì đời sống vật chất càng nhỏ lại, đến mức nhỏ nhất, không một mảy trần dính vô tâm, mới đắc đạo.

Trên tinh thần này, Đức Phật dạy các đệ tử xả ly tất cả rồi mới tu. Ý niệm vứt bỏ đi theo từng bước chân người tu cho đến ý những bỏ cũng không còn, mới thực sự giải thoát.

Tuy nhiên, ngày nay chúng ta lại vấp phải sai lầm, bỏ nhà để ôm chùa thì càng khổ hơn. Đạo chúng đối với chúng ta đều trở thành phiền hà, thường được diễn tả bằng câu : làm dâu trăm họ. Không cho người vào tu, chúng ta bị mang tiếng xấu ác. Cho họ nhập chúng, thì phải giải quyết bao nhiêu vấn đề không đơn giản. Bỏ đạo cũng vậy, làm vừa lòng tất cả cũng không dễ.

Chùa càng lớn, trụ trì càng khổ, phước đức chúng ta không đầy đủ, sẽ trở thành tai họa. Chùa lớn, không đủ người trông nom cũng khổ. Người đông, nhưng không tuân theo kỷ luật, không thể điều khiển cũng khổ. Từ đó chùa càng lớn càng khó đắc đạo.

Biết rõ như vậy, người trí thu hẹp ngôi chùa vật chất để mở rộng ngôi chùa tinh thần. Tôi thu hẹp chùa vật chất nhỏ đến độ không thấy được, nên không ai có thể đến xin ở nhờ. Tuy nhiên, tôi có chùa tinh thần thì người nào theo tôi tu là theo tinh thần, cầu giải thoát, không phải cầu vật chất ở trần thế.

Vật chất càng thu hẹp, tinh thần chúng ta càng mở rộng. Đó là ngôi chùa vô tướng, ta xây dựng được chùa này, bao nhiêu người đến ở cũng không chật, mà không có người nào ở cũng không hại gì, đỡ mất thì giờ dọn dẹp.

Xưa kia Đức Phật tại thế cũng vậy, Ngài từ bỏ vật chất mà thế gian thèm muốn, coi là quý giá nhất để tìm cầu đời sống tinh thần vĩnh cửu. Ngài trở thành đấng Đạo sư tối tôn cũng vì đã đạt đến đỉnh cao của đời sống tâm linh. Đức Phật không nắm giữ bất cứ của cải gì, không xây ngôi chùa nào. Nhưng bằng nội lực siêu tuyệt, Ngài điều động cả pháp giới làm giáo chủ cõi Ta bà. Trên bước đường du hóa, đến bất cứ nơi nào, đèn đài cung điện hay nói chung những gì sang trọng nhất đều dành cho Ngài, biến thành pháp tòa cho Ngài thuyết giảng. Bên ngoài bình dị đơn sơ, nhưng nội lực tu hành của Đức Phật đã tác động, tỏa sức sống thánh thiện cho người.

Cảm nhận được sự quý báu vô giá của đời sống tâm linh, ngày nay theo dấu chân Phật, chúng ta không nên lo phát triển bên ngoài. Bên ngoài càng đơn sơ thì nội lực càng trong sáng. Điều này được người Nhật áp dụng trong nghệ thuật trồng cây Bonsai, họ cắt tỉa cành lá không cần thiết để dồn sức sống cho cây. Cây thấp, chỉ có vài nhánh nhưng rất đẹp, có sức hấp dẫn, thu hút tâm người liên tưởng đến sức sống vĩnh hằng của thế giới bao la.

Ngày nay, Tăng Ni không hiểu được tầm quan trọng của ngôi chùa tâm linh, đặt nặng vấn đề chỗ ở. Không lo tu học, chỉ lo phát triển bên ngoài, nên bên trong bị thiếu hụt, phiền não nhân đó phát sinh. Lúc ấy, chùa càng lớn càng gặp nhiều khó khăn, đến độ có người xây chùa rồi chết hoặc ngôi chùa bên ngoài hình thành tráng lệ mà tâm hồn đẹp đã chết. Đức Phật thường ví như cây có cành lá quá nhiều nhưng gốc rễ không sâu, không đủ sức chống chọi gió mưa, dễ ngã đổ.

Trên tinh thần phát triển nội lực, Thiên sư đắc đạo dễ dàng nhờ cuộc sống vật chất đơn sơ. Họ không bị công việc ràng buộc chi phối, rảnh rang phát huy đời sống tâm linh cao độ. Trong khi pháp sư lo việc giáo hóa hoặc trụ trì lo việc chùa quá nhiều, phần nội lực trở thành yếu kém. Ý thức như vậy, tôi luôn tâm niệm chỉ có việc tu hành mới quan trọng, chùa chỉ là khối vật chất nặng nề cần thoát ly để tiến đến xây dựng ngôi chùa tâm linh và chùa vô tướng này mới là nơi an trụ vĩnh viễn. Tôi không có chùa bên ngoài, nhưng tâm hồn luôn an lạc nhờ đó dễ tiến tu đạo hạnh. Ngược lại, lo xây dựng chùa bên ngoài càng lớn càng cảm thấy cô quạnh. Tôi đã nghe nhiều vị trụ trì tâm sự như vậy. Tâm họ bị chùa chi phối quá nhiều đến mức lòng tan

nát, thì sống cũng như chết. Chỉ vì lo xây chùa vật chất mà chùa trong tâm hồn tự biến mất.

Cảm nhận sâu sắc điều này, người trí xây dựng chùa tâm linh, đi đâu mang được theo đó, sưởi ấm cho mình và người. Hành giả xuất gia học đạo không phải để ăn ngon, mặc đẹp, ở chùa lớn. Xuất gia để cầu cho được ngôi chùa tinh thần và quả Vô thượng Bồ đề. Từ đó, chùa tinh thần chúng ta lớn, Tăng chúng nương theo thanh tịnh giải thoát. Thực tế cho thấy chùa nào có vị phương trượng học rộng tu cao, làm biểu tượng mô phạm cho Tăng chúng hướng tâm tu học, thì nơi đó hòa hợp an vui, không hề có tranh chấp. Chùa thiếu vị đạo cao đức trọng sẽ gặp nhiều khó khăn phiền não, mọi việc đều bế tắc. Tôi có kinh nghiệm vấn đề này. Trên bước đường cầu tiến, có người muốn tu học, nhưng thầy không có gì để dạy. Chỉ còn tu hình thức, họ dễ chán nản, trở thành chống phá thầy.

Người tu thực không cần vật chất mới hướng tâm phát triển được và lấy việc phát huy đời sống tinh thần làm chính. Điển hình như Ngài Nhật Liên của tông Pháp Hoa ở Nhật Bản luôn xây dựng chùa tinh thần. Ngôi chùa tinh thần còn, đạo đức mới tồn tại. Chùa vật chất hiện hữu cao sang bao nhiêu dễ đưa đến tranh chấp, gây tai họa cho chúng ta không ít.

Ngoài ra, thể hiện mẫu người dốc lòng sống với chùa tâm linh, tránh xa danh lợi ở chùa vật chất như Thiền sư Thảo Đường. Ngài đã khai thị cho chúng ta qua câu nói mà ngày nay người tu còn dùng làm mẫu mực : Trúc ly mao xá phong quang hảo. Đạo viện Tăng phòng tổng bất như. Mặc dù vua Lý Thánh Tông kính trọng tôn Ngài là Thầy, mời trụ trì chùa Chân Giáo ở hoàng cung. Ngài từ chối vì ở núi rừng tu trong nhà tranh vách trúc, tìm được sự trong sáng cho tâm hồn, phong cảnh trở thành vui tươi xinh đẹp. Điều đó chắc chắn tốt hơn là ở chùa lớn có đầy đủ phòng ốc tiện nghi với đầy ắp buồn phiền tranh chấp. Đó là cái thấy của hành giả đăng Hiền vị, đã hình thành được ngôi chùa trong tâm, đi đâu cũng mang theo được và không ai có thể chiếm đoạt.

Chùa vô tướng thành tựu trang nghiêm bằng công đức, không phải bỏ chùa hữu tướng, xây chùa vô tướng rồi trống không, không có gì. Chùa vô tướng hình thành dẫn đến chùa hữu tướng tự có theo. Điều này được chứng minh trong cuộc đời tu hành của Trí Giả đại sư. Ngài không trụ trì chùa Pháp Vân do vua thỉnh, vì cảm thấy nặng nề với ngôi chùa hữu tướng này. Ngài bỏ nơi này, lên Ngọc Tuyền tọa Thiền ở phiến đá, để thâm nhập chùa vô tướng. Tùy Dạng Đế cảm đức Trí Giả, ông lại lên Ngọc Tuyền xây chùa

cho Ngài tu. Khi chùa nguy nga tráng lệ hình thành, Trí Giả lại bỏ lên Thiên Thai tu, vì trong tâm Ngài luôn hình thành ngôi chùa vô tướng.

Có chùa tâm linh là chùa được xây dựng bằng vật liệu trí tuệ, đạo đức thì sẽ có chùa hữu tướng. Thật vậy, khi Ngài lên Thiên Thai tu, chỉ toàn là rừng núi hiểm trở, một lần nữa nơi đây lại có ngôi chùa lớn được dựng lên. Quả là chứng tín hùng hồn lý giải được ý nghĩa chánh báo thế nào, y báo sẽ theo đó.

Từ góc độ này, trên lộ trình tu tập, chúng ta bỏ hữu tướng để cầu vô tướng, bỏ phương tiện cầu chân thật. Chỗ ở đối với chúng ta chỉ là quán trọ tạm dừng chân trên con đường hành Bồ tát đạo dài xa. Ý thức như vậy, tâm hồn hành giả dễ nhẹ nhàng thanh thản. Tôi đã từng trải qua thời kỳ sống ở chùa tranh vách lá, hoàn cảnh sống thật nghèo nàn, ở trong giai đoạn Phật giáo bị khinh rẻ. Tuy nhiên, chúng tôi nỗ lực tu, nên kết quả đều trở thành người nòng cốt của Giáo hội.

Đối với tôi, chùa cao Phật lớn không quan trọng. Quan trọng ở trình độ hiểu biết và tu hành đúng pháp có kết quả. Thành tựu pháp thì hành giả ngồi gốc cây hay ở đồng trống, Phật tử cũng tìm đến để tu học. Hiểu như vậy, chúng ta đáp ứng yêu cầu tu học cho Phật tử tu học chân chính đến chùa, còn tạo cảnh cho họ tham quan, thiết nghĩ không cần thiết lắm.

Ngoài các vị Tổ an trụ cuộc đời tu hành trong ngôi chùa vô tướng vừa kể trên, tại Việt Nam có Hòa thượng Thanh Từ rất nhiệt tình trong việc xây chùa tâm linh. Ngài từ bỏ thành phố ồn ào và Tăng chúng để lên núi ẩn tu vì thấy rõ hình thức bên ngoài càng lớn, tâm càng bị nhỏ hẹp. Nếu thực tu, chúng ta không sợ người không đến, chỉ sợ mình không đủ khả năng dìu dắt khi người đến với mình. Tôi đến thăm Hòa thượng, nhận ra Ngài và tôi đồng quan điểm, theo đó người đến với chúng ta để cầu an tâm, tu hành, hiểu biết.

Dù chúng ta xây dựng chùa lớn cách mấy cũng không bằng đền đài của người thế gian hay của ngoại đạo. Tuy nhiên, những người giàu sang quyền uy còn bỏ những thứ này, đến chùa để cầu những gì cao quý của đạo mà thế gian không thể có. Nhưng tai hại thay, chúng ta không giải quyết được những yêu cầu chánh đáng này, lại đem cho họ những thứ không cần thiết, không phải của Phật giáo, làm đạo Phật băng hoại từ trong ruột. Hòa thượng Thanh Từ gia công tu tập Thiền quán, nhận chân được giá trị tuyệt vời của áo nghĩa tiềm ẩn trong giáo lý. Ngài sống được với pháp hỷ thực, khởi lòng thương đại chúng mang ra giảng dạy cho người cùng tu. Pháp tu này đưa

hành giả trở lại cái gì ta có sẵn, trong Thiền gọi là hồi quang phản chiếu. Chúng ta bỏ quên viên ngọc quý có sẵn, cứ chạy đi tìm cầu cái bên ngoài. Lo bên ngoài nhiều, bên trong tự thôi nát.

Tóm lại, chúng tôi không có ý đả phá việc xây chùa vật chất. Chùa hữu tướng bên ngoài cũng rất cần cho tín đồ quy ngưỡng, gieo trồng căn lành. Tuy nhiên, Tăng Ni cần lo tu cho thành đức, học cho thành tài để trang bị cho mình đầy đủ nội lực vững mạnh. Có đủ nội lực, hành giả mới dùng đức độ cảm hóa người, dùng trí tuệ dìu dắt tha nhân.

Đàn việt cảm mến tài đức của hành giả mà phát tâm cúng dường, đúc tượng, xây chùa, không phải chúng ta đi kêu gọi, quyên góp. Chúng ta tùy hỷ với sự phát tâm xây chùa để hàng cư sĩ có cơ hội trông coi phúc. Tuy nhiên, trong lúc xây dựng chùa, hành giả cũng phải tiếp tục giữ gìn ngôi chùa tâm linh của mình, vì biết rõ đánh mất chùa tâm linh thì chùa chỉ là mối tranh chấp phiền muộn.

Ngày nay, trải qua bước đường tu hành đạo khá dài, với thân tứ đại vô thường tất yếu có nhiều biến đổi. Thật sự tôi chỉ mong có người thay thế để tôi giảm bớt trách nhiệm với Giáo hội và giảm cả việc thuyết pháp, để trở về đời sống nội tâm, tiếp tục xây dựng ngôi chùa tâm linh tốt đẹp hơn nữa. Đó là con đường duy nhất đưa chúng ta thăng hoa, đến thế giới Phật.

Mong rằng Tăng Ni Phật tử phát huy được ngôi chùa tâm linh mỗi ngày trang nghiêm, rộng lớn, xinh đẹp hơn.

---o0o---

## **20. Hành trình về chân linh**

*(Giảng tại Trường hạ Tịnh xá Trung Tâm ngày 14-7-1994)*

Thông thường chúng ta đều nghĩ rằng do giới sanh định, do định phát huệ. Tuy nhiên, trên bước đường tu, thực tế cuộc sống cho chúng ta nhận thức ngược lại, nghĩa là phải có trí tuệ, tâm mới có thể bình ổn.

Thật vậy, khi chúng ta chạm trán việc gì, thường sợ hãi cuống cuống, chỉ vì không biết rõ vấn đề, không biết cách đối phó. Trái lại, nếu có trí tuệ quan sát, nhận định vấn đề rõ ràng, tất nhiên chúng ta sẽ bình tĩnh. Trang bị trí sáng suốt và tâm định tĩnh, hành giả mới trở thành người đạo đức chân chính. Điều này dễ nhận thấy trong đời sống thường nhật. Những người tuy

thực hiện hành vi đạo đức, nhưng không có trí tuệ và tâm an định chỉ đạo, nên họ hành xử một cách mù quáng, dẫn đến hậu quả tội lỗi. Hành vi đạo đức của họ trở thành phi đạo đức.

Chỉ có trí tuệ và tâm an định hướng dẫn mới kết thành quả đạo đức chân chính lâu dài. Quan sát cách giáo hóa của Đức Phật, chúng ta thấy rõ tất cả pháp môn tu của Ngài đưa ra dù dặt dẹo đều phát xuất từ trí tuệ sáng suốt, siêu tuyệt mà Ngài đạt được sau khi thành Vô thượng Đẳng giác. Đức Phật quán biết khả năng, căn tánh của người. Họ tu pháp môn gì thích hợp, Ngài theo đó chỉ dạy, đều được lợi lạc. Ngài giúp người bệnh hết bệnh, người khổ hết khổ.

Ngược lại, ngày nay bản thân chúng ta chưa sáng suốt, chưa biết rành vấn đề. Và tệ hơn nữa, chưa thực hành mà lại dạy người. Đó là một sai lầm lớn, thường đưa đến hậu quả nghiêm trọng. Người chưa bệnh nhưng chúng ta hướng dẫn họ tu sai, trở thành tâm bệnh và thân bệnh. Để tránh vấp phải sai lầm, chúng ta trở lại thực tế, phải nhận thấy được thực trạng của mình, có thấy mới sửa chữa thân tâm lành mạnh và từ đó mà tiến tu.

Trong Kinh thường đề cập đến sức mạnh của voi có khả năng kéo nặng, đi ngược dốc và có thể chống trả các thú dữ. Cũng vậy, Phật và Bồ tát Phổ Hiền có sức mạnh gồng gánh, dắt theo số đồ chúng đông, bảo vệ được người và mình an toàn. Tà ma ngoại đạo không phá được, các Ngài dễ dàng đưa người từ sanh tử về Niết bàn.

Yếu hơn voi là trâu ngựa chỉ đi đường bằng, dù kéo nặng được nhưng không thể đi ngược dốc. Điều này ví cho hành giả an nhiên tự tại trước sóng gió cuộc đời, lo cơm gạo cho đại chúng được, nhưng dùi dặt họ đi ngược dốc về Niết bàn, hành giả không đủ sức lo. Đại chúng bệnh hoạn buồn phiền, hành giả không giải quyết được. Và cuối cùng sức mạnh của xe dê, nai chỉ có thể đi một mình, không thể leo ngược dốc và cũng không chở nặng được.

Trên bước đường tu, việc chinh phục nội giới và ngoại giới không đơn giản. Ba sức mạnh của trâu, nai và dê được ví cho sức mạnh của Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn tu theo tam thừa giáo. Chúng ta xem mình ngang tầm với Thanh văn, Duyên giác hay dưới nữa là chúng ta có đủ tư cách nhân thiên không. Cứ so như vậy từ cao xuống thấp dần, cuối cùng tìm thấy vị trí của chính mình, thì từ hoàn cảnh này khởi tu.

Duyên giác có trí tánh thông lợi, học ít hiểu nhiều. Thanh văn nghe bao nhiêu hiểu bấy nhiêu như Ngài A Nan nghe Phật thuyết pháp, thâm nhập đầy



đủ trong tim óc không thiếu sót, được kinh ví như nước rót từ bình này sang bình khác, không đổ ra ngoài một giọt. Hạng kém, bình thường, nghe 10 điều chỉ nhớ được 2, 3 và nay nhớ mai quên. Như vậy chúng ta tự xét nếu mình chậm hiểu nhớ kém, phải trở lại tu từ vị trí của nhân thiên.

Chư Thiên muốn gì được đó, chỉ tưởng đến thức ăn, y phục là có liền, và ban phước được cho tất cả. Riêng chúng ta muốn nhiều mà chẳng được gì, chưa thể đạt đến vị trí của chư Thiên.

Hạ thấp một nấc nữa, đến tư cách con người nhưng là người mang ý chí tự lập, có thể tự giải quyết cuộc sống của mình trong mọi hoàn cảnh, không cần nhờ người giúp. Nhưng nếu tệ hơn nữa, dưới vị trí con người vì mang đầy nghiệp ác, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, đến đâu cũng bị xua đuổi, bị nợ bao vây bức ngặt. Ở trường hợp này phải lo giải quyết cho xong nợ nần oan trái mới có thể thanh thân tu; vì người đi tu không phải là người trốn nợ.

Từ điểm chuẩn là con người để xác định vị trí chúng ta ngang tầm hay trên hoặc dưới con người mà có ba cách tu khác nhau. Ở dưới vị trí con người chúng ta có thể vươn đến vị trí con người. Khi sức khỏe, thông minh, tiền bạc, uy tín không bằng người, chúng ta phấn đấu từ đó bắt đầu tu để nâng thể lực, trí lực cho bằng với người bình thường. Thiết nghĩ mức căn bản tối thiểu là phải khởi đầu từ vị trí con người mà xuất gia học đạo mới có thể đăng địa Hiền Thánh.

Vì vậy, việc đầu tiên trên bước đường tu phải nghĩ đến giải quyết thân con người và vấn đề chi phối thân tứ đại này. Chúng ta tu tập, điều hòa cơ thể để chữa thân bệnh. Tu sai rên, luyện từ không bệnh thành ốm đau gầy yếu. Đó là kinh nghiệm bản thân tôi. Thuở nhỏ tôi hiểu lầm lời Phật dạy La Hầu La rằng người là trượng phu, mình cũng trượng phu thì phải làm được. Từ đó tôi nhiệt tình dấn thân hành đạo, ưa thích làm Phật sớm, tập ăn ngày một bữa. Nhưng với khoảng tuổi mười lăm, cơ thể đang phát triển mà lại hạn chế dinh dưỡng quá mức. Một thời gian sau, tôi bị cơn đau bao tử hoành hành, thức đêm tu học nhiều đến độ cơ thể suy kiệt, sanh thêm bệnh tim, phổi, thấp khớp. Tình trạng sức khỏe xấu đến mức Hòa thượng Huệ Nghiêm gọi tôi là cây khô. Lúc ấy tôi mới ý thức được cơ thể mình không khỏe mạnh, siêu phàm như Phật hay Thánh, không thể nhịn đói, chịu khát được. Tôi thức tỉnh ngay, không nghĩ gì cao xa nữa, lo nhờ bác sĩ chữa thân bệnh và điều chỉnh vấn đề ăn uống ngủ nghỉ.

Cũng trên căn bản điều hòa ăn uống ngủ nghỉ, từ một ngàn năm trước, Ngài Thiên Thai đã dạy muốn tu phải có cơ thể khỏe mạnh và muốn khỏe, trước tiên hành giả phải điều hòa ăn uống. Chọn thức ăn và lượng thực phẩm cho vừa với cơ thể mình trong từng giai đoạn khác nhau, để không dư hay thiếu chất dinh dưỡng cần thiết. Không phải như một số người lầm tưởng cho rằng tu là không nghĩ đến việc ăn.

Chúng ta không quan tâm đến ăn uống như người thế gian, phí thì giờ công sức tìm món ngon vật lạ. Chúng ta không làm nô lệ cho những ham muốn ăn ngủ để thỏa mãn đòi hỏi của thân nghiệp. Người tu không cần ăn ngon, nhưng ăn vừa đủ sống, xem thức ăn là lương dược tạm thời chữa thân bệnh tứ đại này mà thôi.

Để tâm điều chỉnh vấn đề ăn uống cho thích hợp cơ thể, loại được tất cả bệnh tật và có sức khỏe bình thường. Nếu ngừng lại ở điểm này, chúng ta không khác gì người thường.

Muốn tiến tu, cần tập giảm lượng thực phẩm mà vẫn duy trì sức khỏe tốt. Tuy nhiên, nên lưu ý đừng cắt ngang lượng thức ăn để thành bệnh, tập giảm từ từ cho cơ thể kịp thích nghi theo. Điều chỉnh lượng ăn ít nhất cho đến mức cơ thể chịu được để chúng ta tiến tu là bước đầu. Nhờ đó, chúng ta không tốn kém tiền bạc, thì giờ cho việc ăn. Ăn ít, rẻ, nhưng sức khỏe vẫn bảo đảm và có sức chịu đựng như mọi người. Điều chỉnh được như vậy, chúng ta nhận ra sự thật là cơ thể không đòi hỏi quá sức như người đòi tưởng.

Từ ăn uống được tiết giảm, mồ hôi chúng ta cũng tiết ra ít hơn. Không thoát mồ hôi, nên tôi không cảm thấy khát nước vì giữ được lượng nước trong cơ thể. Ngay cả những lúc tôi dùng gạo lứt muối mè mà vẫn không uống nhiều nước vì không khát. Luyện được trạng thái ít uống nước, không khát, không ra mồ hôi, cơ thể không thoát nhiệt, nên dễ chịu đựng áp lực của thời tiết, bệnh tứ thời cảm mạo, nhức mỏi cũng tự hết.

Từ căn bản này, tôi phát hiện thêm rằng khi chúng ta bớt lượng thực phẩm hằng ngày, nhưng vẫn giữ sinh hoạt như người đời, chúng ta cũng dễ bệnh. Người đời ăn uống nhiều và hoạt động bằng mọi cách để thải ra, trong lúc chúng ta ăn uống không dư mà lại bắt chước họ, uống nhiều nước, thể thao vận động cho nhiều là sai lầm. Muốn giảm ăn uống ngủ nghỉ, tất yếu phải giảm lao động; vì làm nhiều, không ăn không được, lao động nhiều, mệt thì phải ngủ.

Trong khi tu, tìm hiểu được thân bệnh hay thân nghiệp, thấy rõ cấu tạo thân của người không giống nhau, nên không thể hướng dẫn pháp tu chung. Chúng ta nhận thấy những người có cơ thể tốt, ăn gì cũng không bệnh như các Lạt Ma Tây Tạng có cơ thể siêu đẳng. Họ chịu đựng được nóng lạnh, đói khát và tiếp thu tốt các thức ăn. Đạt đến đỉnh cao của thân phước báo như Đức Phật, thức ăn gì đối với Ngài cũng biến thành cam lồ. Ngoài những cấu trúc cơ thể đặc biệt của Phật và Thánh tăng, những người khác chỉ thích hợp một số thức ăn. Đối với họ, trước tiên chúng ta phải dạy cách ăn uống thế nào để không sanh bệnh mới, chữa được bệnh cũ, sau đó mới tiến tu được.

Hàng Thánh chúng theo Phật có cơ thể và trí lực quá tốt, nghiệp lực không còn. Các vị A la hán không cần phải ăn hoặc những vị chỉ ăn giới hạn một bữa, ăn ít mà không sanh bệnh. Riêng chúng ta tồn đọng quá nhiều nghiệp lực, cần phải theo dõi việc ăn uống. Các vị Tổ sáng suốt thấy rõ vấn đề này mới cho phép ăn nhiều lần trong ngày để đủ sức tu.

Trên tinh thần này, từng bước tu hành, chúng ta phải theo quy trình cải tạo, khắc phục bệnh nghiệp của thân. Lần lần chúng ta cũng sẽ tái tạo được thân công đức, không còn lệ thuộc việc ăn ngủ.

Điều chỉnh vấn đề ăn xong, trước khi giải quyết việc ngủ, chúng ta điều chỉnh hơi thở; vì hơi thở có ảnh hưởng đến giấc ngủ hay sinh hoạt tâm linh. Tập luyện điều hòa hơi thở cũng là vấn đề quan trọng. Tôi bị bệnh tim lớn nên hơi thở dồn dập. Nhờ biết điều chỉnh hơi thở theo pháp tu Thiền, tôi đã chữa được bệnh tim. Trong mọi tình huống ăn, uống, đi, đứng, ngủ nghỉ, thuyết pháp, tôi luyện cho nhịp tim bình thường, không nhanh, không chậm. Điều này tùy thuộc vào hơi thở.

Chúng ta tập thở chậm và dài, dài nhất là một phút hơi thở, 30 giây thở ra và 30 giây thở vô. Tập kéo hơi thở dài, đều, nhẹ, đều về khoảng cách và nhẹ đến độ tờ giấy mỏng dán ở mũi không phập phồng theo hơi thở, giống như hơi thở của con rùa là loài sống lâu có hơi thở nhẹ nhất.

Hơi thở chậm, nhẹ, dài sẽ tác động cho nhịp tim hoạt động chậm, kéo theo nhịp máu lưu thông chậm. Nhờ vậy, chất hữu cơ bị đốt ít, không thoát nhiệt, không hao hụt trữ lượng trong cơ thể, nên ta cảm thấy bớt đói, bớt buồn ngủ.

Chúng ta kiểm tra điều này trong cuộc sống người tu nhận thấy các Thiền sư ít ăn, vẫn khỏe, ít cử động nên dự trữ trong cơ thể còn thừa mới

không đói, không cần ăn. Nhờ nhịp tim chậm, tuổi thọ tăng, có điều kiện duy trì thân vật chất để tiến tu đạo nghiệp, chết yếu thì không thể đắc đạo.

Dùng hơi thở kiểm soát được nhịp tim và lượng máu trong cơ thể hoàn chỉnh xong, chúng ta đi sâu vào giấc ngủ hay đi vào Thiền định. Như vậy, điều chỉnh cơ thể ổn định rồi mới cho thân ngủ để bắt đầu sinh hoạt tâm linh. Chưa điều chỉnh hơi thở, nhịp tim, lượng máu lưu thông mà ngủ thì cơ thể không bình thường. Nếu một mạch máu nào trực trặc sẽ tác động thành giấc mơ ác hoặc thức dậy tay chân bị tê cứng; nhiều lần như vậy dễ bị liệt, nhất là khi tuổi lớn.

Điều chỉnh vấn đề ngủ theo Phật dạy là người tu ngủ trong tỉnh thức hay Thiền, khác với chúng sanh ăn no rồi ngủ mê man, không biết gì. Đối với thế giới người tu, sinh hoạt tâm linh phần lớn diễn ra trong giấc ngủ hay ngủ là trạng thái sinh hoạt tâm linh. Ứng dụng pháp tu này, tôi điều chỉnh cho cơ thể nghỉ ngơi hoàn toàn để tâm linh hoạt động. Thuở nhỏ, trước khi ngủ, tôi học bài để trí nhớ tiếp tục sinh hoạt với bài học trong giấc ngủ. Và lớn lên, tôi thực hiện vấn đề tu trong giấc ngủ để các pháp Phật hoạt động diễn biến trong trạng thái tâm linh.

Tuy nhiên, xét thấy vấn đề ăn ngủ chiếm quá nhiều thì giờ của người thế gian, người tu nỗ lực vượt hơn người bình thường. Họ đã tiết giảm được ăn ngủ, không bị chúng chi phối. Nhờ đó, Thiền sư còn nhiều thì giờ dành cho việc trác nghiệm Thiền quán hay điều chỉnh sinh hoạt tâm linh.

Sinh hoạt tâm linh từ vọng thức đi lần vào vô thức cho đến chân tâm nội quán mới thực quan trọng. Từ sinh hoạt nội giới, hành giả phát được bi tâm đến với hữu tình chúng sanh và tác động họ. Cảm hóa người dưới dạng tâm dễ dàng thành công, không bị phiền não như cảm hóa bằng vọng thức, suy xét bên ngoài.

Hành giả đạt trình độ tâm chứng ở trạng thái vô tác diệu lực sẽ giáo hóa người nhẹ nhàng, thanh thản, khiến họ tự phát tâm bồ đề, tiêu phiền não.

Tuy nhiên, con đường tiến đến sở đắc này không đơn giản, đòi hỏi hành giả phải trải qua quá trình tu tập điều chỉnh ăn uống, ngủ nghỉ, hơi thở cho hoàn thiện. Nếu pháp tu phương tiện bên ngoài chưa hoàn chỉnh, nhưng vào sinh hoạt nội giới, tâm hành giả sẽ bị tất cả áp lực bên ngoài lôi kéo, khó bình ổn được.

Hoàn tất được việc ăn ngủ, hơi thở, trận chiến cuối cùng diễn ra giữa chân tâm và vọng thức rất gay go. Điều này nằm ngoài ngôn ngữ lạm bàn của phàm phu. Đẹp bỏ hoàn toàn sự chi phối của vọng thức nhanh hay chậm và hành xử được chân tâm tự tại theo ý muốn nhiều hay ít. Điều đó còn tùy thuộc ở điểm khởi hành và phương tiện đi trong cuộc hành trình tâm linh của mỗi hành giả.

---o0o---

## 21. Tu tâm

*Giảng tại trường hạ Phổ Quang ngày 2-7-1994)*

Đức Phật dạy hàng đệ tử xuất gia, mỗi năm phải cấm túc an cư để thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức. Trên bước đường tu hành, việc kiểm soát thân tương đối dễ dàng. Nhưng đối với tâm, hành giả theo dõi, chế ngự để đưa tâm mình sinh hoạt theo các pháp thánh thiện không đơn giản. Điều này đòi hỏi hành giả phải trải qua quá trình tu tập, hạ thủ công phu khi tiến tu theo Tâm tông hay Thiên tông.

Cuộc hành trình đuổi bắt tâm, tìm ra tâm và sai sử nó vâng lời hành giả, được cụ thể hóa bằng mười bức tranh minh họa công việc chăn trâu của chú bé mục đồng gọi là Thập mục ngư đồ. Không rõ những bức tranh này được hình thành từ lúc nào nhưng rất được phổ biến trong giới tu Thiên. Các Thiên giả dù ở Trung Hoa, Nhật Bản hay Việt Nam đều lấy đó làm kim chỉ nam để điều chỉnh tâm, rèn luyện tự tánh của chính mình.

Tranh Thập mục ngư đồ nói lên quá trình tu hành của người xuất gia từ khởi điểm đến thành đạo hoàn mãn. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi đặt ra cho hành giả trong suốt quá trình này là giải quyết vấn đề tâm, không phải lo việc bên ngoài. Hành giả luôn tìm phương cách soi rọi lòng mình, thuật ngữ Thiên gọi là hồi quang phản chiếu để minh tâm kiến tánh.

Trên nền tảng nỗ lực tu tâm, khởi điểm bức tranh thứ nhất minh họa người tìm đạo hay tìm tâm được ví như mục đồng đi tìm trâu. Điều này gợi nhắc chúng ta trong pháp Phật có tam thừa giáo, được thí dụ bằng ba loại xe : xe dê, xe nai, xe trâu.

Xe trâu tiêu biểu cho Bồ tát thừa. Người tu Thiên đi tìm tâm hay tu tất, đi thẳng vào Bồ tát thừa, không đi vòng qua Thanh văn, Duyên giác thừa. Vì vậy, đòi hỏi hành giả phải thuộc hàng thượng căn thượng trí đã khế ngộ

nguồn chơn, đạt được tinh yếu của giáo điển mới có khả năng sử dụng xe trâu, đi thẳng vào Bồ tát thừa.

Ngoài ra, kinh Pháp Hoa còn đưa thêm hình ảnh đại bạch ngưu xa để chỉ cho pháp cao tột. Đó là viên dung nhất thừa, diễn tả bằng hình ảnh trâu trắng kéo xe, khác với trâu đen.

Trâu thường hay trâu đen tiêu biểu cho xe của Bồ tát thuộc tam thừa là Bồ tát từ nhân hướng quả, vừa tu hành vừa giáo hóa chúng sanh, phần phá vô minh phần chứng Pháp thân.

Bức tranh thứ nhất mục đồng đi tìm trâu gợi lên ý niệm hành giả xuất gia cầu đạo tìm pháp hay tìm tâm. Muốn tìm trâu, mục đồng không có cách gì khác hơn là tìm dấu chân trâu. Cũng vậy, hành giả tìm tâm phải lần dò xem tâm sanh khởi, diễn biến như thế nào và lưu lại dấu vết gì trong lòng.

Tuy nhiên, bước ban đầu dùng tâm để tìm tâm cũng như tìm dấu chim bay trên bầu trời, không đơn giản. Tâm chúng ta lướt đi mãi trong từng khoảnh khắc, không bao giờ dừng lại. Cái gì dừng lại chỉ là dấu vết, không phải thực. Hành giả nương theo cái không thực hay dấu chân trâu, hoặc dáng của tâm mà lần tìm đến chân thực. Từ góc độ này, điều kiện ban đầu trên bước đường tu đòi hỏi hành giả phải nhận ra dấu ấn sâu sắc của Phật để lại.

Tranh vẽ trâu đi lạc bị màu đen bao phủ toàn thân, ví cho người tu đi vào đồng hoang sanh tử thọ ngũ ấm thân nên chơn tánh bị ngăn che, hiểu biết trở thành giới hạn, không thể thấy chân lý. Tâm ý thì luôn biến động chạy theo sai sử của sáu giác quan mà kinh thường diễn tả như con khỉ nhảy nhót không yên, con ngựa chạy sùi bọt mép. Để chữa trị sai trái lỗi lầm của thân tâm thường quen với nếp sống buông lung, hành giả tập trụ thân tâm lại trong lúc cảm tức an cư.

Ý này được bức tranh thứ hai diễn tả mục đồng tay cầm dây cột trâu, tay cầm roi. Cây roi để răn đe trâu, tiêu biểu cho giáo pháp hướng dẫn chúng ta đi đúng lộ trình của Phật.

Trong lúc an cư, hành giả cột thân tâm mình bằng cách sống theo pháp Phật, tôn trọng giới luật, khắc phục các tánh xấu trong lòng, ngăn chặn việc làm không tốt của thân.

Trụ thân tâm như vậy sẽ được nhiều kết quả lợi lạc. Nhưng các Tỳ kheo trẻ mới nhập hạ, thường cảm thấy khó chịu vì không được phép ra khỏi Thiền đường suốt ba tháng an cư.

Ngày nay, Giáo hội dành nhiều dễ dàng, cho phép các thầy mỗi ngày xuất giới để đi học. Riêng tôi, lúc còn là học tăng cũng được Hòa thượng Thiện Hòa cho phép ra ngoài học, nhưng có ghi rõ phải trực vắng trực hoàn. Nghĩa là đi đúng theo lộ trình cần đi và xong việc phải trở về ngay để cùng chúng tu học.

Tôi nhận thấy những anh em đã tuân thủ pháp này, quyết tâm hạn chế đi lại, cuộc đời tu hành của họ từng bước sáng đẹp. Những người không nương vào giáo pháp, không chấp hành giới luật, cho rằng Hòa thượng không thể kiểm soát, không biết được việc họ làm, nên thừa dịp được phép ra ngoài để đi chơi. Sống buông lung phóng túng như vậy chẳng bao lâu thì hoàn tục.

Chúng ta cần ý thức rằng tu cho chính bản thân mình lợi lạc giải thoát, không phải tu cho thầy hay tu biểu diễn cho bổn đạo. Đối với tôi, lúc không có người để ý càng phải nỗ lực tu hơn.

Người chăn trâu bắt được nó, không cột chân hay đuôi, nhưng lấy dây xoắn lỗ mũi dắt đi. Tuy lỗ mũi chỉ có một màng mỏng, nhưng cột vào đó chắc nhất vì lỗ mũi là chỗ hơi thở ra vào, tiêu biểu cho sự sống.

Cũng vậy, hành giả cột tâm mình là cột niềm tin vào Tam bảo, cả sự sống hương trọn vẹn về Tam bảo. Theo tôi, hành giả nào vững niềm tin nơi Tam bảo, nhất định sẽ gặt được nhiều kết quả tốt đẹp trong sự tu tập. Trái lại, tu theo hình thức bên ngoài, thiếu niềm tin, chẳng thể nào đi đến nơi đến chốn.

Trên tinh thần này, kinh Hoa Nghiêm dạy niềm tin là mẹ sanh ra công đức lành. Thật vậy, tôi nhận thấy các bạn đồng tu, học giỏi nhưng đánh mất niềm tin cũng trở thành xác xơ. Riêng tôi, nhờ tin mãnh liệt vào Tam bảo, cảm nhận được sự gia bị của Đức Phật vĩnh hằng bất tử, an lạc với giáo nghĩa của kinh điển, sống trong sự giáo dưỡng của các bậc minh sư nên đem hết thân mạng phụng sự Tam bảo.

Đối với Phật bảo, Pháp bảo, chúng ta thường nhiệt tình tin tưởng. Về phần Tăng bảo, chúng ta dễ hiểu lầm, đưa đến phạm phải nhiều sai trái. Có

người chủ trương quy y Phật, Pháp nhưng không quy y Tăng. Như vậy không thể nào thành tựu pháp quy y.

Ngày nay, tôi thành công được nhờ sớm nhận thức đúng đắn ý nghĩa quy y Tăng, nên tôi luôn nghĩ đến công việc chung, cùng lo xây dựng Giáo hội, phát triển đạo pháp. Tôi thiết nghĩ khi chúng ta chưa là Thánh Tăng thì Tăng đoàn còn có lúc không hòa hợp, có vấn đề. Mặc dù gặp va chạm bức lòng, nhưng bằng mọi cách, chúng ta phải khắc phục cho được để hòa hợp; vì biết rõ người tu tách rời Tăng đoàn sẽ đánh mất sự sống.

Sức mạnh của tập thể Tăng được thể hiện qua lời dạy của Đức Phật. Theo đó, chư Tăng có thể thay Phật lãnh đạo, phạm Phật thì Tăng cứu được nhưng phạm Tăng, Phật không cứu. Thuở nhỏ tôi ngạc nhiên khi đọc điều này, không hiểu tại sao người phạm tội với Tăng lại tội nặng hơn là phạm với Phật. Đức Phật muốn chỉ cho chúng ta tầm quan trọng của sức mạnh Tăng đoàn nên cho phép chư Tăng hội họp có thể giải tội cho người đã phạm với Phật. Từ góc độ này, ý niệm tách rời Tăng hay phá hòa hợp Tăng làm Giáo hội suy yếu, Tăng đoàn tan rã là tội nặng nhất, Phật không cứu được.

Ý thức sâu sắc như vậy, từ khi xuất gia học đạo đến nay, tôi luôn sống hài hòa với Tăng đoàn, tuân thủ những gì Tăng sai. Nhờ niềm tin kiên cố đối với Tam bảo như vậy, tôi vượt qua mọi tình huống khó khăn, cảm dỗ.

Tranh vẽ trâu đen, nhưng nay lỗ mũi nó đã trắng, nghĩa là từ đây hành giả bắt đầu có sinh mệnh Bồ tát, lấy niềm tin Tam bảo làm mạng sống dẫn hành giả dẫn thân trên con đường tu tập. Tuy nhiên, chỉ vì mới trang bị niềm tin nên chỉ trắng lỗ mũi. Vì vậy, ở bước đầu còn phải dùng roi để canh chừng dọa nạt. Nhưng khi trâu đã chịu phép, người chăn mới bỏ roi.

Giáo dục của Thiền cũng vậy, khi niềm tin của học trò đã vững, thầy nuôi lớn niềm tin này. Hành giả nghe được pháp và sống được với pháp, thầy không cần phải dùng roi răn đe. Lúc ấy, Thiền sư dùng tâm cảm tâm, dùng hành động đúng pháp làm gương giáo hóa. Thiền sinh nhìn thấy thái độ, lời nói của thầy mà tự bắt chước theo.

Đó là cách dạy trên tâm, trên hành động, không nói bằng lời, không dùng roi vọt. Nhưng tu Thiền, mỗi ngày tâm hồn hành giả trong sáng hơn, trí tuệ sắc bén hơn, được diễn tả tiếp theo bằng hình vẽ thứ tư. Đầu của trâu và một chút thân, cùng hai chân trước trở thành trắng so với ban đầu chỉ mới có niềm tin, lỗ mũi trắng thôi.



Khi trâu đã thuần phục, mục đồng hoàn toàn thành thoi, ngồi dưới bóng cây tùng thổi sáo cho trâu nghe (bức tranh thứ sáu). Thổi sáo cho trâu nghe được tất nhiên là điều khó, nói lên cái khó của người trong sanh tử vui sống được với đạo. Và càng khó hơn nữa, khi giáo hóa cho người khác còn trong sanh tử cũng cảm nhận như mình.

Ở giai đoạn này phương cách hướng dẫn người, tiêu biểu bằng cây sáo. Chúng ta thổi như thế nào để phát ra âm thanh êm tai mát lòng. Thiền sư được định vị trí cao thấp tùy ở tiếng sáo hay dở. Nghĩa là tùy theo trình độ tu chứng đắc Thiền, giáo hóa người bằng những âm thanh kỳ diệu vô ngôn, tác động thẳng vào tâm họ. Thiền giả phát huy sức mạnh tâm linh, trí tuệ, sẽ có khả năng thuyết phục được người; đừng vội nói "đòn khảy tai trâu".

Các bức tranh kế tiếp vẽ trâu trắng hoàn toàn, mục đồng khỏi cần chận, thân nhiên ngủ say trên phiến đá. Tỉnh dậy lại ngao du sơn thủy, quên hẳn trâu và cũng không còn trâu, mục đồng còn mãi ngắm nhìn bốn bề bát ngát trời xanh mây trắng, hoa đồng, cỏ nội.

Hình ảnh này nói lên ý nghĩa hành giả đã sạch nghiệp, trí tuệ phát sinh. Bản tâm thanh tịnh và trí tuệ sáng suốt ảnh hưởng cho người phát tâm tu cũng được thanh tịnh giải thoát. Cách hành đạo giáo hóa của hành giả trở thành tự tại, thanh nhàn, không cần lao tâm nhọc sức mà vẫn tác động cho người lợi lạc an vui. Bỏ tất đạt đến đỉnh cao này, không giáo hóa chúng sinh, nhưng thực là giáo hóa.

Cuối cùng, tranh vẽ kết thúc không còn người và trâu. Chỉ có vòng tròn trắng tiêu biểu cho tâm chơn như của Thiền giả có thể bao trùm dung chứa cả pháp giới. Nói cách khác, mọi sinh hoạt trên cuộc đời đều nằm dưới sự điều động chi phối của thế giới chơn không diệu hữu.

Cảnh giới đại an lạc này không thể dùng lời nói văn tự diễn tả. Đó là điểm cuối cùng của tất cả Tăng Ni mang chí xuất trần đang hướng đến :

*Đêm huyền ảo một màu trắng tạnh*

*Ngày không ai giữa cảnh đất trời*

*Tình còn một mảnh gương soi*

*Gương thiêng vô ảnh rạng ngời huyền không.*

---o0o---

## 22. Canh tâm điền

*(Giảng tại Trường hạ chùa Thiên Trúc, Nhà Bè, 20/6/94)*

An cư kiết hạ là phương tiện của Đức Phật đặt ra cho hàng đệ tử nương theo tu tập, phát triển trí tuệ, đức hạnh tiến đến quả vị Vô thượng Đẳng giác. An cư kiết hạ được tổ chức vào mùa mưa hay thời kỳ cây cỏ sanh trưởng, vạn vật phát triển sức sống.

Trong lúc An cư tu học, hành giả quan sát sinh lực biến chuyển của muôn vật bên ngoài và quán chiếu lại tâm mình cũng phát hiện được những tốt xấu sinh sôi nảy nở trên mảnh đất tâm.

Nếu người nông dân gắn bó cuộc sống với đồng ruộng bên ngoài thì đệ tử Phật nỗ lực chăm sóc mảnh ruộng trong lòng gọi là canh tâm điền.

Tâm được ví như mảnh đất phì nhiêu, hoa màu sung túc được, thì cỏ dại lại càng dễ phát triển hơn. Vì vậy làm ruộng trong lòng như thế nào là vấn đề quan trọng đặt ra cho hàng đệ tử xuất gia cần đề tâm suy tư, ngõ hầu gặt hái được hoa quả Thánh hiền từ mảnh ruộng tâm của mình, sau ba tháng cắm túc an cư vun xới gieo trồng hạt giống lành.

Cổ đức có dạy :

*Canh Thang điền ưu hạn*

*Canh Võ điền ưu thủy*

*Canh tâm điền thủy hạn hà ưu.*

Đây là hai bức tranh đời và đạo được minh họa phản ảnh trái ngược nhau. Thời xưa ở Trung Hoa có vua Thành Thang đời Thương và vua Võ đời Chu nổi tiếng hiền đức, lo cho dân nhiều nhất. Dù hai ông có hết lòng thương dân, chăm sóc đời sống cho họ đến đâu chẳng nữa, người dân làm ruộng trên khô hay dưới nước vẫn phải lo sợ thiên tai hạn hán, lụt lội có thể giáng xuống bất cứ lúc nào. Họ phải vật lộn với cuộc sống, khổ cực vô cùng mới có miếng cơm manh áo.

Trái lại, bức tranh đạo phác họa tâm điền hay cuộc sống của người làm ruộng tâm thật thanh thoi, chẳng sợ tai họa lụt lội hạn hán. Vậy họ phải lo gì ?

Dưới kiến giải của người xuất thế, tất cả việc tốt xấu đến với chúng ta đều phát xuất từ tâm. Người tu cần khai thác đúng cách mảnh đất tâm mới gieo trồng được cội phúc. Tâm hành giả tốt, hình bên ngoài tốt theo và việc làm cũng thành công. Nếu hành giả chỉ trau chuốt thân, lo xây dựng công việc bên ngoài mà không chuyển hóa tâm. Để tâm hư thì mất phước, việc sẽ tự hỏng và thân cũng tàn lụn theo. Tướng tùy tâm sinh, việc thành bại tùy tâm tạo.

Ruộng phước tuy vô hình, nhưng tác động mãnh liệt vào cuộc sống bản thân hành giả và người xung quanh.

Hành giả làm ruộng tâm không sợ hạn hán lụt lội bên ngoài như người làm ruộng đời, nhưng tất yếu cũng có những vấn đề cần giải quyết và phải điều chỉnh tâm thuộc dạng vô hình, chắc chắn không đơn giản.

Thật vậy, theo Ngài Thê Thân, mảnh đất tâm chúng ta có 100 pháp, trong đó đầy đủ thiện ác lẫn lộn. Tuy nhiên, phần thiện tâm sở, chỉ có 11 chống lại ác tâm có đến 26, tức đám giặc ác nhiều hơn gấp đôi đạo quân Hiền Thánh. Nếu không cẩn thận, chúng ta dễ thua cuộc. Điều này chúng ta nhận thấy rõ trên thực tế, nhiều người phát tâm Bồ đề tu một khoảng thời gian, tánh tốt biến mất, tánh xấu ùn ùn xuất hiện.

Ý thức khó khăn này, hành giả canh tác ruộng tâm, cần cân nhắc. Dùng trí tuệ quan sát xem đâu là cội đại phiền não ác nghiệp phải trấn át và đâu là hoa màu hay pháp lành của Phật cần tăng trưởng.

Bằng cách tĩnh tâm, hành giả có thể kiểm tra, biết được đám ruộng tâm của chúng ta có hạt giống tốt hoặc cỏ dại lên nhiều. Nếu người tu đã nhiều đời, hạt giống từ bi, trí tuệ có sẵn. Nay họ lắng lòng ngồi yên, những tốt đẹp này tự động trào dâng trong tâm và thể hiện ra cử chỉ, lời nói, cuộc sống đạo đức, trong sáng. Ngược lại, hạt giống ác do tích lũy nhiều đời thì ngồi yên, tham sân si ác xấu cũng xuất hiện ngay.

Riêng tôi, trên bước đường tu, khi nhận thấy còn có người không cảm tình với mình, tôi liền nghĩ đến ác nghiệp đã tạo từ vô thủy kiếp và ghi nhớ lời Phật dạy hành giả Pháp Hoa phải luôn tuyệt đối tuân thủ ba điều. Người nói xấu, ta không nói xấu lại; người đánh, ta không đánh lại; người hại, ta không

hại lại. Tuy không phản ứng chống trả nhưng theo kinh nghiệm của tôi, người ác hại người lành, chắc chắn chuốc họa vào thân.

Trong mùa an cư, nhờ tu chung với đại chúng, có cọ sát thực tế, vấn đề nảy sinh, hành giả mới dễ phát hiện ra cỏ dại phiền não còn trong ta, theo đó từng bước đoạn trừ.

Có nhiều phương pháp diệt trừ, đơn giản nhất là diệt phiền não theo cách tu của Thanh văn. Tuy nhiên, đoạn phiền não cho tiêu nghiệp theo Thanh văn không có lợi, ví như chúng ta dùng hóa chất diệt sạch cỏ dễ dàng. Nhưng hóa chất làm cỏ chết thì nó cũng tác hại cho đất đai, hoa màu khó lành mạnh. Hoặc chúng ta ngăn cỏ dại bằng cách tráng xi măng, cỏ không lên được, tất nhiên cây cũng mất môi trường sống.

Cũng vậy, chúng ta sợ phiền não và diệt trừ nó, để rồi làm xơ cứng luôn cả hiểu biết và tình cảm, biến mình thành gỗ đá vô tri. Tâm trở thành lạnh lùng trước cảnh đáng thương, trí chai lì trước những lời hay ý đẹp và gặp việc tốt cũng không màng tham dự.

Đó là kinh nghiệm tu diệt phiền não một cách sai lầm mà Ngài Xá Lợi Phất đã trải qua. Trong kinh Pháp Hoa, Xá Lợi Phất thưa với Đức Phật về tâm trạng các Ngài sau khi đoạn phiền não trở thành chai đá. Đến khi nghe Phật tuyên dương Bồ tát hạnh là con đường tất yếu dẫn đến quả vị Vô thượng Đẳng giác, các Ngài muốn phát tâm Bồ đề mà không thể nào phát được. Tuy họ không tạo tội, nhưng đã tiêu diệt luôn yếu tố tạo công đức.

Để điều chỉnh nhận thức và phương cách tu sai lầm này, Phật giáo Đại thừa chủ trương đối với người tu, phiền não tức Bồ đề. Vì suy cho cùng, cỏ dại hay phiền não xét ở mặt này không tốt, nhưng đứng ở mặt khác lại hữu ích. Vấn đề chính yếu ở chỗ biết chuyển đổi thì xấu cũng thành tốt. Không biết sử dụng, tốt cũng trở thành xấu.

Để đối trị sáu căn bản phiền não và 20 tùy phiền não, hành giả không dùng hóa chất như Thanh văn, nhưng dùng phương pháp sinh học của Bồ tát. Trên bước đường tu, hành giả phân tích, gạn lọc, chuyển tình cảm xấu thành tình cảm tốt. Hành giả nhận thức được tình cảm là yếu tố đáng quý giúp con người thăng tiến trên con đường tu tạo công đức. Tuy nhiên, nếu để tình cảm phát triển tự do trở thành ủy mị cho đến tệ hại, không còn giữ được luân thường đạo lý. Ngược lại, chúng ta cho rằng tình cảm là cái gì ác xấu phải đoạn diệt hẳn, sẽ phạm vào sai lầm giống như Ngài Xá Lợi Phất đã bực bạch với Phật.

Vì vậy, trên bước đường hành Bồ tát đạo, hành giả chỉ nuôi giữ, phát triển tình cảm trong sạch, cao thượng, đáng quý và cố gắng hạn chế cho đến loại bỏ những tình cảm xấu xa thấp hèn.

Tu tập theo phương cách diệt phiền não của Bồ tát, lấy tình cảm tốt thay cho tình cảm xấu, tâm trí nghĩ nhớ đến việc tốt thay cho suy nghĩ thế tục, làm việc thiện thay cho việc ác.

Với thời gian và công phu tu tập, cái tốt do hành giả huân tập sẽ ăn mòn dần cái xấu, không cần thủ tiêu, ác xấu cũng tự mất. Trái lại, chúng ta dùng cách áp chế thân nghiệp ác và tình cảm, sẽ gặp phản ứng, dễ thất bại. Tôi đã chứng kiến người bạn đồng tu quyết tâm đoạn ái nghiệp, thẳng tay diệt trừ tình cảm, nhưng cuối cùng cũng phải chào thua và hoàn tục.

Người biết canh tâm điền, khởi điểm khai phá một khoảnh nhỏ cỏ hoang trong tâm để đem trồng hạt giống Bồ đề. Hạt giống Bồ đề này là hình ảnh đức Thích Ca thành Phật từ vô lượng kiếp, vì thương nhân gian nên sanh lại, mang thân người tu hành đạt quả Vô thượng Bồ đề. Từ đó, Ngài khơi dậy trong tâm trí mọi người rằng chúng ta cũng có khả năng thành Phật như Ngài.

Tôi phát tâm Bồ đề cũng từ ý niệm tin Đức Phật là người mở đường giác ngộ đi trước. Kế đến các vị Tổ đã chứng đắc và ta noi chí theo. Cứ như vậy, nuôi lớn tín tâm này và bắt đầu dần thân gieo trồng hạt giống Bồ đề bằng cách gia công nghe pháp, sám hối, thiền định, tìm hiểu yếu nghĩa kinh, sống với kinh để phát huy tánh tốt trong ta.

Khi tánh tốt nảy mầm, bén rễ và phát triển, loài cỏ dại tự động biến mất. Hay nói đúng hơn, các pháp lành của Phật đã biến cỏ dại thành phân, đất, nước nuôi lớn cây Bồ đề.

Kinh nghiệm bản thân tôi từ thuở niên thiếu ở cấp tiểu học cho đến tốt nghiệp đại học, mãi miết theo đuổi con đường học vấn. Điều này đã giúp tôi chuyển đổi suy nghĩ tầm thường thành suy nghĩ đạo cao thượng. Kết quả là tâm Bồ đề phát triển, trí thường quán tưởng pháp, trong lòng chỉ thấy Phật, Bồ tát. Nhờ vậy, tôi có đầy đủ chất liệu nuôi cây bồ đề, phát huy trí giác Như Lai, mà không cần bận tâm đoạn phiền não.

Tóm lại, mùa An cư kiết hạ là mùa tốt nhất cho hàng đệ tử xuất gia làm ruộng tâm. Đức Đạo sư đã để sẵn cho chúng ta đầy đủ hạt giống tốt. Chúng ta chỉ đem gieo trồng và nỗ lực chăm sóc, nuôi dưỡng mảnh ruộng tâm

mình. Mỗi ngày cây Bồ đề lớn dần, phát triển lan rộng đầy khắp tâm điền chúng ta. Nó tạo thành hoa màu trí tuệ, phước đức, lợi lạc cho ta và mọi người nương nhờ. Đó là kho báu vô tận, chúng ta sử dụng muôn kiếp không voi sụt, thể hiện đúng ý nghĩa chư Tăng là phước điền của chúng sanh mà Đức Phật muốn phú chúc.

---o0o---

### **23. Đường về Yên Tử**

*(Trích báo Giác Ngộ số 45, 1-1-1992. PL.2536)*

*Dù ai quyết chí tu hành*

*Chưa lên Yên Tử chưa đành lòng tu.*

Câu ca dao này từ thuở nhỏ đã gọi cho tôi ít nhiều suy nghĩ Yên Tử là cái gì mà quan trọng đến độ người ta phải ca tụng như vậy. Tôi thâm nuôi trong lòng niềm mong ước một ngày nào đó được chiêm bái địa danh nổi tiếng này.

Mãi đến hôm nay, nhân dịp đi họp trừ bị Đại hội Phật giáo kỳ 3, tôi mới được thiện duyên đặt chân trên đất Tô, tận mắt ngắm nhìn phong cảnh núi rừng hùng vĩ bao la, tận lòng đón nhận cảnh giới tu hành tuyệt diệu của Trúc Lâm Tam Tổ.

Từ thủ đô Hà Nội đến núi Yên Tử hơn 100 cây số, phải vượt qua nhiều đầm sinh lầy và mấy lượt qua những con sông lớn, thậm chí có những con sông đến nay chưa bắc được cầu. Với đường đi khó khăn biết đường nào mà vua Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông đã đích thân đến đó.

Chúng ta thử hình dung xem các Ngài là bậc vương tôn sống trong vàng son nhung lụa. Vậy mà bằng phương tiện thô sơ, đi ngựa, các Ngài đã vượt qua biết bao sông núi, rừng rậm kê cá dốc núi đứng thẳng rất nguy hiểm để lên tận đỉnh núi Yên Tử. Chắc hẳn phải có một cái gì mãnh liệt phi thường mới đủ sức thu hút các Ngài không ngại gian nan cực khổ, tìm đến Thánh địa, vươn tới một đời sống tâm linh cao cả.

Tất cả những cảm nghĩ về một Yên Tử huyền nhiệm đã là lực hấp dẫn tôi, cộng thêm sự phân công của Ban Trù bị sắp xếp tôi đi làm việc với Ủy

ban Nhân dân thị xã Ônng Bí để chuẩn bị cho đoàn đại biểu Đại hội Phật giáo tham quan Yên Tử.

Đoàn chúng tôi gồm có Hòa thượng Thiện Siêu, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội, Hòa thượng Tâm Thông, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội, ông Chánh Văn phòng Ban Tôn giáo Trung ương, ông Trần Khánh Dư và quý thầy ở Văn phòng I, trụ sở Trung ương Giáo hội.

Khi còn độ 10 cây số, đến bên đò Phả Lại, xe bỗng quỵ xuống vì gãy nhíp. May mắn thay tại đó có lò rèn và có cả dụng cụ hàn gió đá. Sau mấy giờ cố gắng sửa chữa, nhíp xe được hàn lại. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Hòa thượng Tâm Thông cất lên giọng nói tràn đầy niềm tin : "Nếu xe không gãy nhíp đúng ngay tại tiệm hàn, mà lại đi thêm vài cây số, đến đường hầm hổ, không nhà cửa mới bị hư. Lúc ấy, tiền không được, lùi không xong, thì chỉ còn có nước ngủ lại giữa đồng. Đúng là nhờ Tổ độ !".

Niềm tin của Hòa thượng đối với sự hộ niệm của Tổ lây lan sang cả đoàn, khiến chúng tôi phấn khởi hơn, nhưng cũng không khỏi phập phồng khi nghĩ đến xe vừa mới hàn lại phải tiếp tục đoạn đường gập ghềnh rất xấu. Tuy vậy, sau cùng xe cũng rạng bò đến thị xã Ônng Bí vào lúc 10 giờ đêm ! Hòa thượng Tâm Thông một lần nữa lại vui mừng thốt lên : "Đúng là nhờ Tổ độ !".

Đoàn chúng tôi hết sức cảm động khi nhìn thấy cảnh đêm hôm khuya khoắt mà cả ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, ông Bí thư còn chờ đón đoàn. Một mâm cơm đãi khách cũng còn chờ đó ! Trước tấm lòng quý mến khách của dân địa phương gọi cho tôi cảm nghĩ dù chưa thấy đạo, nhưng phải chăng câu ca dao nói trên đã chỉ cho chúng ta lòng tốt của con người ở núi Yên Tử !

Sau một đêm nghỉ ở nhà khách thị xã, sáng hôm sau Ủy ban Nhân dân mời đoàn dùng điểm tâm và chuẩn bị thức ăn cho cuộc hành trình leo núi của chúng tôi. Ông Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã và ông Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc hướng dẫn đoàn cùng với xe Jeep dẫn đường.

Trên đường đi phải vượt qua 9 con suối, có suối chỉ vừa lắp đá cho xe chạy, có suối đã đúc bê tông ở dưới đáy nên đi dễ dàng. Nhưng cũng có suối còn đá cuội, xe không qua được, đoàn phải lội suối. Đến 8 giờ sáng, đoàn đã vượt con suối cuối cùng là suối Giải Oan và tạm dừng chân nghỉ ở chùa Giải Oan.

Trong câu chuyện, ông chủ tịch Mặt trận Tổ quốc cho biết mỗi khi thấy dân chúng đi vào núi Yên Tử đào than, ông cảm thấy xót xa. Nếu tiếp tục khai phá kiểu này, khu di tích lịch sử xinh đẹp chẳng mấy chốc sẽ không còn nữa. Ở núi Yên Tử có mỏ than lộ thiên nên dân chúng khai thác dễ dàng. Đứng giữa ngã rẽ một bên là khai thác than để được quyền lợi trước mắt và một bên là phải làm cách nào để bảo tồn khu di tích quan trọng này, cuối năm 1991, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận cùng nhân dân thị xã Uông Bí đồng kiến nghị lên Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh và chính quyền Trung ương xin bảo vệ khu di tích lịch sử Yên Tử.

May mắn thay, kiến nghị đã được chấp thuận. Trong tình thế đổi mới hiện nay, Bộ Văn hóa đã công nhận khu di tích lịch sử này, dành riêng một ngàn mẫu cho khu Yên Tử phải được bảo tồn và cấp kinh phí một tỷ rưỡi để tôn tạo. Đây là công trình bảo tồn đầu tiên được Chính phủ cho xúc tiến với chi phí lớn như vậy.

Điều này mang lại niềm vui sướng chẳng những riêng cho dân chúng ở thị xã Uông Bí, mà còn là niềm vui chung của đồng bào Phật tử cả nước hay cho tất cả những ai có tâm lòng ưu tư muốn giữ gìn tài sản văn hóa của đất nước.

Câu chuyện của ông Chủ tịch làm cho tôi thấy phấn khởi hơn và cũng thêm sức cho Hòa thượng Thiện Siêu, Hòa thượng Tâm Thông gần 80 tuổi như trẻ trung lại mà trèo lên được núi Yên Tử.

Khi đoàn sắp trèo núi, ông giữ chùa Giải Oan mời chúng tôi nán lại ít phút để tâm sự. Ông là Đại tá về hưu, từ nhỏ đã lên chùa này. Khi làm xong nghĩa vụ thanh niên thời chiến, ông lại trở về sống ở chùa và ước nguyện được ở núi Yên Tử tu hành cho đến hết cuộc đời. Câu chuyện của ông lại khiến tôi suy nghĩ tại sao núi Yên Tử lại có sức hấp dẫn lạ lùng như vậy. Cái gì đã làm cho người cựu chiến binh này trở thành người say mê đọc kinh Phật, lúc nào cũng đeo bên mình máy cassette để nghe băng giảng kinh và hằng mong ước có vị cao Tăng về đây trụ trì để ông được học hỏi tu hành.

Trước khi trèo núi, ông dặn đoàn nên bỏ lại đồ đạc, vì phải trèo đến cả ngàn bậc tam cấp. Có tảng đá cao đến cả thước, nên một ký lô đồ mang theo, bây giờ cũng trở thành nặng quá sức. Ông cho mỗi người một cây tre làm gậy chống.

Cầm gậy trong tay, tôi hăng say trèo thật nhanh, trong lòng tự nghĩ mình cũng đã từng leo núi Phú Sĩ ở Nhật Bản cao hơn nhiều thì đối với núi



này dư sức ! Nhưng hồi ơi ! Mới leo được khoảng 100 nấc, vì cố gắng leo quá nhanh, nên tim đập dồn dập đến độ cảm thấy như muốn ngừng đập, chân bước hết nổi. Bây giờ tôi sức tinh mình đã già rồi ! Tôi đành ngồi xuống nghỉ và chờ các Hòa thượng. Từ đây tôi mới biết cách trèo núi theo kiểu ông già.

Tôi nhớ đến Tô Bách Trọng dạy "bình thường tâm thị đạo", trèo núi cũng phải giữ cho nhịp tim bình thường mới đi xa được. Dọc theo đường đi, chúng tôi đi qua một khu rừng trúc. Cảnh thật tuyệt diệu làm sao, khi đi trong đường mòn theo bậc tam cấp, hai bên toàn là trúc đặc biệt của núi rừng. Có lẽ vì vậy mà nơi này được đặt tên là Trúc Lâm Yên Tử chăng ?

Tiếp nối rừng trúc, qua đến rừng tùng. Trái dài trước mắt chúng tôi những cây tùng từ thời vua Trần Nhân Tôn trồng, đã sống bảy, tám trăm năm vẫn còn xanh biếc. Cứ như vậy từ từ tiến bước, cuối cùng chúng tôi đã lên được chùa Hoa Yên vào lúc đứng ngọ. Hòa thượng Tâm Thông lại mừng rỡ thốt lên "Tổ đã độ chúng ta !".

Cảnh thanh tịnh hùng vĩ của non Yên Tử làm cho tôi nhớ đến bài thơ của vua Trần Thái Tôn đã in trong tâm trí tôi từ thuở nhỏ :

*Phong đã từng quan nguyệt chiếu đình*

*Tâm đầu cảnh sắc cộng thể thanh*

*Cá trung tư vị vô nhân thức*

*Đương dĩ sơn Tăng lạc cộng minh*

Giờ đây, đứng trên chùa Hoa Yên ngắm cảnh, quả thật, tôi trực nhận được lời cảm tác của vua trong bài thơ trên. Chỉ tiếc bây giờ không phải là đêm rằm để tôi được thưởng thức trọn vẹn cảnh đẹp của trăng sáng trước sân chùa.

Từ Hoa Yên nhìn xuống, trùng trùng điệp điệp núi rừng tùng trúc hùng vĩ bạt ngàn. Gió thổi hòa vào tiếng lá tùng, trúc reo tạo thành tiếng nhạc vi vu, tự nhiên tôi cảm thấy mình quyết chí hơn trên lộ trình vượt đường hiểm sanh tử.

Nhìn những cây tùng cao lớn đường cheo leo trên đá nhưng sừng sững giữa đất trời hàng trăm năm, bất chấp giông tố gió mưa, gọi cho tôi liên

tưởng đến ý chí sắt đá tu hành của những bậc xuất trần thượng sĩ. Những gì bí ẩn nhiệm mầu hiện hữu trong phong cảnh tuyệt vời như thế này đã thu hút những tâm hồn lớn đến nơi đây. Cảm nhận này người trần thế mấy ai hiểu được nhỉ ! Tôi lại chợt nhớ đến câu nói của cụ Nguyễn Văn Linh : "Trước khi đi làm cách mạng, tôi đã một lần lên núi Yên Tử".

Điều đặc biệt khác nữa khiến tôi suy nghĩ là các chùa trên núi Yên Tử bị sụp đổ, hư hao nhiều. Chỉ riêng tháp của Ngài Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn làm bằng mái đá 6 tầng, từ đời Trần đến nay vẫn còn nguyên và khu thành bao chung quanh tháp lợp bằng ngói mũi hài, gạch hoa cúc vẫn không bị hư hại. Ngoài ra, tháp của Ngài ở Nam Định cao 13 tầng cũng còn nguyên.

Khi mọi người cảm thấy khỏe khoắn, thì nồi cháo hoa của bà cụ giữ chùa Hoa Yên cũng vừa chín. Nhờ bát cháo đầy nghĩa tình này giúp chúng tôi tăng thêm sức lực để xuống núi. Ông Chủ tịch Ủy ban Mặt trận thị xã cho biết đoàn phải xuống núi ngay vì mưa bắt đầu rơi, đường rất trơn và nguy hiểm, lại thêm hai vị Hòa thượng lớn tuổi sức yếu. Nếu chậm trễ sẽ về không kịp trong ngày. Vì vậy, chúng tôi không còn thì giờ để tiếp tục thăm viếng chùa Đồng ở trên đỉnh núi. Trên đường xuống núi, lòng tôi thâm tiếc, ước gì mình được ở lại đây tu hành.

Xe về đến thị xã đã 6 giờ chiều. Ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, ông Bí thư lại tha thiết mời đoàn ở lại dùng cơm thân mật với Ủy ban. Nhưng mọi người đều quá mệt và nhất là sáng hôm sau Hòa thượng Thiện Siêu phải dự phiên họp Quốc hội, nên chúng tôi hẹn đến Đại hội Phật giáo vào tháng 11 sẽ đưa đại biểu về thăm lại Yên Tử.

Chiếc xe ì ạch chở đoàn về đến chùa Quán Sứ cũng đúng vào 10 giờ đêm. Hòa thượng Tâm Thông lại hoan hỷ thốt lên : "Tổ độ chúng ta đi đến nơi về đến chốn yên lành".

Sau khi trèo non Yên Tử, trở về đất Tổ, được trầm mình trong vài phút giây ngắn ngủi ở đạo tràng thanh tịnh tuyệt vời nơi Thánh địa, chúng tôi nhận thấy việc phục hồi di tích lịch sử Yên Tử thật vô cùng cần thiết.

Dân chúng thị xã Uông Bí đã nhiệt tình đóng góp, Bộ Văn hóa đã cấp giấy phép trùng tu và đã trích ngân sách đến tỷ rưỡi cho công trình phục hồi. Tuy nhiên, số tiền này chỉ đủ để làm con đường đi lên núi Yên Tử. Phần xây dựng lại những ngôi chùa trên núi và sửa sang bảo tồn toàn khu Yên Tử 1000 mẫu chắc chắn phải tốn kém hơn nhiều, mà lại chưa có kinh phí.

Chúng tôi ước mong sao tất cả Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước cùng đồng tâm hiệp lực, đóng góp công của vào việc trùng tu các ngôi chùa cũng như toàn khu Yên Tử để lưu lại một tài sản vô giá muôn đời cho con cháu chúng ta.

---o0o---

## **24. Nếp sống của một vị danh tăng**

*(Trích báo Giác Ngộ số 77, 1-3-1994, PL.2537)*

Mỗi năm vào dịp cận Tết, Ban Hoằng pháp Trung ương thường tổ chức viếng thăm đồng bào ở huyện Cù Chi. Năm nay, cũng trên tinh thần từ bi mang an vui cho người nghèo khó, tôi đã hướng dẫn các Phật tử Đạo tràng Pháp Hoa đến tặng quà Tết cho 200 hộ ở xã An Nhơn Tây, huyện Cù Chi.

Sau đó, tôi hướng dẫn Phật tử đến cúng dường Hòa thượng Trí Tịnh. Đặc biệt năm nay, khi cúng dường xong, chúng tôi sửa soạn ra về thì Hòa thượng bảo nán lại để Ngài chỉ dạy đôi điều. Cả đại chúng mừng rỡ quỳ xuống, chờ đón những lời giáo huấn vàng ngọc của Ngài, một vị cao Tăng ít nói.

Hòa thượng mỉm cười bảo đại chúng đứng lên, Ngài ôn tồn nhắc lại kinh nghiệm tu hành mà Ngài đã thiết thân chứng nghiệm để làm bài học cho chúng tôi suy nghĩ, noi theo. Hòa thượng cho biết 40 năm trước, khi lập nguyện tu hành, đọc kinh Đại thừa, Ngài tâm đắc ý nghĩa sâu xa của Đức Phật dạy mà hình thành nên bốn câu đối.

Bốn câu đối này là tiền đề thường lắng vãng trong suy tư của Hòa thượng và trở thành phương châm sống, hướng dẫn Ngài tu hành trên 40 năm. Hòa thượng bảo tôi đọc và giải thích hai câu đối viết trên tường bằng chữ Hán cho các Phật tử nghe :

*Phiền não khởi giai đa sự.*

*Thị phi sanh chỉ vị đa ngôn.*

Sau khi tôi giải nghĩa câu này, Hòa thượng dạy thêm rằng mọi việc khởi lên đều có nguyên nhân. Hai câu đối này cũng vậy, được nảy sinh trong ý nghĩ Hòa thượng do nhân duyên khi thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Trong buổi họp, cụ Mai Thọ Truyền phát biểu rằng không biết tại sao

giới cư sĩ không tranh cãi, trong khi các Hòa thượng, Thượng tọa tu hành mà lại cãi nhau nhiều quá.

Hòa thượng phân tích cho chúng tôi hiểu rằng sở dĩ cãi nhau rồi sanh phiền não là tại nhiều việc. Nếu không cư mang nhiều công việc, làm gì có phiền não.

Theo Hòa thượng, có nhiều việc đáng lẽ cư sĩ phải đảm đương nhưng chư Tăng lại gánh vác. Từ đó vấn đề đặt ra nhiều, tâm không thể yên tịnh, phiền não tất yếu phải nổi dậy. Nếu thấy người rơi vào cảnh ngộ này, chúng ta cần khởi tâm thương họ hơn là chê trách. Ngoài ra, trong công việc, nhiều người đưa ra nhiều ý nên thành nhiều lời, dễ đụng chạm mất lòng.

Vì ý thức như vậy, Hòa thượng ít sinh hoạt với Tổng hội Phật giáo và ỉn tu dịch kinh. Nhờ sống theo tinh thần hai câu này trong suốt thời gian dài, Ngài ít nói, ít tiếp xúc, ít làm việc, nên cảm thấy tâm hồn yên tĩnh hơn, gần Phật hơn. Bằng kết quả tu hành của chính Ngài, Hòa thượng dạy chúng ta trên bước đường tu cần ít nói, ít việc chùng nào tốt chùng đó.

Hòa thượng dạy tiếp hai câu đối kệ :

*Tri túc an phận thân vô nhục.*

*Thiểu dục tri cơ tâm tự nhàn.*

Với giọng nói nhẹ nhàng, Hòa thượng giảng cho đại chúng hiểu rằng người tu phải biết tri túc, hay không đòi hỏi những gì toàn ngoài tầm tay và phải sống an phận. Tuy nhiên, Hòa thượng nhắc nhở chúng ta đừng hiểu lầm an phận là sống tiêu cực.

Theo Ngài, sống an phận nghĩa là làm đúng việc của chúng ta, có lợi ích cho bản thân và mọi người. Bằng kinh nghiệm trong cuộc đời tu hành, Hòa thượng đã chứng kiến một số vị không chịu sống với phận của mình, muốn làm những việc vượt ngoài sinh hoạt của người xuất gia phạm hạnh mà Đức Phật đã quy định, mới dẫn đến hậu quả thân bị tù tội, tâm đau khổ.

Hòa thượng nhờ biết tri túc an phận, không ham muốn làm những việc vượt ngoài hoàn cảnh cho phép, chấp nhận thực tế. Ngài làm những việc không đụng chạm đến quyền lợi của người, nên không ai có khả năng gây phiền lụy cho thân tâm Ngài.

Tuy nhiên, Hòa thượng dạy muốn tri túc an phận, bằng lòng với một cuộc sống của mình, đòi hỏi chúng ta phải thiếu dục và tri cơ. Người không thiếu dục, truy cầu quá nhiều, tâm không thể an được và người không tri cơ làm gì biết phận mình ở đâu mà an.

Thật vậy, nhiều người ham muốn, mãi chạy theo đòi hỏi tham vọng, tất nhiên không sáng suốt, không thể thấy biết thời cơ. Người thấy bằng tham vọng, tự nghĩ mình làm được tất cả, trong khi thực sự không đủ phước báo, khả năng yếu kém mà lãnh đạo, không ai mền phục. Chẳng những họ không được lợi lạc gì cho bản thân và xã hội mà còn chuốc lấy khổ lụy thêm. Trái lại, người thiếu dục không bị ham muốn chi phối, thấy việc cần làm mới làm và sẵn sàng từ bỏ việc không nên làm.

Người biết thời cơ, nhịp nhàng ứng xử theo sự biến chuyển của nó, tiến thoái một cách nhẹ nhàng tự nhiên. Lúc hoàn cảnh khó khăn biết ẩn nhẫn sống. Khi đủ duyên được đề cử đảm trách Phật sự chung, họ cũng tùy chỗ, tùy thời mà triển khai khác nhau. Và nhất là làm đúng mức độ của công việc, không hăng hái quá trớn dễ bị tai họa, cũng không lơ là để hư việc.

Nếu chúng ta không tri cơ, việc gì cũng từ chối, sẽ đánh mất cơ hội tu tạo công đức. Đức Phật dạy rằng cuộc đời ngắn ngủi, để trôi qua một ngày không ích lợi là điều đáng tiếc. Người tri cơ làm đúng việc của mình, không tranh việc người. Họ làm theo yêu cầu của đại chúng và không ai tranh chấp, nên không thất bại.

Người biết thời cơ mà tùy theo đó hành xử, tâm sẽ tự an nhàn. Không biết thời cơ vẫn cứ dấn thân làm, chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn nguy hiểm, tâm sẽ phiền muộn, khổ đau.

Đó là kinh nghiệm sống của Hòa thượng trong suốt 40 năm Ngài tu hành dịch kinh, thực hiện phương châm nêu trên. Dù hoàn cảnh bên ngoài có thay đổi sóng gió gì chẳng nữa, Ngài sống trong Thiên thất quán sát, biết rõ nguyên nhân và diễn biến của sự đổi thay, coi nó là "pháp nhĩ như thị" hay việc tất yếu phải như vậy, nên tâm tự an nhàn.

Đối với sự xoay vần của thời cuộc, hay nói chung của trời đất, bằng tâm hồn thanh thản sáng suốt, xem như tự nhiên. Không hề bị chúng làm dao động và cũng không vướng mắc với công việc, mới thể hiện được tâm tự tại giải thoát của người tu.

Tri cơ và thiếu dục tác động hỗ tương cho nhau. Biết thời cơ rồi, tâm không còn tham vọng và tâm không ham muốn thì tâm nhìn mới sáng suốt, đúng đắn. Có thiếu dục tri cơ, tâm mới được an nhàn mà tu hành.

Tóm lại, bốn câu đối tuy đơn giản, nhưng nói lên được cuộc sống tu hành kiểu mẫu của một bậc cao Tăng. Suốt cuộc đời Hòa thượng trải qua những đổi thay của lịch sử, hơn nửa thế kỷ với nhiều biến động mạnh mẽ trong đạo, ngoài đời. Ngài nhẹ nhàng thích ứng, lúc thì ẩn dật tu hành dịch kinh, lúc ra gánh vác nhiều Phật sự lớn lao.

Phải chăng Hòa thượng đã thực hiện theo tinh thần của mô hình nêu trên mà ngày nay Ngài đương nhiên đóng vai trò lãnh đạo quan trọng nhất trong Giáo hội : Quyền Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh, Chủ tịch kiêm Trưởng ban Tăng sự của Hội đồng Trị sự Trung ương.

Được phước duyên thọ giáo lời chỉ dạy quý báu của bậc tôn túc trưởng thượng mô phạm, chúng tôi vô cùng hoan hỷ và xin được chia sẻ cùng tất cả đệ tử Phật để làm hành trang trên lộ trình tiến tu đạo hạnh của chúng ta.

---o0o---

## **25. Ý nghĩa Phật Đản Pl.2538 (Tứ Nhiếp Pháp)**

*(Giảng tại chùa Ấn Quang)*

*"Nhu hoa sen đẹp đẽ và dễ mến*

*Không nhiễm ô bùn như nước đục,*

*Giữa đám bụi trần, ta không vương chút*

*bợn như,*

*Nhu vậy ta là Phật".*

Với tư cách thuần thiện, vô nhiễm, Đức Phật đã xuất hiện trên cuộc đời cách đây hơn 2.500 năm tại vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ, thuộc Trung Ấn Độ. Và cũng chính bằng nhân cách thánh thiện siêu việt, trên bước đường hành đạo, Ngài đã giáo hóa mọi thành phần xã hội. Nơi nào Đức Phật đến nơi đó an lạc, người nào hữu duyên được Ngài hóa độ, người đó được giải thoát và cả giáo đoàn tu học với Ngài đều đặng Thánh địa. Đức Phật đã

thể hiện một đời sống toàn bích, toàn mỹ từ tinh thần cho đến lời nói, việc làm trong suốt 49 năm hoằng hóa, độ sanh. Ngài đã sử dụng trọn vẹn tinh thần tứ Nhiếp pháp trong cách sống với chúng đệ tử hoặc trong cách ứng xử với mọi người.

Ngày nay, bước theo dấu chân Phật, chúng ta cùng tìm hiểu tứ Nhiếp pháp mà Đức Phật đã thiết thân kiểm nghiệm, đưa đến sự thành tựu công đức viên mãn. Từ đó, chúng ta ứng dụng mô hình tứ Nhiếp pháp cho có kết quả trên lộ trình tiến tu đạo hạnh từ bị giải thoát.

## I. BỐ THÍ

Bố thí mở đầu trong tứ Nhiếp pháp không giống với pháp bố thí của nhơn, Thiên, Thanh văn hay Bồ tát hành Lục độ.

Người cầu danh bố thí luôn luôn muốn cho mọi người biết họ là kẻ ban ơn và người thọ nhận phải nhớ ơn, trả ơn. Nếu không, họ sẽ khó chịu, không bố thí nữa.

Ngoài ra, cũng có người bố thí nhưng không được ơn, còn bị oán vì họ đã bố thí bất đắc dĩ. Người thế gian gọi nôm na cách cho này là "thí cô hồn". Họ phải thọ quả báo, cũng rơi vào hoàn cảnh khó khăn, phải ngửa tay xin và cũng bị khinh rẻ.

Vượt trên cách bố thí của phàm phu, hàng Nhị thừa tu hạnh viễn ly, bố thí để đoạn lòng tham. Họ từ bỏ tài sản vật chất cho đến danh vọng, thậm chí cả mạng sống. Họ bố thí nhằm mục tiêu xả ly, để cho lòng hoàn toàn không còn ý nghĩ tham trước bất cứ thứ gì. Dù là tham đắm vật chất hay tình cảm, tinh thần, đều phải diệt sạch.

Tiến hơn một nấc, hàng Bồ tát hành lục độ cũng lấy bố thí làm pháp khởi đầu. Tuy nhiên, Bồ tát bố thí không phải để đoạn lòng tham như Thanh văn; vì Bồ tát không còn lòng tham.

Mục tiêu bố thí của Bồ tát chỉ nhằm cứu khổ ban vui. Quán sát nỗi khổ của chúng sanh, Bồ tát phát tâm đại bi, sẵn sàng mang tài sản, trí tuệ làm tàng lọng che mát, xoa dịu sâu khổ, mang an lạc cho họ. Tặng vật của Bồ tát dù lớn hay nhỏ đều hàm chứa tình thương bao la không chút vụ lợi. Từ đó lưu lại trong lòng người thọ nhận một cảm tình quý trọng thâm sâu. Người được giúp đỡ luôn mong mỏi có ngày được đền đáp công ơn giúp đỡ của Bồ tát.

Nâng lên pháp bổ thí cao tốt do đức Như Lai hành xử trong tứ Nhiếp pháp. Tâm Như Lai hoàn toàn bình đẳng nhất như, không thấy có vui, có khổ. Đối với Ngài, thực chất của chúng sanh trong ba cõi không có sanh tử hay nói khác không khổ, không vui. Chỉ vì chúng sanh sống trong mê làm chấp trước nên hết ôm lấy cái khổ lại lẫn vào cái vui. Họ cứ bị khổ vui xoay vần mãi, không bao giờ thoát ra được vòng trầm luân sanh tử.

Đức Như Lai sử dụng pháp bổ thí như một phương tiện gần gũi mọi người để nhiếp hóa, dìu dắt họ đi trên con đường chân thiện. Ngài giúp họ dần dần xa lìa nhiễm ô, phát sinh trí tuệ. Họ nhận ra được họ và cuộc đời này đúng theo thật tướng của các pháp, trở về chơn tánh, không hề có sanh diệt, khổ vui.

Như vậy bổ thí trong Tứ nhiếp pháp của Như Lai là một pháp tu nhằm cảm hóa con người, đưa người đến bờ giải thoát an vui hơn là tặng cho họ một phần vật chất.

## 2. ÁI NGỮ

Kế đến Như Lai sử dụng ái ngữ làm pháp nhiếp thứ hai. Ái ngữ là lời nói hiền lành, ôn tồn, dễ thương. Trên bước đường giáo hóa, dù gặp hoàn cảnh nào hay đối trước người nào, Như Lai cũng phát ra ngôn ngữ từ ái, giọng nói dịu dàng, chứa chan sức cảm hóa con người.

Cuộc đời hoằng pháp độ sanh của Như Lai đã chứng minh sâu sắc ái ngữ của Ngài có sức tác động, cảm hóa mãnh liệt, đến mức độ hai đạo binh đây sát khí, đang dàn trận phải buông vũ khí. Hay chỉ bằng lời nói đơn giản nhẹ nhàng, Như Lai đã hàng phục được kẻ sát nhân buông đao, xin làm đệ tử Ngài.

Tuy nhiên, điều quan trọng chúng ta cần lưu tâm, sở dĩ ái ngữ của Như Lai có sức cảm hóa mạnh mẽ, chuyển đổi ác thành thiện một cách dễ dàng vì ngôn ngữ từ ái, âm thanh dịu dàng được phát xuất từ tấm lòng nhân hậu, thuần từ bi chân thật, hoàn toàn thanh tịnh của Như Lai. Chúng ta đừng lầm với lời nói ngọt ngào, giả dối của hàng phàm phu. Lời nói này chỉ ở trên đầu môi chót lưỡi và phát xuất từ con tim độc ác, lợi dụng của những kẻ còn đủ tham sân phiền não. Người nghe phải cảm thấy ớn lạnh và tệ hơn nữa lời ngon tiếng ngọt đó chỉ đưa người vào con đường tội lỗi khổ đau mà thôi.

Ái ngữ của Như Lai phát xuất từ chân tình trong sạch kèm theo trí tuệ thấy đúng như thật, nhằm xây dựng cho người trở nên Hiền Thánh. Vì vậy,



dù Ngài có khiển trách các Tỳ kheo chẳng nữa, cũng không làm họ buồn giận bỏ cuộc. Trái lại, Ngài tác động cho người nhận ra lỗi lầm mà sám hối, tu hành và cảm thấy thương Phật hơn nữa. Phải chăng có như vậy, sự sống của các Thánh đệ tử mới gắn bó mãnh liệt, theo Như Lai tu hành không biết mỏi mệt, trải qua kiếp số vô lượng.

### **3. LỢI HÀNH**

Ngoài ái ngữ, Như Lai sử dụng, hướng dẫn cho người sống thánh thiện, Ngài còn cảm hóa người bằng pháp lợi hành. Như Lai đến với người đều mang lợi lạc, đáp ứng yêu cầu của họ.

Mục tiêu Như Lai hiện hữu trên cuộc đời chỉ vì chúng sanh, mang an vui cho chúng sanh. Điều đó đã được Ngài khẳng định trong Trung Bộ Kinh : "Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích cho chư Thiên và loài người". Và suốt 80 năm trụ thế, không có việc làm nào của Như Lai không thể hiện tinh thần lợi hành để làm phương tiện dìu dắt đại chúng thăng hoa trên con đường giải thoát.

### **4. ĐỒNG SỰ**

Dù được mọi người hết sức tôn trọng kính nể, muốn phục vụ Ngài, nhưng đức Như Lai hoàn toàn không giống các người lãnh đạo khác. Trong mọi sinh hoạt với đại chúng, tinh thần đồng sự luôn luôn được Như Lai thể hiện trọn vẹn. Giáo đoàn sống dưới sự dìu dắt của Ngài luôn sống hài hòa an vui một cách tự tại, thanh thản. Như Lai không sai bảo bắt buộc ai phải làm gì. Mỗi người tự động làm công việc của mình trong tinh thần tương thân, không so bì nặng nhẹ khó dễ.

Trong việc hướng dẫn cộng đồng tăng lữ sinh hoạt, Như Lai cùng sống, cùng làm với đại chúng. Ngài không lựa chọn công việc nào phải dành riêng cho Ngài. Quan sát bằng lòng từ và trí tuệ, Như Lai thấy rõ việc nào cần làm, để lấy đó làm bài học dạy một cá nhân hay đại chúng. Nhờ đó, họ sửa đổi ý niệm, hành động, lời nói sai lầm. Hoặc Ngài tác động cho người phát tâm Bồ đề. Mọi việc tốt lành cho người thì Như Lai đều không để lỡ cơ hội.

Vì thế, chúng ta thấy rõ trong cuộc đời hành đạo, đức Như Lai không từ chối một việc gì, dù là việc nhỏ. Chẳng hạn như Ngài xỏ kim cho bà già bên vệ đường, bế một chú nai con cho theo kịp nai mẹ hoặc săn sóc vết thương ghẻ lở của một Tỳ kheo.

Thiết nghĩ chẳng những ở thời Phật tại thế mà cho đến ngày nay, cách hành xử của Như Lai há chẳng phải là bài pháp thiết thực cho những ai không lo tu bồi công đức, không biết thân phận mình, ham làm chuyện lớn, chê bỏ việc nhỏ hay sao ?

Đức Như Lai sống theo tinh thần đồng sự với đại chúng, tạo thành nếp sống hài hòa, thân thương. Hàng đệ tử vừa tôn kính Ngài như bậc Thầy vừa thương Ngài như người bạn thân.

Tóm lại, trên bước đường hóa độ chúng sanh, Như Lai dùng tứ Nhiếp pháp (Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự) để tiếp cận người, cảm hóa mọi thành phần xã hội. Nhờ Ngài dìu dắt, lần lần họ tăng trưởng trí tuệ, đạo đức.

Dù chúng ta cách xa Ngài hơn 25 thế kỷ, nhưng sức sống mãnh liệt của tứ Nhiếp pháp mà đức Như Lai hành xử vẫn còn là sợi dây truyền cảm, nối liền chúng ta với Ngài. Đối với người con Phật, chắc chắn không còn hình ảnh nào thân thương, gần gũi chúng ta hơn là cuộc sống của đức Như Lai. Với tình thương vô bờ bến, Ngài luôn hiện hữu và cùng làm mọi việc bên cạnh chúng ta. Lúc nào Ngài cũng che chở, sưởi ấm tâm hồn chúng ta.

Kỷ niệm ngày Phật đản PL 2538, Tăng Ni Phật tử cùng hướng về đức Như Lai rạng ngời hào quang tứ Nhiếp pháp. Chúng ta mang biểu tượng cao quý này vào tâm, từng bước thể hiện trong mọi sinh hoạt của cuộc đời. Được như vậy, chúng ta góp phần làm cho Phật pháp còn mãi sáng ngời, lợi lạc khắp muôn nơi.

---o0o---

## **26. Ý nghĩa lễ đức Phật thành đạo**

*(Trích báo Giác Ngộ số 74, 15-1-1994, PL.2537)*

Mỗi năm đến ngày mừng 8 tháng Chạp, giới Phật giáo Bắc tông cử hành lễ kỷ niệm ngày thành đạo của Đức Phật Thích Ca. Theo truyền thống Phật giáo Nam tông, ngày Đức Phật đản sinh, xuất gia, thành đạo và Niết bàn đều là ngày trăng tròn tháng Tư âm lịch.

Riêng đối với tôi, ngày tháng thành đạo là ngày nào không quan trọng. Vấn đề chính chúng ta cần tìm hiểu về ý nghĩa của sự thành đạo.

Kỷ niệm Đức Phật thành đạo, chúng ta cùng tư duy ý nghĩa thành đạo theo tinh thần kinh Hoa Nghiêm, để cùng tiến bước trên con đường chánh pháp, xây dựng cuộc sống an lạc tốt đạo đẹp đời.

Trong phần chính yếu của kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập pháp giới diễn tả Thiện Tài đồng tử đi cầu đạo bằng niềm tin trong trắng, đầy đủ phước đức. Thiện Tài đã trải qua 110 thành gặp 50 thiện tri thức hay đủ các gương mặt tốt xấu của thế gian.

Tuy có thật nhiều kinh nghiệm, Thiện Tài gạt bỏ lại phía sau tất cả những gì của cuộc đời, để cuối cùng vẫn giữ được nét trong trắng của tâm thanh tịnh ban đầu. Ngài mới gặp được đồng tử Đức Sanh và đồng nữ Hữu Đức.

Học đạo với Đức Sanh và Hữu Đức rồi, Thiện Tài đến ra mắt Di Lặc Bồ tát, tiêu biểu cho ý nghĩa hành giả có đầy đủ đức hạnh. Trên bước đường tu gặp việc đáng buồn không buồn, đáng giận không giận. Trải qua bao nhiêu khó khăn phiền lụy, lòng không chút bợn nhơ.

Hành giả có đức hạnh hành đạo đến cuối cuộc đời, tóc vẫn xanh mắt vẫn sáng. Kinh diễn tả bằng hình ảnh trẻ thơ là đồng tử Thiện Tài suốt đời cầu đạo bằng tâm hồn ngây thơ, trong sáng.

Từ tâm thanh tịnh không thay đổi, khế hợp với Đức Sanh và Hữu Đức, Thiện Tài mới thâm nhập Phật đạo. Ngài gặp được Di Lặc Bồ tát là người giữ tạng báu Như Lai, kinh Hoa Nghiêm gọi là Tỳ Lô Giá Na lâu các.

Điều này gợi cho chúng ta suy nghĩ tu thế nào cho thành tựu đức hạnh. Chỉ có đức hạnh mới là nhịp cầu đưa chúng ta đến với Di Lặc Bồ tát. Di Lặc là người tiêu biểu cho đức hạnh đệ nhất, được Phật Thích Ca thọ ký làm người thừa kế Ngài ở cõi Ta bà trong đời vị lai.

Thiện Tài với tư cách hài nhi trong trắng gặp Di Lặc Bồ tát dạy cho pháp giải thoát như huyền. Mọi vật, mọi việc trần gian, nói chung là các pháp đều huyền hóa, đều do tâm chúng ta biến hiện ra mà thôi. Thâm nhập pháp như huyền, trở về bản tâm thanh tịnh, Thiện Tài thấy Tỳ Lô Giá Na lâu các xuất hiện. Tỳ Lô Giá Na lâu các gồm cả bốn phần nhân, hạnh, quả, đức của Phật Thích Ca mà kinh Pháp Hoa gọi là Pháp thân thường trú.

Tòa lâu các của đức Thích Ca Mâu Ni để lại, chúng ta phải hiểu là tòa vô hình tồn tại vô lượng kiếp không mất. Tòa lâu các hay Bảo sở là kho báu của Phật làm bằng gì, làm thế nào mà Đức Phật tạo được ?

Trong kinh Pháp Hoa có nói Đức Phật từ vô số kiếp trước hành Bồ tát đạo, cảm thành thọ mạng, thành tựu Pháp thân; nghĩa là Ngài đã tạo kho báu vô hình. Thật vậy, cuộc đời Đức Phật trang nghiêm toàn bằng chất liệu đạo đức, tri thức nên thọ mạng của Ngài vĩnh hằng bất tử.

Đức Phật tu Bồ tát pháp không phải một ngày một buổi. Cũng như Thiện Tài đồng tử phải vượt 110 thành, tham học với 50 thiện tri thức hay trải qua 50 chặng đường. Điều này cũng đồng nghĩa vượt thoát 500 do tuần đường hiểm sanh tử trong kinh Pháp Hoa. Tâm Bồ đề của Ngài vẫn kiên cố, đức hạnh vẫn tròn đầy. Ngài mới gặp Di Lặc Bồ tát mở cửa cho vào Tỳ Lô Giá Na lâu các. Còn những người thấp chí bạc tài, sợ hành Bồ tát đạo dài lâu, nửa đường muốn thoái lui thì muôn đời vẫn ở trong sanh tử luân hồi.

Riêng tôi, ý thức sâu sắc lời Phật dạy rằng chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, lăn lộn đủ trong các loài không biết mệt mỏi nhằm chán. Chúng ta giống y như người đam mê cờ bạc đánh hết ván này lại tiếp tục ván khác, thật phí công vô ích. Quán kỹ điều này tôi rất ngán sợ, tự nghĩ chỉ ném mùn ba ván cờ sanh tử trong cuộc đời là quá đủ rồi.

Từ vô lượng kiếp Đức Phật hành đạo tích lũy công đức. Mỗi lần tái sanh, Ngài lại đưa thêm vào kho tư lương phước đức trí tuệ. Kết quả trong hiện đời Ngài có thể lực khỏe mạnh, trí lực siêu việt và điều kiện sống thật cao tốt mà bao người thế gian ước mơ. Riêng chúng ta tự xét mỗi đời tái sanh, tạo thêm công đức hay nghiệp chướng ?

Trên bước đường tu, kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta phải cải tạo ngay trong tâm mình. Khi còn nhìn tha nhân bằng đôi mắt không thiện cảm, tự biết ta còn chất chứa nhiều nghiệp ác. Ta cần xóa bỏ niệm ác, sám hối, cho đến khi nhìn người với tâm hồn thanh thản. Cao hơn nữa, phải khởi được tâm đại bi đối với người chống phá mình.

Đức Phật dạy hành giả thực tu, theo dõi cải thiện tâm là chính. Tất cả diễn biến bên ngoài tốt xấu đều tùy thuộc nơi tâm chúng ta sanh khởi. Chính Đức Phật hành đạo dưới dạng tâm. Từ vô lượng kiếp đến nay Ngài hành Bồ tát hạnh, quán sát nghiệp chướng trần lao quá khứ thế nào để hóa giải, chuyển thành công đức.

Ai phát tâm tu Bồ tát đạo được Đức Phật nuôi lớn tâm này, nên mỗi ngày tâm họ gần Phật hơn, việc của họ cũng giống Phật hơn. Mỗi lần Đức Phật tái sanh, tiếp tục hành Bồ tát đạo, cộng thêm sự hành đạo của quyến thuộc. Có bao nhiêu người tốt theo Ngài thì việc tốt của Phật trở thành bội số nhân. Cứ như vậy mà hành động thánh thiện của Đức Phật ảnh hưởng cho người làm tốt theo cho đến kiếp hiện tại Ngài thành bậc Vô thượng Đẳng giác. Trong tất cả loài, không loài nào mà Ngài không hiện hữu, không xả bỏ sinh mạng vì họ.

Dưới kiến giải của Phật huệ, Ngài nhận ra được thân ta trong hiện tại là kết hợp thân của lục thú tứ sanh trong quá khứ. Ngược lại, trong thân của chúng sanh cũng có thân ta. Như vậy, từ phần vật chất xa cho đến vật chất hiện tại đều có liên hệ hỗ tương. Chúng tương quan mật thiết đến độ Phật quán thấy tất cả hợp nhất, trong một chứa tất cả.

Xa hơn nữa về tinh thần, Ngài cũng thấy tác động qua lại giữa các loài. Điều này dễ hiểu, như thực tế người thân của ta buồn, thì ta cũng buồn theo, họ vui ta cũng vui theo.

Trong liên hệ vô hình hỗ tương như vậy, Đức Phật hành Bồ tát đạo. Ngài đồng cảm với chúng sanh để giải buồn cho họ. Ngài tùy hỷ với chúng sanh để mang thêm nguồn vui cho họ. Tất cả việc làm của Ngài đều tạo thành hạnh ban vui cứu khổ.

Với quá trình tu hành từ vô lượng kiếp, Đức Phật tổng hợp được liên hệ sắc thân hữu cơ và liên hệ tình cảm vô hình giữa Ngài và chúng sanh. Điều đó tạo thành Pháp thân hay Tỳ Lô Giá Na thân của Phật. Đó là thân tổng thể bao hàm muôn loài.

Trước kia, Thiện Tài chỉ thấy thân Phật giới hạn trong một đời. Nay trải qua quá trình vượt 113 thành, học đạo với 53 thiện tri thức, Ngài thấy được thân tổng thể Tỳ Lô Giá Na. Lúc ấy, Di Lặc Bồ tát khuyên Thiện Tài nên cầu học một lần nữa với Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.

Khi Thiện Tài vừa khởi ý niệm cầu đạo, thì Văn Thù Sư Lợi ở cách xa 110 do tuần đưa tay xoa đầu thọ ký Thiện Tài. Từ khởi đầu tham phương cầu học, Thiện Tài được Văn Thù khai ngộ và thâm nhập được Tỳ Lô Giá Na lâu các. Sau đó, Ngài trở ra, lại gặp Văn Thù gia bị lần thứ hai.

Điều này có thể hiểu là vị Thầy ở giai đoạn một dạy chúng ta bằng ngôn ngữ. Tu hành phát huy được tâm linh thì gặp thầy ở trong pháp giới dưới dạng tâm.

Ở dạng tâm hay nhìn bằng trí tuệ, tất cả thông thành một cõi, không còn chướng ngại, không còn chia chẻ từng quốc độ riêng biệt. Có thể ví như ngày nay chúng ta dùng viễn vọng kính, dễ dàng quan sát mọi vật ở các vì sao. Cũng vậy, nếu chúng ta nâng độ sáng của đôi mắt tâm linh, chúng ta sẽ thấy pháp giới của Phật.

Vì vậy, Thiện Tài chỉ cần khởi tâm, Văn Thù Sư Lợi liền hiện hữu bên cạnh. Lúc ấy, Văn Thù và Thiện Tài cùng ở chung trên pháp tánh. Trong bề pháp tánh hay Tỳ Lô Giá Na biến chiếu mà quan sát, mới nhận chân được rằng tất cả cảnh tốt xấu phải trái đều do tâm tạo.

Tâm có khả năng biến khắp pháp giới, khởi niệm ác liền có ác, khởi niệm thiện có thiện. Chân lý này được Đức Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm qua bài kệ :

*Nhược nhân dục liễu tri*

*Tam thế nhứt thiết Phật*

*Ung quán pháp giới tánh*

*Nhứt thiết duy tâm tạo*

Tóm lại, Đức Phật thành đạo, hay trên con đường trở về an trú nơi bản tâm thanh tịnh, Ngài nhận ra được quy luật "Nhứt thiết do tâm tạo". Và trong suốt pháp hội Hoa Nghiêm, Đức Phật đưa cho chúng ta mô hình tu dưới dạng tâm của Ngài trong quá trình hành Bồ tát đạo từ vô lượng kiếp. Ngài chăm sóc, nuôi dưỡng tâm cho hoàn toàn thánh thiện, thuần tịnh. Và Ngài liên hệ với muôn loài chúng sanh trong thập giới ở dạng tâm thanh tịnh.

Thiện Tài đồng tử cũng đi cầu đạo theo lộ trình đó, tham học với 53 thiện tri thức tiêu biểu cho hành trình dẫn thân giáp mặt với tất cả thành phần trong xã hội. Đến khi tâm thuần thiện, đầy đủ tâm đại bi, Thiện Tài mới được Di Lặc Bồ tát mở cửa Tỳ Lô Giá Na lâu các và đưa tạng bí yếu của Như Lai.

Tôi mong rằng Tăng Ni Phật tử cũng đi theo mô hình này, nhận được phần nào pháp yếu của Đức Phật trao cho. Nhờ đó, tâm quý vị được khai mở, thanh tịnh, đến gần Tỳ Lô Giá Na lâu các của Di Lạc Bồ tát hay đến gần Pháp thân của chính mình. Đó là phẩm vật quý giá nhất chúng ta dâng lên cúng dường đức Thế Tôn trong mùa Thành đạo PL. 2537.

---o0o---

## **27. Phật giáo Việt Nam đang hướng về phía trước trên tinh thần vô ngã vị tha**

*(Tham luận tại Hội thảo Quốc gia về "Thập kỷ phát triển Văn hóa")*

Tinh thần vô ngã vị tha của Phật giáo được xây dựng trên nền tảng từ bi. Đó là yếu tố quan trọng chính giúp cho đạo Phật dễ dàng thâm nhập thích nghi với phong tục tập quán, hay nói chung, hài hòa với tất cả mọi hoàn cảnh sống của bất cứ nơi nào mà đạo Phật truyền đến.

Khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam cũng vậy. Với sự tùy thuận theo tinh thần quên mình vì lợi ích của người, Phật giáo đã hòa nhập vào đời sống dân tộc Việt Nam. Từ đó, gắn bó với sinh hoạt dân tộc một cách tự nhiên, không do áp đặt của thế lực nào, ngay cả khi Phật giáo được tôn làm quốc giáo.

Sự đồng hành mật thiết của Phật giáo với dân tộc trải qua bao thăng trầm trong suốt lịch sử dài hơn 2000 năm. Chính điều đó đã hình thành một mô hình Phật giáo Việt Nam mang tính chất cá biệt, tràn đầy sức sống. Qua những trang sử oai hùng, còn ghi dấu ấn trí tuệ và công sức của những người con Phật. Họ đã đóng góp tích cực thiết yếu trong những chiến thắng lẫy lừng bảo vệ đất nước. Ngoài ra, trong những tác phẩm văn chương nghệ thuật làm rạng danh văn hóa dân tộc cũng có sự tham dự của họ.

Thật vậy, từ thời sơ khai lập quốc, trong cuộc đấu tranh sinh tử ngàn năm chống Bắc thuộc, dân tộc Việt Nam đã có được sự trợ lực vô cùng hữu hiệu của Phật giáo. Phật giáo đã hòa nhập vào nền văn hóa cổ truyền, gánh vác vai trò quan trọng trong việc xây dựng tinh thần độc lập dân tộc; đồng thời phá tan được âm mưu đồng hóa cưỡng bức của chế độ Hán Đường, bảo vệ được nền văn hóa dân tộc.

Ngoài ra, dưới thời Bắc thuộc, Phật giáo đã mang đến nông pháp, y dược thuật Ấn Độ và nhiều giống cây ăn trái, cây làm thuốc. Những cây

giống này đem trồng trong chùa, sau đó được nhân giống phổ biến cho dân làng.

Mặt khác, trường học thời Bắc thuộc rất ít, người Trung Hoa chỉ đào tạo giới hạn một số thuộc viên biết "thư và toán" đặc lực với họ. Để phục hồi văn hóa, các nhà sư thông thạo Hán ngữ, Phạn ngữ và tiếng Việt đã mở trường dạy học tại chùa. Qua sử liệu, có thể xác định rằng nền văn hóa Phật giáo nửa cuối thời chống Bắc thuộc đã xây dựng được lớp người trí thức đầu tiên đảm trách công cuộc lãnh đạo giành lại độc lập cho đất nước ở thế kỷ thứ 10.

Vai trò quan trọng của Phật giáo vào giai đoạn nước nhà vừa độc lập được lịch sử ghi nhận như sau : "Trong buổi đầu thời kỳ độc lập, Phật giáo là một tôn giáo chiếm ưu thế trong xã hội. Trong nước, nhiều chùa tháp được xây dựng. Riêng ở Hoa Lư năm 973, Nam Việt vương Đinh Liễn, con trai trưởng của Đinh Tiên Hoàng cho dựng 100 cột đá khắc kinh Phật (gọi là kinh tràng). Các nhà sư là tầng lớp có học thức, có uy tín và ảnh hưởng trong xã hội. Ngoài văn hóa dân gian, lực lượng sáng tác văn học lúc đó chủ yếu cũng là các nhà sư. Những tác phẩm văn học thành văn của giai đoạn này còn lại đến nay là một số bài thơ chữ Hán của các nhà sư Đỗ Thuận, Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh v.v..." (Trích trang 150, Lịch sử Việt Nam tập 1 của UBKHXH xuất bản 1971 tại Hà Nội).

Ảnh hưởng của Phật giáo đạt đến mức cao nhất ở thời Lý cũng được ghi rõ trong lịch sử : "Vào đời Lý, trong xã hội, Phật giáo vẫn chiếm ưu thế và các nhà sư vẫn giữ vai trò quan trọng. Đời Lý là giai đoạn thịnh đạt của Phật giáo Việt Nam. Thời bấy giờ, Phật giáo truyền bá rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân và có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống xã hội, in rõ dấu ấn trong mọi lãnh vực văn hóa (Trích trang 163, Lịch sử Việt Nam tập 1, của UBKHXH xuất bản 1971).

Trong hơn 200 năm, Phật giáo đã giữ vị trí độc tôn và góp phần chính yếu cho nền văn hóa dân tộc. Ảnh hưởng của Phật giáo ăn sâu vào tất cả ngành hoạt động.

Về phương diện văn học, các Tăng sĩ đều thuộc hàng thượng tầng trí thức có ảnh hưởng lớn đến nền văn hóa đương thời. Nhờ sách Thiền Uyển Tập Anh và một số bia tạo dựng từ đời Lý mà văn thơ đời ấy còn tồn tại. Các Thiền sư luôn luôn là những người tài giỏi và hay chữ nhất trong xã hội. Trong 50 thi sĩ đời Lý có đến 41 người là Tăng lữ.



Về phương diện mỹ thuật, đối với các ngành kiến trúc, hội họa, điêu khắc, đạo Phật đã là một động lực giúp cho việc phát triển mạnh mẽ. Điển hình là những công trình mỹ thuật còn lưu lại như tượng Quỳnh Lâm bằng đồng cao đến độ đứng cách 10 dặm còn trong thấy đầu pho tượng. Hoạc đình Phổ Minh ở Nam Định, hay những thắng tích ở Hà Nội như chùa Một Cột, đền Hai Bà v.v...

Về phương diện chính trị, nhờ tri thức và tài lực của chư Tăng, chính sách được sửa đổi văn minh hơn. Các hình phạt độc ác đời trước như ném kẻ tội vào chuồng cọp, vạc dầu đun sôi v.v... của vua Đinh Lê bị hủy bỏ.

Tinh thần Phật giáo đã có ảnh hưởng rõ nét đến các vua nhà Lý trong việc trị nước an dân. Nhưng không bao giờ Phật giáo dựa vào thế lực đó để lấn át các hoạt động văn hóa khác. Trái lại, bằng tinh thần vị tha vô ngã, các sư có tâm hồn phóng khoáng thấy những điều hay trong thuật xử thế của Nho, Lão thì học hỏi một cách tự nhiên và đem ứng xử như một phương tiện phục vụ quần chúng. Từ đó nhà sư Việt Nam cũng là nhà Nho và nhà tu Lão giáo, chứ không đơn thuần Phật giáo như ở Ấn Độ. Vì vậy, ở thời Lý, đạo giáo và Nho giáo được phát triển.

Từ góc độ tiếp thu điều thiện mỹ, làm phong phú thêm bản sắc của văn hóa Phật giáo Việt Nam, văn miếu thờ Khổng Tử cũng được dựng lên ngay ở kinh đô cùng lúc với việc xây dựng chùa. Chính quốc sư Vạn Hạnh đưa ra thuyết tam giáo thể hiện tinh thần vô ngã, bao dung của người đấng đạo.

Dưới triều Lý, với sự lãnh đạo của 8 đời vua anh minh sùng kính đạo Phật, đã mở khoa thi chọn nhân tài. Nền văn hóa quốc gia nhờ đó phát triển tốt đẹp. Người Phật tử điển hình như Lý Thường Kiệt làm rạng danh cho đất nước, được mọi người đều ghi nhớ.

Đến cuối đời Lý, vua thích xây cung điện, tuyển mỹ nữ cung phi ca hát. Vì vậy, đạo Phật với tinh thần phục vụ, lo cho người và chủ trương sửa mình cho tốt đẹp, không còn thích hợp với các ông vua thiếu đạo đức, ăn chơi vô độ, lại muốn cai trị độc đoán. Họ đã nắm lấy đạo Nho làm phương pháp trị dân.

Đến thời nhà Trần, các vua là những chiến sĩ anh dũng dẹp tan giặc một cách vẻ vang, khi nước nhà bị đoàn quân khét tiếng Mông Nguyên ba lần ồ ạt tiến sang xâm chiếm. Đến lúc đất nước thái bình, trí tuệ các Ngài hình

thành những tư tưởng trong sáng của nhà sư ngộ đạo, tạo nên dòng Thiền nổi tiếng Trúc Lâm Yên tử.

Có thể khẳng định đặc sắc của đạo Phật đời Lý Trần là một triết lý sống phục vụ nhân sinh, không phải là lý thuyết suông hay giáo điều chết. Các Phật tử Lý Trần đã nắm bắt và thực hiện được tinh thần Phật đạo bằng cả sự sống của họ, bằng tư tưởng, lời nói, hành động trong nếp sống thường nhật.

Trên nền tảng này, Phật giáo thời Lý Trần không giới hạn nhỏ hẹp trong khuôn viên chùa chiền, tu viện và cũng không phải là sở hữu riêng của giới xuất gia. Đạo Phật đã là của tất cả mọi người. Từ Thiền sư cho đến vua quan hay người dân thường đều tự nguyện lấy giáo pháp làm lẽ sống.

Chính vì tinh thần hòa nhập cao độ vào cuộc sống mọi tầng lớp như vậy, các ngôi chùa đã được hình thành. Khi thì do bàn tay xây dựng của lớp người bình dân, có lúc do thành phần giàu có, trí thức phát tâm hoặc chính do vua chúa xây dựng chùa.

Người tu sĩ truyền đạo không bận tâm đến việc xây chùa. Còn phải lo xây dựng là còn vướng mắc vào ngã và ngã sở, một điều hoàn toàn xa lạ đối với tinh thần vô ngã vị tha. Trên căn bản này, Phật giáo đã sản sinh ra những mẫu người trí tuệ, đạo đức siêu tuyệt. Không riêng gì giới Phật giáo chúng tôi tự hào, mà lịch sử còn ghi nhận công đức của các Ngài trong sự nghiệp hộ quốc an dân, khai hóa nền văn học, phát triển văn hóa dân tộc.

Một vài thí dụ điển hình như cái thấy trầm tĩnh của Thiền sư Vạn Hạnh. Ngài thấy xác thật như vị tướng tài, biết rõ được chiến lược của giặc Tống. Ngài đã khuyên vua Lê Đại Hành án binh bất động trong 21 ngày giặc sẽ lui.

Hoặc như vua Lý Thái Tông đánh thắng Chiêm Thành trở về, ra lệnh giảm một nửa tiền thuế cho dân với lý do như sau : "Việc đánh dẹp phương xa làm tổn hại đến công việc nhà nông. Thế mà ngờ đâu mùa Đông năm nay lại được mùa lớn, trăm họ đều no đủ, thì trăm còn lo gì thiếu thốn. Vậy xá cho thiên hạ một nửa tiền thuế năm nay".

Mất mùa giảm thuế là điều bình thường, nhưng ở đây được mùa cũng giảm thuế. Việc làm này phát xuất từ lòng thương dân của vua, tấm lòng từ ái "nhân dân no đủ thì trăm không sợ thiếu thốn". Chúng ta cũng cảm nhận đức tính bình dị, quý dân khi đọc di chiếu của Lý Nhân Tông : "Trăm đã ít đức, không làm cho trăm họ được yên. Đến khi chết, lại bắt dân chúng mặc

sô gai, sớm tối khóc lóc, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, để làm nặng lỗi lầm của trẫm thì thiên hạ sẽ bảo trẫm là người thế nào”.

Hoặc như vua Trần Thái Tông ở địa vị quyền uy cao tột, nhưng xem ngôi vua như chiếc giày rách, bỏ lúc nào cũng được. Hay như Trần Nhân Tông sau khi đại thắng quân Nguyên, đạt đến đỉnh cao của vinh quang, Ngài lại lên núi Yên Tử xuất gia. Quá trình hành đạo của Ngài không chỉ đơn thuần tham Thiền trong hang động núi rừng mà còn xả thân vào sinh ra tử nơi chiến trường cùng nhân dân.

Từ Thiền sư cho đến các vua quan thấm nhuần Phật giáo đều nêu gương sáng đạo đức vô ngã vị tha. Các Ngài hoàn toàn vì dân vì nước, không vì lợi ích bản thân.

Sau khi chế độ quân chủ chấm dứt, đến thời kỳ đạo Thiên Chúa phát triển ở đất nước Việt Nam. Các nhà sư cũng theo học văn hóa phương Tây truyền sang, cũng đỗ đạt bằng cấp. Họ mở trường dạy học như các trường phổ thông trung học Bồ Đề hay trường đại học Vạn Hạnh. Điều này không ngoài mục tiêu tiếp thu những điều hay để tự xây dựng cho Phật giáo hướng đi riêng, phát triển phù hợp với thời đại mà vẫn giữ được bản sắc của mình, không bị đồng hóa, mất gốc.

Đặc biệt khi đất nước Việt Nam chuyển qua chế độ Xã hội chủ nghĩa với tư tưởng Mác Lê, nhiều người nghĩ rằng tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng không thể tồn tại. Tuy nhiên, thực tế đã thể hiện hoàn toàn trái ngược lại.

Thật vậy, tư tưởng vô ngã vị tha của Phật giáo tương đương với tư tưởng "mình vì mọi người" của xã hội mới. Phật giáo không thờ ơ trước đau khổ của người khác, không lo riêng lợi ích cá nhân mình; đồng thời còn là nguồn sức mạnh hỗ trợ tích cực con đường mưu cầu hạnh phúc chung cho mọi người. Trên tinh thần đó, những người chân tu Phật giáo đã sống tự tại thanh thản. Họ không cảm thấy trở ngại gì trong cuộc sống mới, mà hơn thế nữa còn thể hiện được nếp sống gần gũi với quần chúng hơn trong những việc làm từ thiện xã hội, văn hóa.

Ngôi chùa đã trở nên thân thương với người dân qua những công tác hốt thuốc, chữa bệnh hay các lớp học tình thương giáo dục những mầm non nghèo khổ. Ngoài ra, bên cạnh các mặt đóng góp lợi ích cho cuộc đời, đạo pháp cũng được phát huy với việc đào tạo Tăng tài, xây dựng, tu bổ chùa chiền.

Trong suốt gần 20 năm qua, một số thành quả nổi bật chứng tỏ con đường phát triển lớn mạnh của Phật giáo Việt Nam mà trước kia mọi người nghĩ là xa vời, không thể có được.

Thí dụ như Trường Cao cấp Phật học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh đã mở được ba khóa. Từ khởi đầu khóa 1 chỉ đào tạo được 60 Tăng Ni sinh, đến khóa 2 đã tăng lên 104 Tăng Ni tốt nghiệp và hiện nay khóa 3 đã tăng hơn gấp ba với 202 Tăng Ni. Ở cấp cơ bản, đã có 21 trường trên nhiều tỉnh thành, đang đào tạo Tăng Ni cho giai đoạn phát triển mới của Giáo hội. Con số này sẽ gia tăng mạnh trong những năm tới. Rất nhiều tự viện, tịnh xá, niệm Phật đường, danh lam thắng cảnh Phật giáo đã và đang được trùng tu xây dựng.

Đối với công tác từ thiện xã hội, Tăng Ni Phật tử ứng dụng tinh thần cứu khổ độ sanh, hội nhập vào đời qua nhiều việc làm đáng kể. Hầu hết những ngày lễ lớn trong năm như Tết Nguyên đán, lễ Phật đản, Vu lan, ngày Thương binh liệt sĩ v.v... giới Phật giáo đều tổ chức thăm viếng tặng quà tại quân y viện, bệnh viện, nhà dưỡng lão, nhà nuôi trẻ mồ côi, khuyết tật hoặc cứu trợ bão lụt, hỏa hoạn... Tổng số tiền giúp đỡ lên đến hàng tỷ đồng.

Ngoài ra, Tăng Ni Phật tử cũng hưởng ứng phong trào xây dựng đất nước, đóng góp bằng các hoạt động cụ thể như mua công trái xây dựng thủy điện Trị An, xây bệnh viện, nhà tình nghĩa, bảo trợ thiếu niên nhi đồng, trợ cấp học bổng cho sinh viên, học sinh giỏi, khó khăn... Số tiền đóng góp cũng lên đến hàng trăm triệu đồng.

Về đối ngoại, mối liên hệ giữa Phật giáo Việt Nam với các tổ chức Phật giáo trên thế giới ngày càng mở rộng qua những hội nghị, những cuộc viếng thăm, trao đổi văn hóa, tư tưởng... Những thành quả trên cộng với nhiều thành quả của hoạt động Phật sự khác rất đa dạng, phong phú; tất cả nhằm mục đích lợi đạo ích đời, mở ra chân trời tươi sáng cho con đường đi tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam.

Tóm lại, Phật giáo được xây dựng trên nền tảng của những thành quả lợi ích thiết thực quan trọng đã tạo lập được trong suốt chiều dài lịch sử gần 2000 năm. Chúng tôi tin tưởng rằng tiếp tục hướng phát triển của giới Phật giáo, với tiềm lực dồi dào, khả năng không thiếu, cùng với lý tưởng và truyền thống vì hạnh phúc, vì an lạc cho mọi người, Phật giáo Việt Nam sẽ là mô hình kiểu mẫu cho thập kỷ phát triển văn hóa. Theo đó, Phật giáo Việt

Nam có thể góp phần ưu việt nhất của mình cùng toàn dân xây dựng một xã hội tình thương, công bằng, ấm no hạnh phúc.

Và xa hơn nữa, xây dựng một thế kỷ 21 chan hòa tình hữu nghị với các dân tộc và tôn giáo trên thế giới, giúp cho nhân loại cùng sống chung trong hòa bình, an vui và nhân ái.

Đó chính là đỉnh cao của nền văn hóa mà Phật giáo Việt Nam kỳ vọng đóng góp thêm vào hương sắc của văn hóa nhân loại trong thập kỷ phát triển văn hóa.

---o0o---

## **28. Xuân hoan hỷ**

*(Trích báo Giác Ngộ số 49-50, 1993 – PL 2537)*

Kinh Pháp Hoa lấy pháp làm chủ đề và kinh Hoa Nghiêm xem Phật là trọng tâm, chúng ta kết hợp hai bộ kinh này sẽ hội đủ Phật pháp. Theo tôi, đó là mô hình lý tưởng để chúng ta nương theo xây dựng cuộc sống tu hành.

Trên bước đường hành đạo, sau nhiều năm thuyết giảng kinh Pháp Hoa, năm nay tôi khai giảng kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên hội ngộ, thi sĩ Trụ Vũ nghe pháp cảm nhận được và đã đề tặng bài thơ mà tôi thấy có những ý tưởng liên hệ đến kinh Hoa Nghiêm :

*Vào tâm hoan hỷ địa*

*Thể hiện nụ cười thơ*

*Trí Quảng Thiền sư độ*

*Ba ngàn giọt lệ khô*

Bài thơ trên đến vào thời điểm tư tưởng kinh Hoa Nghiêm đang được truyền bá, đã gọi cho tôi liên tưởng đến mùa Xuân của hành giả thâm nhập pháp giới Hoa Nghiêm.

Thật vậy, tụng kinh Hoa Nghiêm, tôi cảm nhận sâu sắc trên lộ trình hành Bồ tát đạo từ sơ phát tâm đến thành Vô thượng Đăng giác, cứ mỗi chặng đường đi qua của Bồ tát là một mùa Xuân. Từng đóa hoa xuân nở

theo bước chân hoằng hóa độ sanh của các Ngài. Đó là những đóa hoa lòng, những nguồn vui nối tiếp nhau trong cuộc sống thanh tịnh, giải thoát, vị tha của hành giả đang tiến dần đến Tỳ Lô Giá Na lâu các trong Hoa tạng thế giới.

Khởi đầu lộ trình Bồ tát, theo kinh Hoa Nghiêm, trước tiên hành giả nhận được nguồn vui phát xuất từ niềm tin chân thành hướng về Tam bảo. Chính vì tầm quan trọng căn bản của niềm tin mà Đức Phật đã khẳng định rằng : "Niềm tin là mẹ sanh ra tất cả công đức".

Ở đây, cần ghi nhận niềm tin không có nghĩa là mê tín hay cuồng tín. Đó là trạng thái của những người thiếu suy nghĩ, không có trí tuệ, thường đưa đến hành động tội lỗi.

Niềm tin theo kinh Hoa Nghiêm đặt trên căn bản tri tánh hay hiểu biết hướng về chân lý. Từ tận đáy lòng hành giả cảm thấy khao khát một cái gì vượt lên trên thực tại bình thường, cộng thêm nhân duyên căn lành giữa hành giả và Phật tạo thành một sự thu hút tình cảm khiến hành giả phải hướng tâm về Ngài và muốn làm được như Ngài. Khi tín tâm sanh ra từ thế giới Phật, tự nhiên tâm hành giả đổi khác, phiền não nhiễm ô tự lắng đọng, chỉ còn niềm an lạc thanh thoát dâng tràn trong tâm.

Tiếp nhận được sự thanh tịnh này, tầm nhìn cũng bắt đầu đổi khác. Hành giả không còn thấy bằng suy nghĩ tính toán của vọng thức. Lúc ấy, chỉ thấy bằng trực giác hay bằng trí tuệ, không thấy giống người thường nữa. Cái thấy mà Thiền sư thường nói : thấy núi không phải là núi, sông không phải là sông. Bằng thức phân biệt, chúng ta chia ra núi, sông; nhưng đưa về lý tánh tuyệt đối thì không còn người, núi, sông.

Hành giả thâm nhập thế giới Không, một loại hình thế giới của người đạt Bát nhã Ba la mật. Duyên vào thế giới vô hình thuần lý đó lâu ngày, tham vọng tình cảm, trần lao nghiệp chướng cũng tan biến theo. Mọi vật trên cuộc đời không còn sức hấp dẫn hành giả nữa. Từ đây hành giả có một thế giới quan riêng để sống, thế giới của lý tánh mà kinh Hoa Nghiêm gọi là Lý Pháp giới. Điều đó tạo nên nguồn vui kỳ diệu cho hành giả, nguồn vui không còn lệ thuộc ngoại cảnh hay tha nhân, nguồn vui mãnh liệt khó mà giải bày cho người ngoại cuộc. Từ lẽ sống riêng tuyệt đẹp của thế giới này, hành giả nhìn ra cuộc đời thấy tất cả đều dễ thương. Hạt mưa rơi hay một nụ chồi non, cho đến con sâu cái kiến đều chứa chan sức sống. Giữa nó và hành giả như có mối liên hệ gắn bó hỗ trợ.

Với tầm nhìn nhất quán theo kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật không còn giới hạn ở sanh thân loài người Thích Ca Mâu Ni. Ngài đã trở thành Tỳ Lô Giá Na Pháp thân vô cùng vô tận có thể biến chiếu vào tất cả các loài hữu tình và vô tình.

Chẳng hạn như khi ngắm cảnh thanh tịnh, tâm Bồ đề chúng ta được khơi dậy. Ngài Nhật Liên gọi là vô tình thuyết pháp. Hoặc nhìn đàn cá tung tăng trong dòng suối Giải Oan, chúng ta cảm thấy nhẹ nhàng theo, nghe tiếng chim hót, lòng chúng ta chợt thanh thản. Đó là cá chim thuyết pháp như trong kinh Di Đà diễn tả.

Dưới kiến giải của Hoa Nghiêm cá, chim, cây, cảnh đã làm cho hành giả phát tâm. Có thể hiểu rằng Tỳ Lô Giá Na Phật đã hiện thân trong các loài đó, hay các loài đó đã tiếp nhận tác động của Tỳ Lô Giá Na Phật. Vì trên mặt Phật tánh, tất cả đều đồng một thể.

Ảnh hưởng của Tỳ Lô Giá Na Phật vào sanh thân của loài người chúng ta cũng vậy. Niềm tin chúng ta lớn thì Phật gia bị lớn, niềm tin nhỏ thì nhận sự gia bị nhỏ và không có niềm tin thì chẳng bao giờ thấy Phật. Phật tùy sát na tâm hiện ra và mất đi. Đó là Tỳ Lô Giá Na Phật, không thấy bằng mắt; nhưng ta phát tâm thì Phật hiện, thoái tâm thì Phật biến mất. Cũng giống như dòng điện không nhìn thấy, nhưng máy nổ thì biết có điện.

Kinh Hoa Nghiêm chỉ cho chúng ta Pháp thân Tỳ Lô Giá Na biến chiếu hay Đại Nhật Như Lai, tức ví Phật như tia nắng mặt trời. Muôn loài hấp thụ ánh sáng mặt trời để tồn tại. Cũng vậy chúng ta tu hành phát tâm Bồ đề là do tiếp thu Phật lực từ Pháp thân Tỳ Lô Giá Na.

Trên lập trường Hoa Nghiêm phát tâm Bồ đề nhìn ra cuộc đời, đối với hành giả, sinh hoạt muôn màu muôn vẻ của mọi loài, không có gì không phải là Phật, tất cả đang tuần tự tiến về Vô thượng Đẳng giác.

Từ kiến giải này, Tam bảo của Hoa Nghiêm lấy tâm làm chính. Đức Phật dạy tâm chúng ta có thể sanh tất cả pháp, giống như tất cả hoa màu đều sanh ra từ đất. Sanh từ tâm nên hành giả điều chỉnh mảnh đất tâm xong thì trồng pháp nào sẽ có pháp đó.

Phát khởi lên niềm tin hướng về Tam bảo, trong tâm hành giả đã có Tam bảo hội nhập đầy đủ, tuy ba nhưng thực là một. Từ bản tâm thanh tịnh an vui hiện ra tướng giải thoát là Phật. Từ bản tâm thanh tịnh an vui nên ngôn ngữ lưu xuất ra là Pháp. Và tâm thanh tịnh an vui phát sinh ra mọi sự

hòa hợp là Tăng. Trụ tâm trong niềm tin Tỳ Lô Giá Na Phật, ở thế giới Phật, ở sự chung sống hài hòa hỗ tương của muôn loài, hành giả tận hưởng niềm vui thanh thoát.

Tín tâm của hành giả từng bước phát triển từ sơ tín trải qua 10 cấp bậc khác nhau. Điều đó giúp cho hành giả huân tập công đức, cho đến thành tựu tín tâm kiên cố bất hoại của Thập tín. Lúc đó đạt được niềm tin vững chắc tuyệt đối, không gì lay chuyển được. Tín tâm bất hoại như Ngài A Nan đã bạch với Phật : "Dù hư không có mòn, nguyện của con cũng không bao giờ thay đổi".

Khi có nguồn vui nơi tín tâm, lòng hành giả lại nở ra nguồn vui khác, nguồn vui sống trong pháp. An trụ chánh pháp, hành giả tự cảm thấy vui, một nguồn vui lặng lẽ thâm kín. Niềm an lạc phát triển lần trong tâm giúp cho hành giả vui trong thanh tịnh. Niềm vui này hoàn toàn khác với thú vui theo động loạn bên ngoài của chúng sanh và cũng khác hẳn với người tụng ngàn bộ kinh mà vẫn không vui.

Vui vì chạy theo vật chất bên ngoài thì càng vui họ càng mau cạn túi và lại càng phải khổ nhiều hơn. Vui lệ thuộc tha nhân hay vật chất thì có nó chúng ta vui, mất nó chúng ta khổ. Nói chung, bám vào thú vui trần tục để sống, ta không bao giờ thỏa mãn và đời đời ở trong sanh tử.

Ngược lại người tu hành càng ngồi yên càng vui. Hành giả tiến sâu vào Thiền định sống với pháp, hoàn toàn thanh tịnh vượt qua thức nhiễm. Hành giả nhận được nguồn vui sâu xa vô tận của chính tâm hồn mình. Nhờ đặt tâm vào pháp Phật, say mê đọc tụng kinh điển, theo dõi bước chân hành đạo của các Bồ tát. Hành giả phát sinh Phật huệ, quan sát cuộc sống và thấy được chân lý.

Mỗi ngày như pháp tu hành, niềm vui lớn dần theo sự thấy biết mở rộng. Chẳng còn gì trên đời này đáng cho hành giả quan tâm, thậm chí đến ý niệm thời gian cũng trở thành vô nghĩa. Điển hình như Thiền sư Thuyền Lão nở nụ cười hàm tiếu, nhẹ nhàng khai ngộ cho vua Lý Thánh Tông : "Đản tri kim nhật nguyệt, thùy thức cự xuân thu".

Hạnh phúc tuyệt diệu cảm nhận từ dòng pháp lưu xuất không thể nào diễn tả cho người khác hiểu được : "Mùi Thiền trong ấy nào ai biết". Vâng, "Mùi Thiền trong ấy" là lực hấp dẫn, thu hút vua Trần Thái Tông bất kể mạng sống, băng rừng trèo non lội suối, lên Yên Tử. Ngài đã an trụ trong cuộc



sống với tâm trí siêu đẳng, quá đẹp. Chẳng còn màng đến ngai vàng, bỏ nó như bỏ chiếc giày rách là vậy.

Từ thế giới hiện tượng, hành giả từng bước thoát ly cuộc đời, đi sâu vào Thiền quán để đến thế giới lý tánh. Ở đó, tiếp nhận được nguồn vui thấy Phật, vui sống với pháp tánh, vui trong Thiền. Và từ thế giới lý tánh mang theo cả nỗi niềm thanh thản an vui trở lại cuộc đời hành đạo, đem tặng cho tha nhân nguồn vui của tri thức và giải thoát. Đó là pháp tu hồi hướng mà Đức Phật dạy các Bồ tát.

Về phần hồi hướng có 10 pháp, chúng ta gom lại thành ba tụ điểm chính. Trước hết, hành giả tu hồi hướng pháp giới chúng sanh. Nghĩa là hồi hướng cho những người có thiện căn công đức, có nhân duyên, vì chúng ta không thể làm được cho tất cả.

Ở bước đầu giáo hóa chúng sanh, hành giả chỉ lo cho những người có cảm tình, hết lòng với mình. Ta nuôi dưỡng tâm Bồ đề của họ vì biết rằng những người nhiệt tình này đã có nhân duyên căn lành từ đời trước với ta. Nay ta giáo dưỡng họ, để làm nhân cho đời sau họ tiếp tục tu hành.

Hồi hướng nhằm bảo toàn tốt số quyền thuộc nồng cốt xong. Hành giả mở rộng vòng thứ hai, hồi hướng cho những người không thân không thù. Những người này nhận thấy quyền thuộc của ta tu có kết quả, thấy pháp tu của ta đúng. Họ hướng tâm về cầu học, lúc ấy ta mới nghĩ đến giúp đỡ họ.

Ở giai đoạn hai, việc giáo hóa tương đối dễ hơn bước thứ nhất; vì đã có thêm sức mạnh của quyền thuộc. Theo tôi, điều này chúng ta nên lưu tâm. Trên thực tế, tôi thấy nhiều người không có quyền thuộc, nhưng ham làm chuyện bao đồng. Họ thường thất bại, chuốc lấy đau khổ. Chúng ta cần ghi nhớ trên bước đường tu hành, bản thân chúng ta phải thành tựu ở mức độ nào, mới dìu dắt quyền thuộc đi lên.

Và quyền thuộc vững rồi, chúng ta mới mở rộng vòng đại cảm tình ra pháp giới. Khi thành phần nồng cốt đủ mạnh và người khách quan cũng được nương nhờ phát triển, lúc ấy thành phần chống đối, ngoại đạo, kẻ ác không thể hại được ta. Đạt kết quả như vậy, ta mới thể hiện trọn vẹn hồi hướng pháp giới chúng sanh từ hẹp đến rộng.

Tuy nhiên, trong lúc tu hồi hướng cho chúng sanh, hành giả đã thực hành pháp hồi hướng cho Vô thượng Bồ đề của chính mình. Thật vậy, hai pháp hồi hướng này tác động hỗ tương lẫn nhau. Nhờ tiếp cận giáo hóa

chúng sanh, hành giả mới có nhận thức đúng về loại hình chúng sanh trên cuộc đời. Biết được căn tánh hành nghiệp của chúng và hóa giải được thì phước đức trí tuệ của hành giả theo đây tăng trưởng, nuôi lớn Báo thân, tiến gần đến Phật quả.

Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm dạy quả Bồ đề thuộc về chúng sanh. Không có chúng sanh, Bồ tát không thể thành tựu tâm Bồ đề, không thể thực hiện hạnh Bồ tát. Đức Phật ví Bồ tát hành đạo không có chúng sanh giống như trồng cây trong hư không. Trong giai đoạn tu Thập trụ, Thập hạnh, không khác gì trồng cây trong hư không.

Nay đến giai đoạn tu Thập Hồi hướng phải đem cây trồng xuống đất. Đất chỉ cho chúng sanh, hành giả đem hạt giống Bồ đề để gieo vào mảnh đất tâm chúng sanh. Nhưng chúng sanh không có nghiệp và phiền não giống như đất không có phân và nước, thì cây cũng không lên được.

Bồ tát hành đạo phải tiếp xúc với nghiệp và phiền não của chúng sanh. Chính hai thứ này là đối tượng cho hành giả trải nghiệm xem khi bị nghiệp hoặc, phiền não chúng sanh đổ trút lên, ta có bị mê đắm, ô nhiễm theo hay không. Va chạm thực tế phũ phàng mà hành giả vẫn bình thản, không khởi sân si là biết có Phật xuất hiện hay sen nở trong bùn.

Trên tinh thần này, chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não là ân nhân của Bồ tát. Vì Bồ tát nhận chân rằng mặc dù làm việc cho chúng sanh, nhưng thực là phát triển trí khôn và đạo đức cho chính mình, giúp Bồ tát mau thành Vô thượng Đẳng giác.

Tuy nhiên, nếu chỉ giới hạn pháp tu hồi hướng trong phạm vi phát triển trí giác và xây dựng quyền thuộc để làm lợi ích cuộc đời. Điều đó sẽ dẫn hành giả đạt đến địa vị của Chuyển Luân Thánh Vương mà thôi. Đối với Phật giáo, pháp tu thứ ba quan trọng hơn cả là pháp hồi hướng Chơn như thật tướng. Giai đoạn trước phải học mới giỏi, có giúp đời mới được kính trọng. Nhưng đạt được thành quả này rồi, Phật dạy hành giả nâng lên một nấc, phải xả bỏ tất cả chúng sanh và kinh nghiệm học hỏi, nói chung, tất cả công đức tạo được đều phải xóa sạch.

Có người nghĩ rằng tạo công đức cũng không dễ nhưng tạo rồi lại bỏ thì thà đừng làm còn hơn. Tuy nhiên, Đức Phật dạy mặc dù chúng ta xả bỏ nhưng không mất. Và nếu không xóa bỏ phước hữu lậu, sẽ không thể nào có quả Bồ đề.

Ngài dạy xả bỏ bằng cách chuyển đổi pháp hữu lậu, hữu vi thành pháp vô lậu, vô vi. Vì số vốn phước đức trí tuệ vô lậu tích lũy luôn gắn liền với đời sống tâm linh. Hành giả tái sinh nơi nào, nó cũng đi theo và tạo đủ những điều kiện ưu việt cho hành giả.

Từ pháp giới hay Chơn như thật tướng trở về hiện thực, ở bất cứ thế giới nào, hành giả cũng an lành, sanh trong dòng dõi cao quý, có nhiều người thương mến và nhiều của cải, có sẵn hạt giống trí tuệ. Nhờ đó, hành giả dễ dàng hành Bồ tát đạo và nhanh chóng đạt đến Phật quả.

Trường hợp điển hình như Phật Thích Ca do tu hạnh Bồ tát từ vô thi kiếp nên sanh ra làm Thái tử. Ngài đã có hảo tướng, khỏe mạnh phi thường, bản chất thông minh vượt trội hơn người và có vô số Thanh văn, Bồ tát thị tùng hỗ trợ.

Thành tựu pháp tu hồi hướng mới bắt đầu đăng địa Bồ tát. Trong phần Thập địa của Bồ tát, giai đoạn sơ địa còn gọi là Hoan hỷ địa. Đứng ở vị trí Hoan hỷ địa, Bồ tát giáo hóa chúng sanh bằng niềm tin kiên cố và tâm hoan hỷ của người đã an trụ trong Phật pháp và đầy đủ công đức. Người sẽ tiếp nhận tâm hoan hỷ hay nguồn vui thanh tịnh từ chơn tâm Bồ tát thông qua chơn tâm của họ. Nhìn thấy hình dáng, nghe được ngôn ngữ, âm thanh, biết việc làm của Bồ tát, họ đều phát tâm hoan hỷ thanh tịnh theo. Đó là cách giáo hóa nhẹ nhàng đúng pháp của Bồ tát. Vì vậy, Ngài Kim Cang Tạng khuyên tất cả Bồ tát sơ địa phải gắng gìn giữ tâm hoan hỷ cho kiên cố, không gì phá vỡ được. Có như vậy, mới tiếp tục vững bước dần thân hành bốn pháp nhiếp và sáu pháp Ba la mật.

Trước thềm năm mới, dõi theo bước chân Bồ tát trong vườn Xuân đạo hạnh của Hoa Tạng thế giới, tôi cầu nguyện cho Tăng Ni Phật tử tiếp nhận được tâm hoan hỷ của Bồ tát. Và đời đời kiếp kiếp, quý vị gìn giữ tâm này vững chắc để chúng ta mãi mãi an trú trong niềm vui thấy Phật, vui sống trong pháp và vui làm lợi ích chúng sanh.

NAM MÔ THƯỜNG HOAN HỶ BỒ TÁT MA HA TÁT.

---o0o---

## **29. Xuân trong cửa thiền**

*(Trích báo Giác Ngộ số 75, 1994 – PL 2537)*

Theo dòng luân chuyển của thời gian, cây cỏ sau bao tháng ngày thu mình trước cái giá lạnh của mùa Đông lại bắt đầu bừng lên sức sống mới, đâm chồi nảy lộc, trở hoa khi tiếp nhận tia nắng ấm áp của mùa Xuân. Từ cảnh Xuân tươi đẹp, trăm hoa đua nở muôn màu của thế giới biến đổi sanh diệt không dừng, chúng ta hãy bước vào rừng Thiền để chiêm ngưỡng những đóa hoa xuân của các Thiền giả. Những đóa hóa kết thành mùa Xuân vĩnh cửu mà Chân Không Thiền sư tặng cho các hành giả muốn vượt khỏi sự chi phối của vô thường sanh diệt :

*Xuân đến Xuân đi ngõ Xuân hết*

*Hoa tàn hoa nở vẫn là Xuân.*

Thật vậy, Thiền giả trải qua nhiều ngày tập trung tư duy, gia công tu tập Thiền quán, không khác gì cây cỏ dồn nén sức lực trong giá buốt của mùa Đông để chuẩn bị cho mầm non nụ mới của mùa Xuân sắp tới. Đến phút giây trụ định cùng tột, Thiền giả ngộ đạo, tâm vụt bừng sáng, thấy pháp chơn thật như cây cỏ bắt gặp hơi ấm mặt trời, tuôn tràn sự sống, trở hoa kết trái. Từ đây mở ra cho Thiền giả một loại hình thế giới KHÔNG hay thế giới Bát nhã.

An trú trong chơn không của Bát nhã, Thiền giả quán chiếu các pháp đều không, cảnh chơn thật từ từ hiện ra. Muôn vật của thế gian đối với Thiền giả đều đẹp, đều vui theo tâm bừng sáng.

Đó là mùa Xuân trong cửa Thiền, một mùa Xuân an lạc mà vua Trần Nhân Tôn tìm thấy được khi vút bỏ ngai vàng như bỏ chiếc giày rách. Ngài bước chân vào cửa Thiền, hạ thủ công phu khám phá được chân lý của vũ trụ. Lúc ấy, Ngài tự tại lặng lẽ trên giường Thiền, ngắm hoa nở hoa tàn mà nhận ra cái hiện hữu vượt ngoài định luật thời, không :

*Thuở bé chưa từng rõ sắc không*

*Xuân về hoa nở rộn trong lòng*

*Chúa Xuân nay bị ta khám phá*

*Chiếu trái giường Thiền ngắm cánh hồng.*

Trở lại cuộc đời tu hành của Đức Phật, chúng ta nhận thấy thế giới Hoa Nghiêm hay thế giới thành đạo của Đức Phật chính là mùa Xuân. Nó diễn tả

cảnh đức Thế Tôn sau 21 ngày tư duy thiền định, đạt đến trạng thái chơn không thì trời Phạm Thiên hiện ra thỉnh Phật thuyết pháp.

Thế giới có Phạm Thiên hiện ra tiêu biểu cho nguyên thể của sự vật, không có phiền não, chưa bị chia chẻ thành nhị nguyên. Đó là thế giới vô niệm, thánh thiện mà kinh Hoa Nghiêm gọi là pháp giới hay mùa Xuân đẹp nhất của thế giới nội tâm.

Trời Phạm Thiên xin nghe pháp Phật cũng đồng nghĩa với giới trí thức biểu lộ sự đồng tình với kiên giải của Thiền giả. Chắc chắn đó là niềm vui lớn, là mùa Xuân của cuộc đời người tu khi gặp được đối tượng để họ truyền trao sở đắc.

Từ Xuân ở thế giới nội tâm của Thiền giả tiến lên mùa Xuân hiện thực trong cuộc sống. Đối với Thiền sư đắc đạo, cảnh tùy tâm hiện; thế giới tâm linh đẹp thì cảnh bên ngoài chắc chắn cũng phải tốt tươi theo.

Cuộc đời hành đạo của Đức Phật thể hiện sâu sắc điều này, Ngài từ tâm thuyết pháp cho Phạm Thiên xong và xả định trở lại cuộc đời. Ngài đến nói pháp cho năm anh em Kiều Trần Như nghe. Các vị này tiếp nhận pháp âm sanh niềm hoan hỷ cao tột. Từ đó bước chân du hóa của Thế Tôn đến đâu, nơi đó đều an vui, người nào hữu duyên gặp Ngài, lòng cũng nở hoa, Đức Phật là mẫu người hành Thiền mang lại sức sống tươi đẹp, mang lại mùa Xuân cho cuộc đời.

Về sau, những Thiền giả theo dấu chân Phật, mỗi vị ngộ đạo đều tìm thấy mùa Xuân để an trú. Các mùa Xuân trong cửa Thiền không đồng nhau, vì sở ngộ của mỗi Thiền giả khác nhau. Tùy theo sự chứng đắc của Thiền giả mà kết thành mùa Xuân của Nhị thừa hay mùa Xuân của Bồ tát.

Bước vào rừng Thiền, chúng ta hãy lắng nghe Thiền sư Giác Hải, đời Lý, diễn tả cảnh Xuân :

*Xuân về hoa bướm gặp nhau đây*

*Hoa bướm phải cần hợp lúc này*

*Hoa bướm xưa nay đều là huyễn*

*Giữ tâm bền chắc bướm hoa thây.*

Dưới mắt Thiền sư, hoa nở bướm bay. Hay nói chung, sống chết, sanh diệt của con người và muôn vật đều tùy theo thời tiết nhân duyên mà tác thành, hợp tan. Thiền sư xem chúng như huyễn hóa, không chắc thực.

Chỉ có chơn tâm là chân thật hay mùa Xuân vĩnh cửu của Thiền giả. Chúng ta không "giữ tâm bền chắc" hay đánh mất chơn tâm, thì làm thế nào đón nhận được mùa Xuân vĩnh cửu của Thiền sư Giác Hải.

Tuy nhiên, mùa Xuân vĩnh cửu đó không phải dễ dàng ở trong tâm tay của Thiền giả, một sớm một chiều tìm gặp được. Sau bao tháng ngày Thiền giả cực khổ lặn lội khắp nơi kiếm tìm chẳng thấy. Một hôm thoáng nhìn hoa đào nở, hoát nhiên ngộ đạo, bắt được mùa Xuân vô tận như Thiền sư Linh Vân :

*Ba chục năm tìm, mòn gót khách*

*Bao lần lá rụng lại thay cành*

*Từ phen thấy được hoa đào ấy*

*Mãi đến ngày nay tuyệt hết nghi*

Vâng, cái hoát nhiên đại ngộ "từ phen thấy được hoa đào ấy" cũng là khởi nguồn của mùa Xuân mà Ngài Ca Diếp đã tiếp nhận bằng nụ cười hàm tiếu cách đây hơn 2500 năm, khi Ngài nhìn thấy cành hoa sen của Đức Phật đưa lên. Mùa Xuân nở ra theo cảnh thấy bất chợt, không nghĩ suy, nào có khác gì mùa Xuân của Thiền giả lìa ngoài tâm ý vọng tưởng điên đảo. Một mùa Xuân vô niệm mà Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn an trú. Một cảnh giới trong đó mọi khởi niệm đều tan biến, để hòa nhập vào sự sống bao la của mùa Xuân. Nơi đó vẫn hiện hữu đầy đủ sắc hoa, mạn trắng, đào hồng :

*Vườn rừng tĩnh mịch không người giữ*

*Mạn trắng đào hồng tự tại hoa.*

Trong vườn Thiền, tôi hằng quý mến đóa hoa Xuân nở trên con đường Bồ tát đạo. Hành Bồ tát hạnh, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh chính là sự sống của Thiền giả, là mùa Xuân của Thiền giả.

Thiền giả hiện hữu ở cuộc đời này chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là hoằng truyền kinh Diệu pháp, hay pháp chân thật của đức Như Lai. Bước chân hoằng hóa độ sanh của Thiền giả đi khắp mười phương Ta bà không mệt mỏi, nhưng lúc nào cũng thức tỉnh rằng cuộc đời này chỉ là quán trọ tạm bợ.

Thiền giả trải qua biết bao mùa Xuân bên quán trọ cuộc đời chỉ vì noi theo bi nguyện của đức Từ phụ. Sống trong dòng sanh diệt của vạn vật, bao lần Xuân đến, Xuân đi, lòng thiền giả vẫn không bị danh lợi, phiền não cuộc đời làm vẩn đục.

Tâm thiền giả vẫn hoài vọng về người có hương hay về Đức Phật thường trú, chạnh nhớ đến con người chân thật bất tử của chính mình trên bản thể chơn như :

*Hoằng truyền kinh Diệu Pháp*

*Trải gót khắp mười phương*

*Xuân về bên quán trọ*

*Chạnh nhớ người có hương.*

Trong giây phút thanh tịnh của ngày đầu Xuân, xin cầu nguyện cho tất cả người con Phật sớm trở về với Pháp thân vĩnh hằng của chính mình, cùng đón nhận mùa Xuân vĩnh hằng miên viễn bên cạnh Đức Phật thường trú bất sanh bất diệt ở thế giới Thường Tịch Quang.

NAM MÔ CỬU VIỄN THẬT THÀNH ĐẠI ÂN GIÁO CHỦ BỒN SU  
THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

---o0o---

### **30. Xuân của hành giả Pháp Hoa**

*(Trích báo Giác Ngộ số 98-99, 1995 – PL 2538)*

Xuân đến trăm hoa đua nở, cây cỏ xanh tươi, vạn vật bừng lên sức sống. Ngắm nhìn cảnh Xuân tươi đẹp, luân chuyển theo dòng sanh diệt của định luật thời không, hành giả Pháp Hoa liên tưởng đến sức sống vui tươi của mùa Xuân bất diệt vĩnh hằng. Mùa Xuân chào đón những hành giả Pháp Hoa đắc đạo, bước vào pháp hội không trung thuyết pháp, chiêm ngưỡng

Bảo tháp sáng rực bảy báu, tỏa ngát hương thơm chiên đàn. Cả một thế giới thuần tịnh an vui trải ra vô tận.

Cảnh giới Xuân nơi đây còn tuyệt diệu hơn nữa với sự hiện hữu của Đức Phật Đa Bảo, một vị Phật quá khứ cách đây vô lượng kiếp. Ngài vẫn an nhiên tự tại mỉm cười mời đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta cùng lên ngự trên tòa bảy báu với Ngài.

Thật vậy, sau khi trao cho đại chúng hành trang nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai. Nghĩa là hành giả đã hoàn thiện đạo đức và tri thức, mới hội đủ tư cách để thâm nhập thế giới Xuân vĩnh hằng, thế giới kỳ diệu của chư Phật.

Bỗng nhiên, tất cả đều KHÔNG, chỉ duy nhất của tháp Đa Bảo hiện ra, trụ giữa hư không, vang ra lời khen ngợi đức Thích Ca Mâu Ni diễn nói pháp chân thật. Đức Thích Ca cũng trụ trong hư không, mở Bảo tháp và ngồi chung pháp tòa với Phật Đa Bảo, đồng thời Ngài dùng thần thông tiếp đại chúng lên hư không.

Tất cả đều trụ ở hư không, hay tất cả đều chứng trí Bát nhã, thấy các pháp đều KHÔNG. Mọi việc trên cuộc đời không còn chướng ngại đối với hành giả vì đã nhận chân rõ bản thể các pháp. Thế giới chân không thật hữu này của Bồ tát hoàn toàn khác với thế giới không của Nhị thừa, tưởng tượng cái có thành ra không.

Hành giả trụ hư không tức trụ đại định, không còn bị vật chất chi phối, thân tâm hoàn toàn tự tại. Đối với hành giả, bĩ ngạn thử ngạn hay thế giới siêu thực và thế giới hiện tượng thông thành một cõi.

Lúc ấy, tháp Đa Bảo và Phật Đa Bảo hiện ra, trải dài một thế giới tinh luyện bằng bảy báu, tiêu biểu cho những gì quý giá nhất được hình thành từ sự giác ngộ của Đức Phật. Kinh Lăng Nghiêm diễn tả là "Không sanh đại giác trung".

Thiết nghĩ đối với hành giả đem cả sinh mạng hành Bồ tát đạo, nỗ lực công phu Thiên định, phát sinh được Như Lai huệ. Hành giả quan sát pháp giới, thấy tháp Đa Bảo. Cũng có nghĩa là vào được thế giới giác ngộ của chư Phật. Đó là niềm vui vô tận, là mùa Xuân vô cùng.

Pháp hội không trung không có gì khác ngoài tháp Đa Bảo. Duy nhất tháp Đa Bảo, là tinh ba của thế giới Phật, là Bảo sở của hành giả đã vượt 500



do tuần đường hiểm. Ba đời mười phương Phật hành đạo tích lũy công đức, kho thánh tài vô tận của chư Phật, tạng bí yếu Như Lai, đều có đầy đủ trong Bảo tháp. Vì vậy, tháp báu này quý giá vô song, bảy báu thế gian không thể so sánh được.

Dưới mắt người tu, bảo vật thế gian vô nghĩa, vì càng có nhiều càng dễ chuốc họa vào thân. Trái lại, thấy được tháp Đa Bảo, nghĩa là nhận ra pháp chân thật, sống với pháp chân thật mà Đức Phật truyền trao, mọi việc đều thành tựu theo ý nguyện.

Cuộc đời Đức Phật đã chứng minh rõ điều này. Ngài không cần cất giữ một đồng, nhưng Ngài là vua trên các vua. Vì Đức Phật đã tìm được kho báu, sử dụng được kho báu, làm phước lạc cho Trời người.

Hành giả bước theo dấu chân Phật, tất yếu phải thâm nhập Thiền định, để phát sinh trí tuệ, mới có thể sử dụng kho báu. Hàng lậu tận La hán thấy kho báu, ví như người có mắt mà không có tay nên không lấy được.

Hàng Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến đệ bát địa, ví như có tay nhưng không có mắt. Họ chỉ có niềm tin đối với Phật, đánh lễ cầu nguyện thì việc giải quyết dễ dàng, phước báo đến liền. Điều này dễ kiểm chứng, trên bước đường tu có lúc tâm chúng ta thanh tịnh chí thành đến mức tạo thành độ cảm, liên hệ được với Phật nên được Phật hộ niệm, công đức sanh ra. Tuy nhiên, cầu xin lần thứ hai thì lại không được, không có cách gì để ta nhận được phước báo như lần trước.

Riêng đối với hàng Bồ tát đã đến Bảo sở tức Bồ tát vừa giải thoát, giải thoát tri kiến và có niềm tin kiên cố. Họ được ví như người có tay và có mắt đầy đủ, vào kho báu tùy ý chọn lựa. Họ sử dụng Thánh tài vô tận của Đức Phật để phục vụ lợi lạc cho mọi người. Đó là chân thật pháp trong kinh Pháp Hoa mà Đức Phật muốn truyền trao, đồng thời nhắc nhở tất cả hành giả Pháp Hoa cần phát triển trí tuệ để có thể củng cố niềm tin theo đúng chánh pháp. Niềm tin không được trí tuệ hướng dẫn dễ trở thành mê tín.

Hành giả an trụ chánh định, giữ tâm vắng lặng trong sáng, phát sinh tri kiến Như Lai. Từ đó, thấy được kho báu, tức ngộ được pháp chân thật, tạo thành thế giới quan tràn đầy niềm vui. Hành giả tự tạo cho mình mùa Xuân kỳ diệu, không bao giờ tàn phai héo úa vì tác động của mê lầm, tham sân, dục nhiễm.

Đại chúng đã nhìn thấy tháp Đa Bảo, nhưng không ai có khả năng mở tháp, lấy kho báu trang nghiêm bản thân, làm lợi ích cho người. Hàng A la hán, Bích chi Phật cũng vậy, hoàn toàn tuyệt phần. Chỉ riêng Đức Phật Thích Ca có thừa sức mở tháp báu bằng một ngón tay mặt.

Ngài cho đại chúng biết muốn mở được Bảo tháp cần phải tập trung phân thân của Phật Thích Ca. Phân thân Phật tiêu biểu cho tâm từ bi của Ngài đến với muôn loài, biến tất cả thành thân của Phật gọi là Pháp thân.

Hàng A la hán, Bích chi Phật không thể tạo phân thân được, nghĩa là không đủ tâm từ bi, không đủ lực tác động cho người. Vì Bích chi Phật, A la hán, hay nói chung tất cả mọi người thường đóng khuôn môi trường sinh hoạt của mình. Ai sống theo giai cấp, chủng tộc đó. Thí dụ giới thương gia thân thiện với nhau, người làm thuê muốn kết bạn với người làm thuê muốn, chánh khách sinh hoạt với chánh khách. Mọi người đã quen với nếp nghĩ, nếp sống phân biệt giai cấp rõ rệt. Họ khó sống chung, khó hòa hợp thật sự, dù chuyện trò với nhau cũng chỉ miễn cưỡng. Hoặc có tình thương đến giúp đỡ người nghèo, xong việc rồi thôi, ta và họ không còn liên hệ. Mỗi người lại có cách sống riêng, không nhớ nghĩ đến nhau.

Đức Như Lai thì hoàn toàn khác hẳn, Ngài là cha lành của muôn loài, đến với tất cả mọi người thuộc mọi tầng lớp. Nhưng ai cũng nghĩ Phật là của riêng họ, thương họ nhất. Thậm chí chúng ta sống cách Phật gần 3.000 năm cũng vẫn còn cảm nhận được tình thương vô hạn của Phật chan hòa cho.

Vì vậy, điều quan trọng đối với hành giả Pháp Hoa, nếu muốn thấy tháp Đa Bảo, vào sống với Phật Đa Bảo, sử dụng được của báu, đòi hỏi hành giả phải thành tựu pháp ấn này.

Trước tiên, trong kinh diễn tả là nhà Như Lai. Điều này dễ hiểu vì thực tế chúng ta nhận thấy rõ bất cứ ai được nhiều người thương mến sẽ dễ dàng thành công việc lớn. Người bị oán ghét nhiều, dù có giỏi cũng trở thành vô dụng.

Tình thương của Đức Phật trang trải đồng đều cho mọi loài, là chất keo gắn bó các thành phần xã hội chung sống hài hòa. Hàng Bồ tát không chấp nhận cách tu tiêu cực của Thanh văn. Thanh văn thì không đồng ý cách hành đạo phóng khoáng của Bồ tát. Nhưng cả hai đều phục tùng thương kính Phật, sống hòa hợp dưới sự chỉ đạo của Ngài. Vì Đức Phật đầy đủ trí tuệ sáng suốt, xứng đáng làm Thầy của Thanh văn, Bồ tát, chư Thiên.

Bằng tâm từ bi và trí tuệ bao la, Đức Phật mở được cánh cửa Bảo tháp. Trí tuệ và lòng từ của Phật soi rọi đến Thanh văn, Bồ tát, chư Thiên thì họ đều biến thành phân thân Phật.

Phân thân Phật trong khắp mười phương giảng nói không giống nhau, nhưng cũng không chống trái nhau. Như Lai ở phương tiện môn thích ứng cho mọi hoàn cảnh và trở về chân lý, Ngài cũng hoàn toàn tự tại không vướng mắc pháp nào.

Khi Bảo tháp mở ra, Đức Phật tiếp độ đại chúng lên hư không và dạy rằng ai muốn tu Pháp Hoa, ngay bây giờ nên phát nguyện trước hai đức Như Lai. Điều này gọi nhắc chúng ta phải đến trước hai đức Như Lai trụ giữa hư không để phát nguyện, nhằm diễn tả trạng thái thâm nhập chân lý của người đắc đạo, không phải là việc làm đơn sơ, tu bằng hình thức.

Hành giả trụ chánh định nghe Phật thuyết pháp đồng nghĩa với tới được Bảo sở hay đến trước hai Đức Phật phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa.

Ngài Từ Ân kiến giải ý nghĩa Phật quá khứ Đa Bảo và Phật hiện tại Thích Ca Mâu Ni ngồi chung pháp tòa là cô kim bình đẳng bất nhị. Phật xưa và nay không khác, ba đời mười phương Phật hiểu biết chân lý, vận dụng chân lý và sống với chân lý đều giống nhau.

Trên bước đường hành đạo, chúng ta cần cần nhắc ý này. Chúng ta tuyên dương chánh pháp, có thể diễn nói lời khác người trước, nhưng không sai ý họ nên hiện tại và quá khứ là một. Còn chấp y quá khứ thì hiện tại đã tự biến thành quá khứ, không còn đúng. Tuy nhiên lập y lời Phật sẽ phạm tội hủy báng Phật, nhưng bỏ lời Phật, coi chùng lạc tà thuyết. Vì vậy để giới thiệu pháp chân thật, đức Thích Ca phải kéo Phật quá khứ Đa Bảo trở lại hiện tại để chứng minh rằng Ngài thuyết đúng chân lý.

Thiết nghĩ trên bước đường tu học, hành giả đến bờ giác, nhận được ấn chứng của đức Đạo sư truyền trao, chắc hẳn không còn gì sung sướng hơn. Từ đây chân trời Xuân mở rộng cho hành giả thẳng tiến, không sợ chướng ngại.

Tháp Đa Bảo xuất hiện, phân thân Phật tập trung, tất cả đều chỉ nhằm diễn tả lực tác động vô hạn của tâm từ bi bao la và trí tuệ tuyệt vời của Đức Phật. Lúc ấy, Ta bà biến thành Tịnh độ. Từ đây Ngài giới thiệu cho chúng ta loại hình thể giới mà Đức Phật xây dựng hoàn toàn bằng chất liệu tình thương chân thật và hiểu biết chính xác trọn vẹn.

Được vào sống trong thế giới điều động bằng tình thương và trí tuệ của người đấng đạo, theo tôi, không có gì hạnh phúc, an lạc hơn cho hành giả đang tiến bước trên đường thể nghiệm Bồ tát pháp.

Tóm lại, Bảo tháp đã khép kín, ẩn mình từ vô lượng kiếp. Nay nhờ lực tác động của bậc toàn giác toàn trí Thích Ca Mâu Ni, Bảo tháp xuất hiện. Đức Phật đã mở Bảo tháp lấy của báu ban phát cho chúng hội, sử dụng muôn đời không hết.

Nói cách khác, Phật pháp hằng hữu ngàn đời từ chư Phật quá khứ, đã được đức Thích Ca Mâu Ni khai thị ở Ta bà. Và Thánh tài pháp bảo mà Ngài truyền trao trải qua hàng ngàn năm vẫn còn là kim chỉ nam hướng dẫn cho đệ tử khắp năm châu xây dựng cuộc sống an lạc, giải thoát. Từ đó, mở ra chân trời Xuân vĩnh hằng, mãi mãi là nơi an trú ấm áp cho những hành giả mang hạnh nguyện thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.

Bảo tháp vẫn mãi mãi hiện hữu như những chứng nhân siêu tuyệt cho mọi tâm hồn quyết lòng theo bóng Thế Tôn mang an vui cho muôn loài.

**NAM MÔ PHÁP HOA KINH CHỨNG TÍN THỊ HIỆN ĐA BẢO  
NHƯ LAI.**

---o0o---

HẾT